

khẩu vị (món canh bồi nấu giữ lửa lâu ở trên bếp canh càng ngon). Món canh bồi ăn khi đang còn nóng, khói tỏa nghi ngút người ăn mới thưởng thức hết được vị thơm ngon của nó.

+ *Đọt mây nướng (xiêng)*: Đọt (ngọn) mây vốn là nguyên liệu truyền thống rất được ưa dùng để chế biến các món ăn trong bữa cơm hàng ngày của người Chơ Ro. Trong các dịp lễ hội, các ngày vui của cộng đồng cũng như trong mỗi gia đình, đọt mây luôn là món ăn không thể thiếu, cũng như là đặc sản dùng để đãi khách. Mây thuộc họ cau, gồm nhiều loại khác nhau, nhưng chỉ có loại mây trắng là được ưa dùng, đồng bào gọi là mây cà giông hay mây song đá, mọc nhiều ở rừng miền Đông Nam Bộ. Để chuẩn bị cho lễ hội Sayangva, thanh niên Chơ Ro vào rừng tìm đọt mây chế biến thành những món ăn đặc trưng của dân tộc mình. Thời gian đi chặt đọt mây có thể mất 3-5 ngày. Mây được chặt nguyên ngọn, tuốt bỏ lớp vỏ gai bên ngoài, cột lại thành từng bó nhỏ, đến ngày tổ chức lễ cúng thì đem ra lột các lớp vỏ cứng bên ngoài, giữ lại lớp vỏ mỏng, non bên trong và chế biến thành nhiều món ăn. Đọt mây có thể cắt thành từng lát mỏng dùng nấu canh bồi, luộc, xào nhưng phổ biến và ngon nhất là nướng trên than củi hồng.

+ *Những món ăn khác*: Ngoài các món chính dùng để cúng thần linh và đãi khách thì tùy từng địa phương mà có thêm các món khác. Trong dịp tổ chức lễ hội Sayangva, cộng đồng người Chơ Ro còn chế biến nhiều món ăn truyền thống khác như: Khoai mì nướng ống lồ ô, mít non luộc, các loại nấm và rau rừng nướng trong lá chuối tươi, các loại cá bắt ở sông, suối nướng trên than củi, thịt heo, gà tắm muối ớt rừng nướng than... Các món ăn tùy từng địa phương mà có thể chế biến trong dịp lễ hội.

2.1.2. Diễn trình lễ hội

Nhìn chung, diễn trình, nội dung, các bước thực hiện, mục đích, ý nghĩa lễ hội Sayangva của tộc người Chơ Ro ở Đồng Nai theo truyền thống có nhiều điểm tương đồng nhau, sự dị biệt không nhiều.

* *Phần lễ gồm các nghi thức*: Rước hồn Lúa, nghi thức trình thần nhà và chuẩn bị vật hiến tế, cúng thần nhà (yang nhi), cúng thần Lúa (yang va) tại nhà kho.

6 giờ sáng, tại gốc cây nêu nơi sân lễ hội, cộng đồng đem 1 con gà trống (từ 1-1,5kg) và 1 con heo (từ 20-30kg) để chủ lễ thực hiện nghi thức trình lễ. Từ sáng sớm cộng đồng đã tập trung phân công, phân việc để cùng chuẩn bị các món ăn dâng cúng thần cũng như để đãi khách, các món như: Cơm lam, thịt nướng, củ chụp nướng, bánh giầy, canh bồi, đọt mây nướng... Các thành viên trong cộng đồng tự nguyện tham gia việc chung, xem như việc của nhà mình, không khí náo nhiệt và vui vẻ.

Nhạc cụ công chiêng tham gia trong suốt diễn trình của lễ hội, nhất là lúc chủ lễ thực hiện các nghi trình lễ cúng, lúc đọc lời khấn yang. Đây là những thời khắc thiêng liêng, quan trọng nhất, là lúc con người giao hòa với thần linh cho nên người đánh chiêng phải tuân thủ nghiêm ngặt niêm luật, bài bản, tiết tấu, làn điệu... của công chiêng. Điều cốt yếu là phải diễn tấu đúng nội dung bài bản theo từng diễn trình, nội dung hành lễ. Giai điệu diễn tấu trong lễ hội có nhịp tấu vang, rộn rã, thể hiện sự biết ơn của con người được thần linh chở che cũng như lòng thành kính, lời khấn cầu, ca ngợi sự quyền năng của các đấng thần linh. Khi diễn tấu thì chiêng con tấu lên trước, chiêng mẹ phụ họa theo sau.

- Nghi thức rước hồn lúa:

Khi mặt trời vừa lên, nghi thức rước hồn lúa chính thức được tiến hành. Người được chọn thực hiện nghi thức rước hồn lúa là một phụ nữ lớn tuổi (người Chơ Ro gọi phụ nữ này là “mây va”) - người có đạo đức, uy tín cùng vài người được chọn đi theo để phụ giúp. Đoàn người mặc trang phục thổ cẩm truyền thống, nam đóng khố, mặc áo ngắn tay, nữ mặc xà rông và áo ngắn tay, trên đầu quấn thêm chiếc dây. Trước khi đoàn đi rước hồn lúa khởi hành, chủ lễ đến trước bàn nhang vái xin yang cho phép được đi rước hồn lúa đang ở ngoài rẫy về để làm lễ cúng. Sau đó người phụ nữ chính bước đến bàn thờ yang lấy chiếc gùi đã được sắp đặt sẵn các vật dụng cần thiết như: Bầu nước, dao côi, chà gạt đeo lên lưng và cùng đoàn đi đến rẫy, nơi có vạt lúa.

Tại khu rẫy, đã có một vạt lúa chín chừa sẵn là nơi hồn lúa đang trú ngụ. Khi đến nơi, “mây va” thực hiện nghi thức khấn vái để rước

hồn lúa. Nội dung lời khấn nhằm báo cho hồn lúa biết hôm nay dân làng tổ chức lễ cúng thần Lúa nên ra đây mời hồn lúa từ rẫy về nhà dự lễ và sau đó vào trú ngụ trong kho lúa, đừng ở ngoài rẫy mà bị nắng gió, bị chim, chuột, thú rừng cắn phá...; cầu xin hồn lúa thuận lòng và cho đoàn rước được cắt những bông lúa này để hồn lúa cũng theo đó mà về... Khấn xong, “mây va” lấy nước đựng trong trái bầu khô tưới vào những bông lúa với ngụ ý tắm rửa cho hồn lúa được sạch sẽ, tươi mát. Sau đó, những người đi theo phụ giúp “mây va” tháo bỏ những rào tre, mở chùm lúa khỏi dây buộc, mái che để “mây va” cắt lấy chùm lúa, dùng dây bó lại cho vào gùi. Trên đường đi “mây va” cũng ghé vào rẫy chặt thêm 2 cây chuối non, 2 cây mía đã được chọn sẵn với tiêu chí: Lá xanh, đọt thẳng, thường nảy nở từ những bụi gốc lớn. Trước khi chặt chuối và mía, “mây va” khấn xin các thần cho phép được chặt và khấn những lời cầu mong cho những đứa trẻ trong làng, trong gia đình luôn được mạnh khỏe, tính tình mềm mại, mát mẻ và lớn nhanh như cây chuối và cây mía. Tất cả những đồ vật được bỏ vào gùi và mang về nhà trình qua yang nhà.

Những vật phẩm lấy từ rẫy có ý nghĩa quan trọng theo quan niệm của người Chơ Ro. Chùm bông lúa chọn là hồn lúa thể hiện lòng biết ơn đối với thần linh trong mỗi vụ mùa làm rẫy. Đọt chuối non, cây mía thể hiện sức sống, sự sinh sôi nảy nở của con người và các loại cây trồng khác của người Chơ Ro. 2 cây chuối non và 2 cây mía là con số chẵn của lễ vật, trong quan niệm của người Chơ Ro đó là sự hoàn thiện, có đôi, có bạn cho cả người chủ rẫy, chủ gia đình, người cúng yang.

Khi đoàn người rước hồn lúa về khu vực cây nêu ở giữa sân, “mây va” đặt gùi xuống, lấy các vật mang từ rẫy về như: Bông lúa, 2 cây mía, 2 cây chuối để trình báo cho thần linh, tổ tiên chứng giám, sau đó bỏ lại vào gùi và mang tất cả lên nhà trình cho chủ lễ. Sau nghi thức rước hồn lúa, lễ cúng Sayangva chính thức được bắt đầu và qua 3 lần cúng.

- Nghi thức trình thần nhà và chuẩn bị vật hiến tế:

Đoàn người đi rước hồn lúa về trình lễ vật tại cây nêu giữa sân lễ, chủ lễ trong trang phục truyền thống ngồi đợi sẵn tại cửa nhà sàn. “Mây va” mang gùi lên cầu thang và giao lại những lễ vật cho vị chủ lễ. Chủ lễ mang tất cả vào đặt trước bàn thờ nhang, chùm lúa rẫy được đặt lên tầng thứ hai của bàn thờ. Sau đó chủ lễ chia chùm lúa thành 2 phần: Một phần để ở bàn thờ nhang, một phần cắm vào gùi lúa đã chuẩn bị sẵn dành để cúng ở kho lúa. Phần lúa cúng ở kho lúa được “mây va” mang vào đặt trong kho lúa để chủ lễ thực hiện nghi thức cúng ở kho sau khi đã cúng xong trong nhà. Phần lúa dành cúng ở bàn thờ được chủ lễ tách ra từng chùm nhỏ và cắm vào thân các cây nhang trên bàn thờ yang nhà; 2 cây chuối và 2 cây mía cũng được gắn vào hai bên, cùng với các loại nông sản khác đã được treo trước đó như mướp đất, bó lá thuốc hút, bông cau rừng... với hàm ý tượng trưng cho 4 mùa và cầu mong cho mùa nào cũng có cái ăn, đầy đủ gạo thóc, hoa củ quả quanh năm, con người không bị thiếu thốn, con cái được mạnh khỏe, sinh sôi phát triển.

Trong lúc sắp đặt, bày trí các lễ vật cúng trên bàn thờ nhang, người chủ lễ nghiêm trang, thành kính đọc lời khấn với nội dung: *“Xin phép đất đai, thổ công, ông bà tổ tiên cho dân làng được tổ chức cúng thần Lúa và thỉnh các đấng thần linh ở khắp nơi cùng ông bà tổ tiên về dự lễ cúng, chứng giám lòng thành của con cháu luôn thờ kính tổ tiên, ngưỡng vọng, hướng về các thần”*. Lời khấn hòa vào âm vang rộn ràng của nhịp điệu công chiêng, giữa mùi thơm của vỏ cây chùm hum được đốt cháy, giữa sự lung linh của những ngọn đèn sáp ong, giữa sự thành kính của đông đảo cộng đồng tham dự nghi lễ.

Trong lúc chủ lễ đọc lời khấn, phụ lễ bắt con gà cột dưới cây nêu đưa cho chủ lễ. Chủ lễ ngồi trước bàn thờ nhang hai tay ôm con gà đưa lên vái 3 lần, miệng đọc lời khấn xin hiến tế con vật cho các đấng thần linh, ông bà tổ tiên. Sau khi trao con gà cho phụ lễ, chủ lễ ra chỗ cây nêu dùng cây gõ vào đầu heo vài cái và nhắm khấn kính báo đây cũng là con vật dành để cúng thần, xin cho được làm thịt để hiến tế. Xong phần nghi thức, những người phụ cúng mang cây nhang ở bàn thờ xuống chỗ giết thịt các con vật hiến sinh. Một người dùng dao côi cắt cổ gà và lấy huyết bôi đều vào các chùm tia của cây nhang. Những

người giết heo dùng thanh tre vuốt nhọn (rất bén) thọc vào cổ heo và lấy huyết bôi vào cây nhang trước đó đã được bôi huyết gà. Khi cây nhang đã thấm huyết của những con vật hiến sinh được trao lại cho chủ lễ, chủ lễ kính cẩn mang đến trước bàn thờ khấn trình lên yang và gắn vào phía dưới bàn thờ, giữa tiếng công chiêng nổi lên chào mừng thần linh, ông bà tổ tiên về dự lễ. Sau khi thực hiện các nghi thức, cộng đồng người Chơ Ro tin tưởng rằng hồn lúa và ông bà tổ tiên, các đấng thần linh nghe lời mời thỉnh đã về và đang ngự ở bàn thờ yang để thụ hưởng các lễ vật dâng cúng.

- *Nghi thức cúng yang nhi (thần nhà):*

Sau khi thực hiện nghi thức cúng yang và ông bà tổ tiên, những người phụ cúng làm thịt những con vật hiến sinh và xẻ thịt heo, gà. Thịt của những con vật hiến tế được bày trên mâm, dâng cúng nơi bàn thờ. Lễ vật gồm: Đầu heo, 1/2 đùi heo phía chân sau còn nguyên đuôi, 1/2 con gà còn nguyên phần đầu, đĩa đựng một ít lục phủ ngũ tạng, thủ vĩ của các con vật hiến tế cùng vài miếng thịt được chặt nhỏ, tất cả là thịt sống. Người phụ cúng đem đĩa thịt ra luộc chín và xiên thành 3 xâu thịt heo và gà riêng biệt. Ngoài ra, trên bàn cúng yang nhi còn có một số lễ vật khác gồm: Bánh giầy, cơm lam, chén cơm gạo nếp (piêng sât), bánh cặp, dọt mây...

Lễ vật được bày cúng ở tầng thứ 2 hoặc phần dưới cùng của bàn thờ (trên sàn nhà), theo trình tự: Ở giữa là chén đựng vỏ cây chùm hum được chuyển từ trên tầng một xuống, bên phải để đùi heo, bên trái là 1/2 con gà, cùng chén xôi, ổ bánh giầy, cơm lam, củ nướng, xâu thịt... Phần đầu heo cho vào mâm để cúng ở kho lúa cùng với bầu rượu, ổ bánh giầy, chén vỏ cây chùm hum, đèn sáp... đã được sắp đặt trước đó. Ché rượu cần đặt trước bàn thờ yang được chủ lễ khai miệng, châm nước vào, cắm ống hút bằng tre. 4 ống hút đặt nghiêng ra theo 4 hướng, một ống chính đặt thẳng ở giữa và một thanh cò bằng tre đặt ngang miệng ché. Từ 4 ống hút được cột nối vòng bằng những sợi chỉ và nối lên tổ yang nhà thành bậc thang để yang đi xuống uống rượu. Một bầu rượu cốt đầu tiên được người phụ cúng dùng ống rút ra từ ché rượu và dành để mang vào cúng trong kho lúa.

Sau khi đã sắp xếp xong lễ vật, lễ cúng lần hai với nội dung cảm ơn

trời đất, cầu mong mưa thuận gió hòa, phù hộ cho con người không bị bệnh tật, hoa màu tốt tươi, dân làng được mùa vụ bội thu, mạnh khỏe để chuẩn bị cho việc sản xuất mùa vụ tới... đồng thời cũng khẩn trả lễ mùa vụ trước và cầu mong mùa vụ tới nếu mùa màng được thuận lợi, bội thu sẽ cúng trả lễ yang và ông bà tổ tiên nhiều hơn.

Người chủ lễ ngồi trước ché rượu, mắt hướng về bàn thờ thành kính đọc lời khẩn. Mọi người tham gia dự lễ nghiêm trang đứng xung quanh, tiếng công chiêng nổi lên không ngớt theo lời khẩn của chủ lễ. Vừa khẩn, chủ lễ vừa đứng lên đi về hướng bàn thờ dùng hai tay cầm vào mâm lễ vật ngụ ý mời thần linh hưởng vật cúng, sau đó lấy xiên thịt gà cắm vào ổ bánh giầy hoặc chén xôi như để tiếp thức ăn mời yang và ông bà tổ tiên hưởng lễ. Cộng đồng người Chơ Ro quan niệm, trong lúc thực hiện các nghi lễ nếu 2 ngọn đèn sáp ong cháy to, đều, ngọn lửa lung linh tức là ông bà, tổ tiên, các vị yang đã chứng giám, vui vẻ dự lễ và phù trợ cho bà con vụ mùa sau chắc chắn sẽ bội thu, dân làng mạnh khỏe, bình yên. Ngược lại, ngọn lửa cháy bình thường thì mùa vụ tới sẽ không được tốt, trường hợp sợi dây cột nối ché rượu lên bàn thờ yang mà bị đứt, bị tuột trong lúc đang làm lễ sẽ là điềm gở, mùa vụ tới sẽ gặp nhiều khó khăn, thất bát...

- Nghi thức cúng yang va tại kho lúa:

Sau nghi thức cúng yang nhi, là nghi thức cúng yang va tại kho lúa. Mâm lễ vật cúng yang va ở kho lúa được phụ cúng mang đặt vào trong kho lúa sau khi kết thúc phần nghi thức cúng yang nhi trong nhà. Mâm lễ vật gồm: 1 bộ thủ vĩ heo, 1/2 con gà còn nguyên phần đầu, 1/2 đùi sau của heo còn nguyên phần đuôi, 1 xâu thịt luộc, bầu rượu, ổ bánh giầy, cơm lam, chén cơm gạo nếp, đèn sáp ong, chén vỏ cây chùm hum.

Chủ lễ đến bàn thờ yang cầm cây nhang đã được bôi huyết của các con vật hiến sinh đi vào kho lúa. Chủ lễ đặt cây nhang vào gùi đựng đã có sẵn chùm bông lúa được rước về trong nghi thức rước hồn lúa, sau đó hai tay cầm chùm bông lúa dặt ngang lên đòn dông của mái nhà kho. Chén đựng vỏ cây chùm hum khói bay nghi ngút, đặt lên phần có hình phễu trên đầu của cây nhang. Đèn sáp ong cũng

được đốt lên để chủ lễ tiếp tục thực hiện nghi thức cúng ở kho lúa. Nội dung lời khấn cầu ở kho lúa cũng tương tự như lúc cúng bàn thờ yang; cầu cho mưa thuận gió hòa, cầu mong cho lúa luôn đầy kho, năm nào cũng có lúa ăn đến khi giáp hạt, bà con trong làng không ai bị đói kém, những loại cây trồng hoa màu cho nhiều củ trái và không bị thú rừng phá phách, cuộc sống mạnh khỏe. Đọc xong lời khấn, chủ lễ chấp tay vái 3 lần và trở vào nhà. Trong lúc chủ lễ cúng trong kho lúa thì dàn công chiêng bên ngoài đánh liên tục theo làn điệu, tiết tấu rộn rã. Mâm lễ vật cúng được để lại kho lúa, một lúc sau mang vào nhà chế biến đãi khách. Riêng cây nhang để lại trong kho lúa, qua 3 ngày thì mang vào nhà và treo lên bàn thờ yang.

Sau khi cúng xong ở kho lúa cũng là kết thúc nghi lễ cúng yang va. Già làng mời các vị cao niên, các vị khách quý đến bên bàn thờ uống rượu cần. Người phụ nữ lớn tuổi nhất bao giờ cũng được mời uống trước qua đó biểu thị lòng biết ơn công lao của người phụ nữ, bởi theo quan niệm của cộng đồng phụ nữ tiêu biểu cho sự cai quản, chăm sóc nhà cửa, chịu đựng nhiều khó khăn, thiệt thòi, vất vả trong việc sinh nở, chăm sóc con cái, lo toan công việc trong gia đình cũng như ngoài nương rẫy... Ngoài sân lễ, các món ăn thức uống cũng được bày ra để mọi người cùng chung vui.

** Phần hội:* Lễ hội Sayangva của người Chơ Ro ở các địa phương tại Đồng Nai bên cạnh các nghi thức truyền thống còn được hấp dẫn bởi phần hội với nhiều hình thức như thi đấu các môn thể thao (bắn nỏ, đẩy gậy, kéo co, nhảy bao bố, bịt mắt đập niêu...) và tiết mục văn hóa văn nghệ. Đây là phần cuốn hút người dân tham gia, là món ăn tinh thần không thể thiếu trong lễ hội. Các trò chơi truyền thống diễn ra tại sân của lễ hội trong bầu không khí sôi động, với sự đua tranh kịch tính và cũng đầy ắp tiếng cười tán thưởng, ủng hộ nhiệt tình của mọi người xung quanh.

- Bắn nỏ là môn thi đấu thể thao không thể thiếu trong lễ hội Sayangva ở các địa phương với sự tham gia đông đảo, nhiệt tình từ các em nhỏ cho đến người lớn tuổi. Người tham gia thi đấu phải tập luyện thường xuyên, để cho đôi tay khỏe, đôi mắt tinh nhanh. Khi

thi đấu phải bình tĩnh, mắt sáng và tay chắc để giương cánh cung ngắm bắn chính xác vào tiêu điểm. Những người được điểm cao sẽ vào vòng trong, tiếp tục thi đấu với nhau để chọn ra người nhất, nhì, ba và khuyến khích.

- Đẩy gậy là môn thi đấu thứ hai của lễ hội, là dịp để cho các chàng trai, cô gái tại các ấp, khu phố so tài với nhau. Trò chơi mang tính thể thao đòi hỏi người tham gia phải có sức khỏe tốt, sức mạnh là yếu tố cơ bản quyết định sự thắng thua, ngoài ra cần có kinh nghiệm thi đấu và biết chớp thời cơ để giành phần thắng. Không chỉ những thanh niên cường tráng, khỏe mạnh mà còn có những người lớn tuổi, trẻ em cũng háo hức tham gia trò chơi này. Gậy thi đấu làm bằng loại gỗ thẳng hoặc tre già có chiều dài khoảng 2 mét, thân được làm nhẵn và có đường kính bằng nhau (khoảng 5 cm). Theo quy định luật chơi, bên nào chân chạm vào vạch hoặc bị đẩy ra khỏi vòng tròn trước là thua cuộc. Mỗi trận thi đấu đẩy gậy có 3 hiệp, người nào thắng 2 hiệp sẽ được vào vòng trong. Kết thúc trận đấu, trọng tài chính và 2 vận động viên mặt hướng về ban tổ chức, trọng tài chính cầm tay 2 vận động viên, giơ tay vận động viên thắng cuộc lên cao, sau đó các vận động viên rời sân.

- Kéo co là môn thể thao được tổ chức tại lễ hội Sayangva, ở mỗi địa phương có cách chơi khác nhau, số người chơi chia đều làm hai phe. Có khi cả hai bên đều là nam hoặc nữ; có khi cả nam và nữ cùng một đội. Trong trường hợp bên nam bên nữ, dân làng thường chọn trai chưa vợ, gái chưa chồng để có sức khỏe tốt. Hai bên nắm sợi dây thừng dài và dùng hết sức để kéo sao cho đối phương ngã về phía mình là thắng cuộc. Bên ngoài dân làng cổ vũ hai bên bằng tiếng “cố lên, cố lên”.

- Nhảy bao bố cũng được các địa phương tổ chức tại lễ hội Sayangva. Người chơi chia thành từng đội, mỗi đội phải có số người bằng nhau, xếp thành hàng dọc. Mỗi đội có một ô hàng dọc để nhảy và thay đổi người nhảy ở cuối đường, sau đó nhảy ngược về đích. Người đứng đầu bước vào trong bao bố hai tay giữ lấy miệng bao. Sau khi nghe lệnh xuất phát, người đứng đầu mỗi đội mới nhảy đến

đích rồi lại quay trở lại mức xuất phát đưa bao cho người thứ hai. Khi nào người thứ nhất nhảy về đến đích thì người thứ hai mới bắt đầu nhảy. Cứ như vậy lần lượt đến người cuối cùng, đội nào về trước đội đó thắng.

- Bịt mắt đập niêu là trò chơi thu hút nhiều người tham gia trong lễ hội Sayangva. Luật chơi không giới hạn số lượng người, độ tuổi tham gia. Dụng cụ là các niêu đất được treo lên ở các sợi dây hoặc các thanh sào với các độ cao tùy thuộc lứa tuổi. Người chơi bị bịt mắt và tiến lên cầm cây gậy dài khoảng 50cm để đập niêu, nếu đập trúng vỡ niêu là người thắng cuộc.

Trong lúc các đội và cá nhân thi đấu, bên ngoài là tiếng hò reo cổ vũ, tiếng trống dồn của các cổ động viên tạo ra bầu không khí sôi động trong ngày lễ hội. Lễ hội Sayangva (cúng thần Lúa) của người Chơ Ro không chỉ thể hiện tín ngưỡng thờ cúng cây lúa, mà còn là dịp để bà con trong làng gặp gỡ, giao lưu thi đấu thắt chặt tình đoàn kết cộng đồng. Chiều tối, ban tổ chức trao thưởng cho các tập thể, cá nhân tham gia các hoạt động thi đấu thể thao, tổ chức trình diễn văn nghệ với các tiết mục trình diễn nhạc cụ truyền thống (kèn môi, kèn lúa, đàn tre, công chiêng, múa hát các làn điệu đồng dao...

Lễ hội Sayangva mang ý nghĩa “uống nước nhớ nguồn”, vừa để “trả lễ” thần linh, vừa cầu mong một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Lễ hội góp phần thắt chặt tình đoàn kết cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, tình yêu quê hương đất nước. Đồng thời, khích lệ cộng đồng các dân tộc thiểu số cùng chung sức xây dựng một nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, góp phần trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

2.2. Một số nét dị biệt trong lễ hội Sayangva (cúng thần Lúa) ở các địa phương

Lễ hội Sayangva (cúng thần Lúa) là lễ hội truyền thống độc đáo của tộc người Chơ Ro ở Đồng Nai, là lễ hội lớn nhất trong năm và được đồng bào xem là ngày Tết của dân tộc mình. Tuy nhiên hình thức tổ chức, nghi trình thực hiện... của đồng bào ở một số địa phương vẫn

có vài yếu tố dị biệt làm phong phú, đa dạng cả về hình thức lẫn nội dung của lễ hội. Đây là hiện tượng văn hóa và qua đó góp phần phản ánh sự đa dạng trong thống nhất của nền văn hóa truyền thống ở Đồng Nai nói riêng, cả nước nói chung.

- *Về tên gọi:* Người Chơ Ro ở xã Phú Lý (huyện Vĩnh Cửu), xã Xuân Thiện (huyện Thống Nhất), xã Túc Trưng (huyện Định Quán), xã Xuân Phú (huyện Xuân Lộc) và xã Bàu Trâm, xã Bảo Quang, phường Bảo Vinh (thành phố Long Khánh) gọi lễ cúng thần Lúa là Sayangva. Trong khi đó người Chơ Ro ở xã Xuân Trường (huyện Xuân Lộc), xã Lâm San (huyện Cẩm Mỹ) còn gọi thêm lễ cúng thần Lúa là Ôpyangva. Thần linh người Chơ Ro gọi là yang. Trong quan niệm người Chơ Ro, có rất nhiều thần linh chi phối cuộc sống của con người. Lúa gọi là va. Lễ Sayangva nói theo cách rút gọn. Như vậy, Sayangva là ăn mừng lúa mới trong ngày cúng thần linh. Cách gọi Opyangva cũng là cách gọi rút gọn, op có nghĩa là làm, yang va là thần Lúa - Làm lễ cúng thần Lúa. Có những cách gọi và giải thích khác nhau nhưng lễ cúng này đều hàm nghĩa về sự tạ ơn thần linh, tổ tiên và đặc biệt là thần Lúa. Đây là lễ hội lớn nhất trong năm của người Chơ Ro.

- *Về thời gian tổ chức:* Thời gian tổ chức lễ cúng thần Lúa ở Đồng Nai thường diễn ra vào tháng 2-3 âm lịch nhưng giữa các địa phương không trùng ngày tổ chức. Lễ hội cúng thần Lúa ở các địa phương hiện nay chỉ diễn ra trong 1 ngày (từ buổi chiều đến tối). Riêng người Chơ Ro ở xã Phú Lý (huyện Vĩnh Cửu) thời gian diễn ra lễ hội kéo dài từ sáng sớm đến khuya mới kết thúc.

- *Về địa điểm tổ chức:* Lễ cúng thần Lúa của người Chơ Ro diễn ra ở 3 địa điểm chính: Nhà sàn, rẫy lúa (ruộng) và kho lúa. Trong đó, nhà sàn, rẫy lúa và kho lúa là 3 điểm tạo nên tuyến chính các nghi thức mang tính lễ nghi, sân nhà sàn là nơi diễn ra các sinh hoạt cộng đồng. Nhà sàn với không gian thiêng tại bàn thờ nhang (nơi trình lễ vật, cúng thần nhà). Rẫy lúa là nơi có mảnh đất thiêng, nơi lưu giữ vật lúa rẫy được chọn để hồn lúa trú ngụ khi thu hoạch hoàn tất. Kho lúa là nơi quan trọng nhất trong lễ cúng lúa mới với nghi thức mời hồn lúa trú ngụ. Chỉ có lễ hội tổ chức tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu và xã Bàu Trâm (thành phố Long Khánh) diễn ra tại 3 địa điểm; các địa

phương khác mang tính ước lệ về địa điểm. Các phường Bảo Vinh, xã Bảo Quang (thành phố Lòng Khánh); xã Xuân Phú, xã Xuân Trường (huyện Xuân Lộc); xã Xuân Thiện (huyện Thống Nhất); xã Túc Trưng (huyện Định Quán); xã Lâm San (huyện Cẩm Mỹ) lễ hội Sayangva thường diễn ra tại 1 điểm chính là nhà sàn truyền thống (nhà văn hóa cộng đồng).

- Về vật dụng trang trí và lễ vật:

+ Cây nêu: Trong lễ hội Sayangva của người Chơ Ro, cây nêu có vai trò, ý nghĩa chuyển tải nhiều thông điệp quan trọng, mang nhiều tính biểu trưng. Tuy nhiên, cây nêu của đồng bào Chơ Ro ở từng địa phương cũng có những điểm khác nhau về chủng loại, cách làm và trang trí. Trong đó, tiêu biểu nhất là cây nêu của đồng bào Chơ Ro sinh sống ở xã Phú Lý (huyện Vĩnh Cửu) được bà con dụng công chế tác mang nhiều nét độc đáo, công phu, cầu kỳ, thể hiện tính mỹ thuật cao và mang đậm nét đặc trưng dân tộc. Người Chơ Ro ở xã Phú Lý (huyện Vĩnh Cửu) có truyền thống làm cây nêu từ thân cây vàng nghệ (sơ bro) - một loại cây trong rừng, có thân suông, thẳng. Đặc biệt, loại cây này khi bào vỏ thì có màu vàng như củ nghệ rất đẹp. Để làm cây nêu, trước đó vài ngày, một số thanh niên cùng già làng vào rừng tìm chọn cây. Chọn được cây ưng ý thì mang gà, rượu cúng xin thần rừng cho hạ cây và đem về thực hiện các công đoạn chế tác. Sau khi làm nhẵn thân cây, đồng bào bắt đầu trang trí cây nêu. Họ dùng vôi và củ nghệ tươi bôi đều từ gốc đến ngọn. Thân cây thấm nước vôi và màu vàng của nước nghệ tạo cho cây có màu vàng tươi hơn và giữ được màu sắc trong thời gian dài. Sau đó dùng dây lá buông quấn chéo nhau (theo dạng hình chữ X) trên cây nêu cách gốc khoảng 1 mét và quấn dài lên đến ngọn để tạo nên những khoảng hình thoi đối xứng nhau xung quanh thân cây. Tiếp đến, họ đốt đuốc dầu chai (dầu chai được quấn trong lớp lá buông cuộn tròn) và hơ khói lên thân cây nêu. Đây là công đoạn thực hiện khá tỉ mỉ, khéo tay để tạo cho thân cây có được màu khói xông đều nhau. Khi thực hiện xong công đoạn hun khói, họ tháo lớp lá buông đã quấn quanh thân cây nêu ra, trên thân cây nêu sẽ có những đường hoa văn với các hình thoi đen và đường dây trắng kiểu chữ X nối tiếp nhau.

Người Chơ Ro địa bàn huyện Xuân Lộc, huyện Định Quán và thành phố Long Khánh dùng cây tre làm thân cây nêu với họa tiết hoa văn đơn giản, hoặc để trơn. Trên đầu cây nêu cũng được tạo hình và trang trí như cây nêu của người Chơ Ro ở xã Phú Lý (huyện Vĩnh Cửu). Người Chơ Ro ở xã Túc Trưng (huyện Định Quán) làm cây nêu khá đơn giản. Thân nêu làm từ cây tre và được chẻ cân đối những thẻ ở hai đầu. Từ những thẻ tre này được nông thành vành lớn và loe dần ra phía ngoài. Những thẻ tre tạo vòng tròn được nối buộc bởi những lát dây mây tạo thế liên kết, hình thành như cái rọ có dạng hình phễu loe dần từ dưới lên trên. Đồng bào xem đó là cách thể hiện hình thức tượng trưng sinh sôi, nảy nở của những bông lúa nhiều hạt. Phần gốc cây nêu được chẻ ra thành những thanh nan và được nong cho loe rộng ra, sau đó dùng đoạn dây mây cột kết nối lại với nhau thành vòng tròn lớn tạo thế vững chãi khi dựng đứng để hành lễ mà không phải chôn cố định nơi sân lễ.

+ Bàn thờ yang: Đối với người Chơ Ro, bàn thờ yang có vị trí, vai trò quan trọng, là nơi linh thiêng nhất trong đời sống tâm linh và lễ hội. Chính vì vậy, khi lễ hội cúng thần Lúa được tổ chức nơi đây được chuẩn bị chu đáo, cẩn thận. Đối với các địa phương có nhà sàn truyền thống như: Xã Phú Lý (huyện Vĩnh Cửu), xã Túc Trưng (huyện Định Quán), xã Xuân Phú (huyện Xuân Lộc)... người Chơ Ro đặt cố định bàn thờ yang ở vị trí trung tâm và được làm theo phong tục cổ truyền, gồm 3 tầng (2 tầng trên và 1 tầng dưới đất). Đối với các địa phương khác, người Chơ Ro chưa có nhà sàn truyền thống, địa điểm tổ chức lễ hội không cố định thì bàn thờ yang được dựng ở khu vực trung tâm nơi tổ chức lễ hội, thời gian trước 1 ngày khi lễ chính bắt đầu. Bàn thờ được dựng bằng các thanh tre, chỉ có 2 tầng (gồm 1 tầng trên và 1 tầng dưới đất). Sau khi lễ hội kết thúc, bàn thờ cũng được người Chơ Ro dọn dẹp, năm sau tổ chức thì tiếp tục dựng lại.

+ Nội dung lễ hội: Trên cơ sở đặc điểm chung, lễ hội Sayangva của người Chơ Ro ở Đồng Nai có những nét dị biệt, tạo nên tính thống nhất trong đa dạng của văn hóa tộc người. Nếu như người Chơ Ro ở các xã Phú Lý (huyện Vĩnh Cửu) và xã Bàu Trâm (thành phố Long Khánh) có đầy đủ nghi thức cúng rước hồn lúa tại rẫy và cúng

ở kho lúa thì các địa phương còn lại thực hiện nghi thức rước những lễ vật đến bàn thờ chính. Sau đó, các già làng tập trung trước bàn thờ thực hiện các nghi thức trình lễ vật và đọc lời khấn. Sau khi các già làng đọc lời khấn, khách tham dự được mời uống rượu cần. Tiếp theo là sinh hoạt cộng đồng với hình thức thi đấu các môn thể thao, múa, hát tập thể xung quanh cây nêu. Sinh hoạt văn nghệ với tính chất sân khấu được tổ chức vào ban đêm, diễn ra trong khoảng thời gian từ 19-21 giờ. Chương trình văn nghệ gồm những tiết mục múa, hát, diễn tấu nhạc cụ có tính chất ca ngợi quê hương, tình đoàn kết, giới thiệu bản sắc văn hóa cộng đồng các dân tộc.

Chủ trì lễ cúng thần Lúa của người Chơ Ro đa số do già làng hoặc người uy tín trong cộng đồng thực hiện. Riêng cộng đồng Chơ Ro ở phường Bảo Vinh (thành phố Long Khánh) chủ trì lễ cúng do thầy cúng thực hiện. Thầy cúng là người Chơ Ro sinh sống tại địa phương, am hiểu về nghi lễ. Do vậy, lễ hội cúng thần Lúa tại phường Bảo Vinh (thành phố Long Khánh) có thêm nghi thức cúng yangva tại nhà thầy cúng trước khi thực hiện nghi thức cúng tại khu vực lễ. Thầy cúng, trình lễ vật trên bàn thờ yangva gồm: 4 con gà, 1 con vịt, 1 đầu heo, 4 chân heo, bộ lòng heo mỗi cái một chút, bánh giầy, 1 đĩa trái cây, 1 bình rượu cần, 1 cặp đèn cây, 1 bó nhang, 1 đĩa muối và gạo, 1 đĩa trầu cau. Nghi thức do thầy cúng thực hiện, thầy cúng đứng trước bàn thờ, thắp nhang và đọc lời cúng bằng tiếng Chơ Ro: *“Ố win cô, na hẹ ốp yang, kha nai na hẹ ốp yang, các un cô pơ nơ đơm pô sư gu đa, se ha ke, tang hao, tát um cô”*; nội dung hàm ý: *“Ồi thần linh, ngày nay bà con làng tôi làm lễ cúng thần Lúa, có đầu heo, gà, vịt, trái cây, rượu cần dâng lên thần linh, mong phù hộ giúp bà con bình an, mạnh khỏe, được mùa”*. Khi thầy cúng đọc lời khấn, bên ngoài đội công chiêng diễn tấu hòa theo lời thầy cúng.

Ngoài ra người Chơ Ro ở xã Túc Trưng (huyện Định Quán) còn thực hiện nghi thức đi rước rượu cần mang về cúng ở bàn thờ yang. Bàn thờ yang buộc nhiều cây nhang xung quanh tượng trưng cho mỗi họ tộc trong làng, lúc khấn cúng không phải chỉ có một chủ lễ mà có từ 3-5 người cao niên cùng tham gia (những ông đầu nhang).

3. Không gian văn hóa liên quan đến lễ hội Sayangva

3.1. Nhà sàn truyền thống (nhà văn hóa dân tộc Chơ Ro)

Những năm qua, chính quyền các cấp tỉnh Đồng Nai đã đầu tư xây dựng nhiều nhà sàn truyền thống cho các dân tộc trên địa bàn tỉnh, bằng chất liệu bê tông cốt thép, trong đó có nhà sàn truyền thống của người Chơ Ro. Nhà sàn truyền thống của người Chơ Ro là nơi cộng đồng hội họp, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ và thể dục thể thao, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, giữ gìn phát huy các giá trị di văn hóa truyền thống của cộng đồng. Hàng năm, nhà sàn truyền thống tại các xã: Xuân Trường, Xuân Phú (huyện Xuân Lộc), Túc Trưng (huyện Định Quán), Xuân Thiện (huyện Thống Nhất) và Phú Lý (huyện Vĩnh Cửu) cũng là nơi diễn ra lễ hội Sayangva. Trước ngày diễn ra lễ hội Sayangva các nhà sàn truyền thống được cộng đồng vệ sinh, dựng cây nêu, trang hoàng cờ phướn, dựng cổng chào và khẩu hiệu, trang trí cờ Tổ quốc và cờ hội, tạo ra không gian đầy màu sắc vui tươi.

3.2. Nhà văn hóa ấp, khu phố

Đối với cộng đồng Chơ Ro tại phường Bảo Vinh (thành phố Long Khánh) do chưa có nhà sàn truyền thống, cho nên hàng năm cộng đồng đều mượn nhà văn hóa khu phố Ruộng Lớn để tổ chức lễ hội Sayangva. Năm 2022, UBND thành phố Long Khánh đã đầu tư xây dựng nhà sàn truyền thống của người Chơ Ro tại khu phố Ruộng Lớn để cho cộng đồng có nơi sinh hoạt, tổ chức các hoạt động lễ hội, trong đó có lễ hội Sayangva hàng năm.

3.3. Nhà của già làng

Có hai địa phương, cộng đồng người Chơ Ro tổ chức lễ hội Sayangva tại nhà của già làng, đó là xã Bàu Trâm, thành phố Long Khánh (nhà già làng Thổ Đực) và xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ (nhà già làng Đào Văn Đức) vì chưa có nhà sàn truyền thống. Hàng năm vào dịp lễ hội Sayangva cộng đồng chọn nơi tổ chức lễ hội tại nhà của

già làng. Riêng cộng đồng người Chơ Ro tại xã Bảo Quang, địa điểm tổ chức lễ hội Sayangva không cố định, thường chọn những khu đất trống, rộng của người dân để tổ chức.

4. Giá trị của lễ hội Sayangva đối với cộng đồng

4.1. Giá trị lịch sử

Lễ hội cúng thần Lúa mang đậm giá trị lịch sử gắn liền với sự hình thành và phát triển của tộc người Chơ Ro ở tỉnh Đồng Nai. Lễ hội cúng thần Lúa là tín ngưỡng thờ nhiên thần (thần tự nhiên) mà cụ thể là thần Lúa. Đây là sản phẩm sáng tạo văn hóa tâm linh được giữ gìn, trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nó ra đời và phát triển lâu dài trong cộng đồng dân tộc, đồng thời phản ánh về lịch sử xã hội tộc người Chơ Ro. Thông qua cách thức tổ chức lễ hội phản ánh tình hình lịch sử, xã hội của người Chơ Ro trong từng giai đoạn lịch sử của địa phương. Trước năm 1975, việc tổ chức lễ hội cúng thần Lúa mang tính gia đình luân phiên, chủ yếu là cộng đồng dân tộc Chơ Ro với nhau. Tuy nhiên từ sau năm 1975 đến nay, hình thức tổ chức có sự thay đổi từ luân phiên chuyển sang cả cộng đồng chung tay tổ chức. Ngoài ra, trong giai đoạn mở cửa, hội nhập đối tượng tham dự lễ hội không chỉ là nội bộ của người Chơ Ro, mà lễ hội còn có sự tham gia của các cộng đồng dân tộc anh em khác, đồng thời còn nhận được sự quan tâm và cổ vũ mạnh mẽ từ người dân trong thôn. Điều này thể hiện tính phổ biến trong cộng đồng của lễ hội, được cộng đồng chấp nhận và được chính họ gìn giữ và duy trì. Đây là giá trị lịch sử cần phải tôn trọng, bảo tồn và phát huy trong cộng đồng để đảm bảo lễ cúng thần Lúa tồn tại mãi với lịch sử và thời gian.

4.2. Giá trị văn hóa

4.2.1. Lễ hội thể hiện tính cố kết cộng đồng

Lễ hội Sayangva (cúng thần Lúa) có vai trò quan trọng trong việc gắn kết cộng đồng người Chơ Ro với nhau, cũng như cộng đồng người Chơ Ro với các tộc người anh em khác. Trước hết, lễ hội là dịp gắn kết các thành viên trong đại gia đình, dòng họ và sau đó

là xóm làng. Diễn trình lễ hội trong xã hội truyền thống người Chơ Ro cho thấy, tất cả mọi thành viên trong đại gia đình đều có trách nhiệm trong quá trình tổ chức với những công việc được phân công cụ thể. Trong lễ, diễn ra nhiều nghi thức mang tính chất tín ngưỡng cũng như những sinh hoạt văn hóa mà mọi người trong cộng đồng có thể tham gia một cách tự nguyện, thể hiện tình đoàn kết, gắn bó với nhau, không phân biệt lứa tuổi, giới tính hay tình trạng kinh tế. Những người tham dự chia sẻ niềm vui với nhau không chỉ về kết quả của một mùa vụ mà còn cả một quá trình canh tác lúa trong năm. Sự giúp đỡ, tương trợ cho nhau trong quá trình đốt rẫy, làm nương, tra lỗ, trỉa hạt, tuốt lúa... hay bằng những tặng vật, lời khẩn cầu an cho cả cộng đồng trong lễ cúng cho thấy nét ứng xử văn hóa giữa “người với người” trong cộng đồng luôn được duy trì, mang tính nhân văn sâu sắc. Trước đây, lễ hội cúng thần Lúa tổ chức xoay vòng (còn gọi là ăn nhang vòng từ nhà này đến nhà khác) trong xã hội truyền thống người Chơ Ro cho thấy sự liên kết của dòng họ, các gia đình với nhau, đặc biệt trên cùng địa bàn cư trú. Trong những năm gần đây, việc tổ chức lễ hội luôn có sự chung tay của cộng đồng, mỗi người được già làng, người uy tín giao việc tùy vào khả năng và tri thức. Chính việc cộng đồng cùng tổ chức lễ hội chung của làng đã góp phần tăng tính đoàn kết, tương trợ cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Ngoài vai trò cố kết trong cộng đồng dân tộc Chơ Ro, lễ hội Sayangva còn là nơi giao lưu, kết nghĩa và tăng cường tinh thần đoàn kết với các dân tộc anh em trong cùng địa phương, cũng như các địa phương lân cận khác. Từ nhiều năm trở lại đây, lễ hội Sayangva trên địa bàn Đồng Nai đã thu hút khá đông dân tộc anh em khác đến tham dự, chia vui cùng với người Chơ Ro. Lễ hội là điều kiện, cơ hội để đồng bào các dân tộc xích lại gần nhau, giao lưu tiếp biến văn hóa lẫn nhau.

Có thể khẳng định lễ hội Sayangva là lễ hội mang tính cộng đồng lớn nhất trong năm có tính cố kết trong quá trình sinh sống, lao động của người Chơ Ro với nhau và với cộng đồng các dân tộc anh em khác.

4.2.2. Lễ hội đáp ứng nhu cầu đời sống tâm linh

Trong tín ngưỡng của người Chơ Ro, cúng thần Lúa là hành vi ứng xử tốt của chính cộng đồng, dòng họ, cá nhân đối với hệ thống thần linh. Hệ thống thần linh trong tín ngưỡng Chơ Ro khá đa dạng bởi họ theo quan niệm “vạn vật hữu linh”. Trong đó, các thần linh có quyền năng chi phối đến cuộc sống con người, đặc biệt những thần linh có ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống hằng ngày như thần nhà, thần lúa, thần rừng. Thần Lúa là đối tượng quan trọng trong lễ cúng lúa mới. Cây lúa được nhân cách hóa là một con người bởi nó “có hồn” và có vị thần cũng đầy quyền năng như các vị thần linh khác. Trước môi trường sống khắc nghiệt, các hiện tượng tự nhiên chưa lý giải được, phương thức kinh tế phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, nguồn lương thực chính không đáp ứng nhu cầu sống một cách vững chắc, điều này đã tác động đến cách nghĩ của người Chơ Ro và hình thành những quy tắc trong ứng xử, đặc biệt với một thế giới thần linh “bao trùm” trên đời sống của họ. Người Chơ Ro tôn trọng hồn lúa, thần Lúa với sự kính trọng, dâng cúng bằng những nghi lễ trọng thị, thành tâm và tuân thủ những kiêng kỵ để không xúc phạm. Lối ứng xử với những quy tắc thờ cúng hồn lúa, thần Lúa được truyền qua bao thế hệ mà lễ hội cúng lúa mới thể hiện ứng xử của người Chơ Ro mong ước về một cuộc sống bình an, mùa màng bội thu, trong đó, lúa là nguồn lương thực chính được đảm bảo. Hồn lúa từ nơi canh tác được rước về ngự ở nhà kho, thần Lúa và các thần linh khác chứng giám để tiếp tục ban phước cho gia đình, cộng đồng. Trước những nỗi sợ hãi hay lo âu về cuộc sống vốn đầy dẫy những khó khăn, trước những nguy cơ đe dọa đến sự sống, việc thờ hồn lúa, thần Lúa là được xem là liệu pháp tâm lý hữu hiệu, tạo nên niềm tin cho người Chơ Ro trong việc vừa đón nhận, thụ hưởng ưu đãi vừa có thêm bản lĩnh để tồn tại, mưu sinh trong môi trường tự nhiên.

Lễ hội cúng thần Lúa là cách ứng xử của người Chơ Ro với thần linh nói chung, thần Lúa nói riêng, có mối liên quan trực tiếp đến nguồn lương thực để cân bằng đời sống tâm linh, cũng là cân bằng đời sống thực tại của cá nhân, của cộng đồng. Điều này phản ánh nguyên lý chung về chức năng của tín ngưỡng là sự đáp ứng nhu cầu

tâm linh, củng cố niềm tin và tìm sự thăng bằng trong đời sống tâm lý của con người. Tất cả những hành vi, nghi thức trong lễ hội mừng lúa mới thể hiện không chỉ là mối giao hòa giữa người với người mà còn là sự giao cảm giữa con người với thế giới thần linh.

4.2.3. Lễ hội là môi trường bảo tồn và phát huy văn hóa cộng đồng

Lễ hội cúng thần Lúa là môi trường thuận lợi cho chính cộng đồng người Chơ Ro vừa duy trì, bảo tồn đồng thời sáng tạo những giá trị văn hóa mang tính độc đáo của cộng đồng. Ngoài những hành vi, nghi thức mang tính chất lễ nghi (do thầy cúng, già làng, chủ gia đình đảm nhiệm), quá trình chuẩn bị, diễn trình lễ và những sinh hoạt văn hóa như hát múa, diễn tấu nhạc cụ, kể chuyện... với sự tham gia của đông đảo người trong buôn làng là một nét sinh hoạt mang tính cộng đồng cao. Trong xã hội cổ truyền hay hiện tại, khi tổ chức lễ hội cúng lúa mới là điều kiện tốt cho người Chơ Ro nhận thức vốn quý di sản, có ý thức trong việc giữ gìn phong tục, tập quán của cộng đồng. Trước hết, đó là sự duy trì tập thành những quy tắc ứng xử, hành vi phù hợp, nghi thức mang tính chất thiêng của tục thờ hồn lúa, thần Lúa (thể hiện sự tín niệm, kiêng kỵ, diễn trình cúng tế, rước, khấn cầu...). Những tri thức, kinh nghiệm trong khai thác động thực vật, trong chế biến thức ăn, thức uống, lễ vật (cơm lam, bánh dày, rượu cần...) tiếp tục truyền dân trong cộng đồng. Những loại hình nghệ thuật như hát múa, các loại nhạc cụ (kèn môi, kèn bầu, kèn lúa, đàn tre, goong chinh) có không gian, thời gian diễn tấu. Thông thường, trong năm, người Chơ Ro quá bận rộn cho công việc nương rẫy nên khi tổ chức lễ hội cúng lúa mới đã trở thành môi trường vừa có tính chất thiêng vừa có tính chất sinh hoạt cộng đồng là điều kiện xúc tác để các loại hình nghệ thuật có duy trì, thể hiện và truyền dạy. Tất cả những người tham dự như hóa thân, chan hòa trong không khí thiêng liêng, hứng khởi náo nhiệt để thể hiện mình. Những người lớn tuổi có dịp kể chuyện, hát những bài ca dân gian cho cộng đồng thưởng thức, những nghệ nhân truyền dạy cho thế hệ trẻ về các loại nhạc cụ. Những bài bản nhạc cụ, đặc biệt là goong chinh được tấu diễn trong các nghi thức cúng cũng như trong sinh hoạt cộng đồng là hình thức truyền dạy độc đáo.

4.2.4. Lễ hội thể hiện tính đa dạng trong di sản văn hóa tộc người

Lễ hội cúng thần Lúa là một sinh hoạt văn hóa phản ánh đặc sắc trong cuộc sống của cộng đồng người Chơ Ro. Đây là lễ hội lớn nhất của người Chơ Ro với một tập thành những nghi lễ tín ngưỡng và những sinh hoạt cộng đồng của cư dân trồng lúa trên địa hình vùng bán sơn địa. Lễ hội này được duy trì qua nhiều thế hệ cho thấy vai trò quan trọng và sức sống mãnh liệt của nó trong chính cộng đồng, xã hội truyền thống của người Chơ Ro.

Trên cơ sở nền tảng môi trường Đông Nam Á, có thể thấy, lễ hội mừng lúa mới của người Chơ Ro có những nét tương đồng trên một số khía cạnh về tín niệm và nghi lễ với cộng đồng các cư dân khác. Lễ hội phản ánh tín ngưỡng cổ của cư dân nông nghiệp với loại hình canh tác nông nghiệp; trong đó cây lúa là nguồn lương thực chính. Đó là tục thờ “hồn lúa” để lại dấu ấn khá đậm nét trong đời sống cộng đồng các dân tộc.

Tại các vùng miền núi Việt Nam nói chung, địa bàn Đông Nam Bộ nói riêng, có thể nhận thấy những nét tương đồng trong việc tổ chức lễ hội cúng lúa mới, phản ánh những nét tương đồng trong đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc thiểu số. Nhiều tộc người ở Việt Nam tổ chức lễ hội này như người Mông (cúng cơm mới), người Tày (ăn cơm mới), người Khơ mú (Mạ ngộ hứn mệ), người Xà Phó (gọi là Giày xí mà), người Kor (Sa păng đau), người Xơ đăng (Ka pa neo), người Gia rai (Bơng tơ kul thun)... Ở vùng Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, các tộc người tại chỗ có hệ thống lễ hội khá phong phú trong năm với những nghi lễ về chu kỳ vòng cây trồng, đặc biệt là cây lúa. Người Mạ có lễ hội cúng lúa mới (Nhu R’he) tổ chức với nghi thức hiến tế trâu là lớn nhất để tạ ơn thần Lúa. Tuần tự trong các gia đình của buôn làng Êđê tổ chức có lễ ăn cơm mới (Hma Ngăt, Hoa asei mrao) để tạ ơn thần Lúa. Người M’nông tổ chức lễ cơm mới tạ ơn thần linh, trình dâng và biết ơn các công cụ lao động để làm lúa trong năm để cầu mùa.

Dù có nhiều cách gọi khác nhau về lễ hội này như: Cúng lúa mới, ăn cơm mới, mừng lúa mới, cúng thần Lúa... nhưng tựu chung, đây

là một lễ hội của cộng đồng người với cội nguồn tín ngưỡng và tập thành những nghi lễ nông nghiệp. Đó là tín ngưỡng thờ “thần Lúa, hồn lúa” trong tín niệm “vạn vật hữu linh”. Lễ hội mang tính chất vụ mùa trong năm khi phương thức canh tác phụ thuộc hoàn toàn vào điều kiện tự nhiên “ăn nước trời, uống nước trời”. Trong đó, cây lúa được con người canh tác, chăm sóc, thu hoạch để sử dụng, đồng thời cũng được thờ với thái độ thành kính ở dạng thần linh “có hồn và có quyền năng”, chi phối đến cuộc sống con người.

Trong ý nghĩa sâu xa nhất và chính người Chơ Ro giải thích, có hai điểm đáng chú ý. Lễ hội lớn nhất trong năm của người Chơ Ro chính là lễ tạ ơn thần Lúa và mừng nhà có cơm mới. Cơm mới và các lễ vật được trình dâng cho các thần linh, tổ tiên nhưng quan trọng nhất là thần Lúa và họ cùng nhau vui hưởng một vụ mùa thu hoạch tốt và cầu mong cho mùa vụ sau. Trong lễ hội mang tính chất nông nghiệp này, tính chất cầu an có ý nghĩa bao trùm. Nội dung lời khấn bao hàm những lời tạ ơn, cầu mong bình an cho chính bản thân, gia đình, dòng họ, cộng đồng và mùa màng. Hướng đến sự bình an trong quá trình tồn tại của bản thân, cộng đồng và những gì liên quan trực tiếp, có tính chất quan trọng đối với cuộc sống là một dạng thức tâm lý chung của tất cả các cộng đồng người trên thế giới từ xưa đến nay. Lễ hội cúng thần Lúa của người Chơ Ro đã góp phần làm đa dạng sắc thái văn hóa tộc người ở Việt Nam.

5. Thực trạng của lễ hội Sayangva

Theo kết quả kiểm kê, lễ hội Sayangva (cúng thần Lúa) của tộc người Chơ Ro tổ chức ở 9 xã, thị trấn, phường của các huyện, thành phố trong tỉnh Đồng Nai, bảo lưu, thực hành đầy đủ và thường xuyên. Hàng năm vào dịp tháng 2-3 âm lịch, cộng đồng người Chơ Ro rộn ràng công tác chuẩn bị và tổ chức lễ hội trong niềm hân hoan vì mùa màng bội thu, người dân an vui sau một năm lao động vất vả. Khi tổ chức lễ hội, già làng, người uy tín và người dân địa phương đều có những cuộc họp để phân ban, thống nhất các phương án, kế hoạch, chương trình trước, trong và sau lễ cúng. Công tác quản lý và tổ chức lễ hội được quản lý chặt chẽ, nội dung phù hợp với truyền thống văn hóa. Trong đó, thống nhất về nguồn tài chính tổ chức, nhân sự, khách

mời, việc quản lý tài chính trong lễ cúng đảm bảo được công khai, minh bạch, sử dụng đúng mục đích. Nguồn kinh phí thu được từ lễ cúng có phương án sử dụng hiệu quả, đúng mục đích nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, phát triển du lịch của địa phương, tái đầu tư để tổ chức lễ cúng những năm tiếp theo.

Lễ hội Sayangva ở các địa phương được tổ chức theo nghi thức truyền thống của các cộng đồng. Bên cạnh, công tác quản lý nhà nước, các cơ quan, đơn vị, địa phương ở Đồng Nai hỗ trợ đồng bào trong công tác tổ chức, nhất là về cơ sở vật chất và kinh phí nhằm góp phần để lễ hội diễn ra được trang nghiêm và đáp ứng nhu cầu tinh thần của Nhân dân. Tỉnh Đồng Nai có sự quan tâm rất lớn đối với công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung và lễ hội Sayangva của tộc người Chơ Ro nói riêng. Hàng năm, trước khi tổ chức lễ hội, chính quyền địa phương, ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp cùng với người dân trong việc tổ chức lễ và hội. Thông qua đó góp phần điều chỉnh những bất cập trong công tác tổ chức lễ hội, nội dung cúng tế...

Về địa điểm, lễ hội Sayangva của người Chơ Ro diễn ra ở 3 địa điểm chính là nhà sàn, rẫy lúa (ruộng) và kho lúa. Trong đó, nhà sàn, rẫy lúa và kho lúa là 3 điểm tạo nên tuyến chính các nghi thức mang tính lễ nghi, sân nhà sàn là nơi diễn ra các sinh hoạt cộng đồng. Nhà sàn với không gian thiêng tại bàn thờ Nhang (nơi trình lễ vật, cúng thần Nhà). Rẫy lúa là nơi có mảnh đất thiêng, nơi lưu giữ chùm lúa rẫy được chọn để hồn lúa trú ngụ khi thu hoạch hoàn tất. Kho lúa là nơi quan trọng nhất trong lễ cúng lúa mới với nghi thức mời hồn lúa trú ngụ. Chỉ có lễ hội tổ chức tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu có 3 địa điểm của lễ hội do người Chơ Ro được giao chủ động thực hiện. Các lễ hội tổ chức ở các địa phương khác mang tính ước lệ về địa điểm trong phạm vi của người Chơ Ro mang tính đại diện được chọn trước gồm nhà và sân vườn. Nhà được chọn tổ chức lễ cúng không có bàn thờ nhang truyền thống, không rước hồn lúa từ đất rẫy. Lễ hội tổ chức tại xã Túc Trưng, huyện Định Quán trên nhà sàn dài, có bàn thờ nhang truyền thống và khu vực diễn ra sinh hoạt cộng đồng trên khu đất cách xa nhà dài. Một số địa phương khác tổ chức lễ hội tại văn phòng

áp, những khu vực có khoảng đất trống rộng. Khoảng sân rộng và mô hình nhà sàn dài được thiết kế trên bảng in rộng đặt làm phong nền để bài trí bàn thờ nhang khác với bàn thờ nhang truyền thống của người Chơ Ro. Địa điểm diễn ra lễ hội hiện nay được trang trí khá nổi bật với cổng chào dây cờ đuôi nheo, khẩu hiệu tuyên truyền, khu nhà vòm và sân khấu biểu diễn văn nghệ. Có thể nói, sự trang trí như trên đã tạo nên một không gian đầy màu sắc theo tính chất của mít tinh, sân khấu.

Lễ hội cúng thần Lúa truyền thống diễn ra trong phạm vi làng của người Chơ Ro. Địa bàn cư trú của người Chơ Ro trước đây vốn thuần nhất, không có sự cư trú xen kẽ của các dân tộc khác. Thời kỳ trước năm 1975, khi chính quyền thực dân Pháp, chính quyền Sài Gòn dồn ép cộng đồng người Chơ Ro vào sinh sống ở các khu tập trung, người Chơ Ro tổ chức lễ cúng thần Lúa trong nhóm cộng đồng có hộ gia đình liên kết với nhau trong khu vực cư trú. Các thành viên của gia đình, dòng họ và làng tham gia với tinh thần tự nguyện, hỗ trợ. Hiện nay, lễ hội cúng thần Lúa là một dịp sinh hoạt cộng đồng khá nổi bật trong năm, được tuyên truyền rộng rãi nên số lượng người tham dự khá nhiều. Ngoài sự tham gia đông đảo của cộng đồng Chơ Ro tại chỗ, còn có sự tham gia của đại diện các nhóm cộng đồng Chơ Ro các địa bàn khác, nhiều cộng đồng cư dân khác trong địa phương và ngoài địa phương và đại biểu, khách mời (lãnh đạo chính quyền các cấp, lãnh đạo các sở, ban, ngành của địa phương, báo chí...).

Lễ hội Sayangva của tộc người Chơ Ro ở Đồng Nai biểu hiện rõ tính chất thống nhất trong đa dạng. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, có 9 địa phương tổ chức lễ hội Sayangva định kỳ hàng năm. Diễn trình, nghi thức phần lễ và hội ở 9 địa điểm tổ chức có nhiều nét tương đồng, song vẫn toát lên bản sắc riêng của từng lễ hội, từng địa phương phản ánh tính đa dạng của di sản văn hóa phi vật thể này. So với trước đây, lễ hội Sayangva chỉ có một vài thay đổi nhỏ để phù hợp hơn khi môi trường xã hội và tự nhiên thay đổi. Theo đó, hình thức tổ chức luân phiên theo hộ gia đình được thay thế bằng hình thức cộng đồng, cả làng chung tay với nhau. Từ việc cả cộng đồng tổ chức chung một lễ hội đã góp phần nâng tầm quy mô, cũng như lễ

hội được tổ chức chu đáo hơn, hoành tráng hơn, người dân có điều kiện để xích lại gần nhau khi cùng chung một mục đích. Ngoài phần lễ được bảo lưu, lễ hội còn mang tính chất của một hoạt động văn hóa, thể thao của địa phương nên phần hội được bổ sung khá nhiều và không thể thiếu phần nghi thức hành chính như một điều kiện bắt đầu khi lễ hội bắt đầu. Nội dung sinh hoạt hội được tổ chức gồm các cuộc thi giữa các đoàn là đại diện của người Chơ Ro từ các địa phương. Nội dung các hoạt động thi đấu gồm: Làm bánh dày, cơm lam, cây nêu, đẩy gậy, kéo co, bắn nỏ, nhảy bao bố, đập niêu... Phần hội này được diễn ra trước nghi lễ cúng thần Lúa.

Lễ hội Sayangva ngoài việc bảo đảm duy trì đầy đủ các yếu tố văn hóa mang giá trị truyền thống, còn tiếp thu, kế thừa, sáng tạo nên những giá trị văn hóa mới để đáp ứng nhu cầu hưởng thụ, sinh hoạt văn hóa gắn với tín ngưỡng tâm linh của cộng đồng. Điều này dễ nhận thấy trong các hoạt động hội của lễ hội liên tục được kế thừa, bổ sung để đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa không chỉ cộng đồng Chơ Ro mà còn của bà con các dân tộc anh em khác bằng các hoạt động cụ thể như tổ chức các trò chơi dân gian kéo co, bắn ná, đẩy gậy, thi nấu ăn giữa các ấp...; các hoạt động văn nghệ dân gian như biểu diễn các loại nhạc cụ truyền thống, giao lưu ca hát giữa người Chơ Ro với người Kinh và các tộc người khác.

Nhận thức chung của các cấp chính quyền và Nhân dân địa phương về vấn đề duy trì, bảo vệ, phát huy giá trị di sản lễ hội Sayangva ngày càng được nâng cao. Qua thực hành lễ hội, cũng huy động được các nguồn lực xã hội từ tổ chức, cá nhân (Nhân dân, các mạnh thường quân...) thông qua hình thức xã hội hóa trong việc tham gia vào công tác tổ chức lễ hội; nâng cao, phát huy được vai trò chủ thể và năng lực sáng tạo giá trị văn hóa của cộng đồng. Do vậy, phần lớn nguồn kinh phí tổ chức lễ hội đều do Nhân dân địa phương tự nguyện đóng góp. Kinh phí sau lễ cúng được minh bạch, công khai với người dân để cùng nhau quản lý, phân bổ, điều hành hiệu quả, hợp lý. Việc sử dụng kinh phí được bàn bạc, thống nhất nhằm đảm bảo sử dụng đúng mục đích vào các việc mua lễ vật, dụng cụ để tổ chức.

6. Các biện pháp bảo tồn và phát huy

Lễ hội Sayangva (cúng thần Lúa) có giá trị, vai trò và vị trí đặc biệt trong đời sống không chỉ đối với cộng đồng người Chơ Ro mà còn của cộng đồng các dân tộc anh em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Do vậy, trong thời gian qua, Đảng bộ, chính quyền các cấp và Nhân dân Đồng Nai có nhiều chính sách bảo tồn và phát huy lễ hội truyền thống này. Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đồng Nai đã ban hành nhiều đề án, kế hoạch, chương trình nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa các tộc người thiểu số, trong đó có lễ hội Sayangva của tộc người Chơ Ro như: Kế hoạch số 7232/KH-UBND ngày 25/7/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai triển khai thực hiện Quyết định số 2493/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án kiểm kê, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền di sản văn hóa truyền thống điển hình của các dân tộc thiểu số Việt Nam, giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 12/8/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Đề án Bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2013-2015, định hướng đến năm 2020; Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 02/4/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai triển khai thực hiện Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị văn học dân gian của các dân tộc thiểu số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; các đề án, chương trình, kế hoạch, quyết định... của UBND tỉnh Đồng Nai là cơ sở quan trọng để các sở, ban, ngành, cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương ở Đồng Nai triển khai nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị lễ hội Sayangva của tộc người Chơ Ro.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai đã có nhiều hoạt động tích cực nhằm thực thi nhiệm vụ bảo tồn, phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, đạt được những kết quả quan trọng, tạo bước phát triển mới trong đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân, khơi dậy tinh thần bảo tồn, phát triển các giá trị di sản văn hóa dân tộc trong Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao, đã trực tiếp ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn

về công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của các dân tộc thiểu số nói chung và lễ hội Sayangva của tộc người Chơ Ro nói riêng; tuyên truyền nâng cao năng lực cộng đồng trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch số 5190/KH-UBND ngày 17/5/2021 về triển khai thực hiện Đề án Chương trình hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2023 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Kế hoạch số 436/KH-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2026; Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 02/6/2023 về triển khai thực hiện Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị văn học dân gian của các dân tộc thiểu số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 8/9/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch số 1476/KH-SVHTTDL ngày 21/7/2022 thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030; đồng thời chỉ đạo các đơn vị chuyên môn tích cực hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tổ chức các lễ hội truyền thống hàng năm, trong đó có lễ hội Sayangva của tộc người Chơ Ro. Đặc biệt, Sayangva là lễ hội dân gian cho nên việc quản lý và thực hành tuân thủ đúng quy định của Nghị định số 110/2018/N Đ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ.

Bảo tàng tỉnh đã tiến hành nhiều hoạt động nhằm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa các tộc người thiểu số ở Đồng Nai nói chung và lễ hội Sayangva của người Chơ Ro nói riêng. Tổ chức kiểm kê định kỳ và lập hồ sơ khoa học lễ hội Sayangva của người Chơ Ro theo quy định tại Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/6/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể để đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Hàng năm, vào dịp tổ chức lễ hội Sayangva ở các địa phương, đều tiến hành ghi

hình, quay phim tư liệu để lưu trữ, phục vụ công tác số hóa và phát huy giá trị di sản. Tổ chức truyền dạy các lớp công chiêng cho thanh thiếu niên người Chơ Ro ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu (năm 2008); xã Túc Trưng, huyện Định Quán (năm 2022) nhằm mục đích bảo tồn loại hình nghệ thuật trình diễn này, phục vụ đời sống tinh thần và lễ hội Sayangva. Công tác sưu tầm hiện vật tộc người Chơ Ro nói chung và hiện vật tiêu biểu của lễ hội Sayangva nói riêng thường xuyên thực hiện, kết quả hơn 200 hiện vật đã nhập kho lưu giữ và trưng bày tại bảo tàng.

Công tác phát huy các giá trị lễ hội Sayangva của người Chơ Ro được chú trọng với nhiều hình thức phong phú và đa dạng, thường xuyên tổ chức trưng bày, triển lãm giới thiệu văn hóa các tộc người thiểu số ở Đồng Nai nói chung và lễ hội Sayangva của tộc người Chơ Ro nói riêng tại các triển lãm chuyên đề ở Bảo tàng và lưu động tại các địa phương như: Lễ hội truyền thống các dân tộc ở Đồng Nai; Việt Nam - 54 dân tộc một cội nguồn; Sắc màu văn hóa các dân tộc thiểu số ở Đồng Nai; Các dân tộc thiểu số ở Đồng Nai (phục vụ Đại hội các dân tộc thiểu số tỉnh Đồng Nai); Văn hóa các dân tộc thiểu số Đông Nam Bộ tại thành phố Cần Thơ; chỉnh lý trưng bày nhà lưu niệm già làng Chơ Ro Nguyễn Văn Nổi, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai và trưng bày giới thiệu văn hóa (vật thể, phi vật thể) tại các Nhà văn hóa dân tộc Chơ Ro trên địa bàn tỉnh. Tổ chức nhiều đợt điền dã, sưu tầm, nghiên cứu văn hóa tộc người Chơ Ro ở các địa phương, trong đó có lễ hội Sayangva. Xuất bản sách Di sản văn hóa làng dân tộc Chơ Ro xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu; phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai thực hiện chuyên mục Hành trình di sản, giới thiệu các di sản văn hóa ở Đồng Nai, trong đó có lễ hội Sayangva của người Chơ Ro.

Các địa phương - nơi diễn ra lễ hội Sayangva của người Chơ Ro luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ, tạo mọi điều kiện thuận lợi để di sản được thực hành và phát huy giá trị từ chính quyền. Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin, chính quyền địa phương (xã, phường, thị trấn) đều hỗ trợ vật chất, kinh phí, đảm bảo an ninh trật tự để đồng bào Chơ Ro tổ chức lễ hội được chu đáo

hơn. Ngoài ra, chính quyền các cấp còn kêu gọi các mạnh thường quân, nhà hảo tâm hỗ trợ vật chất, kinh phí để đồng bào Chơ Ro tổ chức thành công lễ hội. Ở các địa phương, mỗi lần lễ hội Sayangva được tổ chức, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện đều hỗ trợ xe sân khấu, hệ thống âm thanh, ánh sáng... cử cán bộ chuyên môn hướng dẫn tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao, văn nghệ.

Về phía chủ thể di sản văn hóa, tộc người Chơ Ro ở các địa phương trong tỉnh Đồng Nai luôn có ý thức cao đối với việc gìn giữ, thực hành lễ hội Sayangva của ông cha mình trao truyền. Người Chơ Ro tự nguyện, nhiệt tình tham gia lễ hội với tư cách là chủ thể di sản văn hóa. Trong công tác tổ chức thực hành di sản, đồng bào chủ động xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong làng, tự nguyện đóng góp kinh phí để tổ chức lễ hội. Ngoài ra, trong quá trình thực hành lễ hội, người Chơ Ro còn chủ động trao truyền các kỹ năng, kinh nghiệm, bí quyết của di sản cho các thế hệ kế cận theo phương thức trực tiếp, cầm tay chỉ việc. Chính việc trực tiếp tham gia và học hỏi bằng thực tiễn đã giúp cho lễ hội Sayangva luôn có đội ngũ kế thừa cho tương lai.

Hiện nay, việc bảo tồn và phát huy các giá trị lễ hội Sayangva của người Chơ Ro ở Đồng Nai nói riêng và di sản văn hóa nói chung được cả hệ thống chính trị của tỉnh quan tâm. Ngày 30/12/2021, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI ban hành Nghị quyết số 04 về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng. Để triển khai Nghị quyết 04 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 20/4/2022. Theo đó, Tỉnh ủy, UBND tỉnh xác định tập trung khai thác, đầu tư di sản văn hóa của các dân tộc phục vụ phát triển du lịch, trong đó có các lễ hội truyền thống. Ngày 12/12/2023, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI ban hành Nghị quyết số 12 về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, con người Đồng Nai trở thành nguồn lực, động lực quan trọng cho phát triển toàn diện và bền vững. Để cụ thể hóa Nghị quyết 12 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 08/3/2024. Nghị quyết và Kế hoạch của UBND tỉnh có nhiều nội dung quan trọng, trong đó có các

nhiệm vụ trọng tâm và cụ thể liên quan đến công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nói chung và lễ hội Sayangva của người Chơ Ro nói riêng.

Trong thời gian tới, lễ hội Sayangva của người Chơ Ro ở Đồng Nai tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Đảng bộ, chính quyền các cấp, thông qua các biện pháp bảo vệ di sản như:

- Xây dựng hồ sơ khoa học lễ hội Sayangva trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, sẽ góp phần nâng cao công tác bảo tồn và phát huy các giá trị lễ hội tồn tại bền vững theo thời gian. Triển khai xây dựng Đề án Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa lễ hội Sayangva giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050, sau khi di sản được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi danh. Trong đề án chú trọng đến việc phân cấp quản lý, hỗ trợ đồng bào trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị lễ hội Sayangva gắn với nhiệm vụ thường xuyên của các địa phương; các sở, ban, ngành của tỉnh.

- Tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức cho cộng đồng, đặc biệt đồng bào dân tộc Chơ Ro trong việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nói chung và lễ hội Sayangva nói riêng. Cần nhận thức vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị lễ hội trước hết phải bảo tồn ngay từ cái gốc của chủ thể văn hóa, có nghĩa là chính bản thân cộng đồng - chủ thể đang nắm giữ và thực hành di sản, phải có trách nhiệm cao trong việc bảo vệ, gìn giữ di sản văn hóa của dân tộc. Cần vận động cộng đồng gìn giữ, duy trì cách thức thực hành các nghi lễ truyền thống; cách sử dụng các loại nhạc cụ, các trò chơi dân gian; gìn giữ các trang phục, trang sức truyền thống đã được kế thừa qua nhiều thế hệ; các món ăn, thức uống truyền thống... Trong công tác tuyên truyền, giáo dục trong cộng đồng, chú trọng đến bộ phận thế hệ trẻ vì đây là đối tượng kế thừa. Do vậy, cần xây dựng chương trình giáo dục về di sản văn hóa phi vật thể nói chung, lễ hội Sayangva nói riêng đưa vào giảng dạy trong nhà trường ở những nơi đồng bào sinh sống rất hữu ích đối với công tác bảo tồn và phát huy di sản.

- Các cấp chính quyền địa phương, các sở, ban, ngành căn cứ

chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị, tham mưu, xây dựng chính sách, quy định chế độ hỗ trợ công tác bảo tồn và phát huy lễ hội nói chung, lễ hội Sayangva của người Chơ Ro nói riêng. Trong đó có những chính sách hỗ trợ kinh phí các nghệ nhân, già làng, những bậc cao niên đang nắm giữ bí quyết, trao truyền và thực hành lễ hội. Đây là nguồn động lực quan trọng cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy di sản một cách có hiệu quả và thiết thực.

- Nghiên cứu, sưu tầm lễ hội tại các xã, phường, thị trấn có người Chơ Ro sinh sống, phản ánh đầy đủ về quy trình cách thức tổ chức một lễ hội Sayangva. Sưu tầm, biên tập toàn bộ những bài cúng liên quan trong lễ hội Sayangva, đồng thời truyền dạy những bài cúng đó cho nhiều đối tượng, có như vậy việc phục dựng và bảo tồn lễ hội ở nhiều làng người Chơ Ro sẽ được thuận lợi hơn.

- Thường xuyên giới thiệu quảng bá lễ hội Sayangva của người Chơ Ro, gắn với phát triển du lịch của địa phương, của tỉnh. Du lịch được xem là ngành kinh tế quan trọng, đóng góp to lớn vào ngân sách, trong đó loại hình du lịch tâm linh, lễ hội góp phần làm tăng nguồn thu rất lớn cho du lịch. Đặc biệt, hiện nay Đồng Nai đang ưu tiên phát triển đa dạng về du lịch. Từ những giá trị của lễ hội Sayangva đưa vào khai thác trong hoạt động du lịch chính là một cách để quảng bá, giới thiệu di sản sâu rộng trong xã hội, ngày càng đến được với nhiều người và đó cũng là một cách để góp phần nâng cao đời sống cho đồng bào.

**DANH SÁCH CHỦ THỂ VĂN HÓA
LỄ HỘI SAYANGVA CỦA NGƯỜI CHƠ RO Ở ĐỒNG NAI**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Địa chỉ	Ảnh
1	Mai Văn Lượng	1956	Già làng	P. Bảo Vinh, TP. Long Khánh	
2	Thị Tuyền	1987	Người uy tín	Xã Bảo Quang, TP. Long Khánh	
3	Thổ Tòng Ngọc	1976	Người uy tín	Xã Bàu Trâm, TP. Long Khánh	
4	Điểu Thị Nhung	1972	Người uy tín	Xã Xuân Trường, H. Xuân Lộc	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Địa chỉ	Ảnh
5	Hùng Văn Xứng	1950	Già làng	Xã Xuân Phú, H. Xuân Lộc	
6	Điểu Văn Cao	1952	Già làng	Xã Túc Trưng, H. Định Quán	
7	Thổ Nơi	1957	Già làng	Xã Xuân Thiện, H. Thống Nhất	
8	Nguyễn Văn Biên	1955	Người uy tín	Xã Phú Lý, H. Vĩnh Cửu	
9	Đào Văn Đức	1964	Già làng	Xã Lâm San, H. Cẩm Mỹ	

Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai



Không gian lễ hội Sayangva của người Chơ Ro tại xã Phú Lý chụp từ trên cao.
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Cổng lễ hội Sayangva người Chơ Ro ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu.
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Cổng lễ hội Sayangva người Chơ Ro phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh.
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Cổng lễ hội Sayang va người Chơ Ro xã Bàu Trâm, thành phố Long Khánh.
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Cổng lễ hội Sayangva người Chơ Ro phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh.
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Lễ hội Sayangva người Chơ Ro xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ.
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Chuẩn bị cây nêu (Lễ hội Sayangva ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2013)



Dựng cây nêu (Lễ hội Sayangva ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2013)



Heo - Lễ vật tế trong lễ hội (Lễ hội Sayangva ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Giã bánh dày chuẩn bị cho lễ hội (Lễ hội Sayangva ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2016)



Tạo hình cho bánh dày (Lễ hội Sayangva ở phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Chuẩn bị cơm lam (Lễ hội Sayangva ở phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Nướng cơm lam phục vụ lễ hội (Lễ hội Sayangva ở phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Chuẩn bị nấu món ăn truyền thống (Lễ hội Sayangva ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2013)



Nấu canh Thụt (Lễ hội Sayangva ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2013)



Canh bồi (Lễ hội Sayangva ở phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Thịt nướng (Lễ hội Sayangva ở phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Mâm lễ vật hoàn chỉnh (Lễ hội Sayangva ở phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Nghi lễ rước hồn lúa (Lễ hội Sayangva ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2022)



Nghi lễ rước hồn lúa (Lễ hội Sayangva ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2022)



Nghi lễ rước hồn lúa (Lễ hội Sayangva ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2022)



Nghi lễ rước hồn lúa (Lễ hội Sayangva ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2022)



Rước hồn lúa trở về nhà dài (Lễ hội Sayangva ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2022)



Thực hiện nghi lễ tại cây nêu (Lễ hội Sayangva tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Giết heo tế thần, bôi máu vào cây nêu (Lễ hội Sayangva tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Cây nêu đã được bôi máu vật tế (Lễ hội Sayangva tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Một bàn thờ nhang hoàn chỉnh (Lễ hội Sayangva tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Chùm lúa - Nơi thần lúa ngự (Lễ hội Sayangva tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Thịt heo tể làm sạch đặt cúng trên bàn thờ Nhang (Lễ hội Sayangva tại xã Phú Lý).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Cúng tế gà trước bàn thờ Nhang (Lễ hội Sayangva tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2022)



Đánh công trong lễ cúng (Lễ hội Sayangva tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Đánh công chiêng (Lễ hội Sayangva tại xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2016)



Làm thịt gà đã tế Thần (Lễ hội Sayangva tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Mâm lễ vật cúng kho lúa (Lễ hội Sayangva Chợ Ro tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Mâm cúng tại kho lúa (Lễ hội Sayangva tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2022)



Thực hiện nghi cúng tại kho lúa (Lễ hội Sayangva tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2022)



Người uy tín của cộng đồng uống rượu cúng Lễ hội Sayangva tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2016)



Cúng trước bàn thờ Nhạng (Lễ hội Sayangva tại phường Bảo Vinh, Tp. Long Khánh).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Chuẩn bị lễ vật cúng Nhang (Lễ hội Sayangva tại xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Cúng trước bàn thờ Nhang (Lễ hội Sayangva tại xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Cúng trước bàn thờ Nhang (Lễ hội Sayangva tại xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Cúng trước bàn thờ Nhang (Lễ hội Sayangva tại xã Bàu Trâm, Tp. Long Khánh).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Thi bắn nỏ (Lễ hội Sayangva tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2022)



Thi đẩy gậy (Lễ hội Sayangva tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Đánh đàn tre (xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2016)



Thổi kèn môi (xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2016)



Trình diễn công chiêng (xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2016)



Chương trình văn nghệ (Lễ hội Sayangva tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2022)



Tặng quà cho người khó khăn (Lễ hội Sayangva tại phường Bảo Vinh, Tp. Long Khánh).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Đãi khách (Lễ hội Sayangva tại phường Bảo Vinh, Tp. Long Khánh).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Thanh niên tụ tập xem trò chơi (Lễ hội Sayangva tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2022)



Trẻ nhỏ tham gia trò chơi bắt vịt (Lễ hội Sayangva tại phường Bảo Vinh, Tp. Long Khánh).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Múa sạp (Lễ hội Sayangva tại xã Bàu Trâm, thành phố Long Khánh).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2023)



Đốt lửa hội (Lễ hội Sayangva tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2022)

LỄ GIỖ LỄ THÀNH HẦU NGUYỄN HỮU CẢNH

(PHƯỜNG HIỆP HÒA, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA)

1. Thân thế và sự nghiệp của Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh

1.1. Thân thế của Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh

Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh là một kiệt tướng đời chúa Nguyễn Phúc Chu (Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng đế 1691-1725). Ông tên thật là Nguyễn Hữu Kính (Cảnh). Có tư liệu cho rằng ông tên thật là Nguyễn Hữu Thành húy Kính (Cảnh). Trong tập gia phả còn bảo tồn ở một tư gia hậu duệ dòng Nguyễn Hữu ở Vạn Xuân, Quảng Bình có ghi rõ hàng chữ Nho tên ông là Nguyễn Hữu Thành húy Kính (Cảnh). Căn cứ ở đây, chúng ta thấy rằng: Thành chỉ là tên ghi trong gia phả, mà Kính mới chính là tên húy của ông. Người Việt kiêng nêu tên húy nên tên Kính được gọi là Cảnh. Theo truyền thống ông còn có một tộc danh khác là Lễ. Vì thế, khi ở chức Chưởng cơ, ông đã được chúa ban tước Hầu, đặt là Lễ Tài hầu hoặc Lễ Thành hầu. Ngoài ra, ông còn có một biệt danh nữa là Hắc Hổ.

Nguyễn Hữu Cảnh sinh năm Canh Dần (1650) tại thôn Phước Long, xã Chương Tín, huyện Phong Lộc, tỉnh Quảng Bình - nay là xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Ông mất năm Canh Thìn (1700) tại Rạch Gầm (Tiền Giang), thọ 50 tuổi. Ông được truy tặng Đặc Tấn Chưởng Đĩnh Di Tráng Hoàn Cầu, thụy là Trung Cần (gia phả ghi tước và thụy được truy tặng lần sau chót là Vĩnh An hầu, thụy Cương Trực).

Theo nhiều tài liệu công bố, khởi tổ của Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh là Đinh Quốc Công Nguyễn Bặc (904-979), một công thần triều nhà Đinh, đóng đô ở Hoa Lư. Hậu tổ của Nguyễn Hữu Cảnh

là đệ nhất khai quốc công thần Úc Trai Nguyễn Trãi (1380-1442). Tính từ hậu tổ Nguyễn Trãi (1380) đến Nguyễn Hữu Cảnh (1650) có khoảng 270 năm, tiếp nối 9 thế hệ. Trải qua 9 thế hệ, họ Nguyễn đều có công danh to lớn. Hơn nửa phần trước sinh và có sự nghiệp dưới triều Lê, chỉ từ đời ông Nguyễn Triều Văn vì bất phục họ Trịnh nên đã thiên cư vào phía Nam. Nhưng từ đó về sau các thế hệ nối tiếp phò chúa Nguyễn và cũng tạo được nhiều công nghiệp vẻ vang.

Tương truyền rằng từ khi Nguyễn Hữu Cảnh còn nhỏ đã có tính khí ngang tàng, ưa mạo hiểm, nhất là tinh thần thượng võ đã sớm nảy nở trong tâm hồn. Thuở nhỏ ông thường rủ bạn bè cùng trang lứa ra phía sau nhà để múa võ, chia phe đấu vật. Trong thi đấu, ông chỉ thích đấu với bạn nào nhỉnh hơn mình một chút nhưng về khí giới thì nhất thiết phải dùng ngang nhau - tức là tay đối tay, côn đấu côn... Mỗi khi thách thức, ông thường tỏ ra thách phục những bạn nào có tính anh hùng, nhưng thường chế nhạo những người nhút nhát.

Ông được giáo dục trong môi trường nề nếp, khuôn phép của gia đình, chịu sự giáo huấn của cha mẹ về mọi lễ cương nhu ở đời, cũng như phải theo nền đạo lý nếp nhà. Ông là một người gan dạ, am tường binh pháp, lập nhiều chiến công nên được chúa Nguyễn Phúc Chu cử giữ chức Cai cơ. Theo một số nhà nghiên cứu, Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh là người nghiên cứu kế sách dẫn thủy nhập điền, làm lợi cho nông dân bản hạt. Sau khi tính toán kỹ càng từ Nguồn Trạm (do sông Nhật Lệ chảy vào) đến miền khô Vạn Xuân. Ông lập tức đề ra kế hoạch hô hào cho khởi công đào một nhánh Hói, đập Thâm Mung thông qua phá Hạc Hải, chạy ra xóm Giữa đến khe Đá Xanh (khe Phủ, gọi là Hói Phước Lương, còn có thêm Hói Bến Đá, Hói Chọc). Ngoài ra ông còn góp ý với người em khác mẹ là Nguyễn Hữu Dũng tạo lập nên 2 làng Bồ Mưng và Thanh Quýt tại xứ Gò Bồ (khu rừng Quýt Quảng Nam xưa).

Về mặt đạo đức, Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh rất giống cha và anh trưởng Nguyễn Hữu Hào, là người có lòng nhân từ, bác ái. Đây cũng là một trong những điểm nổi bật của dòng họ Nguyễn Hữu. Về võ học, theo một số tư liệu thì Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh là sư tổ khai sáng ra môn phái võ Bạch Hổ, danh hiệu Bạch - Hổ - Sơn

- Quân - Phái khét tiếng một thời ở xứ Đàng Cụt. Ngày nay vẫn còn một chi phái hậu huệ của sư tổ Nguyễn Hữu Cảnh là lão sư Nguyễn Hữu Cần ở làng Nam Phổ, huyện Phú Vang, Thành phố Huế. Đặc biệt ông Cần vẫn bảo lưu được truyền thống võ công, nhất là còn giữ được cuốn Võ Kinh bằng chữ Hán lẫn Nôm, có ghi các bài thảo pháp của các bộ môn: Đẳng Bài Pháp, Đẳng Tiên Pháp, Phủ Việt Pháp, Sam Pháp, Quyền Pháp và Dao Pháp.

1.2. Sự nghiệp của Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh

1.2.1. Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh và công cuộc mở mang miền Nam, quan hệ với Champa:

Vào những năm 1690-1691, vương quốc Champa được trị vì là vua Kế Bà Tranh, ông ta nuôi ý đồ bạo động, bỏ bang giao đã có từ trước với Đại Việt, đem quân qua biên giới sát hại dân cư phủ Diên Ninh (Diên Khánh) ở mỗi độ Xuân về. Đầu năm Nhâm Thân 1692, chúa phái Nguyễn Hữu Cảnh làm Thống binh cùng với Tham mưu Nguyễn Đình Quang đem quân bình định biên cương. Sau khi bình định biên cương, thì có nhóm người Thanh, đứng đầu là A Bân xúi giục bè đảng dấy loạn, giết hại lẫn nhau, Nhân dân vô cùng thống khổ. Thống binh Nguyễn Hữu Cảnh lại y lệnh dẹp bọn tạo phản, đem lại sự an ninh cho dân chúng. Với chính sách ôn hòa, ông luôn cư xử mềm dẻo, lấy nhân đức hướng tới sự hòa đồng sắc tộc.

Mùa Xuân năm Quý Dậu 1693, bờ cõi được dẹp yên, vùng đất mới đã có an ninh trật tự. Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh y lệnh chúa lập ra Thuận Thành trấn. Tháng 8/1693 đổi thành phủ Bình Thuận. Ngoài việc Kế Bà Tranh đã mãn phần tại Hòa Chén (Ngọc Trản) thì các quan cũ nhà Champa là Tả Trà Viên Kế Bà Tử được cử làm Khám lý, 3 người con của Bà Ân làm Đề đốc, Đề lãnh và Cai phủ. Thống suất cùng hợp tướng, chung lo mọi việc sắp đặt, vỗ về an dân, dàn xếp sự giao lưu và ngụ cư giữa các sắc tộc. Cải cách nền văn hóa hợp chủng, hài hòa nếp sống chung, kính cân bảo trọng ở mọi chốn linh thiêng. Định lệ triều cống.

Qua những thành tích trên, Nguyễn Hữu Cảnh được thăng chức Chưởng cơ. Chúa còn cho Lễ công được về lại Trấn thủ Bình Khương

để Khám Lý Kế Bà Tử tự lo liệu công việc nhà Champa. Trấn Bình Khương thuở ấy ở huyện Tân Định, thuộc thành Diên Khánh, còn dinh Bình Khương nằm tại thị trấn Tân Định (nay là huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa). Hiện giờ ở huyện Ninh Hòa còn danh tích địa phương như chợ Dinh, sông Dinh, cầu Dinh.

Tương truyền khi Thống binh Nguyễn Hữu Cảnh kéo quân trực chỉ Thuận Thành. Đến xã Lộ Bôi, đêm mộng thấy ngôi sao lớn sa xuống phía Nam ngọn núi, ông cầu xin được mau chóng làm tròn nhiệm vụ. Lúc khai hoàn trở về, Thống binh truyền cho xây đền thờ ghi dấu linh địa nơi này. Hiện nay vẫn còn đền thờ Lộ Bôi ở xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi do Nguyễn Hữu Cảnh lập nên từ ngày đó, gọi là đền “Hiển Hựu Linh Thần”.

1.2.2. Chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược xứ Đồng Nai

Đồng Nai là một tỉnh miền Đông Nam Bộ, có lịch sử lâu đời. Trên vùng đất Đồng Nai vào cuối thế kỷ XVI, về cơ bản, vẫn là một vùng đất hoang vu chưa được khai phá. Theo Lê Quý Đôn “Ở phủ Gia Định, đất Đồng Nai, từ cửa biển Cần Giuộc, Soài Rạp, Cửa Đại, Cửa Tiểu trở vào, toàn là rừng rậm hàng ngàn dặm”. Cả vùng đất Nam Bộ thời ấy chưa có một dấu vết nào của thôn làng, ấp xã của một quốc gia nào, duy chỉ có dăm ba tộc người tại chỗ như Chơ Ro, Cơ Ho, Mạ, Xtiêng, Khmer... sinh sống rải rác. Bởi vậy, nhiều tộc người gan dạ, có sức vóc đã đến đây khai phá lấy đất trồng tía để sinh sống. Đầu thế kỷ XVII, vùng đất Nam Bộ trở nên sôi động với sự xuất hiện của lớp cư dân mới mà chủ yếu là người Việt từ vùng Thuận Quảng di cư vào. Những lưu dân Việt thuộc lớp tiên phong đi vào vùng đất mới Đồng Nai - Gia Định lập nghiệp làm thành nhiều đợt trước cả thời Trịnh - Nguyễn phân tranh nhưng dâng lên thành làn sóng mạnh mẽ hơn là vào cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII. Phần đông họ chọn phương thức tự động, đi lẻ tẻ, hoặc cả gia đình, hoặc những người khỏe mạnh đi trước tạo dựng cơ nghiệp rồi đón cả gia đình đến sau, hoặc một vài gia đình cùng cả xóm kết nhóm với nhau cùng đi. Phần lớn họ chọn thuyền buồm hay ghe bầu làm phương tiện di chuyển chính, bởi lúc bấy giờ di chuyển giữa các phủ miền Trung với Đồng Nai - Gia Định chủ yếu là đường biển, một số người phải trèo đèo lội suối đi đường

bộ, đi dần từng chặng một, đến một địa phương ở lại một thời gian, thấy bám trụ được thì ở lại lập nghiệp, bằng không đi tiếp và lần hồi cũng tới vùng đất mới Đồng Nai.

Tiến trình nhập cư của lưu dân Việt vào vùng Đồng Nai - Gia Định từ lẻ tẻ rời rạc, dần dần có quy mô lớn hơn. Những lưu dân Việt từ việc lập những làng xóm nhỏ trên vùng đất Đồng Nai đã thôi thúc các chúa Nguyễn đặt những bước tiến lớn hơn trên vùng đất này. Thành quả của việc khai hoang và sản xuất của lưu dân người Việt cùng với các dân tộc tại chỗ trong thế kỷ XVII đã làm biến đổi bước đầu bộ mặt kinh tế Đồng Nai. Nơi đây từng là rừng núi hoang vu nay đã trở thành những cánh đồng lúa, vườn cây tươi tốt. Xóm làng hình thành ven sông là một đặc điểm nổi bật của cư dân Đồng Nai. Về sau khi giao thông phát triển thuận lợi thì xóm làng mới phát triển theo chiều ngang, chính vì vậy, việc vận chuyển buôn bán ra các phủ ở xứ Đàng Trong là điều tất yếu.

Công việc khẩn hoang đã làm thay đổi bộ mặt xã hội. Sự phân chia giai cấp ngày một diễn ra sâu rộng, tầng lớp địa chủ chiếm hữu ruộng đất dần được hình thành và số nông dân nghèo phải làm thuê, cuốc mướn hay làm tá điền ngày càng đông. Sự phân hoá xã hội ngày càng tăng, mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ ngày một sâu sắc hơn. Nhưng dẫu sao, những thành tựu đã đạt được về mặt khẩn hoang và khai thác nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong giai đoạn đầu đã đặt nền móng vững chắc cho công cuộc khẩn hoang và phát triển kinh tế vùng đất Đồng Nai - Gia Định trong các thời kỳ tiếp sau.

Trên cơ sở của một lực lượng di dân, khai khẩn vùng đất phương Nam từ trước nên mùa Xuân năm Mậu Dần 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu cử Nguyễn Hữu Cảnh làm Thống suất vào Nam kinh lược, xác định chủ quyền của người Việt trên vùng đất mới. Theo đường thủy, thuyền của Nguyễn Hữu Cảnh đi ngược dòng Đồng Nai đến ở tại Cù lao Phố (Biên Hòa - Đồng Nai) còn gọi là Đông Phố (cảng sầm uất nhất miền Nam lúc bấy giờ). Ông cho đặt bản doanh tại Cù lao Phố, nghiên cứu vùng đất này và nhận xét đất đai rộng mênh mông nhưng toàn là sinh lầy, rừng rậm trong khi đó nhân lực thì ít ỏi vắng vẻ (mặc dù nhân chủng bao gồm cả Khmer, Chăm, Việt, Hoa) di dân lập ấp tự

do không quy củ, đời sống sinh hoạt của cư dân quá khó khăn, nghèo nàn. Vùng đất đai hoang hóa, hiểm trở, sông rạch chằng chịt, gai góc ngút ngàn, đầy rẫy hang ổ của các loài mãnh thú, ác ngư. Với ý chí quả cảm, bất chấp tất cả mọi khó khăn, ông nhanh chóng: Vạch ra kế sách chiêu mộ lưu dân. Khuyến khích khai hoang, ổn định cuộc sống người dân ở biên cương. Thiết lập cơ sở hành chính thôn xã có hệ thống, quy củ ở Gia Định phủ trên phần đất từ sông Đồng Nai đến sông Tiền và chính thức cho sát nhập vào bản đồ Đại Việt (2 vùng Tân An và Gò Công chưa nội thuộc chủ quyền người Việt). Sau đó, lấy Đồng Nai làm huyện Phước Long và Sài Gòn làm huyện Tân Bình. Đặt Trấn Biên dinh (tức là Biên Hòa) và Phiên Trấn dinh (tức là Gia Định), sai quan vào cai trị. Chiêu mộ những kẻ lưu dân từ Quảng Bình trở vào để lập ra thôn xã và khai khẩn ruộng đất. Những người Hoa ở đất Trấn Biên (Biên Hòa) thì lập làm Thanh Hà xã, những người ở đất Phiên Trấn (Gia Định) thì lập làm Minh Hương xã. Những người ấy thuộc về sổ bộ nước ta. Mỗi dinh đặt chức Lưu thủ, Cai bạ và Ký lục để cai quản. Nha thuộc có 2 ty là Xá Sai ty (coi việc văn án, từ tụng, dưới quyền quan Ký lục) và Lại ty (coi việc tài chính, do quan Cai bộ đứng đầu). Quân binh thì cơ, đội, thuyền, thủy bộ binh và thuộc binh để canh phòng thôn trang và bảo vệ chủ quyền vùng đất mới.

Phủ Gia Định lúc bấy giờ từ Sài Gòn, Đồng Nai, Nhà Bè đến Long An. Đất đai được mở rộng ngàn dặm, dân chúng “tứ vạn hộ” được quy tụ thành các xóm làng có sổ đinh, sổ điền. Tất cả người Hoa cùng đều nhập sổ bộ nước ta, nhưng theo cách quản lý của Nguyễn Hữu Cảnh thì người Hoa tập trung sinh sống ở hai nơi: Thanh Hà xã, huyện Phước Long (Đồng Nai) và Minh Hương xã, huyện Tân Bình (Sài Gòn). Để đảm bảo thương mại phát triển, sự giao lưu thông suốt giữa các vùng dân cư trong phủ, ông cho lập đường thủy ven các nhánh sông, lấy khu chợ nổi Nhà Bè cổ nơi ngã ba sông Bình Dương làm trung tâm giao dịch, thương lưu với Cù lao Phố, Bến Nghé, Cần Giở, Rạch Cát, Vũng Cù (Cần Giuộc) và Gò Vấp. Nhờ vậy, tàu thuyền chở hàng hóa có thể ra vào một cách dễ dàng. Đặc biệt, bến tàu Châu Đại Phố của nhóm thương nhân người Hoa đã được củng cố lại, đảm bảo hoạt động quy củ với tên gọi mới cảng Đại Phố. Dân chúng được chiêu mộ chủ yếu từ châu Bố Chánh (Quảng Bình), Quảng Nam, các

phủ Điện Bàn, Quảng Ngãi, Quy Nhơn đến vùng đất mới làm ăn, bởi vậy số dân lúc bấy giờ đã lên tới 4 vạn hộ, yên tâm chung vai gánh vác công cuộc mở cõi. Cuộc sống của dân cư nhanh chóng ổn định và phát triển.

Từng bước từng bước một, chủ quyền của người Việt được xác lập trên vùng đất Nam Bộ. Tổ chức bộ máy chính quyền từ cấp dinh, trấn cho đến tận các thôn, xã được thống nhất, Nhà nước quản lý đất đai, hộ khẩu, thu thuế và trưng thu các nguồn lợi tự nhiên. Sài Gòn - Gia Định đã trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa của vùng đất mới. Như vậy, từ thế kỷ XVII, người Việt được tự do vào khai hoang, kinh doanh ở Prey Nokor, Đồng Nai, Mô Xoài... ngày càng nhiều.

Đến năm 1698, chủ quyền người Việt được xác lập chính thức từ Đồng Nai đến bên bờ tả ngạn sông Tiền, nhưng bước khai phá của người Việt đã vượt qua sông Tiền, sông Hậu tiến sát đến Cà Mau, Hà Tiên. Người Việt đã vượt biển và nhận thấy khả năng giao lưu khá thuận lợi bằng hệ thống sông rạch của vùng đất Nam Bộ. Bằng khối óc, đôi bàn tay khéo léo, mồ hôi, nước mắt, xương máu những con người đó đã biến miền đất hoang sơ thành đồng ruộng phì nhiêu, phố phường ngày càng phồn thịnh. Điều này khẳng định xu thế phát triển về phương Nam của người Việt trong lịch sử.

1.2.3. Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh bình định Chân Lạp

Năm 1699, vua Chân Lạp là Nặc Thu đắp lũy Bích Đồi, Nam Vang và Cầu Nam cướp bóc dân buôn người Việt. Tướng Long môn là Trần Thượng Xuyên bấy giờ đóng giữ Doanh Châu (Cù Lao Giêng) báo lên. Chúa Nguyễn Phúc Chu cử Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh làm Thống suất cùng Phó tướng Phạm Cẩm Long, Tham tướng Nguyễn Hữu Khánh đem quân binh, thuyền chiến hợp cùng tướng Trần Thượng Xuyên lo việc đánh dẹp và an dân. Lực lượng thủy binh của ông đã tiến thẳng đến thành La Bích (Nam Vang), đánh tan quân Nặc Thu. Vua Chân Lạp đầu hàng, nơi đây Nguyễn Hữu Cảnh sử dụng chính sách đoàn kết các dân tộc, không phân biệt đối xử dù là Khmer, Hoa hay Việt, khuyến khích giữ gìn tình thân thiện, tương thân, tương ái giúp đỡ nhau lúc thường cũng như lúc gặp khó khăn, hoạn nạn, dân chúng tin theo.

Tháng 4/1700, Nguyễn Hữu Cảnh cầm quân về đóng ở cồn Cây Sao còn gọi là Cù lao Sao Mộc hay Tiêu Mộc hoặc châu Sao Mộc, sau này dân địa phương nhớ ơn ông nên gọi là Cù Lao Ông Chưởng (nay thuộc chợ Mới, tỉnh An Giang), báo tin thắng trận về kinh. Theo Gia Định thành thông chí thì tại đây, một thời gian ông bị “nhiễm bệnh, 2 chân tê bại, ăn uống không được. Gặp ngày Tết Đoan Ngọ (mùng 5/5 âm lịch) ông miễn cưỡng ra dự tiệc để khuyến lạo tướng sĩ, rồi bị trúng phong và thổ huyết, bệnh tình ngày càng trở nên trầm trọng. Ngày 14 ông kéo binh về, ngày 16 đến Sầm Giang (Rạch Gầm, Mỹ Tho) thì mất để lại bao nỗi tiếc thương tâm cho Nhân dân Đại Việt. Mộ phần của ông được quyền táng tại Cù lao Phố (Biên Hòa, Đồng Nai). Có nhiều giả thuyết về việc an táng Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh. Theo đó, tương truyền rằng sau khi mất ông được đưa về Biên Hòa cho Nhân dân lễ bái sau đó mang về quê hương Quảng Bình chôn cất. Ngôi mộ xây dựng tại vùng đất Cù lao Phố chỉ là mộ gió. Nhưng cũng có tài liệu cho rằng, ông được chôn cất tại Cù Lao Phố đến năm 1802, được cải táng về địa táng tại Thác Ro, Trường Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Ngoài ra, Nguyễn Hữu Cảnh còn có một ngôi mộ vọng nữa ở xã Điện Thắng, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh là một nhân vật lịch sử, là một bậc tiên phong trong công cuộc mở mang vùng đất phương Nam, mở mang cương vực đất nước. Ông xứng đáng được muôn đời sùng kính và ngưỡng vọng. Các vua sau này lên ngôi cũng nghĩ đến việc phong sắc, tước, hiệu để truy tặng cố công thần Nguyễn Hữu Cảnh.

Bảng tổng hợp sắc phong thần Nguyễn Hữu Cảnh

STT	Sắc phong	Nơi lưu giữ	Ghi chú
1	Minh Mạng tam niên - 1822	Vĩnh Long	
2	Thiệu Trị thất niên - 1847	An Giang	
3	Minh Mạng tam niên - 1822	Đồng Nai	
4	Thiệu Trị tam niên - 1843	Đồng Nai	

STT	Sắc phong	Nơi lưu giữ	Ghi chú
5	Thiệu Trị tam niên - 1843	Đồng Nai	Năm nhuận
6	Tự Đức tam niên - 1850	Đồng Nai	

2. Đền thờ và mộ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh tại phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa

2.1. Đền thờ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh

Sau khi Nguyễn Hữu Cảnh qua đời, người dân Đồng Nai trân trọng công lao của ông đã cải đình Bình Hoành của thôn Bình Hoành, tổng Trấn Biên thành đình Bình Kính để thờ ông với lòng ngưỡng vọng sâu sắc, mãi mãi ghi nhớ công lao khai sáng xứ Đồng Nai. Có thể nói đình Bình Kính ở Cù lao Phố (phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa) là ngôi đình sớm nhất ở Nam Bộ đưa thần vị Nguyễn Hữu Cảnh vào để tôn thờ, ngưỡng vọng. Trong tâm thức của người dân Đồng Nai nói riêng và người dân Nam Bộ nói chung qua nhiều đời, Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh như một vị thần có công mở cõi, mở mang cương vực. Trải qua bao biến cố của lịch sử, ngôi đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh vẫn được người dân địa phương chăm lo hương khói giữ gìn, tu bổ. Đến nay, đã qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa nhưng ngôi đền vẫn còn giữ được những nét kiến trúc cổ kính, nghệ thuật trang trí, bài trí hết sức tinh tế, độc đáo. Ngôi đền là nhịp cầu nối giữa quá khứ hiện tại và tương lai, là địa chỉ nhắc nhở mọi người về những công lao vô cùng to lớn của Nguyễn Hữu Cảnh nói riêng và các bậc tiền nhân nói chung. Đền thờ và mộ Nguyễn Hữu Cảnh được Bộ Văn hóa, Thông tin - Thể thao và Du lịch (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia (Quyết định số 457/QĐ ngày 25/3/1991), để khẳng định giá trị lịch sử - văn hóa trường tồn của ngôi đền thờ.

Theo người dân địa phương thì đình Bình Hoành được xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ XVII trước khi Nguyễn Hữu Cảnh qua đời. Nguyên thủy ngôi đền được xây dựng chỉ với diện tích 50m², vách ván, mái lợp ngói âm dương. Đến thời vua Gia Long, ông cho trùng tu

lại đền và cất cử 10 từ phu để trông coi chăm sóc. Thường mỗi năm đến ngày 16/5 âm lịch triều đình lại cho chuẩn cấp công quỹ để làm tế lễ. Vào năm Tự Đức thứ 4 - 1851, do đền xuống cấp trầm trọng nên triều đình lại cấp tiền để cất lại về bên hữu khoảng 400m. Những lần trùng tu ngôi đền sau này vẫn chưa tìm thấy tài liệu nào ghi chép. Lần trùng tu gần nhất còn được người dân nhắc tới là vào năm 1960, Ban Quý tế ngôi đền chủ trì trùng tu một số hạng mục như: Mở thêm phía trước chánh điện một hành lang rộng 2m, đổi mái ngói âm dương thành lợp ngói vảy cá, đắp rồng vào 4 cột chính mặt tiền, thay cửa gỗ bằng cửa sắt⁽¹⁾.

Đền thờ Thượng đẳng thần Nguyễn Hữu Cảnh hiện nay tọa lạc trong khu đất bằng phẳng rộng 1.600m², bên bờ sông Đồng Nai giữa nơi cư dân đông đúc. Mặt chính đền quay theo hướng Tây Nam. Xung quanh đền có tường rào bao bọc. Trước đền là khoảng sân rộng tráng xi măng, hướng ra sông. Phía sau giáp đường nhựa đi lại trong phường. Bên hữu giáp đường xe lửa, bên tả giáp đường nhựa dân sinh. Đền thờ cách trung tâm thành phố Biên Hòa hơn 2 km đường chim bay ở hướng Tây Nam. Đến đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh có thể đi từ UBND tỉnh Đồng Nai theo đường Cách mạng Tháng Tám qua cầu Hiệp Hòa 500m, rẽ phải khoảng 50m là tới di tích. Vào trong di tích có thể theo 2 cổng: Cổng chính theo hướng Tây Nam và cổng phụ từ phía sau đền. Đền thờ có kiến trúc kiểu chữ nhị (二) gồm hai phần chính: Chánh điện và nhà khách được nối liền nhau bằng hành lang Đông Tây. Sân đền rộng hơn 2.000m², đặt tượng Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh bằng chất liệu đồng cao hơn 7,5m, đứng trên bệ đá Bửu Long.

- Chánh điện có diện tích 216,24m² (15,9m x 13,6m), được xây dựng bằng chất liệu gạch, xi măng, 4 mái lợp ngói vảy cá. Nền cao 0,8m xây bằng đá xanh, lát gạch Tàu (0,4m x 0,4m). Mặt trước của mái đền gắn rồng châu pháp lam bằng gốm màu xanh. Đối xứng hai bên là cặp lân châu. Hàng cột ở ngoài hành lang mặt tiền trang trí

(1) Theo hồ sơ trùng tu di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh của Bảo tàng Đồng Nai.

rồng cuộn mây bằng chất liệu xi măng đắp nổi, tô màu và chữ Hán trang trí dọc theo mặt trước đền.

Đi vào trong chánh điện bằng 3 cửa chính, cánh cửa bằng gỗ có hệ thống đóng mở dễ dàng. Chánh điện chia làm 3 gian bởi ba hàng, mười hai cột gỗ tròn. Chánh điện ở chính giữa, trong cùng là bàn thờ thần (神), dưới chữ thần là di ảnh của Thượng đẳng thần Nguyễn Hữu Cảnh, hai bên thờ Tả ban, Hữu ban. Bàn hương án thờ thần ở giữa gian, có các điểm khắc chạm rồng châu mặt trời, hoa cá chim muông, được sơn son thiếp vàng đặt trên bệ thờ xây bằng gạch xi măng. Trước bàn thờ thần là bàn la liệt bằng gỗ. Tiếp đến là bàn thờ hội đồng xây bằng gạch, xung quanh đắp nổi nhóm tứ linh bằng chất liệu xi măng. Ngoài cùng là bàn hương án bằng gỗ đặt theo chiều ngang của đền. Xung quanh hương án chạm nổi hình tứ linh. Hai bên chánh điện (theo chiều dọc) là hàng bát bửu bằng đồng. Dọc mặt tường tả, hữu là các bệ thờ bằng xi măng thờ tiên hiền, hậu hiền, thổ thần và ngũ hành.

Góp phần làm cho chánh điện của đền thờ thêm uy nghiêm, cổ kính là hệ thống những bao lam trong mỗi gian thờ thể hiện trình độ cao, kỹ thuật chạm khắc tinh xảo, kết hợp hài hòa giữa đề tài dân gian truyền thống như: Tứ linh, tứ quý, hoa lá, chim muông... Thông qua đó, người xưa như gửi gắm nhiều ước vọng tốt đẹp trong cuộc sống. Những tấm hoành phi treo trên các cây xiên, liên đối bố trí theo các hàng cột được chạm âm, khắc nổi chữ Hán với đường nét chân phương, sơn son thếp vàng làm tăng thêm tính uy nghiêm của ngôi đền. Nội dung, ý nghĩa của hoành phi, liên đối nhằm ca ngợi công đức của Thượng đẳng thần Nguyễn Hữu Cảnh trong việc mở mang bờ cõi, lòng biết ơn của bậc hậu thế với các vị tiền hiền khai khẩn...

Một số liên đối tiêu biểu như:

平 服 二 京 萬 古 功 高 安 福 水
鏡 開 疆 土 千 秋 德 重 配 青 天

Phiên âm:

Bình phục nhị kinh vạn cổ công cao an Phước thủy

Kính khai cương thổ thiên thu đức trọng phối thanh thiên.

Tạm dịch:

Bình định hai kinh: Muôn thuở công cao yên Phước thủy

Kính khai bờ cõi: Ngàn năm đức trọng sánh trời cao.

德重千秋護國安康開邊土

功高萬代黎民咸感肇南州

Phiên âm:

Đức trọng thiên thu hộ quốc an Khang khai biên thổ

Công cao vạn đại lê dân hàm cảm triệu Nam châu

Tạm dịch:

Đức trọng để ngàn năm: Giúp nước vững vàng khai bờ cõi

Công cao truyền muôn thuở: Toàn dân cảm tạ mở phương Nam

平服二京三牲常祭祀

鏡光八向四季並香燈

Phiên âm:

Bình phục nhị kinh tam sanh thường tế tự

Kính quang bát hướng tứ quý tịnh hương đăng

Tạm dịch:

Bình định hai kinh: ‘Tam sanh’ luôn cúng tế

Kính soi tám hướng: Bốn mùa mãi khói - hương.

平安遠畧樹奇勲尊敬常隆祭享

鏡照歷朝稱煒烈顯靈不沒精誠

Phiên âm:

Bình an viễn lược thọ kỳ huân, tôn kính thường long tế tự

Kính chiếu lịch triều xứng vĩ liệt, hiển linh bất một tinh thành

Tạm dịch:

Bình an kế sách muôn thuở lãnh chịu ân sâu, tôn kính luôn dày lễ tế

Kính dọi bao triều đã qua đúng là chói lọi, hiển linh chẳng giảm lòng thành

Hoành phi trong chánh điện:

- 上 等 神 (Thượng đẳng thần)

- 英 靈 天 古 (Anh linh thiên cổ)

Tạm dịch: *Linh thiêng muôn thuở*

- 功 高 北 闕 (Công cao Bắc khuyết)

Tạm dịch: *Công cao tận cửa Bắc*

- 德 達 南 陲 (Đức đạt Nam thùy)

Tạm dịch: *Đức rạng tận bờ Nam*

Trên bàn thờ thần (神) trong chánh điện còn có một hộp gỗ hình chữ nhật sơn màu đỏ lưu giữ được 4 đạo sắc phong của các vua Nguyễn. Bao gồm: 1 đạo sắc *Minh Mạng nhị niên* (明命二年 - 1822); 2 đạo sắc *Thiệu Trị tam niên* (紹治叁年 - 1843) và 1 đạo sắc *Tự Đức tam niên* (嗣德叁年 - 1850), đó là những bảo vật rất thiêng liêng của ngôi đền hiện nay và cũng là nguồn tư liệu có giá trị về nhiều phương diện của di tích.

- Nhà khách ở phía sau chánh điện được tu bổ năm 1960, có 16 cột gạch xi măng vuông, nằm song song với chánh điện, chỉ có 2 bức tường trước, sau ngăn cách; hai mặt còn lại để trống. Chính giữa thờ tiền bối, đối diện thờ tiên sư trên bệ thờ bằng xi măng có kích thước (1,5m x 1,2m), trên có khánh thờ bằng gỗ. Mái nhà khách lợp ngói âm dương, nền cao 0,8m và lát gạch tàu (0,4m x 0,4m). Nhà khách là nơi hội họp của Ban Quý tế và là nơi tiếp khách về dự lễ Kỳ yên - lễ Giỗ Đức Ông.

2.2. Mộ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh

Phần mộ của Nguyễn Hữu Cảnh có diện tích 32,6m² nằm trên gò

đất phía Đông cách đền thờ 50m. Nguyên thủy được xây bằng hợp chất ô dước, sau này được tô một lớp xi măng. Mặt chính của ngôi mộ quay theo hướng Đông Nam, phía trước và sau có bình phong. Mộ gồm đầy đủ thành, quách, được trang trí các họa tiết có phần đơn giản, cặp đối chữ Hán. Toàn khu mộ có tường bao quanh, bức bình phong mặt sau khu mộ được xây kiểu mái đền hai bên có trang trí dây hoa.

Sau bức bình phong ở hai bên là hai cột vuông, cạnh 0,5m, có gắn cặp lân châu bằng gốm đất nung. Sau 2 cột lui vào trong phía sau có 2 cột vuông, mặt trước đắp nổi hình dây lá, trên đỉnh có gắn hình bông sen bằng xi măng. Tường thành bao quanh mộ dày 0,5m, cao 0,5m. Mộ chính được xây hình khối chữ nhật, phía trước có bệ thờ và phần gắn bia đá nhưng không rõ lý do gì hiện nay bia đá không còn nữa. Mộ chính cao 0,4m dài 3m, kiến trúc đơn giản không có gì đặc sắc. Theo một số tư liệu cho biết, sau khi mất, thi hài ông được mang về chôn tại đây, trước khi dòng họ cải táng mang về quê. Do vậy, nên ngôi mộ tại đây được gọi là “quyên táng” (chôn tạm đợi thuận lợi cải táng về quê hương), không phải là “huyền táng” (mộ gió).

3. Lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh

3.1. Công tác chuẩn bị

3.1.1. Phân ban

Theo thông lệ từ xưa, trước khi lễ giỗ diễn ra khoảng 1 tháng, Ban Quý tế đã nhóm họp phân công cụ thể cho từng ban phục vụ lễ cúng⁽¹⁾. Mục đích chính của việc phân ban nhằm tạo sự khớp nối, chỉnh chu trước, trong và sau lễ cúng. Hiện nay, thông lệ này có chút thay đổi là vào chiều ngày 15/5 âm lịch các thành viên Ban Quý tế đều tụ họp về đền thờ dọn dẹp, làm nhiệm vụ phân ban chuẩn bị cho lễ cúng chính trong lễ giỗ, chưng hoa, quả. Để thuận lợi cho công tác tổ chức, điều hành trong lễ cúng, Ban Quý tế đền thờ cử Trưởng ban

(1) Trước đây, theo quy định của làng sau khi nghe trống gióng 3 hồi các thành viên Ban Quý tế đều phải tụ họp về đền thờ chuẩn bị cho việc phân ban trong lễ giỗ Đức Ông.

đứng ra quản lý tất cả các ban. Ban Quý tế đền thờ cho nhân sự phân làm 5 ban, mỗi ban có Tổ trưởng lo liệu công việc, chịu trách nhiệm chính của ban mình phụ trách. Nhân sự ở các ban đều là thành viên của Ban Quý tế đền thờ, họ đều có trách nhiệm như nhau. Các ban trong Lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh được phân công cụ thể như sau:

- Ban chấp sự: 10 người lo việc đánh trống, chiêng, mõ trong lễ cúng. Trong ban này, người đánh mõ thái bình thường cố định hàng năm không thay đổi, còn các thành viên khác như: 1 người đánh kiểng lệnh, 1 người đánh chiêng lệnh (loại kễng, chiêng nhỏ thường đặt trên mỗi bàn thờ), 2 người đánh trống, 2 người đánh chiêng có thể thay đổi nếu thành viên đó bận việc.

- Ban lễ nghi: Chuyên lo cúng kiểng, nghi thức trong lễ hội. Nhân sự của ban này gồm có: Thầy lễ (chịu trách nhiệm về nghi thức tế tự, đọc văn cúng, văn tế, xướng trong các nghi lễ cúng), ban nhạc chịu trách nhiệm về nhạc lễ trong các nghi cúng (đi thuê), lão niên (người lớn tuổi có uy tín chuyên niệm hương khấn vái khi vào lễ cúng), tiên bói (người chuyên quỳ trước bàn thờ tiên bói dâng lễ vật), chánh tế, bồi tế, Đông hiến, Tây hiến được phân công quỳ hầu trước bàn thờ dâng lễ vật, rót rượu xuyên suốt các nghi cúng của lễ cúng, thị lập (gồm 4 người: 1 tả dinh, 1 hữu dinh đứng ở hai bên bàn thờ thần, 2 ông đứng ở chánh điện), thủ từ (ngồi cạnh bàn thờ thần suốt thời gian diễn ra lễ cúng. Ông từ có 2 nhiệm vụ (1) đảm nhiệm việc gõ chuông khi có khách đến lễ bái, (2) trong lễ cúng nhận lễ vật do học trò lễ dâng lên và đặt vào bàn thờ cúng thần).

- Ban lễ sinh (Học trò lễ): 6 người chia làm 3 cặp (1 cặp bưng đèn, 1 cặp bưng đài, 1 cặp xướng). Học trò lễ phải qua đào tạo, thường xuyên luyện tập, số lượng người cố định. Ngoài tiền điện bố trí bàn để 6 học trò lễ túc trực thực hành các nghi thức trong lễ cúng.

- Ban Hỏa thực: Hàng năm, trong lễ cúng thường chuẩn bị khoảng 70 mâm. Trong đó, các món ăn không thể thiếu là thịt kho, canh khổ qua, mắm sặc thịt luộc, bánh tét, củ cải muối. Ngoài ra, còn có các món mới như cà ri gà, lẩu chua...

- Ban lễ tân: Chuyên lo việc đón khách, tiếp khách trong lễ giỗ.

3.1.2. Thời gian tổ chức lễ

Lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh (phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) là lễ giỗ sớm so với bốn quán của Đức Ông. Theo đó, tại quê hương Quảng Bình, lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh diễn ra vào ngày 19/5 âm lịch nhưng tại Đồng Nai lễ giỗ tổ chức trong 2 ngày (15-16/5 âm lịch) với các nghi thức cụ thể sau:

- Ngày 15/5 âm lịch: 8 giờ, thành viên tề tựu tại đền thờ trang trí, đơm hoa quả; 17 giờ, cúng an vị sắc thần, lễ thượng kỳ; 19 giờ, hạp giềng mối.

- Ngày 16/5 âm lịch: 00 giờ 15, lễ trình sanh; 1 giờ, lễ tiên yết; 5 giờ, lễ tế tiên bối; 8 giờ, lễ đàn ca; 11 giờ, lễ tất.

3.1.3. Lễ vật

Lễ vật trong lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh thường cúng mặn gồm: Món chính là xôi, thịt; các món phụ như thịt heo luộc, thịt heo sống, cháo lòng, lòng heo luộc, bún, rau sống; rượu trắng.

- Xôi trắng là lễ vật chính trong lễ giỗ. Trước đây, mỗi nhà đều có mâm xôi tế thần, tạ ơn thần đã phù hộ cho một năm bình an, no ấm. Theo quy định của làng, người nào chức vụ càng cao thì mâm xôi càng được đặt gần bàn thờ thần.

- Thịt: Trước đây tế thần có tam sanh (heo, bò, dê), nay chỉ còn heo tế. Heo dùng trong cúng thần có 3 loại: Heo cúng (cúng thần trong lễ trình sanh), heo gỏi (heo quay của người dân tế tạ ơn thần), heo cơm (heo dùng tế tiên hiền, hậu hiền). Sau khi tế xong, heo được xẻ thịt đãi khách tham dự lễ hội.

- Hương, đăng, trà, hoa quả, rượu cúng tế thần. Đặc biệt, lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh có lịch lễ trùng đầu vụ mùa trái cây ở Nam Bộ. Chính vì thế, lễ giỗ là dịp cho bá tánh ở Đồng Nai nói riêng, Nam Bộ nói chung dâng lên cho Đức Ông những loại trái cây ngon nhất đầu vụ như bưởi, chôm chôm, vú sữa, xoài... Một số bá tánh, các đoàn còn tổ chức kết hoa quả nghệ thuật (rồng, phượng) để dâng lên hương án Đức Ông trong dịp này.

Bố trí lễ vật trên bàn thờ như sau: Bàn thờ thần bố trí hoa quả, bánh. Bàn hội đồng (bên trên có bộ tam sự) chỉ bày hoa, hương, đăng, trà, quả. Các bàn thờ khác (tiền hiền, hậu hiền; tả ban, hữu ban; bạch mã, thái giám...) đều có cơm canh, thịt, trầu cau, trà nước, hoa quả (mỗi nghi cúng đều thay lễ vật).

3.1.4. Lễ phục

Lễ phục của thành viên các ban trong lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh hiện vẫn gìn giữ theo trang phục lễ nghi cúng đình Nam Bộ truyền thống. Theo đó, chánh tế, bồi tế áo dài, khăn đóng màu đỏ; các thành viên khác áo dài, khăn đóng màu xanh; học trò lễ trong trang phục truyền thống màu vàng, chân mang hia màu đen.

3.2. Diễn trình Lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh

3.2.1. Nghi lễ an vị sắc thần, lễ thượng kỳ

Đại diện chánh tế thắp nhang khấn nguyện trước bàn thờ thần. Thực hành các nghi thức: Cử sát tế vật (kiểm tra lễ vật đặt trên bàn thờ); chấp sự giả các tư kỳ sự (các chấp sự viên đến vị trí ai lo việc nấy); chánh tế tụ vị (chánh tế vào vị trí); nghệ quán tẩy sở (đến chỗ rửa tay, rửa mặt); quán tẩy (rửa tay, rửa mặt (tượng trưng); thuế cân (lau tay); khai sắc (khai sắc); sảo thối (hơi lui về sau một chút); khởi chiêng (đánh chiêng); nhạc sanh tụ vị (nhạc sanh vào vị trí); chánh tế tụ vị (chánh tế vào vị trí, xá và bưng hộp sắc từ bàn thờ thần xuống đặt trước phía trước, xá 3 xá và khai sắc).

Vào lúc 17 giờ: Ban Tế tự làm lễ thượng kỳ. Lễ vật cúng được bày dưới cột cờ trước sân đền thờ gồm: Hương, đăng, trà, quả, vàng mã, 1 con gà luộc, 4 chén cơm, 1 đĩa thịt luộc, 1 tô canh khổ qua, 1 đĩa xôi, 2 ổ bánh mì, 1 tô la gu gà. Ban Tế tự tề tựu đông đủ trong đền thờ, sau khi thực hành các nghi thức: Quán tẩy (rửa tay, rửa mặt), thuế cân (lau khô); chánh tế và bồi tế đi đến trước bàn thờ thần van vái, sau đó đi ra trước sân đền thờ (nơi dựng cột cờ) để khấn nguyện, tiến hành thượng kỳ và đốt vàng mã. Mục đích của lễ thượng kỳ là để khai mở lễ hội, kính báo với thần linh, đất trời về việc tổ chức lễ giỗ. Đồng thời, thông cáo cho mọi người trong làng xã biết để đến tham dự lễ hội.

Bên trong lá cờ có thêu 5 chữ Hán: Bình Kính Thượng đẳng thần (平鏡上等神).

3.2.2. Hợp giềng mối

Mục đích là phân công trách nhiệm cho từng thành viên của các ban đã được phân ban trước đó. Vào lúc 19 giờ, các hương chức tụ họp tại đền thờ, chánh tế sẽ phân công việc cụ thể cho từng người về trách nhiệm trong suốt lễ cúng, nhiệm vụ trong các nghi tiết của lễ cúng. Việc hợp giềng mối sẽ giúp cho phân định trách nhiệm một cách rạch ròi, công tác tổ chức sẽ đảm bảo sự thông suốt, vẹn toàn trong suốt lễ giỗ.

3.2.3. Nghi lễ trình sanh (thỉnh sanh, thỉnh sanh)

Vào lúc 00 giờ ngày 16/5 âm lịch, Ban Tế tự và lễ sinh tề tựu đông đủ tại đền thờ. Trước bàn thờ hội đồng ngoại ở tiền điện bố trí một con heo sống, khỏe mạnh⁽¹⁾ được cột chặt 4 chân, đặt trên một chiếc bàn. Các thành viên trong Ban Tế tự tiến hành làm lễ trình sanh. Chánh tế đổ một ly rượu trắng vào miệng con heo, tưới rượu lên cổ con heo cho sạch sẽ trước khi làm lễ tế thần. Sau đó, con heo được thọc huyết. Chánh tế lấy 3 cái ly có ít rượu trắng hứng huyết heo, nhỏ một nhúm lông gáy bỏ vào 3 ly, rồi cùng học trò lễ đem đặt trước bàn thờ thần. Huyết này dùng để thực hiện nghi thức “ế mao huyết” tế thần. Cuối buổi lễ trình sanh, học trò lễ bưng song dâng, nhất đài đi trước, bồi tế bưng ly mao huyết theo sau ra góc cây, đào đất lên, đổ mao huyết xuống rồi khăn vải thần, rót rượu, tưới xung quanh, đốt vàng mã rồi lấp đất lại. Nghi thức ế mao huyết nhằm cầu vị thần cai quản đất đai phù hộ cho vùng đất này tươi tốt, vạn vật sinh sôi nảy nở, dân Khang vật phụ.

3.2.4. Nghi lễ tiên yết

Nghi lễ này diễn ra sau lễ trình sanh, nội dung là báo cho thần biết ngày hôm sau sẽ có đại lễ. Thời gian vào lúc 1 giờ ngày 16/5 âm lịch, Ban Tế lễ chuẩn bị đầy đủ lễ vật, nhang đèn, chiêng, trống, mõ,

(1) Trước đây, phải là con heo đen tuyền, mập béo, nguyên tơ.

nhạc lễ, y phục chỉnh tề bắt đầu làm lễ tiên yết để nghinh đón thần hiển linh phù hộ cho dân làng mọi điều tốt lành. Trước kia vào giờ này, nhà nhà đều thức để chuẩn bị xôi cúng; Ban Hội tề phải cử người thường trực để nhận xôi, gióng mõ thúc xôi. Lễ vật trong nghi túc yết là con heo được làm trong lễ thỉnh sanh, trên lưng heo cắm 1 con dao, 6 chung mao, huyết đặt trên bàn thờ thần, cùng với hương đăng trà quả đã bày biện sẵn trước đó. Thực hiện lễ túc yết gồm có: Chánh tế, bồi tế, Đông hiến, Tây hiến, học trò lễ, các thị lập cùng với các thành viên trong Ban Quý tế phụ bàn hương.

Tổ chức lễ tiên yết theo nghi điển lệ:

Lễ sinh xướng	Thành viên Ban Tế tự thực hành
Ế mao huyết	Chôn mao huyết
Củ sát tế vật	2 lễ sinh bùng đèn cho chánh tế, phó tế, bồi tế kiểm tra lễ vật đặt trên bàn thờ
Chấp sự giả các tư kỳ sự	Các chấp sự viên đến vị trí ai lo việc nấy
Chánh tế viên tựu vị	Chánh tế vào chỗ bàn nghi
Nghệ quán tẩy sở	Đến chỗ rửa tay, rửa mặt
Quán tẩy	Rửa tay, rửa mặt (tượng trưng)
Thuế cân	Lau tay
Phục vị	Trở về lại chỗ bàn nghi
Khởi sắc	Khai sắc
Sảo thối	Tạm lui ra sau 1 chút
Khởi kỉnh, khởi cổ lệnh, khởi thái bình thỉnh, khởi chiêng, khởi cổ	Khởi kỉnh, khởi cổ lệnh, khởi thái bình thỉnh, khởi chiêng, khởi cổ
Nhạc sanh tựu vị	Ban nhạc vào trước hương án hội đồng (trước bàn nghi)
Tác nhạc	Ban nhạc tấu nhạc theo 3 hồi, 9 chấp

Lễ sinh xướng	Thành viên Ban Tế tự thực hành
Nhạc sanh thối vị	Nhạc sanh lui về
Niệm hương lão viên tỵ vị	Các viên quan vào vị trí niệm hương
Nghệ quán tẩy sở	Đến chỗ rửa tay, rửa mặt
Quán tẩy	Rửa tay, rửa mặt (tượng trưng)
Thuế cân	Lau tay
Phục vị	Trở về lại chỗ bàn nghi
Giai quỳ	Tất cả đều quỳ
Niệm hương	Đốt hương
Thượng hương	Dâng hương
Phủ phục	Quỳ mọp xuống
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Sảo thối	Tạm lui ra sau một chút
Chánh tế tỵ vị	Chánh tế vào chỗ bàn nghi
Bồi tế tỵ vị	Bồi tế vào chỗ bàn nghi
Chánh Đông hiến, chánh Tây hiến tỵ vị	Đông hiến, Tây hiến đều vào chỗ bàn nghi
Nghệ hương án tiền	Đến trước bàn hương án
Giai quỳ	Quỳ
Phản hương	Đốt hương
Thượng hương	Dâng hương

Lễ sinh xướng	Thành viên Ban Tế tự thực hành
Phủ phục	Quỳ mọp xuống
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Hành sơ hiến lễ, nghệ tôn tửu sở	Nghi đầu tiên
Giai quỳ	Quỳ
Tấn tước nghệ thần vị tiền	Đến trước thần vị của thần
Hiến tước	Dâng lễ
Phủ phục	Quỳ mọp xuống
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Hành á hiến lễ	Nghi đầu
Giai quỳ	Quỳ
Tấn tước nghệ thần vị tiền	Đến trước thần vị của thần
Hiến tước	Dâng lễ
Phủ phục	Quỳ mọp xuống
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Nghệ độc chúc vị	Đến vị trí độc chúc

Lễ sinh xướng	Thành viên Ban Tế tự thực hành
Giai quỳ	Quỳ
Độc chúc	Độc chúc
Phủ phục	Quỳ mọp xuống
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Chánh tế, bồi tế, chánh Đông hiến, chánh Tây hiến sảo thối	Chánh tế, bồi tế, chánh Đông hiến, chánh Tây hiến lui ra
Bổn thôn đẳng đẳng nam nữ đồng lai bái	Nam nữ trong thôn vào cúng
Chánh tế, bồi tế, chánh Đông hiến, chánh Tây hiến phục vị	Chánh tế, bồi tế, chánh Đông hiến, chánh Tây hiến vào vị trí bàn nghi
Hành chung hiến lễ	Nghi cuối
Giai quỳ	Quỳ
Tấn tước	Chuẩn bị lễ
Hiến tước	Dâng lễ
Phủ phục	Quỳ mọp xuống
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Điểm trà	Rót trà
Niệm thần ân cúc cung bái	Lạy ân thần 4 lạy

Lễ sinh xướng	Thành viên Ban Tế tự thực hành
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Sảo thối	Tạm lui ra sau một chút
Lễ sinh tiến hội đồng vị	Lễ sinh bước tới bàn hội đồng
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy
Sảo thối	Tạm lui ra sau một chút
Phân chúc	Đốt chúc
Chánh tế, bồi tế, chánh Đông hiến, chánh Tây hiến phục vị nạp sắc	Chánh tế, bồi tế, chánh Đông hiến, chánh Tây hiến vào vị trí nạp sắc
Lễ thành	Lễ xong

Sau khi thực hiện xong lễ túc yết, heo tế được đưa xuống nhà bếp, xẻ ra thành nhiều phần thịt và luộc chín tiếp tục đưa lên các bàn: Bàn thờ thần đặt bộ thủ vĩ (đầu, đuôi, móng, lòng, thịt), các bàn thờ khác kiếng mỗi nơi một phần thịt, 1 be sườn và một ít lòng luộc.

3.2.5. Nghi lễ cúng tiên bối

Vào lúc 2 giờ, tiến hành lễ tế tiên bối. Thực hiện nghi lễ gồm có: Chánh tế, bồi tế, học trò lễ, ban nhạc lễ... Ban Quý tế chuẩn bị mâm cơm đặt trước bàn thờ tiên bối (先輩) phía sau của chánh điện. Trên mâm có bố trí 5 chén đĩa, 2 tô cơm, 2 tô canh khổ qua, 2 chén thịt kho tàu, 2 đĩa mì xào.

Các thành viên Ban Tế tự tiến hành các nghi:

Lễ sinh xướng	Thành viên Ban Tế tự thực hành
Cử sát tế vật	2 lễ sinh bưng đèn cho chánh tế, phó tế, bồi tế kiểm tra lễ vật đặt trên bàn thờ
Chấp sự giả các tư kỳ sự	Các chấp sự viên đến vị trí ai lo việc này

Lễ sinh xướng	Thành viên Ban Tế tự thực hành
Khởi chinh	Đánh chiêng trống
Khởi cổ	Đánh trống
Khởi nhạc	Khởi nhạc
Niệm hương lão viên tỵ vị	Bô lão niệm hương vào vị trí
Nghệ quán tẩy sở	Đến chỗ rửa tay, rửa mặt
Quán tẩy	Rửa tay, rửa mặt (tượng trưng)
Thuế cân	Lau tay
Phục vị	Trở về lại chỗ bàn nghi
Nghệ hương tiên bối vị tiền	Đến trước bàn hương án
Giai quỳ	Quỳ
Niệm hương	Đốt hương
Thượng hương	Dâng hương
Phủ phục	Quỳ mọp xuống
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Sảo thối	Hơi lui về sau một chút
Tế viên tỵ vị	Các viên quan tỵ vị
Nghệ quán tẩy sở	Đến chỗ rửa tay, rửa mặt
Quán tẩy	Rửa tay, rửa mặt (tượng trưng)
Thuế cân	Lau tay
Phục vị	Trở về lại chỗ bàn nghi
Hiến chúc hương nghệ tiên bối vị tiền	Dâng chúc văn tiên bối
Giai quỳ	Quỳ

Lễ sinh xướng	Thành viên Ban Tế tự thực hành
Phần hương	Đốt hương
Thượng hương	Dâng hương
Phủ phục	Quỳ mọp xuống
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Sơ hiến lễ nghệ tiên bối vị tiền	Nghi đầu cúng tiên bối
Giai quỳ	Quỳ
Chước tửu	Rót rượu
Điện tửu	Dâng rượu
Phủ phục	Quỳ mọp xuống
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Hiến lễ nghệ tiên bối vị tiền	Dâng lễ tiên bối
Giai quỳ	Quỳ
Chước tửu	Rót rượu
Điện tửu	Dâng rượu
Phủ phục	Quỳ mọp xuống
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Chuyển chúc nghệ đọc chúc vị	Chuyển giao chúc văn
Giai quỳ	Tất cả quỳ

Lễ sinh xướng	Thành viên Ban Tế tự thực hành
Đọc chúc	Đọc văn cúng
Phủ phục	Quỳ mọp sát đất
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Sảo thối	Tạm lui ra sau một chút
Bổn thôn nam nữ đồng lai bái	Nam nữ trong thôn vào cúng
Tế viên quan phục vị	Viên quan trở về vị trí
Chung hiến lễ nghệ tiên bối vị tiền	Dâng lễ lần cuối cúng tiên bối
Giai quỳ	Tất cả quỳ
Chước tửu	Rót rượu lễ
Điện tửu	Dâng rượu
Phủ phục	Quỳ mọp sát đất
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Điểm trà	Rót trà
Phủ phục	Quỳ mọp sát đất
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Sảo thối	Tạm lui ra sau một chút
Lễ sinh tiên bối vị tiền	Lễ sinh vào trước bàn tiên bối
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy

Lễ sinh xướng	Thành viên Ban Tế tự thực hành
Phần chúc	Đốt chúc văn
Lễ đặt	Lễ xong

3.2.5. Nghi lễ cúng đàn cả

Vào 8 giờ, các ban được phân công vào vị trí của mình. Học trò lễ lên nhang đèn các bàn thờ (bàn thờ thần, tả ban, hữu ban, hội đồng nội, hội đồng ngoại...), các ban như: Nhạc lễ, trống, chiêng, mõ vào vị trí. Chánh tế thực hiện mở hộp đựng sắc, thỉnh sắc lên và xá 3 xá trước bàn thờ thần (sau khi lễ tất sẽ hoàn sắc vào hộp và an vị tại bàn thờ thần). Đúng 9 giờ, lễ đàn cả bắt đầu, các thành viên vào vị trí đã ấn định từ trước.

Các nghi được thực hiện như sau:

Lễ sinh xướng	Thành viên Ban Tế tự thực hành
Cử sát tế vật	Hai lễ sinh bưng đèn cho chánh tế, phó tế, bồi tế kiểm tra lễ vật đặt trên bàn thờ
Chánh tế tựu vị	Chánh tế vào vị trí
Nghệ quán tẩy sở	Đến chỗ rửa tay, rửa mặt
Quán tẩy	Rửa tay, rửa mặt (tượng trưng)
Thuế cân	Lau tay
Phục vị	Trở về lại chỗ bàn nghi
Khải sắc	Khai sắc
Sảo thối	Tạm lui ra
Chấp sự giả các tư kỳ sự	Các chấp sự viên đến vị trí ai lo việc nấy
Chấp sự giả các tư kỳ sở	Các chấp sự viên đến vị trí
Khởi kiểng	Khởi kiểng
Khởi cổ lệnh	Khởi trống
Khởi thái bình	Khởi mõ

Lễ sinh xướng	Thành viên Ban Tế tự thực hành
Khởi chiêng	Khởi chiêng
Khởi đại cổ	Khởi trống lớn
Nhạc sanh tựu vị	Ban nhạc vào trước hương án hội đồng (trước bàn nghi)
Khải nhạc	Ban nhạc tấu nhạc theo 3 hồi, 9 chấp
Thối vị	Lui ra
Niệm hương lão viên tựu vị	Các viên quan niệm hương vào vị trí
Nghệ quán tẩy sở	Đến chỗ rửa tay, rửa mặt
Quán tẩy	Rửa tay, rửa mặt (tượng trưng)
Thuế cân	Lau tay
Phục vị	Trở về lại chỗ bàn nghi
Giai quỳ	Quỳ
Niệm hương	Đốt hương
Thượng hương	Dâng hương
Phủ phục	Quỳ mọp xuống
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Sảo thối	Tạm lui ra sau một chút
Chánh tế tựu vị	Chánh tế vào chỗ bàn nghi
Bồi tế tựu vị	Bồi tế vào chỗ bàn nghi
Nghệ quán tẩy sở	Đến chỗ rửa tay, rửa mặt
Quán tẩy	Rửa tay, rửa mặt (tượng trưng)
Thế cân	Lau tay, lau mặt (tượng trưng)
Phục vị	Trở về lại chỗ bàn nghi

Lễ sinh xướng	Thành viên Ban Tế tự thực hành
Chánh Đông hiến, chánh Tây hiến tựu vị	Đông hiến, Tây hiến đều vào chỗ bàn nghi
Nghệ quán tẩy sở	Đến chỗ rửa tay, rửa mặt
Quán tẩy	Rửa tay, rửa mặt (tượng trưng)
Thế cân	Lau tay, lau mặt (tượng trưng)
Phục vị	Trở về lại chỗ bàn nghi
Nghệ hương án vị tiền	Đến trước bàn hương án
Giai quỳ	Tất cả đều quỳ
Phần hương	Đốt hương
Thượng hương	Dâng hương
Phủ phục	Quỳ mọp xuống
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Hành sơ hiến lễ	Tiến hành lễ dâng rượu lần đầu
Nghệ tửu tôn sở	Đến chỗ để mâm rượu
Giai quỳ	Tất cả đều quỳ
Tấn tước	Các viên chủ tế lấy bầu rượu đưa lên ngang trán khấn nguyện
Nghệ thần vị tiền	Đến trước thần vị của thần
Hiến tước	Các viên chủ tế vãn quỳ, lễ sinh đứng dậy, nhạc và đào thài hộ tống dâng lên bàn thờ thần
Phủ phục	Quỳ mọp xuống
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình

Lễ sinh xướng	Thành viên Ban Tế tự thực hành
Hành á hiến lễ	Tiến hành lễ dâng rượu lần thứ hai
Nghệ tửu tôn sở	Đến chỗ để mâm rượu
Giai quỳ	Tất cả đều quỳ
Tấn tước	Các viên chủ tế lấy bầu rượu đưa lên ngang trán khấn nguyện
Nghệ thần vị tiền	Đến trước thần vị của thần
Hiến tước	Các viên chủ tế vãn quỳ, lễ sinh đứng dậy, nhạc và đào thài hộ tống dâng lên bàn thờ thần
Phủ phục	Quỳ mọp xuống
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Chánh tế tiến hội đồng vị	Chánh tế tiến tới bàn hội đồng
Bồi tế tiến chánh tế vị	Bồi tế tiến tới vị trí chánh tế
Đông hiến, Tây hiến tiến bồi tế vị	Đông hiến, Tây hiến tiến tới vị trí bồi tế
Nghệ độc chúc vị	Đến chỗ đọc chúc văn
Giai quỳ	Tất cả đều quỳ
Độc chúc	2 lễ sinh cầm đèn hầu, thầy lễ đọc văn tế
Phủ phục	Quỳ mọp xuống
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Hành chung hiến lễ	Tiến hành lễ dâng rượu lần cuối
Nghệ thần vị tiền	Đến trước thần vị của thần
Giai quỳ	Tất cả đều quỳ

Lễ sinh xướng	Thành viên Ban Tế tự thực hành
Tấn tước	Các viên chủ tế lấy bầu rượu đưa lên ngang trán khấn nguyện
Hiến tước	Các viên chủ tế vãn quỳ, lễ sinh đứng dậy, nhạc và đào thái hộ tống dâng lên bàn thờ thần
Phủ phục	Quỳ mọp xuống
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Tứ phước tộ	Ban cho quà phước của thần
Nghệ ẩm phước vị	Đến chỗ uống rượu phước
Giai quỳ	Tất cả đều quỳ
Ẩm phước	Uống rượu phước
Thụ tộ	Nhận quà ban tặng của thần
Phủ phục	Quỳ mọp xuống
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Cúc cung bái	Khom mình cung kính lạy
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Chánh tế, bồi tế, Đông hiến, Tây hiến sảo thối	Chánh tế, bồi tế, Đông hiến, Tây hiến lui ra
Các ban quý tế lân hữu đồng lai chiêm ngưỡng	Ban Quý tế các đền thờ vào cúng thần
Bổn thôn hương đẳng nam nữ đồng lai bái	Nam nữ trong thôn vào cúng
Chánh Đông hiến, chánh Tây hiến phục vị	Chánh Đông hiến, chánh Tây hiến vào vị trí bàn nghi
Chánh tế, bồi tế phục vị	Chánh tế, bồi tế vào vị trí bàn nghi
Điểm trà	Rót trà

Lễ sinh xướng	Thành viên Ban Tế tự thực hành
Phủ phục	Quỳ mọp xuống
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy
Hưng bình thân	Đứng lên nghiêm mình
Chánh tế, bồi tế, Đông hiến, Tây hiến sảo thối	Chánh tế, bồi tế, Đông hiến, Tây hiến lui ra
Lễ sinh tiến hội đồng vị	Lễ sinh tiến tới bàn hội đồng
Cúc cung bái	Lạy 4 lạy
Phân chúc	Đốt chúc
Chánh tế, bồi tế, chánh Đông hiến, chánh Tây hiến phục vị	Chánh tế, bồi tế, chánh Đông hiến, chánh Tây hiến vào vị trí
Nạp sắc	Nạp sắc
Lễ tất	Lễ xong

3.2.6. Lễ cúng mộ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh và cô hồn, liệt sỹ

- *Nghi cúng tại mộ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh*: Trước khi nghi cúng đàn cả bắt đầu, chánh tế cùng 2 vị trong Ban Quý tế mặc trang phục truyền thống (áo dài khăn đóng) mang 1 mâm lễ vật gồm xôi, thịt heo luộc, 1 tô canh chua... khấn lạy dâng một tuần hương tại mộ. Lễ tất, chánh tế cùng 2 vị thành viên vào chánh điện thực hiện nghi đàn cả.

- *Nghi cúng cô hồn, liệt sỹ trận vong*: Sau khi nghi đàn cả kết thúc, Ban Quý tế chuẩn bị một mâm lễ vật, đặt trước sân để cúng cô hồn, liệt sỹ trận vong. Lễ vật cúng gồm 1 mâm cơm (1 gà trống luộc, thịt heo, đĩa muối, gạo, hương đăng, hoa quả...). Chánh tế, bồi tế và 2 học trò lễ là những người tham gia nghi cúng. Chánh tế khấn vái, dâng 1 tuần hương, sau đó mang đĩa muối, gạo ra rải khắp sân đền, đốt vàng mã, lễ tất.

3.2.7. Lễ bái của các đoàn và Nhân dân địa phương

Với công đức của Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh, sau khi mất, ông được Nhân dân thờ phụng, cúng bái rất nhiều nơi như ở An Giang, Tiền Giang, Quảng Bình và Campuchia... Riêng ở vùng đất Cù lao Phố, nơi đặt tổng hành dinh của Nguyễn Hữu Cảnh khi vào Nam kinh lược theo lệnh chúa Nguyễn và khi mất, thi hài ông được an táng tại đây nên Nhân dân ở vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng và Nam Bộ nói chung thờ tự và tổ chức giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh một cách trang trọng, thành kính với đầy đủ các nghi thức theo điển lệ cúng đình truyền thống. Do vậy, trong 2 ngày diễn ra lễ giỗ, Ban Quý tế đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh tiếp đón hàng ngàn lượt người dân khắp mọi nơi trong tỉnh và khu vực đến cúng bái. Đặc biệt trong 2 ngày giỗ có hơn 60 đoàn là đại diện Ban Quý tế các đình, đền tại thành phố Biên Hòa trong trang phục áo dài, khăn đóng truyền thống đến dâng lễ vật và cúng bái. Ngoài ra, đoàn lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam tỉnh cùng các sở, ban, ngành của tỉnh; chính quyền các phường, xã của thành phố Biên Hòa đều đến dâng hương và lễ bái Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh.

Đối với Nhân dân địa phương và khách thập phương thường viếng tự do vào các khung giờ khác nhau. Riêng các đoàn đại biểu của chính quyền các cấp và Ban Quý tế các đình, đền trong thành phố Biên Hòa viếng Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào buổi sáng ngày 16/5 âm lịch. Lễ vật của các đoàn đến dâng cúng gồm hương, đăng, hoa quả... Khi đến viếng, các đoàn sẽ được ghi danh, được xưng tên và lần lượt mời vào thực hiện nghi thức cúng. Trong thời gian Ban Quý tế đền thờ thực hiện nghi cúng đàn cả, nếu các đoàn đến sớm thì sẽ được mời dùng trà ngoài sân, chờ lễ tất mới vào cúng. Vào ngày 16/5 âm lịch, các đoàn và Nhân dân sau khi cúng xong, sẽ được Ban Quý tế mời dùng cơm thân mật. Các món tiếp đãi bá tánh là những lễ vật sau khi cúng được mang xuống như: Heo quay, xôi, canh khổ qua, thịt kho Tàu, cơm, rượu trắng... Bá tánh dùng bữa cơm trong không khí vui vẻ với tâm niệm là đã được hưởng lộc của Đức Ông ban cho.

3.3. Phần hội của Lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh

Về phần hội, xưa kia Lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai có tổ chức các trò chơi dân gian vào ngày 15/5 âm lịch như: Thi đánh cờ người, đi cà kheo, đá gà, thổi xôi cúng thần, kéo co...; hoạt động văn nghệ có Nghệ thuật Đờn ca tài tử. Kết thúc phần hội, Ban Quý tế có trao các phần thưởng cho đội thắng cuộc nhằm động viên, cổ vũ người tham gia. Đây là nét sinh hoạt văn hóa được người dân nhiệt tình hưởng ứng và Ban Quý tế duy trì hàng năm. Tuy nhiên vào những năm đất nước có chiến tranh, đền thờ không tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao dân gian. Năm 2024, được sự quan tâm của các cấp chính quyền tỉnh Đồng Nai, UBND thành phố Biên Hòa đã chủ trì xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động hội trong lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh. Trong đó, phần lễ nghi giữ nguyên yếu tố truyền thống, phần hội được phục dựng và bổ sung nhiều hoạt động phong phú trước và trong lễ giỗ nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần của Nhân dân. Ngày 15/5 âm lịch, nhiều phần hội được tổ chức gồm: Hội thi vẽ tranh, triển lãm ảnh đẹp theo chủ đề các nhân vật lịch sử, cảnh đẹp vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai của các trường tiểu học trong thành phố Biên Hòa; hội thi trang trí, triển lãm không gian văn hóa, ẩm thực xưa, triển lãm gốm Biên Hòa xưa và nay giữa các đơn vị phường, xã của thành phố; các trò chơi dân gian như: Kéo co, bịt mắt đập niêu được tổ chức với sự tham gia đông đảo, hào hứng của các học sinh, Nhân dân địa phương. Buổi tối cùng ngày, là các hoạt động văn nghệ với nhiều tiết mục ca múa nhạc, cải lương với tuồng tích xưa do các diễn viên, nghệ sĩ của Nhà hát nghệ thuật Đồng Nai và Đội văn nghệ thành phố Biên Hòa biểu diễn. Đặc biệt điểm nhấn của đêm hội là phần trình diễn pháo hoa tầm thấp thu hút khá đông bà tánh chiêm ngưỡng.

Có thể nói, lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh được nâng lên không chỉ trở thành một lễ hội của Nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai mà còn mang tính biểu trưng cho văn hóa Nam Bộ. Mỗi dịp lễ giỗ, đã thu hút rất đông đảo Nhân dân địa phương và khu vực tham dự, tạo ra một không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng có ý nghĩa nhân

văn sâu sắc. Qua đó, người dân họp mặt, trao đổi, chia sẻ công việc làm ăn, buôn bán... tạo sự gắn bó, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Đồng thời cầu cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Để hoạt động lễ hội ngày càng phong phú, tạo ra một sân chơi bổ ích cho Nhân dân địa phương, đồng thời bảo tồn được các giá trị văn hóa truyền thống, rất cần thiết khôi phục và duy trì các hoạt động phần hội nêu trên.

4. Giá trị của lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh

4.1. Giá trị lịch sử của lễ hội

Lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh gắn liền với di tích lịch sử đền thờ và mộ Nguyễn Hữu Cảnh là một trong những di tích tiêu biểu đánh dấu tiến trình hơn 325 năm hình thành và phát triển của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng và cả vùng Nam Bộ nói chung. Đặc biệt, đây là di tích lịch sử đầu tiên ở Nam Bộ thờ danh nhân Nguyễn Hữu Cảnh, người có công đầu trong việc “điểm nhãn dư đồ lịch sử” của vùng đất phương Nam; trong đó, Đồng Nai là nơi ông đã chọn để lập tổng hành dinh khi lần đầu vào kinh lược. Là di tích duy nhất của tỉnh Đồng Nai và Nam Bộ thờ một danh nhân được triều đình phong kiến 4 lần phong sắc vào: Ngày 24/9 năm Minh Mạng thứ ba (năm Nhâm Ngọ, nhuận tháng 3 âm lịch) - ngày 17/11/1822; ngày mùng 2/7 năm Thiệu Trị thứ ba (năm Quý Mão, nhuận tháng bảy âm lịch) - ngày 28/7/1843; ngày mùng 2/7 năm Thiệu Trị thứ ba (năm Quý Mão, nhuận tháng bảy âm lịch) - ngày 26/8/1843; ngày mùng 8/7 năm Tự Đức thứ ba (năm Canh Tuất) - ngày 15/8/1850.

Các đời vua nhà Nguyễn nhớ công đức to lớn đã sắc phong cho Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh làm Thượng đẳng thần với các mỹ tự hiển hách như: Đời vua Minh Mạng ban các từ “Thác Cảnh Uy Viễn Chiêu Ứng”, đời vua Thiệu Trị ban thêm các từ “Thành Cảm” và “Hiển Linh”, đời vua Tự Đức ban thêm hai từ “Trác Vĩ”. Đó là cũng là các mỹ tự nhằm tăng thêm vai trò, trách nhiệm của thần đối với vùng đất mà thần thay mặt nhà vua cai quản. Sắc thần vua ban là bảo vật quý báu, thiêng liêng, có ý nghĩa biểu trưng cho quốc gia, dân tộc nên tất cả người dân trong làng đều có ý thức trân trọng, bảo vệ, giữ gìn.

Sắc thần được Ban Quý tế dâng thờ trân trọng gìn giữ, coi đó như báu vật của đền, những ngày thường không được phép mở ra xem, khi tổ chức lễ giỗ mới tiến hành làm lễ khai sắc.

4.2. Giá trị văn hóa lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh

4.2.1. Tôn vinh truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc Việt Nam

Nguyễn Hữu Cảnh là danh nhân được Nhân dân cả nước ngưỡng vọng tôn thần, được thờ tự tại nhiều nơi trong nước và nước ngoài. Sự tồn tại của lễ hội gắn với di tích lịch sử đền thờ và mộ Nguyễn Hữu Cảnh khẳng định truyền thống đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây” của người Việt Nam nói chung và Nhân dân Đồng Nai nói riêng đối với những người có công lao với Nhân dân, với đất nước. Qua đó góp phần rất lớn trong việc tuyên truyền giáo dục truyền thống yêu nước, yêu quê hương trong các thế hệ người Việt Nam hôm nay và mai sau, để mỗi người tự nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh, cũng như phải biết giữ gìn và phát huy những giá trị lịch sử, văn hóa của dân tộc.

4.2.2. Đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân

Sự hiện diện của lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh gắn với di tích trong suốt mấy trăm năm qua, đã góp phần tô điểm thêm cho vẻ đẹp nên thơ vốn có của Cù lao Phố, nơi từng được mệnh danh là một thương cảng đô hội phồn vinh lớn nhất Nam Bộ vào thế kỷ XVIII. Thông qua thực hành lễ giỗ hàng năm, người dân trong và ngoài tỉnh đến đây rất đông dâng lễ thấp nhang khấn vái trước vị nhân thần mà họ tôn kính để mà “kỳ chi tất ứng” (cầu sẽ được đáp lại), “cảm chi tất thông” (động lòng thấu hiểu); mong muốn được các thần ban phước lành và che chở cũng như tìm đến một chỗ dựa về tinh thần trong cuộc sống. Chính nơi đây mới truyền tải cho con người những triết lý về nhân sinh quan, vũ trụ quan, từ đó hướng con người tới những nét đẹp của các chuẩn mực đạo đức chân - thiện - mỹ trong cuộc sống; là nơi để bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc được hình thành và bảo lưu từ ngàn xưa đến nay.

Lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh là nơi thể hiện rõ các giá trị đạo đức, tính nhân văn, tính cộng đồng, tinh thần đoàn kết của người Việt. Trong không gian vừa linh thiêng vừa gần gũi, quen thuộc ấy, người dân gửi gắm những nhu cầu tâm linh của mình với nguyện ước về một gia đình bình an, no ấm; về một làng xã, đất nước thái bình, thịnh trị. Ngôi đền cũng trở nên thân thuộc với tất cả người dân trong làng xã; dù đi xa ở đâu nhưng tới ngày lễ giỗ cũng tề tựu về tỏ lòng thành kính với vị thần trong một năm đã gia hộ cho bản thân, gia đình, cộng đồng nhiều điều tốt lành. Lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh gắn với ngôi đền có vai trò như một trung tâm về mặt tình cảm, tạo sự gắn bó mật thiết giữa các thành viên trong làng xã; động viên, giúp đỡ nhau vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Người dân hướng về lễ hội với tất cả lòng thành kính, ngưỡng vọng tưởng nhớ về công lao của Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh trong việc mở mang bờ cõi, bảo bọc cho muôn dân. Những thành viên Ban Quý tế cũng là đầu mối trao truyền các giá trị văn hóa một cách hữu hiệu. Mọi người dân đều ý thức rất rõ trách nhiệm của mình trong việc chung tay gìn giữ các giá trị văn hóa mà cha ông để lại. Họ tự nguyện tham gia vào đội học trò lễ, tập luyện nghi thức tế tự truyền thống mà không cần bất kỳ khoản thù lao nào; tìm hiểu nghi thức tế tự, giao lưu cùng các đình miếu bạn trong các lễ cúng, đóng góp công sức, tiền của trong việc trùng tu, tôn tạo và quảng bá di tích.

4.2.3. Tính cố kết cộng đồng

Lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh được tổ chức thường niên là dịp để người dân dù ở gần hay làm ăn nơi xa cũng tề tựu về đông đủ để thể hiện lòng biết ơn của mình đối với vị Thành hoàng bốn cảnh. Thông qua lễ cúng thể hiện được tinh thần đoàn kết, thắt chặt hơn mối quan hệ hàng xóm láng giềng. Giá trị của lễ cúng không chỉ trong phạm vi của làng xã, cố kết cộng đồng mà thực tế hoạt động lễ hội đang góp phần vào việc gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh khẳng định được tính bền vững của các giá trị văn hóa truyền thống trước những tác động từ điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của thời kỳ hội nhập quốc tế.

Qua hoạt động của lễ giỗ sẽ là môi trường để giao lưu giữa các ngôi đình, miếu trong và ngoài tỉnh với nhau, tăng cường hơn sự đoàn kết, học hỏi lẫn nhau về nghi thức tế tự, cách thức tổ chức lễ cúng. Đó cũng là dịp các đình, miếu trong tỉnh quy tụ, chia sẻ với nhau về kinh nghiệm, điều chỉnh những bất cập trong thờ tự ở đình, quản lý đình làng, tổ chức lễ hội; gắn kết hoạt động lễ hội ở đình làng với các hoạt động văn hóa ở địa phương. Qua thực tế tổ chức lễ hội đình làng mà nhiều ngôi đình khôi phục được nghi thức tế tự, văn cúng, văn tế, tìm được sắc thần của đình làng.

4.2.4. Gìn giữ, trao truyền các giá trị văn hóa dân tộc

Lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh là môi trường gìn giữ, thực hành, trao truyền các giá trị di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể). Có thể thấy, thông qua thực hành lễ hội, các tri thức về văn hóa được trao truyền cho các thế hệ qua hình thức tham gia trực tiếp lễ cúng; thực hành các nghi thức tế tự truyền thống. Đặc biệt, các vị cao niên trong làng chỉ dạy trực tiếp cho thế hệ trẻ bằng tình yêu và trách nhiệm của người đi trước. Đây cũng là dịp để các nghệ nhân, các vị cao niên, thành viên Ban Quý tế đền thờ phục hồi các nghi thức tế tự truyền thống vốn có, nay đã bị thất truyền. Lễ giỗ cũng là dịp để người dân từ khắp nơi tề tựu về đền thờ trước là bái thần, sau là giao lưu gặp gỡ, trao đổi các tri thức về tế tự, nhắc nhở về những cống hiến của ông, chia sẻ nguồn tư liệu về Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh... Qua việc tổ chức lễ cúng các mạnh thường quân thể hiện tấm lòng của mình đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa (hỗ trợ kinh phí trùng tu tôn tạo di tích, kinh phí tổ chức lễ Kỳ yên, phục dựng các nghi tiết lễ Kỳ yên...). Đồng thời, những người dân trong làng xã có dịp thể hiện trách nhiệm của mình đối với cộng đồng (tự nguyện tham gia vào việc phục vụ lễ cúng, vào ban hậu cần, thực hành nghi thức học trò lễ, tiếp đón khách, giữ xe, giữ gìn an ninh trật tự...).

Việc thực hành, duy trì, phát triển lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh góp phần làm phong phú thêm những sinh hoạt văn hóa dân gian tại vùng đất Đồng Nai. Qua đó cũng khẳng định các giá trị văn hóa là lựa chọn của cộng đồng, do cộng đồng gìn giữ, trao truyền

và trải qua quá trình thích ứng với điều kiện tự nhiên, xã hội thì nó mang những giá trị bền vững với thời gian. Hơn nữa, lễ giỗ gắn với cộng đồng, do cộng đồng gìn giữ, tôn vinh nhiều đời nay. Đó chính là tầng sâu của tâm thức văn hóa người Việt; là tài sản quý giá, là bản sắc riêng có của cộng đồng.

4.2.5. Giáo dục truyền thống, tinh thần yêu nước, yêu quê hương

Lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh có ý nghĩa giáo dục sâu sắc cho cộng đồng, đặc biệt thế hệ trẻ lòng yêu quê hương đất nước, tinh thần cống hiến và phụng sự Tổ quốc, niềm tự hào về vốn văn hóa truyền thống của dân tộc. Qua hoạt động của lễ giỗ đã góp thêm nhiều tư liệu quý giá về văn hóa dân tộc cho công tác nghiên cứu, học tập của mọi người, đặc biệt là học sinh, sinh viên trên lĩnh vực khoa học, xã hội và nhân văn. Thực hành lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh giúp cho các nhà nghiên cứu có thêm nguồn tư liệu quan trọng khi tìm hiểu, so sánh, đối chiếu về quá trình hình thành và phát triển của lễ hội đình làng ở Đồng Nai.

4.2.6. Giá trị di sản tư liệu

Các giá trị văn hóa phi vật thể gắn liền với di tích, lễ hội như: Hệ thống chữ Hán thể hiện trên hoành phi, liễn đối, bài vị, sắc phong, văn cúng, văn tế... được bảo quản tương đối đầy đủ, mang các giá trị văn hóa, lịch sử thể hiện trình độ điêu khắc tài tình, bút pháp điêu luyện của người xưa. Đặc biệt, hệ thống di sản Hán Nôm ấy ngoài nội dung ẩn chứa thì nó còn có giá trị trang trí, làm tăng tính uy nghiêm, cổ kính và tính thiêng cho ngôi đền. Đặc biệt, đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh còn là ngôi đền duy nhất ở Đồng Nai còn lưu giữ được cả 4 đạo sắc phong của các vua triều Nguyễn. Các đạo sắc này có ý nghĩa vô cùng quan trọng, có tính thiêng liêng cao, là niềm tự hào của Ban Quý tế đền thờ và mọi người dân trong làng suốt mấy trăm năm qua. Sắc thần còn là sự công nhận hợp pháp của Nhà nước phong kiến ngày xưa đối với ngôi đền, công nhận công đức của Nguyễn Hữu Cảnh trong việc luôn phò giúp đất nước, che chở Nhân dân. Đặc biệt, thầy lễ còn phối hợp với các nhà nghiên cứu dày công ghi chép, chỉnh sửa, phiên âm, dịch nghĩa các hoành phi, câu đối, sắc thần, văn cúng tế

Hán Nôm... giúp cho mọi người hiểu hết những giá trị nhân văn ẩn chứa, thêm yêu quý hơn quê hương đất nước, đoàn kết nhau trong cuộc sống.

4.3. Giá trị kinh tế, phát triển du lịch

Giá trị mà lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh mang lại chính là giá trị về văn hóa, lịch sử; đây chính là nguồn tài nguyên nhân văn và cũng là tài nguyên về kinh tế để cho ngành du lịch phát triển. Các nhà nghiên cứu, nhà quản lý văn hóa hoạch định chính sách có thể dựa trên nguồn tài nguyên nhân văn này xây dựng thành một sản phẩm du lịch có giá trị phục vụ cộng đồng.

Lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh được định hình và tồn tại hàng trăm năm qua chính là ở giá trị mà nó mang lại thỏa mãn nhu cầu, lợi ích cho cộng đồng. Sự kết tinh của giá trị văn hóa, giá trị lịch sử, khoa học, giá trị đạo đức, nhân văn của lễ giỗ đã tạo nên sức mạnh của văn hóa, phản ánh tâm thức văn hóa của dân tộc. Những giá trị cốt lõi ấy chính là nền tảng, là cội nguồn sức mạnh dân tộc, là vốn kinh tế để các thế hệ hôm nay và mai sau phát huy, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mình.

5. Hiện trạng của lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh

Công tác quản lý và tổ chức lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh hàng năm ở đền thờ thực hiện nghiêm các quy định về quản lý và tổ chức lễ hội của Nhà nước. Ở Đồng Nai, các cấp chính quyền địa phương có sự quan tâm đặc biệt đối với di tích đền thờ Thượng đẳng thần Nguyễn Hữu Cảnh cũng như lễ giỗ gắn với di tích. Địa phương đã xác định việc thực hành lễ giỗ Lễ Thành hầu thường niên nhằm ghi nhớ công lao của Nguyễn Hữu Cảnh trong việc mở mang bờ cõi, bảo vệ cho muôn dân nhiều đời nay. Điều đó cũng thể hiện được truyền thống văn hóa, đạo lý “uống nước nhớ nguồn”; “ăn quả nhớ người trồng cây”; thể hiện sự quan tâm trong giáo dục truyền thống cho các thế hệ gắn với tôn vinh những người có công với dân, với nước. Ý nghĩa của lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh quan trọng không riêng gì đối với người dân Đồng Nai mà còn có tầm ảnh hưởng

đối với cả vùng Nam Bộ⁽¹⁾. Do vậy, hàng năm vào dịp lễ giỗ, phường Hiệp Hòa, nơi di tích tọa lạc luôn nhận được sự quan tâm của chính quyền địa phương trong việc thống nhất phương thức tổ chức, cử dân quân phường tới bảo vệ an ninh, trật tự... Phường Hiệp Hòa đã chú trọng đến các phương án nhằm đảm bảo an toàn cho lễ hội được diễn ra. Vì vậy, trong thời gian diễn ra lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh đã không xảy ra các sự cố, các biểu hiện tiêu cực như: Mê tín dị đoan, cờ bạc, lưu hành ấn phẩm trái quy định, hủy hoại môi trường, mất an ninh trật tự... bước đầu đã tạo được sự đồng tình, ủng hộ của đông đảo Nhân dân cũng như các tổ chức xã hội. Điều đó cho thấy sự đồng thuận của chính quyền và Nhân dân trong công tác tổ chức, quản lý lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh.

Lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh được tổ chức với phần lễ trang trọng, linh thiêng và thành kính, đã kế thừa, chọn lọc, bảo tồn những phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc theo xu hướng lành mạnh, tiến bộ, tiết kiệm. Việc tổ chức lễ giỗ hàng năm đã góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho Nhân dân ở địa phương. Qua đó, góp phần giáo dục cho các thế hệ về truyền thống lịch sử, văn hóa, tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong cộng đồng, tương trợ nhau trong cuộc sống.

Nhận thức chung của các cấp chính quyền và Nhân dân địa phương về duy trì, bảo vệ, phát huy giá trị di sản lễ giỗ được nâng cao. Qua thực hành, đã huy động được các nguồn lực xã hội từ tổ chức, cá nhân (Nhân dân, mạnh thường quân...) thông qua hình thức xã hội hóa trong việc tham gia vào công tác quản lý, tổ chức lễ hội; nâng cao, phát huy được vai trò chủ thể và năng lực sáng tạo giá trị văn

(1) Để ghi nhớ công tích của Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh đối với vùng đất Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh đã xây dựng đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh bề thế, khang trang tại phường Long Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo các vị cao niên toàn bộ từ kiến trúc, bài trí đối tượng thờ chính, phối thờ, trang trí mỹ thuật; lễ hội (nghỉ thức cúng tế, văn cúng văn tế...), các ngày lễ trong năm đều được mô phỏng từ đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh ở phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa. Đặc biệt, hàng năm lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh cũng được địa phương này tổ chức rất long trọng và có sự giao lưu với các địa phương trong cả nước.

hóa của cộng đồng. Do vậy, phần lớn nguồn kinh phí tổ chức lễ giỗ đều do Nhân dân địa phương tự nguyện đóng góp. Kinh phí sau lễ cúng được công khai minh bạch với người dân để cùng nhau quản lý, phân bổ, điều hành hiệu quả, hợp lý. Việc sử dụng kinh phí được bàn bạc, thống nhất nhằm đảm bảo sử dụng đúng mục đích vào các việc như: Tế tự các ngày lễ trong năm tại đền thờ, trùng tu tôn tạo di tích, phục dựng các nghi thức tế tự, đối ngoại với các đình khác trong và ngoài tỉnh...

Tỉnh Đồng Nai luôn quan tâm đối với công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung và di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh nói riêng. Bảo tàng Đồng Nai đã tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về giá trị của di tích, thi về nghi thức tế tự ở đình làng, hội thảo về phát huy giá trị di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh... Hàng năm, tỉnh đều tổ chức hội thi tìm hiểu về giá trị văn hóa - lịch sử Đồng Nai. Từ đó, thu nhận nhiều bài viết về di tích, nhiều clip ngắn về lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh của các đối tượng là học sinh, sinh viên, công chức, viên chức... Qua đó, cũng thu nhận được nhiều đề xuất, ý kiến gợi mở về bảo tồn di sản trong quá trình hội nhập hiện nay. Tỉnh Đồng Nai đã thực hiện đề án trùng tu, tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh; mà lễ giỗ là một hạng mục được quan tâm đặc biệt. Đó như điểm nhấn góp phần tạo nên giá trị của di sản trong mối quan hệ với các hoạt động văn hóa khác ở địa phương. Hoạt động lễ hội đã có được phương án đầu tư, khôi phục, phát huy gắn kết với các hoạt động văn hóa, du lịch tạo điểm nhấn trong không gian văn hóa của vùng đất Cù lao Phố.

Hàng năm, đền thờ tổ chức lễ giỗ các ngành chức năng của tỉnh luôn phối hợp cùng Ban Quý tế trong thực hiện chương trình lễ cúng và phần hội. Thông qua đó góp phần điều chỉnh những bất cập trong công tác tổ chức lễ, nội dung tế tự... Ban Quý tế cùng người dân địa phương dành sự quan tâm đặc biệt cho các hoạt động của lễ giỗ ở đền thờ. Cộng đồng chung tay, tự giác bảo tồn, khôi phục các nghi thức của lễ giỗ. Nhiều năm liền, Ban Quý tế đền thờ đều tham gia các cuộc thi về nghi thức tế tự của đình do Văn miếu Trấn Biên tổ chức. Qua đó, Ban Quý tế có dịp giao lưu, học hỏi, khôi phục các nghi thức

tế tự truyền thống trước đây có nhưng nay đã bị mai một. Đồng thời cũng kịp thời điều chỉnh những bất cập trong công tác tổ chức, nội dung lễ cúng, nghi thức tế tự, văn cúng văn tế đã bị mai một hoặc biến đổi do quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa, do quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

Đối với chủ thể di sản: Trước khi tổ chức lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh, Ban Quý tế và người dân địa phương đều có những cuộc họp để phân ban, thống nhất các phương án, kế hoạch, chương trình trước, trong và sau lễ cúng. Công tác quản lý và tổ chức lễ giỗ được quản lý chặt chẽ, nội dung phong phú, đa dạng, phù hợp với văn hóa truyền thống. Trong đó, thống nhất về nguồn tài chính tổ chức, nhân sự, khách mời. Việc quản lý tài chính trong lễ cúng đảm bảo được công khai, minh bạch, sử dụng đúng mục đích. Nguồn kinh phí thu được từ lễ cúng có phương án sử dụng hiệu quả, đúng mục đích nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, phát triển du lịch của địa phương, tái tu bổ di tích và tổ chức lễ cúng những năm tiếp theo.

Ban Tổ chức lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh đã có những quy định hoạt động đối với thành viên Ban Quý tế, Nhân dân, khách tham dự lễ trên tiêu chí chung là nâng cao ý thức giữ gìn và bảo vệ di tích, bảo vệ lễ hội, cảnh quan, môi trường, thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa tín ngưỡng, giữ gìn sự trang nghiêm, linh thiêng nơi thờ tự, đẩy lùi những bất cập, tiêu cực, hành vi không hợp thuần phong mỹ tục...

6. Các biện pháp bảo vệ

Lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh có giá trị, vai trò, vị trí đặc biệt trong đời sống tinh thần không chỉ đối với người dân Biên Hòa - Đồng Nai mà còn của tất cả Nhân dân vùng đất Nam Bộ và Quảng Bình nơi quê hương Nguyễn Hữu Cảnh. Do vậy, trong thời gian qua, Đảng bộ, chính quyền các cấp và Nhân dân tỉnh Đồng Nai rất quan tâm đến Lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh.

Hoạt động bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa được Tỉnh ủy, UBND tỉnh đặc biệt quan tâm, thể hiện qua Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 30/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

(khóa XI) về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng. Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về triển khai thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 30/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XI) về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng; theo đó, UBND tỉnh xác định tập trung khai thác, đầu tư di sản văn hóa phục vụ phát triển du lịch, trong đó có các lễ hội truyền thống. Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XI) về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, con người Đồng Nai trở thành nguồn lực, động lực quan trọng cho phát triển toàn diện và bền vững. Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 08/3/2024 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XI) về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, con người Đồng Nai trở thành nguồn lực, động lực quan trọng cho phát triển toàn diện và bền vững; trong kế hoạch có nhiều nội dung quan trọng, trong đó có các nhiệm vụ trọng tâm và cụ thể liên quan đến công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) ở Đồng Nai.

Đối với đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, năm 1998, kỷ niệm 300 hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Đồng Nai đã quyết định cho tu bổ, tôn tạo lại các hạng mục di tích gốc và cho xây dựng nhà bia, tượng đài Nguyễn Hữu Cảnh và cải tạo lại toàn bộ cảnh quan. Năm 2009-2010, được sự hỗ trợ từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia chống xuống cấp di tích của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; nguồn vốn sự nghiệp giao cho Ban Quản lý Di tích và Danh thắng tu bổ, tôn tạo các hạng mục: chánh điện, nhà khách, nhà bếp, hạ giải thay thế một số cấu kiện gỗ do bị mối mọt xâm hại nặng; thay thế cửa chính bằng sắt sang cửa gỗ; dặm vá, quét vôi lại hệ thống tường bao quanh công trình; thay mới toàn bộ gạch tàu nhà hậu đình...

Năm 2020, UBND tỉnh Đồng Nai đã thực hiện dự án trùng tu, mở rộng khu di tích Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh khang trang với nhiều hạng mục như trùng tu đền thờ, xây dựng nhà trưng bày, nhà túc, cây xanh, tường rào, chốt bảo vệ, hệ thống đường nhựa bao quanh di

tích.... với tổng kinh phí hơn 100 tỷ đồng, công trình hoàn thành vào năm 2024.

Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai đã có nhiều hoạt động tích cực nhằm thực thi nhiệm vụ bảo tồn, phát huy di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh, đạt được những kết quả quan trọng, tạo bước phát triển mới trong đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân, khơi dậy tinh thần bảo tồn, phát triển các giá trị di sản văn hóa dân tộc trong nhân dân trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã trực tiếp ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; tuyên truyền nâng cao năng lực cộng đồng cho công tác bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa, gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

Năm 2024, UBND thành phố Biên Hòa ban hành kế hoạch số 7756/KH-UBND ngày 16/5/2024 về việc tổ chức hoạt động kỷ niệm nhân ngày giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh. Theo đó, thành phố sẽ tổ chức các hoạt động hội như: Hội chợ ẩm thực, thi vẽ tranh chủ đề, các trò chơi dân gian như kéo co.... trong 2 ngày diễn ra lễ giỗ.

Bảo tàng tỉnh đã tiến hành nhiều hoạt động nhằm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Đồng Nai nói chung và đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh nói riêng; tổ chức kiểm kê định kỳ và lập hồ sơ khoa học đề nghị đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Thông tư 04/2010/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Hàng năm, vào các dịp lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh, Bảo tàng tỉnh đều tiến hành chụp hình, quay phim tư liệu để lưu trữ, phục vụ công tác số hóa và phát huy về sau. Năm 2023, Bảo tàng tỉnh đã thực hiện nhiệm vụ làm phim tư liệu phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai để giới thiệu và quảng bá về di tích và lễ hội của đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh.

Về phía địa phương phường Hiệp Hòa - nơi đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh tọa lạc, luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ, tạo mọi điều kiện thuận lợi để di sản được thực hành và phát huy giá trị. Hàng năm, UBND phường đều hỗ trợ vật chất, kinh phí, đảm bảo an ninh trật tự trong việc tổ chức lễ hội. Ngoài ra, chính quyền đồng hành với

Ban Quý tế hỗ trợ vật chất như: Xe sân khấu, hệ thống âm thanh, ánh sáng... cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao, văn nghệ.

Về phía chủ thể di sản văn hóa, đại diện là Ban Quý tế đền qua các thời kỳ luôn có ý thức cao đối với việc gìn giữ, thực hành các nghi lễ gắn với di tích hàng trăm năm qua. Trong công tác tổ chức thực hành di sản, Ban Quý tế chủ động xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, tự nguyện đóng góp kinh phí để tổ chức lễ hội. Ngoài ra, trong quá trình thực hành lễ hội, các thành viên trong Ban Quý tế còn chủ động trao truyền các kỹ năng, kinh nghiệm, bí quyết của di sản cho các thế hệ kế cận theo phương thức trực tiếp, cầm tay chỉ việc. Chính việc trực tiếp tham gia và học hỏi bằng thực tiễn đã giúp cho các lễ nghi của đền luôn có đội ngũ kế thừa cho tương lai.

Trong tương lai, lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của chính quyền các cấp, thông qua các biện pháp bảo vệ di sản sau:

- Xây dựng hồ sơ khoa học lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, sẽ góp phần nâng cao công tác bảo tồn và phát huy các giá trị lễ hội tồn tại bền vững theo thời gian. Triển khai xây dựng Đề án Bảo tồn và phát huy lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050, sau khi di sản được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi danh. Trong đề án chú trọng đến việc phân cấp quản lý, hỗ trợ đồng bào trong công tác bảo tồn và phát huy lễ hội gắn với nhiệm vụ thường xuyên của các địa phương, các sở, ban ngành của tỉnh.

- Di tích và lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh tọa lạc tại trung tâm vùng đất Cù lao Phố - một thương cảng sầm uất của Nam Bộ trong thế kỷ XVIII. Vùng đất này là điểm tụ cư của người Kinh và người Hoa. Chính vì vậy, vùng đất này là nơi hình thành, bồi tụ và phát triển nhiều di sản văn hóa đặc sắc không chỉ riêng ở Đồng Nai mà còn cả vùng đất Nam Bộ. Hiếm có nơi nào mà các dấu ấn, vết tích văn hóa - lịch sử lại dày đặc như Cù lao Phố. Với diện tích gần 7km², Cù lao Phố xưa - phường Hiệp Hòa nay có tổng cộng 11 ngôi đình, 5

ngôi chùa người Việt, 1 miếu Quan Thánh Đế Quân người Hoa và 1 di tích lịch sử. Đặc biệt hơn các di tích của vùng đất có lịch sử lâu đời, đa phần mặt chính hướng ra sông, có khoảng cách khá gần nhau. Như vậy, lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh khi được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, tỉnh Đồng Nai sẽ quy hoạch đô thị, kết nối các di tích, di sản văn hóa phi vật thể của vùng đất Cù lao Phố với nhau dọc theo đường thủy và đường bộ để hình thành các điểm, tuyến du lịch tâm linh, du lịch văn hóa, nghỉ dưỡng và khám phá hấp dẫn du khách.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức cho cộng đồng trong việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nói chung và lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh nói riêng. Trong công tác tuyên truyền, giáo dục trong cộng đồng, chú trọng đến bộ phận thế hệ trẻ vì đây là đối tượng kế thừa. Hiện nay tỉnh và ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh đã xây dựng chương trình giảng dạy địa phương các cấp trong đó có giới thiệu các di tích lịch sử, cách mạng, văn hóa, kiến trúc trên địa bàn và đã triển khai giảng dạy trong các trường phổ thông.

- Thường xuyên giới thiệu quảng bá các hoạt động của lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh trên nền tảng công nghệ số như số hóa 3D di tích, giới thiệu lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh trên website, Youtube... Đưa di tích đền thờ thành điểm đến trong hoạt động du lịch của địa phương, của tỉnh. Những giá trị văn hóa của đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh và các lễ nghi gắn với di tích đưa vào khai thác trong hoạt động du lịch chính là một cách để quảng bá di sản sâu rộng trong xã hội, ngày càng đến được với nhiều người.

- Duy trì và phục dựng nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ trong lễ giỗ như thi cờ người, đi cà kheo... Đặc biệt, phục dựng và tổ chức cuộc thi kết hoa trái nghệ thuật, trình diễn nghệ thuật đờn ca tài tử, hát dân ca... nhằm tạo không khí vui tươi, phấn khởi, thu hút nhiều bà tánh.

- Liên kết với các địa phương, Ban Quý tế các đền thờ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh trong nước (An Giang, Tiền Giang, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Bình) để giao lưu văn hóa, nghi lễ, nghi

thức truyền thống và quảng bá cho lễ hội (lễ giỗ), để lễ hội ngày càng lan tỏa không chỉ trong cộng đồng vùng Nam Bộ mà ngày càng lan tỏa trong phạm vi toàn quốc và hướng ra quốc tế.

- Gắn truyền thống với hiện tại và phát huy truyền thống “uống nước nhớ nguồn” với những sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc và cách mạng ở địa phương, lãnh đạo tỉnh cùng các sở, ban ngành tổ chức dân hương để thể hiện lòng thành với tiền nhân, với danh nhân văn hóa; đồng thời tạo tiền đề để Nhân dân đến chiêm bái ở đền thờ ngày càng đông và nâng cao tính thiêng tâm linh của đền thờ Thượng đẳng thần Nguyễn Hữu Cảnh.

DANH SÁCH CHỦ THẺ VĂN HÓA
LỄ GIỖ LỄ THÀNH HẦU NGUYỄN HỮU CẢNH
(Phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

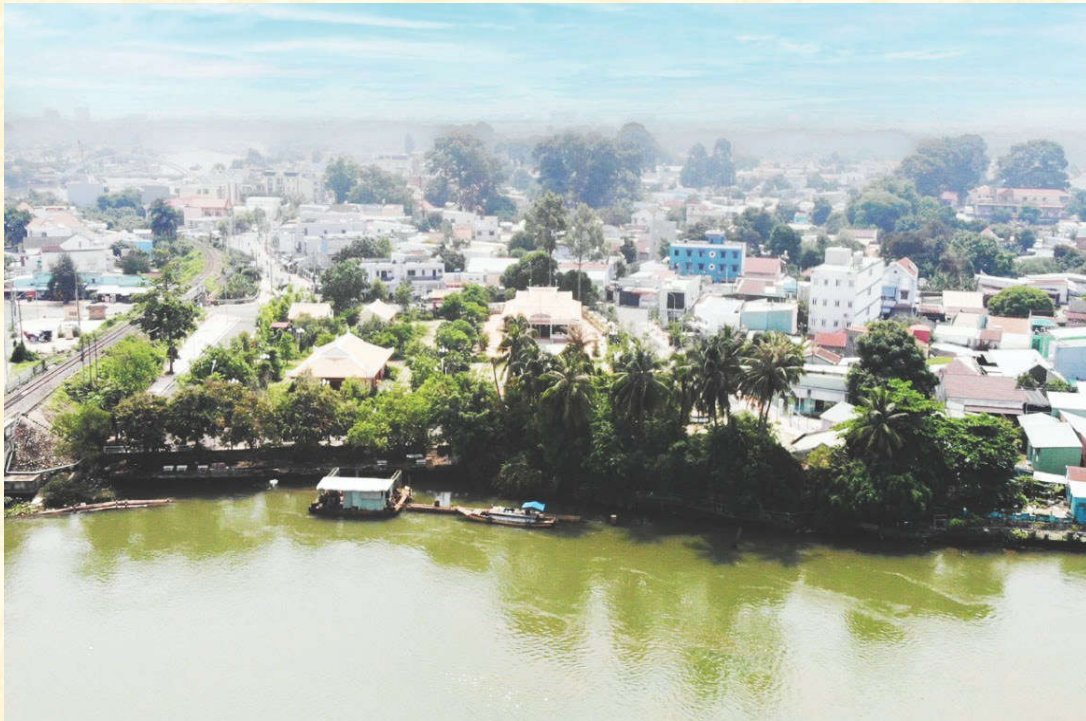
TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Địa chỉ	Ảnh
1	Nguyễn Thế Lực	1951	Trưởng ban	P. Hiệp Hòa, TP. Biên Hòa	
2	Nguyễn Trung Cang	1960	Phó ban	P. Hiệp Hòa, TP. Biên Hòa	
3	Nguyễn Văn Đứng	1950	Phó ban	P. Hiệp Hòa, TP. Biên Hòa	
4	Nguyễn Trung Chánh	1961	Thành viên	P. Hiệp Hòa, TP. Biên Hòa	

Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Địa chỉ	Ảnh
5	Lương Văn Tâm	1963	Thành viên	P. Hiệp Hòa, TP. Biên Hòa	
6	Lưu Công Đại	1965	Thành viên	P. Hiệp Hòa, TP. Biên Hòa	
7	Nguyễn Hồng Thủy	1970	Thành viên	P. Hiệp Hòa, TP. Biên Hòa	
8	Nguyễn Tấn Đức	1968	Thành viên	P. Hiệp Hòa, TP. Biên Hòa	
9	Đặng Quốc Hùng	1968	Thành viên	P. Hiệp Hòa, TP. Biên Hòa	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Địa chỉ	Ảnh
10	Huỳnh Hữu Nam	1975	Thành viên	P. Hiệp Hòa, TP. Biên Hòa	
11	Bùi Thanh Long	1972	Thành viên	P. Hiệp Hòa, TP. Biên Hòa	
12	Hồ Tấn Phát	1970	Thành viên	P. Hiệp Hòa, TP. Biên Hòa	

Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai



Không ảnh khu vực di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh.



Không ảnh khuôn viên di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh.



Cổng chính của di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh.



Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh.



Chánh điện của đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh.



Hương án thờ Nguyễn Hữu Cảnh tại gian chánh điện.



Tượng Đức Ông Nguyễn Hữu Cảnh tại đền thờ (Chất liệu đồng).



Khu mộ Đức Ông Nguyễn Hữu Cảnh tại Tp. Biên Hòa nhìn từ trên cao.



Cổng chính khu mộ Đức ông Nguyễn Hữu Cảnh tại Tp. Biên Hòa.



Mộ Đức ông Nguyễn Hữu Cảnh tại Tp. Biên Hòa.



Khấn Đức Ông trước khi thực hiện nghi Thượng kỳ.



Chánh tế niệm hương, khấn Đức Ông trong nghi Thượng kỳ.



Ban Tế tự thực hiện nghi thưng kỳ.



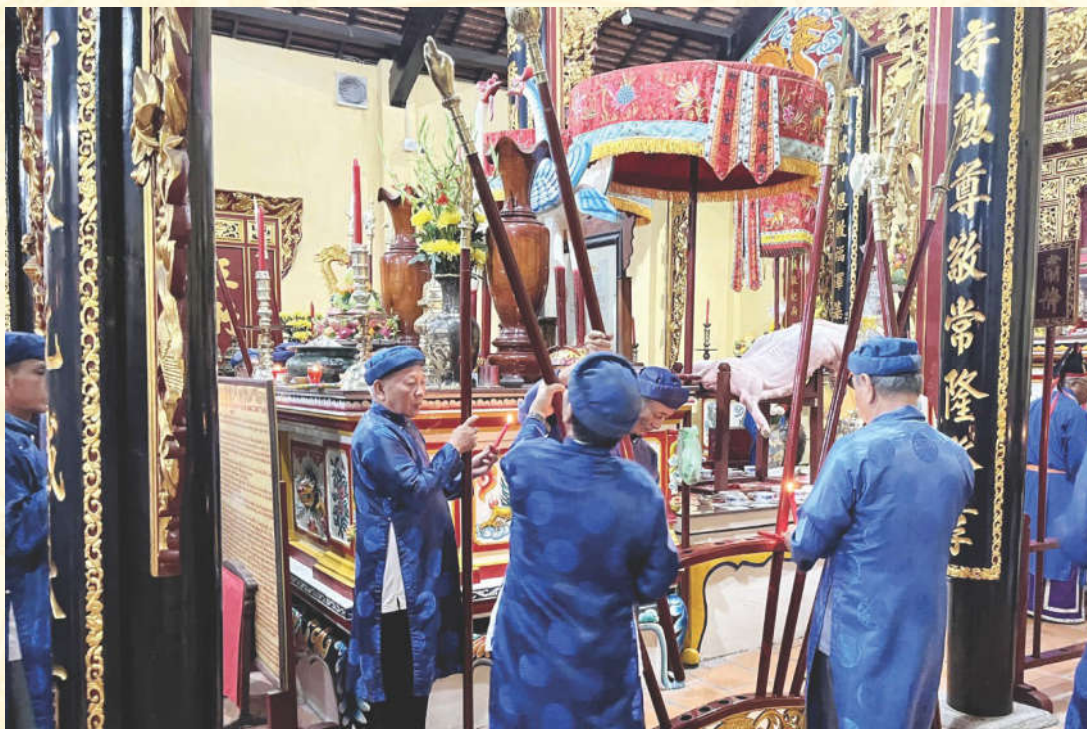
Ban Tế tự thực hiện nghi thưng kỳ.



Ban Tế tự thực hiện nghi thưng kỳ.



Các lễ vật trong nghi Thánh sanh.



Thành viên Ban Tế tự kiểm tra lửa bộ trong nghi Thỉnh sanh.



Thành viên Ban Tế tự chỉnh tề đứng trước chánh điện thực hiện nghi Thỉnh sanh.



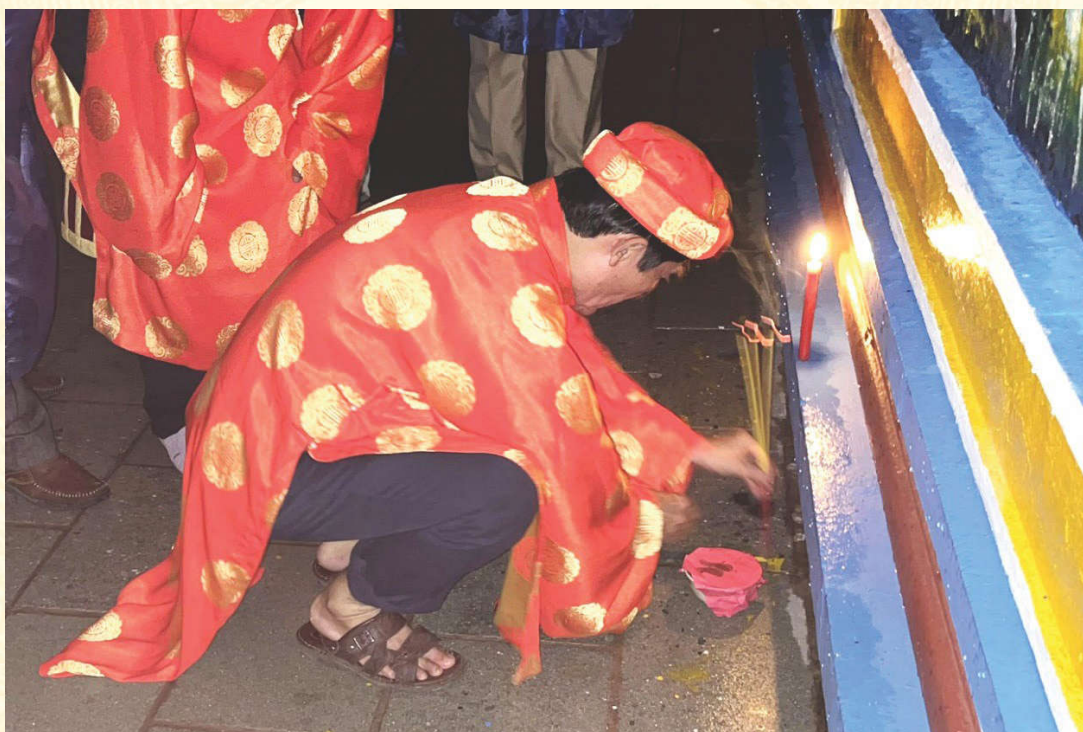
Thành viên Ban Tế tự vào chánh điện thực hiện nghi Thỉnh sanh.



Thành viên Ban Tế tự vào chánh điện thực hiện nghi Thỉnh sanh.



Thành viên Ban Tế tự thực hành nghi Ế mao huyết.



Mao huyết được chánh tế mang đến chôn xuống đất.



Chánh tế thực hiện Nghi khai sắc.



Không ảnh khuôn viên di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh.



Bồi tế thực hiện nghi quán tẩy.



Bồi tế thực hiện nghi quán tẩy.



Đội nhạc lễ thực hiện nghi tế Thần.



Nhạc lễ thực hiện nghi tế Thần.

Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai



Nghi khởi lệnh cổ.



Nghi khởi chinh cổ trong lễ Tiên yết.



Nghi khởi đại cổ trong lễ Tiên yết.



Nghi niệm hương của bồi tế.



Nghi niệm hương của Chánh tế.



Nghi dâng lễ vật trong lễ Tiên Yết.



Học trò lễ thực hiện nghi thượng đăng.



Chánh tế khẩn Đức Ông trong lễ Tiên yết.



Nghi dâng rượu trong lễ Tiên yết.



Học trò lễ thực hiện nghi dâng lễ vật.



Bồi tế đọc văn chúc.



Nghi khởi chinh cổ trong lễ Tiên bói.



Nghi khởi đại cổ trong lễ Tiên bói.



Chánh tế thực hiện Nghi Tiên bồi.



Bồi tế thực hiện nghi thượng hương Tiên bồi.



Bồi tế thực hiện nghi thức Quán tẩy.



Học trò lễ và bồi tế thực hiện Nghi Tiên bái.



Bồi tế thực hiện nghi dâng rượu.



Chánh tế thực hiện nghi dâng rượu.



Chánh tế thực hiện Nghi cúng Tiên bồi.



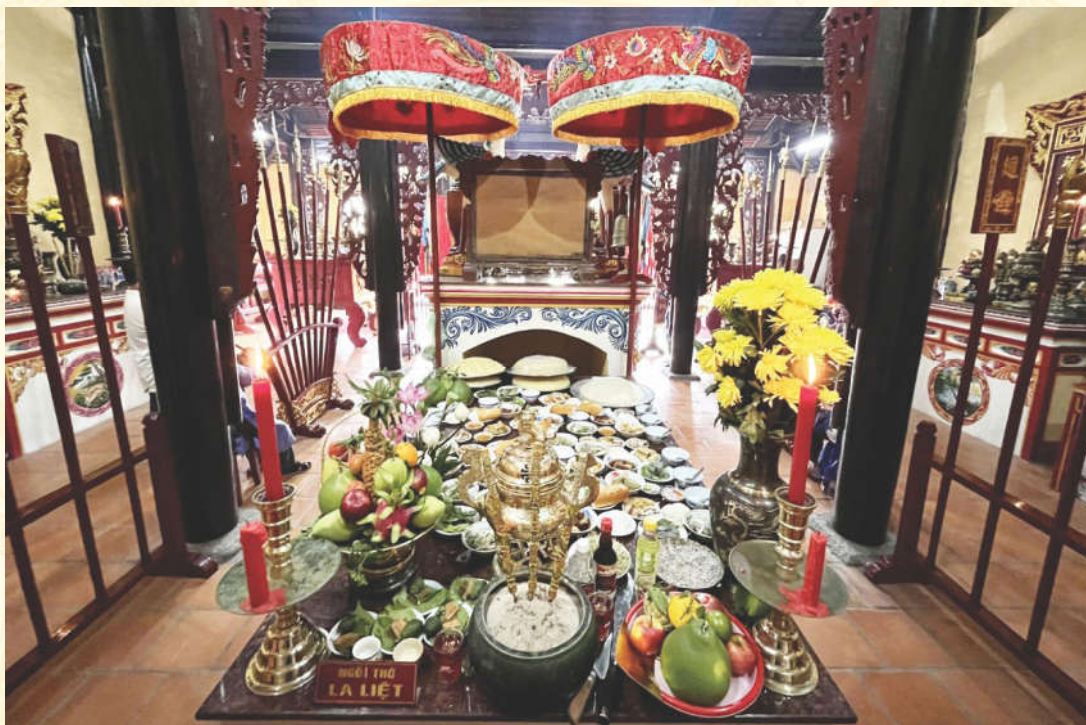
Chánh tế, học trò thực hiện Nghi cúng Tiên bồi.



Học trò lễ thực hiện nghi khăn hóa chúc văn tế Tiên bôì.



Học trò lễ hóa chúc văn tế Tiên bôì.



Các lễ vật trong Nghi Đàn Cỏ.



Các lễ vật trong Nghi Đàn Cỏ.



Ban Tế tự tựu vị trước hương án Đức Ông.



Chánh tế niệm hương.



Chánh tế niệm hương.



Chánh tế thượng hương.



Chánh tế khăn Đức Ông.



Chánh tế quỳ khăn trước hương án Đức Ông.



Chánh tế châm rượu cúng Đức Ông.



Học trò lễ thượng trầm.



Ban Tế tự tựu vị trong Nghi Đàn cả.



Bồi tế đọc văn tế trong Nghi Đàn cả.



Thành viên Ban Tế tự hóa chúc tiền vàng.



Chánh tế thực hiện Nghi hồi sắc.



Bồi tế khăn vái tại mộ Đức Ông.



Bồi tế khăn vái tại mộ Đức Ông.



Bồi tế khăn vái tại mộ Đức Ông.



Thành viên Ban Tế tự khăn khăn trong nghi cúng chiến sĩ.



Thành viên Ban Tế tự khăn trong nghi cúng chiến sĩ.



Thành viên Ban Tế tự khăn chiến sĩ.

Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai



Rải gạo, muối trong nghi cúng chiến sĩ.



Các thanh niên tham gia trò chơi kéo co trong lễ hội giỗ Đức Ông.



Biểu diễn nghệ thuật trong lễ giỗ Đức Ông.



Phân trình diễn thư pháp trong lễ giỗ Đức Ông.



Trưng bày, giới thiệu ẩm thực truyền thống trong lễ hội.



Trưng bày, giới thiệu gốm truyền thống trong lễ hội.



Trưng bày, giới thiệu ẩm thực truyền thống trong lễ hội.



Trưng bày, giới thiệu ẩm thực truyền thống trong lễ hội.



Hoạt động tặng chữ các mặt hàng lưu niệm tại lễ hội.



Thi vẽ tranh trong lễ hội.



Trình diễn pháo hoa trong lễ giỗ Đức Ông.



Trình diễn pháo hoa trong lễ giỗ Đức Ông.

LỄ HỘI LÀM CHAY MIẾU TỔ SƯ

(PHƯỜNG BỬU LONG, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA)

1. Lịch sử hình thành miếu Tổ Sư

Trong quá trình hình thành, tồn tại và phát triển, miếu Tổ Sư có tên gọi khác là Tiên Sư Tổ miếu (廟祖師先). Về sau (khoảng trên 100 năm nay) do phối thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu nên người dân địa phương quen gọi miếu là Thiên Hậu cổ miếu (廟古后天), chùa Bà hay chùa Bà Thiên Hậu. Vị trí miếu tọa lạc trước kia thuộc thôn Bình Điện, tổng Phước Vĩnh, phủ Phước Long, dinh Trấn Biên (nay là khu phố 4, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

Theo hồi cố của một số vị bô lão người Hoa bang Hẹ ở địa phương⁽¹⁾, trước đây trên cổng đá của miếu có biển đề năm xây dựng: Đời vua Khang Hy thứ 26 (tức năm Đinh Mão 1687), nhưng đến thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (1954-1975) cổng miếu bị phá hủy không còn (hiện miếu chỉ còn lưu giữ hình ảnh cổng đá của miếu Tổ Sư trong Lễ hội Làm Chay trước ngày 30/4/1975). Theo một số sách xuất bản tại địa phương như: *Làng đá Bửu Long*⁽²⁾, *Đồng Nai - Di tích lịch sử văn hóa*⁽³⁾ thì miếu Tổ Sư xây dựng sau Thất Phủ cổ miếu ở Cù lao Phố một thời gian không lâu lắm. Có thể là cuối thế kỷ XVII, khi người

(1) Ông Phan Kim Sơn, 60 tuổi, khu phố 5, phường Bửu Long, Phó ban Trị sự miếu Tổ Sư. Ông Trương Ứng Tân, 80 tuổi, khu phố 4, là thợ làm đá, thành viên Ban Trị sự miếu Tổ sư.

(2) Nguyễn Yên Tri (2002), *Làng đá Bửu Long*, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai.

(3) Trần Quang Toại (chủ biên) (2004), *Đồng Nai - Di tích lịch sử văn hóa*, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai.

Hoa bang Hẹ di cư đến xứ Đồng Nai lúc đầu ở Cù lao Phố, nhưng sau đó họ di cư lên khu vực Bửu Long - nơi có nguồn nguyên liệu đá xanh đáp ứng ngành nghề thủ công điêu khắc đá của họ và tất yếu miếu thờ được lập để phục vụ nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng tâm linh của họ - miếu Tổ Sư thờ Tổ sư nghề thủ công ra đời⁽¹⁾.

Khởi dựng, miếu Tổ Sư có quy mô nhỏ, kiến trúc một ngôi Chánh điện, mái lợp ngói âm dương ống ngõa (hay còn gọi âm dương tiểu đại, đây là loại ngói đặc trưng của người Trung Hoa thường dùng trong các công trình xây dựng đình, chùa, miếu mạo), tường, cột, xà ngang, nền đều làm bằng đá xanh Bửu Long, vì kèo bằng cây rừng. Nội thất chỉ có một hương án thờ 3 vị: Tổ nghề đá, Tổ nghề mộc và Tổ nghề rèn. Vì vậy, Nhân dân gọi là miếu Tổ Sư. Từ đó, cộng đồng người Hoa bang Hẹ làm nghề chế tác đá ở khu vực núi Bửu Long có một công trình tín ngưỡng để ngày đêm nhang khói tưởng nhớ Tổ nghề của mình.

Một thời gian sau, người Hoa bang Hẹ ở Bửu Long làm ăn ngày càng sung túc, phát tài, họ mới đóng góp công sức, tiền của tiếp tục trùng tu, sửa chữa, nâng cấp ngôi miếu để phục vụ việc thờ cúng. Qua kết quả khảo sát thực tế tại miếu cho thấy, hầu hết trên các bức hoành phi và lư hương đều ghi năm Bính Tuất (1886). Đây có lẽ là lần tu sửa nhỏ, chỉ làm mới các bức hoành phi treo trong Chánh điện, trang bị thêm một số đồ thờ: Lư hương, chân đèn. Tuy nhiên, trên cửa chính ra vào miếu có treo tấm biển đá khắc chữ Hán: 廟祖師先 (*Tiên sư Tổ miếu*), bên trái tấm biển có đề hàng chữ Hán: 光緒二十年歲次甲午孟冬月吉重修 (*Quang Tự nhị thập niên tuế thứ Giáp Ngọ mạnh đông nguyệt cát trùng tu*) (nghĩa là: Ngày tốt tháng 10 năm Quang Tự thứ 20, tức năm Giáp Ngọ 1894, miếu được tiến hành trùng tu). Đợt đại trùng tu này, người Hoa bang Hẹ đã đóng góp công của tiến hành xây tường Chánh điện cao thêm 2m, đưa mái lên cao tạo cho nội thất thông thoáng; mở rộng diện tích Chánh điện về phía trước thêm hạng mục Trung điện, Tiền điện. Vật liệu chính là đá xanh Bửu Long có tính kiên cố, bền vững, chắc chắn, mái lợp ngói âm dương

(1) Theo lời kể của ông Trương Nguyên và ông Trương Lâm Thủy.

ống ngõa, nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh của đông đảo bá tánh người Hoa và người Việt.

Trước Cách mạng tháng 8 năm 1945, trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và Mỹ, miếu Tổ Sư cũng được tiến hành trùng tu, sửa chữa vào các năm: 1904, 1924, 1941, 1967 và 1970. Các hạng mục được bổ sung thêm là nhà thờ Tiền bối (hữu ban), Nhà khách (tả ban), Nhà bếp, phòng học Hoa văn ở hai bên tả, hữu Chánh điện, nhà Võ ca đối diện Tiền điện; sửa chữa thay thế bàn thờ, làm bao lam, liễn đối bằng gỗ; trang bị đồ thờ cúng (lư hương, chân đèn, bình bông). Năm 1992, miếu được tu bổ lại mái Tiền điện và Chánh điện, thay ngói âm dương, gắn một số tiểu tượng trang trí do tượng cũ bị hư hại. Năm 2001, Ban Trị sự miếu tiến hành sơn phết lại các tấm bao lam, hoành phi, liễn đối; xây dựng lại cổng tam quan, xây cao hàng rào bao quanh, cán xi măng sân đường nội bộ, chỉnh trang khuôn viên sạch đẹp. Năm 2010, Ban Trị sự cho đảo ngói chống dột mái ngói các hạng mục, tháo dỡ nhà Võ ca dựng một nhà vòm rộng và thông thoáng hơn, dựng miếu Tiêu Diện Đại Sĩ để thuận lợi cho việc tổ chức Lễ hội Làm Chay và các hoạt động khác của miếu. Năm 2019, xây dựng lại Nhà võ ca ở sân ngoài đối diện với Tiền điện phục vụ lễ hội. Năm 2022, Ban Trị sự miếu lại cho nâng cấp, sửa chữa cổng Tam quan. Kiến trúc hiện tồn của miếu mang đậm nét văn hóa Hoa - Việt, bố cục mặt bằng theo kiểu “nội Công ngoại Quốc” (国) gồm một tòa nhà chính giữa gọi là điện thờ chính bao gồm: Tiền điện, Trung điện và Chánh điện hình chữ Công (工), hai dãy nhà bao quanh là nhà khách, nhà bếp và nhà Tiền bối, nhà dạy học Hoa văn hình chữ Khẩu (口). Miếu Tổ Sư là ngôi miếu đặc biệt ở Đồng Nai được xây dựng gần như hoàn toàn bằng vật liệu đá xanh Bửu Long, từ cột, vì kèo, tường vách, khuôn cửa, bậc thềm, các khám thờ, hàng rào đến cổng tam quan; chỉ duy có phần mái miếu, rui mè bằng gỗ, lợp ngói âm dương ống ngõa. Chánh điện là nơi thờ phụng Tam vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Thánh Đế Quân; Tiền điện là nơi thờ Phúc Đức Lão Gia và Môn Thần; Trung điện thờ trời đất; nhà Hữu ban thờ các vị Tiền bối, nhà Tả ban dùng làm nhà khách và văn phòng, còn có nhà dạy học Hoa văn Sùng Đức và nhà kho chứa vật dụng. Đây là một

công trình kiến trúc tiêu biểu về kỹ thuật xây dựng, nghệ thuật điêu khắc, chạm trổ bằng đá xanh của người Hoa bang Hẹ ở Biên Hòa.

Trải qua hơn 300 năm tồn tại, trước thăng trầm của lịch sử xứ Đồng Nai, miếu Tổ Sư đã từng bị ảnh hưởng do tự nhiên và chiến tranh, xuống cấp theo dòng thời gian, nhưng đã được cộng đồng người Hoa thường xuyên chăm sóc, tu bổ kịp thời. Vì vậy, kết cấu kiến trúc, mỹ thuật trang trí, chất liệu xây dựng công trình vẫn giữ được bản sắc riêng của mình. Miếu Tổ Sư trở thành một thiết chế văn hóa quan trọng, vừa có giá trị minh chứng cho lịch sử khai phá, phát triển vùng đất, vừa là điểm sinh hoạt văn hóa độc đáo của cộng đồng người Hoa và người Việt từ xưa đến nay. Miếu Tổ Sư đã được UBND tỉnh Đồng Nai xếp hạng là di tích lịch sử - kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh (Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 28/3/2008).

2. Đối tượng thờ cúng ở miếu Tổ Sư

2.1. Đối tượng thờ chính

Theo quan niệm của người Trung Hoa và Việt Nam, Tổ sư nghề nghiệp có 3 vị (Tam vị Thánh Tổ) là Tiên sư, Tổ sư và Thánh sư. Nhưng đây chỉ là 3 biểu tượng mà thôi. Thánh sư là những vị có công khai sáng nghề nghiệp, Tổ sư là những vị có công cải tiến nghề nghiệp và Tiên sư là những vị có công truyền dạy nghề nghiệp cho đời sau.

Sách *Trang nghiêm đích thế giới*⁽¹⁾ có phân tích về vấn đề này khá cụ thể. Tổ sư nghề nghiệp gồm hai nhóm: Thủy tổ thần và Thánh thần. Cũng theo sách này, Tổ nghề đá, Thủy tổ thần là Nữ Oa nương nương (theo thuyết Nữ Oa luyện đá vá trời) và Thánh thần là Lỗ Ban Tiên sư (người có công cải tiến và truyền dạy nghề nghiệp cho đời sau). Như vậy, Tam vị Thánh tổ là 3 vị Thánh thần. Trên thực tế, khi đem vào thờ tự tại các cơ sở tín ngưỡng dân gian, tùy từng địa phương, cộng đồng cư trú lại có sự thay đổi nhân vật thờ tự cho phù hợp với ngành nghề của họ. Đó là sự tiếp biến văn hóa trong tín ngưỡng thờ cúng.

(1) Nguyễn Xương Duyệt (1982), *Trang nghiêm đích thế giới*, Nxb. Văn Khai, Đài Bắc, Đài Loan, Trung Quốc.

Ba vị Thánh tổ thờ tại miếu Tổ Sư là Ngũ Đinh Tiên sư, Lỗ Ban Tiên sư và Uất Trì Tiên sư. Bài vị thờ đều phong cho các vị này những chức tước rất cao, biểu lộ niềm sùng tín, ngưỡng mộ, biết ơn các bậc khai sáng nghề nghiệp. Việc thờ 3 vị Tổ này giải thích mối quan hệ chặt chẽ giữa 3 nghề, dựa vào nhau cùng tồn tại và phát triển. Nghề rèn làm và sửa dụng cụ búa, đục các loại cho nghề mộc, nghề đá. Nghề đá và nghề mộc làm ra sản phẩm để nuôi sống mình và nghề rèn.

2.1.1. Tổ nghề đá

Người Trung Hoa thường biết đến Ngũ Đinh là một lực sĩ lớn mạnh. Ông là người nước Thục, sống vào thời đại Tiên Tần (trước năm 221 TCN) ở Trung Quốc. Ông có công lớn trong việc cùng sáng lập nghề nghiệp và có lẽ do có sức khỏe phi thường trong việc khai thác nghề đá nên người Hoa tôn vinh ông là vị Tổ nghề đá. Theo truyền thuyết, ông còn được Vua phong là “Thái Tử Thiếu Bảo” (quan Nhị phẩm lúc bấy giờ). Từ đó, những người Hoa làm nghề khai thác, điêu khắc đá đều lập miếu thờ ông ở khắp nơi để tưởng nhớ công ơn sáng lập nghề nghiệp cho muôn đời sau.

Tượng Ngũ Đinh Tiên sư ở miếu Tổ Sư được chế tác bằng đá xanh Bửu Long có niên đại từ khi thành lập miếu cho đến nay. Tượng được tạc với tư thế ngồi trên ngai, kích thước cao 100cm, ngang vai 60cm. Nhân dạng với khuôn mặt quắc thước, râu dài bạc trắng, bên trong mình mặc quan phục, bên ngoài choàng áo bào màu đỏ thêu hình rồng phụng, đầu đội mũ quan, tay phải vuốt râu, tay trái cầm vật dụng liên quan đến nghề thủ công. Ông ngồi bên cạnh Lỗ Ban Tiên sư trong khám thờ đặt ở gian giữa Chánh điện. Khám thờ cũng được làm bằng đá xanh Bửu Long, có kích thước cao 3,5m, ngang 2,2m; xung quanh chạm khắc đề tài rồng chầu mặt trời, dây leo, hoa lá, chim điểu, tùng, cúc, trúc mai... với đường nét sắc xảo, thể hiện tài năng chạm khắc của các nghệ nhân làng đá Bửu Long⁽¹⁾.

(1) Trước đây các khám thờ này làm bằng gỗ, năm 2007 hai gia đình người Hoa ở Mỹ và Canada tạc lại bằng đá xanh phụng cúng nhằm kéo dài tuổi thọ của hiện vật và đồng nhất với kiến trúc đá.

2.1.2. Tổ nghề mộc

Truyền thuyết kể rằng, từ thuở hồng hoang con người phải sống trong hang đá như những bầy thú, trời thương dân nên bèn sai một vị nữ Thần xuống trần dạy mọi người làm nhà để ở. Bà không nói cho dân chúng nghe, cũng không làm cho dân chúng bắt chước mà chỉ kín đáo ra hiệu bằng cách đứng thẳng người, hai tay chống nạnh vào hông gợi ý làm cái cột và kèo. Bà lấy lá dừa cửa vào tay gợi ý làm cái cửa.... Có rất nhiều người nhìn cử chỉ của bà nhưng không hiểu. Riêng có hai anh em tên Lỗ Ban và Lỗ Bộc là sáng ý và lãnh hội được ý nghĩ sâu xa ấy mà chế ra các dụng cụ như: Cưa, đục, thước để làm các kiểu nhà mà bà đã chỉ dạy. Nghề mộc ra đời từ đó và các thợ mộc sau này đều tôn vinh ông Lỗ Ban là vị Tổ nghề của mình. Lỗ Ban tên thật là Công Thâu Ban hay Công Thâu Tử, là người nước Lỗ nên người dân thường gọi ông là Lỗ Ban. Ông sống vào thời Xuân Thu Chiến Quốc, sau khi truyền nghề lại cho các thế hệ sau, Lỗ Ban được coi là người thợ khéo léo nhất của thiên hạ (thiên hạ chi tinh xảo)⁽¹⁾.

Lỗ Ban được tôn vinh như bậc thầy kiến trúc của người Trung Hoa, nổi tiếng nhất thời Xuân Thu. Những người làm nghề thủ công như: Thợ mộc, thợ xây, thợ nề, các nhà chế tạo công nghệ xây dựng và nội thất tất cả đều suy tôn Lỗ Ban như là người sáng lập của nghề này. Người dân thời kỳ ấy đã xây một đền tưởng nhớ đến Lỗ Ban. Những ghi khắc trên bia trong đền đọc là “Lỗ Ban Quan”. Hàng năm, người dân dùng Thái Lao (bò cái, dê, lợn) để cúng Lỗ Ban hai lần. Đây là một lễ lớn giống như lễ vía Khổng Tử. Các thợ thủ công khi có việc, đều có thể đến đền thờ Lỗ Ban xin thần chỉ dẫn để thực hành nghề.

Tượng Lỗ Ban Tiên sư được bài trí ở chính giữa khám thờ tam vị Tổ sư. Tượng được tạc bằng đá xanh Bửu Long từ thời lập miếu, có chiều cao 100cm, ngang vai 60cm. Tư thế tượng ngồi trên ngai, tay

(1) Theo truyền thuyết thì vị thần truyền dạy cho cả hai anh em Lỗ Ban và Lỗ Bộc là bà Cửu Thiên Huyền Nữ nhưng trong các sách viết đều không nhắc tới công của Lỗ Bộc. Theo các vị bô lão kể, có lẽ ông Lỗ Ban là người anh hoặc ông có tay nghề cao hơn, thường truyền dạy cho thế hệ sau nên được người đời tôn vinh, dần dần không nhắc đến ông Lỗ Bộc nữa.

phải đặt trước ngực, tay trái đặt trên tay phải. Khuôn mặt nghiêm nghị, dũng khí, râu dài bạc trắng, đầu đội mũ, mình mặc quan phục, ngoài khoác áo bào đỏ thêu kim tuyến rồng phượng.

2.1.3. Tổ nghề rèn

Vào thời nhà Đường ở Trung Quốc (627-649), có một vị công thần tương truyền là người sáng chế ra nghề rèn, đó là ông Uất Trì Cung. Ông từng phò tá cho Lý Thế Dân góp công dẹp loạn ngoại bang thống nhất đất nước thành lập đại Đường và ông cũng chính là người sáng tạo ra các loại binh khí phục vụ dẹp loạn xâm lăng và các nông cụ cày, cuốc, đục... cho sản xuất nông nghiệp của người dân. Thấy được công lao to lớn, người dân đã tôn vinh ông là vị Tổ nghề rèn khi ông đang còn sống. Khi ông mất, hình ảnh Uất Trì Cung đã ăn sâu vào tâm trí người dân, do vậy các cơ sở tín ngưỡng thờ các vị Tổ nghề đều có tổ nghề rèn là Uất Trì Cung; các vua chúa phong kiến phong là “Hộ Quốc Công Thần”, không những vậy từ thuở nhỏ ông cũng là người thợ đục đá chuyên nghiệp.

Tượng Uất Trì Tiên sư được bài trí thờ bên cạnh tượng Lỗ Ban Tiên sư. Tượng được tạc bằng đá xanh Bửu Long từ thời lập miếu, chiều cao 100cm, ngang vai 60cm. Tư thế tượng ngồi trên ngai, tay phải vuốt râu, tay trái nắm cần đai. Khuôn mặt nghiêm nghị, dũng khí, râu dài bạc trắng, đầu đội mũ, mình mặc quan phục, ngoài khoác áo bào đỏ thêu kim tuyến rồng phượng.

Mục đích của việc thờ các vị Tổ nghiệp ở miếu Tổ Sư thể hiện tín ngưỡng lâu đời của cộng đồng người Hoa bang Hẹ ở vùng Bửu Long, là ảnh hưởng từ cuộc sống khai thác và làm nghề đá, từ sản xuất kinh doanh đến đời sống tâm linh. Vì thế, việc tôn thờ các vị Tổ sư của mình thể hiện tấm lòng kính trọng và ước vọng về một cuộc sống làm ăn, buôn bán gặp nhiều may mắn, tài lộc.

2.2. Các đối tượng phối thờ

Ngoài ra, miếu Tổ Sư còn phối thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Thánh Đế Quân, Phước Đức Lão Gia, Bốn Miếu Môn Quan, Thần Tài, Thổ Địa, Tiền bối. Việc phối thờ các đối tượng này xuất phát từ việc bảo tồn tín ngưỡng cộng đồng, thờ những vị phúc thần của người

Hoa nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh của khách hành hương từ khắp bốn phương về cúng bái chứ không chỉ giới hạn trong cộng đồng người Hoa bang Họ làm nghề điêu khắc đá tại địa phương.

2.2.1. Thiên Hậu Thánh Mẫu

Truyền thuyết kể, Thiên Hậu Thánh Mẫu là vị phúc thần của người Hoa, bà là người thật tên Mị Châu, sinh ngày 23/3 năm Giáp Thân 960, đời nhà Tống, tại tỉnh Phước Kiến, Trung Quốc và mất ngày 09/9/987. Ngay từ nhỏ, bà đã tỏ ra khác người, không khóc, chỉ mỉm cười và có tư chất rất thông minh. Năm lên 8 tuổi bắt đầu đi học và nhớ ngay mặt chữ. Năm 11 tuổi, bà quy y đạo Phật, nhanh chóng thuộc thông kinh sách; đến năm 13 tuổi, bà được thần Võ Y truyền sách *Nguyên vị bí quyết*, sau lại được đọc pho sách cổ tìm được dưới đáy giếng. Bà luyện phép *Linh cảm* có thể đoán được quá khứ, vị lai. Một lần cha và anh bà đi biển gặp sóng gió, biết chuyện bà nhắm nghiền mắt, cắn chặt hàm răng, đôi tay vươn về phía trước như cố níu vật gì đó. Miệng bà ú ớ phát ra vài tiếng như vừa thoát khỏi cơn ác mộng rồi mở mắt, bật khóc nói với mẹ: *Cha và anh con gặp giông bão, thuyền đắm, đang chơi với. Con cắn dây lưng áo cha tính lôi vào bờ, mẹ kêu giục vội, con phải trả lời nên hả miệng, cha chìm mất, còn anh con dùng tay níu vào được.* Vài bữa sau người anh về thuật lại giống như câu chuyện xảy ra tại nhà, chuyện này đồn đại ra khắp nơi, sau đó bà được thăng trời. Từ đó bà linh ứng, cứu nhân độ thế người dân đi biển. Hầu hết các ngôi chùa, miếu của người Hoa và một số ngôi chùa của người Việt đều thờ hoặc phối thờ bà Thiên Hậu.

Từ truyền thuyết dân gian, bà Thiên Hậu đã được tôn thờ trong tín ngưỡng bản địa của người Trung Quốc và cộng đồng người Hoa sống xa quê hương. Mặc dù tại các cơ sở tín ngưỡng thờ bà Thiên Hậu, thần tích về bà có ít nhiều sự khác biệt, song tựu chung đều ca ngợi, suy tôn bà là người phụ nữ đức hạnh, có tấm lòng hiếu thảo đối với cha mẹ, nhân ái cứu giúp người lâm nạn trên biển, khi chết trở thành thánh mẫu hiển linh. Người Hoa luôn đề cao, ngưỡng mộ và phụng thờ bà Thiên Hậu, muốn thông qua tấm gương của bà để học tập lòng hiếu thuận, đức nhân hậu, sống có nhân nghĩa.

Theo thống kê bước đầu có khoảng hơn 50 miếu thờ Thiên Hậu

(thờ chính và phối thờ) trong số gần 120 cơ sở tín ngưỡng thờ nữ thần người Hoa ở miền Đông Nam Bộ. Ở Đồng Nai, bà Thiên Hậu được cả người Hoa và người Việt tín sùng, có khoảng 15 miếu thờ Thiên Hậu ở Đồng Nai, nhưng tập trung đa số ở khu vực thành phố Biên Hòa. Riêng vùng Bửu Long chưa đầy một cây số vuông đã có đến 5 ngôi miếu thờ Thiên Hậu, vì vùng này gần sông nước và tập trung nhiều người Hoa.

Trải qua quá trình lịch sử, người Hoa bang Hẹ ban đầu tụ cư xung quanh khu vực làng Bình Điện, làng Bạch Khôi dọc theo bờ sông Đồng Nai. Hành trang của họ luôn có tín ngưỡng thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu là thánh nhân phù hộ họ trên đường vượt biển từ Trung Quốc đến vùng đất mới. Miếu Tổ Sư ở Biên Hòa phối thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu và hai nữ hầu, vị trí đặt khám thờ ở gian bên hữu trong Chánh điện. Các pho tượng làm bằng xi măng, tượng Thiên Hậu Thánh Mẫu tạc trong tư thế ngồi trên ngai (cao 110cm, ngang vai 36cm), hai nữ hầu đứng hai bên (cao 90cm, ngang vai 22cm). Tượng được khoác những bộ xiêm y đủ màu sắc lộng lẫy, đầu đội mũ vàng, trang trí hình đuôi công, đính kim tuyến. Khám thờ bà làm bằng đá xanh Bửu Long, kích thước cao 3m, ngang 2m, xung quanh chạm khắc đề tài rồng chầu mặt trời, dây leo, hoa lá, chim diểu, tùng, cúc, trúc, mai.... bên trên đặt bát nhang, bình bông, đèn thất tinh. Hàng năm, miếu Tổ Sư tổ chức lễ vía Thiên Hậu Thánh Mẫu vào ngày 23/3 âm lịch và trong Lễ hội Làm Chay.

Mục đích của việc thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu ở miếu Tổ Sư có nhiều sự kiện đặc biệt. Sự kiện thỉnh bà Thiên Hậu từ miếu Cây Quăn về miếu Tổ Sư vì có truyền thuyết cho rằng “Bà là thánh nhân đã hiển linh nhập đồng vào một người và chỉ bảo cho người dân Bửu Long hái cây thuốc chữa hết bệnh dịch tả”. Một lý do khác nữa, là vào đầu thế kỷ XX, người Hoa bang Hẹ di dời từ mé sông Đồng Nai đến sinh sống tập trung nhiều ở khu vực chợ gần miếu Tổ Sư, vì vậy khu vực miếu Cây Quăn dần thưa thớt người Hoa. Miếu Tổ Sư lúc đó cũng tu bổ to lớn khang trang và theo mong muốn người Hoa, nên Ban Trị sự miếu đã thỉnh bà về để thờ. Cũng chính vì lý do đó, miếu Tổ Sư có tên gọi khác là miếu Bà Thiên Hậu/Thiên Hậu cổ miếu.

2.2.2. Quan Thánh Đế Quân

Quan Thánh Đế Quân hay Quan Công tên thật là Quan Vũ (160-219), tự Vân Trường, quê ở xóm Bửu Trì, thôn Thường Bình, trấn Giải Châu (nay là trấn Giải Châu, huyện Vọng Thành, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc).

Ông là một vị tướng sống thời kỳ cuối nhà Đông Hán và thời Tam Quốc ở Trung Quốc. Ông là người đã góp công lớn vào việc thành lập nhà Thục Hán, với vị hoàng đế đầu tiên là Lưu Bị. Ông cũng là người đứng đầu trong số ngũ hổ tướng của nhà Thục Hán, bao gồm: Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Vân, Hoàng Trung và Mã Siêu. Quan Vũ là một trong những nhân vật lịch sử của Trung Quốc được biết đến nhiều nhất ở khu vực Đông Á, hình tượng của ông khắc họa với những chiến tích và phẩm chất đạo đức được đề cao cũng như được thần thánh hóa trong các câu chuyện dân gian. Ông cũng được thờ cúng nhiều nơi trên thế giới. Người Hoa thờ ông vì ông tượng trưng cho danh dự, lòng thủy chung, sự hy sinh, độ lượng, can đảm, lòng tốt, sự công minh chính trực, dũng cảm và tấm gương trung nghĩa tỏa sáng muôn đời.

Ở Nam Bộ, người Hoa có mặt ở nhiều địa phương như: Đồng Nai, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau, Kiên Giang... Những nơi người Hoa sinh sống, hầu như đều có cơ sở thờ tự Quan Thánh Đế Quân⁽¹⁾. Nhưng ở miếu Tổ Sư, Quan Thánh Đế Quân (hai bên có phụ tá Châu Xương và Quan Bình) là đối tượng được phối thờ ở gian bên tả trong Chánh điện. Quan Thánh Đế Quân với cốt tượng xi măng là một vị quan râu tóc dài, mặt đỏ trông rất uy nghi, đỉnh đạc. Tượng Quan Công cao 1,1m, ngang vai 40cm, tư thế ngồi trong ngai, tay phải cầm kiếm dài 70cm, tay trái vuốt râu trông rất uy phong; tượng Châu Xương

(1) Ở Đồng Nai, Quan Thánh Đế Quân được thờ ở Thất Phủ cổ miếu (phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa), Quan Đế miếu (phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa), chùa Ông (phường An Hòa, thành phố Biên Hòa) Phụng Sơn tự (phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa), Quan Thánh Đế miếu (phường Xuân An, thành phố Long Khánh), Quan Thánh miếu (xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch), Quan Đế Miếu (xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch)...

cầm đao, Quan Bình giữ ấn (cao 95cm, ngang vai 27cm) đứng hai bên Quan Công. Các bức tượng đều được khoác xiêm y rồng phượng lộng lẫy với đủ màu sắc. Tượng đặt trong khám thờ bằng đá có kích thước cao 3m, ngang 2m xung quanh chạm khắc đề tài rồng châu mặt trời, dây leo, hoa lá, chim diều, tùng, cúc, trúc, mai.... bên trên đặt lư nhang, bình bông, đèn cầy. Hàng năm, miếu Tổ Sư tổ chức lễ vía Quan Thánh Đế Quân vào các ngày 13/giêng, ngày 24/3 âm lịch, ngày 15/10 âm lịch và ngày tổ chức Lễ hội Làm Chay. Mục đích cầu mong Quan Thánh phù trợ cho cộng đồng người Hoa và người Việt nơi đây một cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

2.2.3. Phước Đức Lão Gia

Vị thần được giải thích bằng nhiều nhân vật khác nhau, như là Bồn Đầu Công hay Phúc Đức Chánh Thần; hoặc Ông Bồn là người đã phù hộ và hướng dẫn người Hoa vượt biển bình yên đến cư ngụ ở Nam Bộ và giúp họ làm ăn ổn định, gia đình an khang. Ở tư liệu khác, Ông Bồn là hiện thân của Trịnh Hòa (thời Minh) hoặc Châu Đạt Quan (sứ thần nhà Nguyên)... Những người này được xem là phúc thần độ trì của người Hoa di dân. Ông Bồn còn được xem là thần Thành Hoàng của làng xã kiêm Thần Tài của người Hoa.

Phước Đức Lão Gia là vị thần có công năng trấn trạch bình an cho cơ sở tín ngưỡng và cả cộng đồng người Hoa, rất nhiều ngôi miếu ở Đồng Nai thờ thần. Lễ vía Phước Đức Lão Gia được cúng vào ngày 02/02 âm lịch hằng năm và cúng vào các ngày tổ chức Lễ hội Làm Chay. Lễ vật cúng tế gồm: Gà luộc, cua luộc, cá chép chiên xù, trái cây, giấy tiền vàng bạc, hoa tươi, nhang đèn... “Cá chép” có ý nghĩa được dư thừa, sung túc, giàu có; còn “cua” có ý nghĩa làm ăn phát tài, thịnh vượng... là những điều tốt đẹp, may mắn mà mọi người đều mong ước.

Ở miếu Tổ Sư, Phước Đức Lão Gia được thờ ở gian bên trái Tiền điện. Cốt tượng làm bằng đá xanh Bửu Long, cao 60cm, ngang vai 25cm. Hình dáng thể hiện một vị quan đầu đội mũ, xiêm y đính kim tuyến, ngồi trên ngai, hai tay đặt lên tay ngai trông rất ung dung tự tại, khuôn mặt quắc thước, nhân hậu, có râu dài. Phía trước tượng Phước Đức Lão Gia còn có bài vị của thần khắc chữ Hán.

2.2.4. Thổ Địa - Thần Tài

Thổ Địa là thần cai quản từ cấp làng, xã trở xuống và được chia ra nhiều cấp như: Thần Thổ Địa cai quản một xã hoặc một thôn, thần Thổ Địa của một xóm, một cây cầu... Thần Thổ Địa bản gia là thần ở cấp thấp. Tất cả thần Thổ Địa chỉ là biểu tượng, chỉ có một vài trường hợp được đồng nhất với những nhân vật lịch sử. Trong quan niệm của người xưa, Thổ Địa rất am hiểu tình hình khu vực và rất linh thiêng.

Luận bàn theo ngũ hành tương sinh thì Thổ sinh Kim tương ứng với hướng Tây. Do vậy Thổ Địa đã chuyển thành Thần Tài và được thờ ở phía Tây. Người Hoa thường thờ tượng ông Địa và Thần Tài đi cặp nhau. Các miếu người Hoa thờ Thổ Địa - Thần Tài ở gian Tiền điện, Trung điện. Đôi khi Thổ Địa - Thần Tài được đồng nhất với Phúc Đức Chính Thần và được bài trí chung một cặp với Thần Tài.

Thổ Địa và Thần Tài ở miếu Tổ Sư được thờ trong khám thờ bằng đá xanh Bửu Long ở ngoài sân miếu. Cốt tượng Thổ Địa bằng gốm, có chiều cao 28cm, ngang vai 12cm. Tư thế ngồi trên ngai, khuôn mặt vui vẻ, râu dài, bụng phệ, ngực trần, đầu quấn khăn, tay cầm quạt. Thần Tài cũng bằng gốm có chiều cao 43cm, ngang vai 14cm. Tư thế ngồi trên ngai, khuôn mặt vui vẻ, có râu dài, đầu đội mũ, mình khoác áo màu vàng, tay cầm thỏi vàng nén. Miếu Tổ Sư cúng Thổ Địa và Thần Tài vào ngày mùng 10 (từ tháng 01-5 âm lịch) và cả trong dịp Lễ hội Làm Chay. Lễ vật cúng là cá chép, cua luộc, tôm, thịt heo luộc, tép, hoặc trái cây, giấy vàng bạc...

2.2.5. Tiền bối

Nhà Hữu ban nằm ở bên phải miếu Tổ Sư, hình thức thờ lập bài vị chữ Hán đặt trong khám thờ bằng đá xanh Bửu Long. Quan niệm thờ các vị Tiền bối của người Hoa cũng giống như người Việt là để tri ân, tưởng nhớ các vị tiền nhân có công đóng góp tiền của lập dựng, trùng tu, gìn giữ ngôi miếu. Thể hiện rõ đạo lý uống nước nhớ nguồn của dân tộc Việt Nam. Miếu thường cúng tế các vị Tiền bối vào ngày tổ chức Lễ hội Làm Chay.

Như vậy, các đối tượng thờ ở miếu Tổ Sư là một tập hợp khá đầy đủ các thần linh, tổ nghiệp chủ yếu của cộng đồng người Hoa bao gồm các thần linh của tín ngưỡng thờ tam vị Tổ sư (thần bảo hộ nghề nghiệp cộng đồng); tín ngưỡng thờ Thiên Hậu (hộ thần của giới đi biển, buôn bán thương hồ); tín ngưỡng thờ Quan Thánh Đế Quân (vị thánh bảo trợ chính nghĩa, công danh); tín ngưỡng thờ Phúc Thần (Phước Đức Lão Gia, Thổ Thần, Thổ Địa); thờ Tiên bối (các vị tiền nhân có công lập làng, lập miếu, truyền nghề)... Từ thực tế cuộc sống, người Hoa đã thể hiện sự dung hòa trong văn hóa, biết kết hợp tín ngưỡng tất cả các vị thần thánh của họ trong một miếu thờ một cách tổng hợp nhất. Mặt khác, sự dung hợp thần thánh là cách thức sống chan hòa, đoàn kết, gắn bó của người Hoa bang Hẹ trong mối quan hệ với các nhóm người Hoa bang Phúc Kiến, Quảng Đông ở Đồng Nai.

3. Nguồn gốc ra đời, hình thức biểu hiện, quy trình thực hành Lễ hội Làm Chay

3.1. Nguồn gốc ra đời Lễ hội Làm Chay

Nguồn gốc của Lễ hội Làm Chay có nhiều dị bản, được lưu truyền như sau:

Truyền thuyết thứ nhất cho rằng: Lễ hội Làm Chay có từ lâu đời ở Trung Quốc được truyền tụng đến nay. Vào một dạo, dịch bệnh đã xảy ra trong vùng, rất nhiều người chết, theo sự linh ứng lên đồng của bà Thiên Hậu người ta phải mời pháp sư đến lập trai đàn cúng cầu an, giải hạn cầu xin bà Thiên Hậu và các thần thánh phù hộ che chở, ban phúc cho dân làng tai qua nạn khỏi. Quả nhiên, sau khi cầu xin các thần linh, dân làng đã thoát khỏi nạn dịch, xóm làng lại bình yên, công việc được thuận buồm xuôi gió, mùa màng bội thu, cuộc sống yên vui, hạnh phúc. Từ đó, người Hoa tin tưởng vào sự linh ứng của bà Thiên Hậu và cứ 3 năm tổ chức Lễ hội Làm Chay để tạ ơn bà. Khi đến định cư tại vùng đất Trấn Biên, người Hoa bang Hẹ mang theo tín ngưỡng thờ bà và cứ theo tục cũ mà tổ chức Lễ hội Làm Chay, 3 năm một lần tại miếu Tổ Sư. Lễ hội Làm Chay đã trở thành nếp sinh hoạt văn hóa tinh thần trong tín ngưỡng của người Hoa ở đây hàng

trăm năm qua (cá biệt năm 1944, do nạn đói nhiều người chết, nên miếu tổ chức Lễ hội Làm Chay 2 lần cách nhau 1 tháng để cầu siêu cho các linh hồn).

Truyền thuyết thứ hai cho rằng: Cách nay khoảng 150 năm, ở vùng Bửu Long có nạn dịch tả, “bà” nhập đồng vào ông Tào Khương (tiếng Hẹ gọi là Sù Khỏn) cho biết phải có người lên núi hái đủ 100 vị lá thuốc về trị bệnh cho dân làng, người ta đã làm theo và trong vùng hết nạn dịch. Tại Thiên Hậu Cung (Hội quán của người Hẹ - Sùng Chính tọa lạc ở phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa) hiện còn 100 cây xăm nói về 100 vị thuốc do bà Thiên Hậu linh ứng chỉ dạy trị bệnh. Từ đó, trong làng có ai bị bệnh, người ta đều đến Thiên Hậu Cung cầu xăm, xin thuốc trị bệnh. Căn cứ vào bản dịch trên thì một số vị thuốc hoàn toàn không phải là thuốc trị lý bệnh mà chủ yếu là tâm bệnh và đặc biệt là sự thể hiện niềm tin, lòng thành kính cũng sẽ đem lại sự khỏe mạnh cả thể chất và tinh thần cho con người trước thần thánh⁽¹⁾. Từ đó, người Hoa bang Hẹ thỉnh bà Thiên Hậu vào thờ trong miếu Tổ Sư và 3 năm tổ chức Lễ hội Làm Chay lớn để nhớ ơn bà Thiên Hậu cũng như nhớ ơn các vị Tổ nghiệp.

Cũng theo lời kể của các vị bô lão địa phương, trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, vùng Bửu Long và miếu Tổ Sư là nơi một số cán bộ cách mạng của ta bị địch giết hại nên miếu Tổ Sư đã phối hợp lễ cúng các vị thần thánh miếu với việc cúng các linh hồn chiến sĩ, cầu an cho dân làng, xua đuổi mọi điều xấu, thoát khỏi các dịch bệnh và cầu siêu cho các vong linh.

Nhìn từ cuộc sống của người Hoa ở khu vực Bửu Long và việc tạo lập miếu thờ Tổ nghiệp với đối tượng thờ chính là Tam vị Tổ sư, mọi hoạt động thờ cúng đều hướng về Tam vị này. Dần dần, người Hẹ đã cung thỉnh Thiên Hậu Thánh Mẫu và Quan Thánh Đế Quân vào thờ chung trong miếu không có gì lạ, đó là sự dung hợp tín ngưỡng truyền thống của họ. Vì vậy, Lễ hội Làm Chay khi duy trì và phát huy

(1) Theo lời kể của ông Trương Lâm Thủy - Trưởng ban Trị sự và ông Lý Minh Chiến - Phó trưởng ban Trị sự cung cấp thông tin về nguồn gốc Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư.

ở miếu Tổ Sư là để tạ ơn bà Thiên Hậu, tạ ơn Tổ sư nghề nghiệp và tạ ơn Quan Thánh Đế Quân. Thực tế quan sát, nghiên cứu nội dung lễ hội đa phần là tạ ơn Tổ nghề. Cho thấy có sự “dung hợp” một cách tự nhiên giữa tín ngưỡng thờ bà Thiên Hậu với Tổ nghề vốn có từ ban đầu, tạo nên một Lễ hội Làm Chay/Lễ hội Tổ sư/Lễ hội Thiên Hậu Thánh Mẫu độc đáo, tiêu biểu, mang nét đặc trưng của cộng đồng người Hoa bang Hẹ ở Đồng Nai cũng như người Hoa ở Nam Bộ.

3.2. Thời gian tổ chức Lễ hội Làm Chay

Hàng năm, miếu Tổ Sư tổ chức lễ vía tam vị Tổ sư vào ngày 13/6 âm lịch. Nhưng theo tục lệ xưa, đáo lệ 3 năm một lần (vào các năm Dần, Thân, Ty, Hợi), miếu Tổ Sư tổ chức Lễ hội Làm Chay quy mô lớn với nhiều nghi thức lễ và hội kéo dài từ ngày 10-13/6 âm lịch để tri ân, tưởng nhớ công đức tam vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Thánh Đế Quân và các chư vị thần thánh khác.

3.3. Quy trình Lễ hội Làm Chay

Lễ hội Làm Chay diễn ra trong 4 ngày (từ ngày 10-13/6 âm lịch) để cầu an, cầu phúc cho bá tánh. Đây là lễ hội lớn của miếu Tổ Sư cũng như của cộng đồng người Hoa ở Biên Hòa. Lễ hội đã thu hút được nhiều tầng lớp Nhân dân kể cả người Hoa và người Việt trong và ngoài tỉnh về tham dự.

3.3.1. Chuẩn bị tổ chức Lễ hội Làm Chay

3.3.1.1. Thành lập Ban Tổ chức lễ hội và các Tiểu ban

- Ban Tổ chức lễ hội

Để chuẩn bị cho lễ hội diễn ra thành công, sau lễ vía bà Thiên Hậu ngày 23/3 âm lịch, Ban Trị sự miếu Tổ Sư họp và thành lập Ban Tổ chức lễ hội và các Tiểu ban. Ban Tổ chức lễ hội là các thành viên, hội viên của Ban Trị sự miếu. Trưởng ban Trị sự là Trưởng ban tổ chức lễ hội, các Phó trưởng ban Trị sự là Phó trưởng ban tổ chức lễ hội⁽¹⁾.

(1) Ngoài ra, Ban Trị sự còn mời một số chuyên gia am hiểu về lịch sử, văn

Ban tổ chức lễ hội tiến hành thành lập các Tiểu ban nội dung, tuyên truyền, đối ngoại; Tiểu ban cơ sở vật chất, hậu cần; Tiểu ban lễ; Tiểu ban hội; Tiểu ban an ninh trật tự, để thực hiện các công việc cụ thể của lễ hội.

- Tiểu ban nội dung, tuyên truyền, đối ngoại

Tiểu ban nội dung, tuyên truyền và đối ngoại gồm 10 người có quyền hạn và trách nhiệm chuẩn bị các công việc như: Xây dựng nội dung, kế hoạch, chương trình chi tiết, hồ sơ xin cấp phép, in ấn phát hành thư mời, cử người dẫn chương trình, bài phát biểu, mời các đạo trưởng làm lễ, liên hệ các điểm chiêu thỉnh chư thần, báo cáo kết quả lễ hội; thực hiện treo băng rôn, pano, áp phích, cổng chào... tuyên truyền về lễ hội trên các phương tiện thông tin truyền thông; liên hệ các cơ quan, ban ngành, chính quyền địa phương liên quan nhờ hỗ trợ về chuyên môn; liên hệ các cơ quan báo, đài hỗ trợ đưa tin, bài về lễ hội; đón tiếp đại biểu, khách mời tham dự lễ hội...

- Tiểu ban cơ sở vật chất và hậu cần

Tiểu ban cơ sở vật chất và hậu cần khoảng 100 người có quyền hạn và trách nhiệm tổ chức, điều hành các hoạt động theo kế hoạch chi tiết tổ chức lễ hội như: Chuẩn bị trái cây, bông hoa, nhang đèn, hoa đăng, cá phóng sinh, ẩm thực, vàng mã... Dựng sân khấu, nhà vòm, rạp chay, cây nêu; âm thanh, ánh sáng, bàn ghế; sắp xếp chỗ gửi xe, dọn dẹp vệ sinh, trang trí đèn hoa trong và ngoài miếu.

- Tiểu ban lễ

Tiểu ban lễ gồm 30 người có quyền hạn và trách nhiệm tổ chức, điều hành các hoạt động lễ của lễ hội như: Lễ chiêu thỉnh chư thần, lễ khai quang điểm nhãn, lễ khai kinh cầu an, lễ ngọ môn đáp tướng, lễ khai kim bồng, lễ phóng thủy đăng, lễ bắc cầu bà, lễ cúng thí xôi giã, lễ thỉnh an bài vị....

hóa, đại diện chính quyền địa phương tham gia là thành viên cố vấn Ban Tổ chức lễ hội.

- Tiểu ban hội

Tiểu ban hội gồm 15 người có quyền hạn và trách nhiệm điều hành, tổ chức các hoạt động thuộc phần hội gồm: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật, múa lân - sư - rồng, múa hấu, võ thuật; hát bội, hát hò quảng, kinh kịch, hội thỉnh đèn lồng....

- Tiểu ban an ninh trật tự

Tiểu ban an ninh trật tự gồm 40 người có quyền hạn và trách nhiệm tổ chức, điều hành các hoạt động đảm bảo an ninh trật tự của lễ hội bao gồm: Phối hợp với các lực lượng công an, quân sự địa phương, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn, phòng chống cháy nổ, kịp thời giải quyết các tình huống khi có sự cố xảy ra; bố trí phân công nhân sự, trực tại các vị trí, địa điểm diễn ra các hoạt động lễ hội; đảm bảo lễ hội thành công, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật và sự hướng dẫn của các cơ quan, ban ngành chức năng.

3.3.1.2. Chuẩn bị các công việc

Để chuẩn bị cho một lễ hội lớn diễn ra trong 4 ngày và chi phí khá lớn. Từ ngày 23/3 âm lịch khi diễn ra Lễ vía bà Thiên Hậu, Ban Trị sự miếu đã bắt đầu tiến hành họp bàn thông báo tổ chức Lễ hội Làm Chay để tất cả cộng đồng người Hoa đang sinh sống ở Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu và một số tỉnh lân cận tham dự, đồng thời thành lập Ban tổ chức gồm 20 người có uy tín trong Ban Trị sự có nhiệm vụ phân công trách nhiệm cho từng cá nhân, bộ phận, tổ phụ trách các công việc cụ thể như: Bộ phận rước, bộ phận đãi khách, khiêng kiệu, nấu ăn, tổ phát đèn, tổ cúng... Các cá nhân, bộ phận và tổ này tùy thuộc vào công việc của mình cần nhiều hay ít người phụ. Đây là những người tự nguyện (giống như các phật tử và người làm công quả ở các chùa). Tổng cộng cả Ban Tổ chức và những người có trách nhiệm tham gia phục vụ lễ hội lên đến 200 người.

Sau buổi họp này, Ban Tổ chức lễ hội bắt đầu đăng ký danh sách những người tham gia ủng hộ, đóng góp kinh phí tổ chức lễ hội. Hạn chót đăng ký đến ngày 10/6 âm lịch để Ban Tổ chức lễ tổng kết kinh phí. Mức đóng góp tùy lòng hảo tâm từ vài chục nghìn tới vài trăm

nghìn đồng. Những người khá giả, có điều kiện có thể bỏ tiền “phước sương” từ vài triệu đến vài chục triệu đồng. Người Hoa quan niệm càng bỏ nhiều tiền vào Lễ hội Làm Chay, càng được nhiều phước của Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu và các thần thánh. Số kinh phí đóng góp cho lễ hội lên rất cao, những lần lễ hội gần đây kinh phí tổ chức thường lên tới hàng trăm triệu đồng. Các khoản chi cho lễ gồm: Vật phẩm cúng tế, trang hoàng các không gian lễ, sửa sang tu bổ miếu, cơm chay đãi khách trong 3 ngày, tặng vật cho đại biểu dự lễ... Đặc biệt, kinh phí mời đạo sĩ từ Thành phố Hồ Chí Minh về hành lễ cầu an, cầu siêu và cúng tế thần thánh trong miếu 4 ngày đêm; kinh phí mời đoàn hát bội, hát hò quảng về biểu diễn. Các khoản kinh phí này từ vài chục triệu đồng đến trăm triệu đồng và còn chi phí thực hiện các công trình đồ mã phục vụ cho tín ngưỡng làm chay.

Đến đầu tháng 6 âm lịch, Ban Tổ chức họp tất cả những cá nhân và các bộ phận để thống nhất lần cuối. Sau đó, tất cả mọi công việc chuẩn bị cho lễ hội đều phải hoàn tất, Ban Tổ chức phát xiêm y đồng phục cho từng bộ phận tham dự. Vài ngày trước khi diễn ra lễ hội, Ban Tổ chức cử người dọn dẹp vệ sinh trong và ngoài miếu, những bàn thờ được lau chùi cẩn thận, sạch sẽ, các tượng thờ được thay những bộ áo choàng mới, trên các điện thờ được trang trí đèn rực rỡ. Bài vị của các vị Tổ sư, bà Thiên Hậu và Quan Thánh Đế Quân; các kiệu rước chư thần thánh; hoành phi, liễn đối, bao lam, bát bửu và nhiều vật dụng khác cũng được vệ sinh sạch sẽ. Trên nóc mái các gian Trung điện, Tiền điện và sân trong của miếu được trang trí những khoanh nhang vòng như hình chiếc nón lá. Đây là những vòng nhang của bá tánh thập phương đến cúng để cầu an, giải hạn tạo sự linh thiêng, ẩm cúng cho ngôi miếu và cũng là phong tục của người Hoa.

Vào ngày mừng 8-9/6 âm lịch, theo sự phân công của Ban Tổ chức, Tiểu ban cơ sở vật chất và hậu cần bắt đầu treo đèn lồng, kết hoa, cắm cờ lễ hội trang trí từ cổng vào tới miếu, không khí lễ hội bắt đầu náo nức. Ngoài cổng Tam quan treo băng rôn nền đỏ chữ vàng (cả chữ Việt và Hoa) với nội dung “chào mừng quý khách về dự Lễ hội Làm Chay”, trên 2 trụ cổng dán câu đối chữ Hán nền đỏ, chữ vàng với ý nghĩa cầu an, cầu phúc cho bá tánh khắp nơi về dự lễ hội. Bên

cạnh lối cổng vào có một sân khấu (nhà Võ ca) cũng trang trí các bức rèm màu đỏ thêu hoa văn rồng, phượng của Đoàn Nghệ thuật tuồng cổ Thành phố Hồ Chí Minh⁽¹⁾. Để vào các buổi tối diễn ra lễ hội, sân khấu là nơi biểu diễn ca kịch cổ hoặc biểu diễn nghệ thuật tạo không khí vui tươi, nhộn nhịp với đầy đủ nghi thức lễ và hội gắn kết tinh thần lạc quan của cộng đồng.

Ở bên trái khoảng đất trống sân ngoài của miếu dựng 3 cây nêu (người Hoa gọi là thọ phướn hay cây phướn). Cây nêu gồm 3 cây tre thẳng và cao trên 10m, dựng song song thành một hàng, ngọn hướng lên trời. Giữa 3 cây tre có 9 thanh ngang nối nhau vừa giữ cho chúng đứng vững vừa tạo hình như một chiếc thang bắc lên trời cao. Trên cây nêu treo 52 đèn lồng bằng giấy trắng, mỗi đèn dán một chữ Hán màu đỏ đối với “họ” và một chữ Hán màu đen đối với “tên”. Đèn lồng treo thành 5 dây song song với nhau tượng trưng cho 5 bậc thánh thần. Dây đèn lồng ở giữa dài nhất (20 đèn), phía trên có biểu tượng cờ lệnh và mào, chữ đề: *Cung chúc Ngũ Đình Tiên Sư bửu đán*, 4 dây đối xứng hai bên (mỗi dây 8 đèn) chữ đề: *Uất Trì Tiên Sư, Lỗ Ban Tiên Sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu và Quan Thánh Đế Quân*. Việc trang trí cây nêu với vị trí tôn vinh Tổ nghề (ở giữa) khẳng định Lễ hội Làm Chay là vía Tổ nghề, nhưng hiện nay do phối thờ bà Thiên Hậu nên người dân địa phương quen gọi là Lễ hội Làm Chay chùa Bà hay làm chay cho bà. Mục đích của việc cắm cây nêu ở sân ngoài của miếu là báo cho các vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Thánh Đế Quân và chư vị thần thánh khác biết địa điểm cúng chay để cầu an, cầu phúc cho dân làng và siêu độ cho các cô hồn, chiến sĩ. Dưới cây nêu bày một hương án để các đạo sĩ cúng tế trong suốt những ngày diễn ra lễ hội. Bên phải hương án, có một miếu nhỏ trong đặt hương án, trên là hình nhân Tiêu Diện Đại Sĩ⁽²⁾ bằng khung tre, bên ngoài bọc giấy màu sắc sỡ. Hình dạng Tiêu Diện Đại Sĩ trong Lễ hội Làm Chay cao to, mặt xám, bụng phệ, đầu đội mào lông công 3 sừng, tay phải

(1) Những năm gần đây tổ chức Lễ hội Làm Chay, Ban Trị sự miếu thường mời Đoàn Cải lương tuồng cổ Thu Ba.

(2) Nhân dân quen gọi là Ông Tiêu.

cầm quạt 3 tiêu đưa lên cao, tay trái cầm cờ lệnh xuôi xuống, chiếc lưỡi thè dài để xua đuổi tà ma (nhát ma)⁽¹⁾. Hai bên Tiêu Diện Đại Sĩ là hình nhân Thổ Địa, Tướng Quân và Thủy Quân mặc trang phục, mũ màu các loại (đây là người giải oan cho những linh hồn chết sông nước) và có nhiệm vụ hộ vệ cho Tiêu Diện Đại Sĩ. Nhân vật Tiêu Diện Đại Sĩ được xem là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát có khả năng xét xử, siêu độ các cô hồn dưới âm tào địa phủ, là hình tượng luôn luôn có trong các cuộc lễ chấn tế cầu siêu. Bên trong miếu còn dán một tấm kim bảng chữ Hán màu xanh trên vách tường, đề tên những người công đức.

Ở giữa sân trong giáp Tiền sảnh miếu, Ban Tổ chức cho dựng đàn chay với diện tích 36m² (còn gọi là rạp chay), là không gian chính diễn ra các hoạt động tế lễ, nơi các đạo sĩ cúng tế liên tục trong suốt quá trình diễn ra lễ hội. Đàn chay dựng theo kiểu hình vuông, khung sắt, ba mặt dựng vách tôn, mặt trước để cửa ra vào, trên không lợp mái, nền lót ván gỗ, có bậc tam cấp lên xuống. Trong đàn chay bài trí điện thờ giống như điện thờ của Đạo giáo: Mặt điện thờ nhìn vào trong miếu, trên xà ngang sát vách rạp chay treo 5 xấp giấy bùa in chữ triện với các màu xanh, đỏ (2 xấp màu đỏ tươi và đỏ sậm), vàng (2 xấp màu vàng nhạt và vàng sậm). Màu xanh tượng trưng cho Linh Bảo Thiên Tôn (Thượng Thanh), màu đỏ tượng trưng cho Thái Thượng Lão Quân (Thái Thanh), màu vàng tượng trưng cho Lão Đức Thiên Tôn (Ngọc Thanh). Năm xấp giấy bùa này, sau khi lễ tất sẽ được đốt một ít trong nghi thức xô giàn, số còn lại được Ban Tổ chức phân phát cho các gia đình tham gia phục vụ lễ hội đem về dán thờ trong nhà ngụ ý để tẩy trừ ma quỷ, tà khí, mong tránh được những xui xẻo, đem lại sự bình an, may mắn cho gia đình. Trên xà ngang còn treo bức tranh Tam Thánh (Thái Thượng Lão Quân, Thông Thiên Giáo Chủ, Thủy Thiên Tôn) những vị thần linh thiêng nhất của Đạo giáo và phía dưới các vị đặt một hương án phủ vải đỏ thêu kim tuyến rất trang trọng là nơi sẽ thỉnh đặt linh vị tam vị Tổ Sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Thánh Đế Quân, bài vị thần thánh thỉnh từ các miếu có

(1) Ông Tiêu trong các ngôi chùa mặt đủ màu sắc, bụng không phệ.

liên quan và Mễ Đẩu (tiếng Hẹ gọi là “Mi tiêu” hay Phước Lộc Đình) của cộng đồng; phía dưới cùng còn một hương án cũng phủ vải đỏ thêu kim tuyến trưng đầy đủ hương hoa, đèn cây, cờ (một chầu gỗ vẽ hình âm dương cắm 5 cờ lệnh theo 5 màu của Đạo giáo), quạt và các đồ tế khí mà các đạo sĩ dùng trong cúng tế. Hai bên vách rạp chay treo tranh giấy Thập Điện Diêm Vương (10 vị cai quản cửa ngục dưới âm phủ). Trong và ngoài rạp chay còn treo các bức trướng, cờ quạt, hoành phi, liễn đối rất trang nghiêm. Trên vách tôn phía ngoài rạp chay dán kim bảng chữ Hán viết tên các mạnh thường quân đóng góp tiền của để tổ chức lễ hội và phía dưới đặt một hương án bày biện lễ vật cúng tạ ơn.

Trên sân miếu phía ngoài rạp chay, bài trí hương án Phán Quan Tiên Sinh (Dịch Quan/Ông Sá) xử án ở địa phủ bằng hình nhân giấy đỏ, hai bên có các lính hầu bằng hình nhân giấy vàng. Phía sau Phán Quan có tấm kim bảng giấy viết tên các thành viên trong Ban Trị sự miếu có công đức, phụng sự suốt cả nhiệm kỳ. Khu vực hương án Phán Quan, miếu Ông Tiêu và cây phướn cũng được các đạo sĩ cúng tế trong suốt những ngày diễn ra Lễ hội Làm Chay. Hàng trăm chiếc đèn lồng lớn, nhỏ đủ loại được Ban Tổ chức treo thành nhiều dãy bên ngoài rạp chay để bà con thỉnh lộc.

Khu vực chính giữa cửa miếu Tổ Sư, Ban Tổ chức treo một cái sàng với ý nghĩa sàng gạo, là công cụ sinh hoạt sản xuất nông nghiệp hoặc tượng trưng mắt thần nhìn thông suốt. Bên trên vành sàng cột chùm đồ vật gồm một cụm sả, một cành lá dương (trừ tà), một cái kiếng (sáng trong như gương), một cây thước mộc thợ may (làm người có chuẩn mực ngay thẳng, mực thước), một cây kéo nhỏ (trừ tà), 5 tép chỉ ngũ sắc (sự khéo léo), cành lá bưởi (tinh khiết). Những đồ vật trên có thể xem như “vật linh” tiêu biểu cho 5 nghề nghiệp của người Trung Hoa xưa gồm: Nghề nông, nghề mộc, nghề may thêu, nghề đan lát và nghề xây dựng. Do vậy, những “vật linh” trên càng nói lên bản chất của Lễ hội Làm Chay chính là tạ ơn Thánh Tổ đã ban cho cư dân những nghề nghiệp để nuôi sống con người mà cộng đồng xã hội phải luôn tưởng nhớ và tôn vinh. Một mặt phải có ý thức giữ gìn nghề nghiệp và có đạo đức trong công việc, thể hiện mối liên

quan về tín ngưỡng và giáo dục nhân cách của con người thông qua tín ngưỡng và thực hành tín ngưỡng trong đời sống hàng ngày.

Các hạng mục trong và ngoài miếu Tổ Sư đều thấp sáng đèn điện, đèn lồng lớn, cờ trướng treo trang hoàng, lộng lẫy cùng các đồ cúng được sắp đầy đủ ở tất cả các bàn thờ. Những liễn đối bằng giấy đỏ chữ vàng với nội dung mong muốn sự bình an, tạ ơn đến các vị Tổ Sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu và Quan Thánh Đế Quân được dán trên các cột và mặt tiền miếu. Trước cửa chính miếu bài trí hai hình nhân Tướng quân đứng nghiêm trang với bộ võ phục đủ màu, hai tay cầm giáo uy phong trấn giữ thánh môn. Phía bên trong cánh gà hai bên cửa trước miếu treo những bộ áo giấy tượng trưng cho trang phục các chư thần thánh về dự lễ hội. Bên trong miếu còn đặt thêm bàn thờ Thiên Sư ở bên phải Tiền điện, hình thức thờ dưới dạng một bức tranh hình Trương Tiên Sinh và người hầu treo trên tường, phía dưới đặt hương án có đầy đủ lễ vật cúng tế.

Ngoài ra, trên con đường đi thỉnh các vị thần thánh ở các miếu về dự Lễ hội Làm Chay đều cắm cờ hội với nhiều màu sắc, giăng đèn lồng nhiều dây lớn nhỏ dài hàng cây số. Ở các miếu có thần thánh được cung thỉnh tham dự Lễ hội Làm Chay cũng được chuẩn bị lễ vật, trang trí chu đáo. Sự chuẩn bị đầy đủ, kĩ lưỡng tại không gian chính diễn ra lễ hội và cả những không gian phụ trợ, tạo nên bức tranh lộng lẫy, sự háo hức cho du khách thập phương đến tham dự có dịp đắm chìm trong không khí linh thiêng, rộn ràng, vui tươi, ấm áp của Lễ hội Làm Chay.

3.3.2. Diễn trình lễ hội

3.3.2.1. Chương trình lễ hội

- Ngày thứ nhất: Lễ chiêu thỉnh chư thần; lễ khai đàn - khai quang điểm nhãn; biểu diễn võ thuật, ca kịch, lân sư rồng.

- Ngày thứ hai: Lễ khai kinh cầu an; lễ ngọ môn đáp tượng; lễ ngọ môn thượng thiên; lễ cúng liệt vị; niệm kinh cầu an; biểu diễn lân sư rồng.

- Ngày thứ ba: Lễ khai kim bảng, hội thỉnh lồng đèn; lễ phóng thủy đăng; lập đàn chay và làm lễ bắc cầu; biểu diễn ca kịch, hát bội, lân sư rồng.

- Ngày thứ tư: Lễ cúng thí, xô giàn; cúng ngả mận kết lễ; đãi ngả mận, biểu diễn ca kịch, hát bội, lân sư rồng.

3.3.2.2. Diễn biến Lễ hội Làm Chay

- Lễ chiêu thỉnh chư thần

Đây là nghi thức vừa mang tính chất lễ vừa mang tính chất hội với việc tổ chức đoàn rước đông đảo hàng ngàn người có cờ xí, múa lân - sư - rồng, trống nhạc, kiệu rước... từ sân miếu Tổ Sư đi đến các miếu thờ trong khu vực thành phố Biên Hòa gồm: Miếu Cây Quăn, miếu Tiên Cơ Nương Nương, Bá Công từ, đến Thiên Hậu cung, Thạch Sơn cổ miếu để chiêu thỉnh chư thần thánh về dự Lễ hội Làm Chay.

Khi mọi việc đã chuẩn bị chu đáo, đúng 8 giờ sáng ngày mùng 10/6 âm lịch, mọi người trang phục chỉnh tề tập trung đầy đủ tại miếu Tổ Sư, ba hồi chuông trống gióng lên báo hiệu giờ tốt khai lễ. Lúc này, Đạo trưởng (còn gọi là Pháp sư) - Chủ tế mặc áo Bát Quái Đạo Bào màu đỏ, có biểu tượng âm dương và ngũ hành bát quái, đầu đội mũ màu đen đỉnh xếp bằng, bắt đầu làm nghi thức khai lễ rước linh vị tam vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu và Quan Thánh Đế Quân trong Chánh điện để đi đến các miếu trong khu vực mời các chư thần thánh về dự Lễ hội Làm Chay. Lời cúng khai lễ đại khái như sau: Hôm nay, ngày... tháng... năm... các ông A, B, C... làm lễ này để cúng cầu an cho cộng đồng mời tổ và thần về dự lễ hội. Đạo trưởng tay cầm khánh (nhạc khí tròn dẹp như chiếc gương đồng) vừa gõ vừa tụng kinh Thái Thượng Nguyên Môn (kinh nghi lễ của Đạo giáo) bằng tiếng Quảng Đông để xin tổ và các thần linh cho phép, về chứng giám việc tổ chức Lễ hội Làm Chay của người Họ làm nghề đá. Cầu xin ban phước, cầu nghề nghiệp và giải hạn cho cộng đồng trong 3 năm đã qua và mong các chư thần linh phù hộ cho họ có được cuộc sống an bình, may mắn, người người mạnh khỏe hạnh phúc, nhà nhà sung túc, nhóm hội đoàn kết, tương trợ; cầu quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, công việc thuận lợi, phát tài, phát lộc cho ba năm tới.

Các thành viên trong Ban Trị sự miếu đại diện cho cộng đồng người Hoa bang Hẹ, người phụ tế mặc áo dài màu xanh, đầu đội mũ tiêu lười trai màu trắng, cung kính đứng phía sau, mỗi người cầm một cây nhang vái lạy theo vị Đạo trưởng. Sau lời kinh thỉnh ý tổ và thần, Đạo trưởng cầm xấp giấy kim bảng màu đỏ tụng kinh chừng 15 phút xin keo đi chiêu thỉnh chư thần linh. Kim phong bảng được một người lớn tuổi trong bang hội, đủ sức khỏe, đức độ, gia đình còn sống đủ cả vợ chồng, đông con, nhà không có tang, được Ban Tổ chức chọn làm đại diện (giống vị “cai đám” trong lễ hội của người Việt) bưng đi phía sau vị Đạo trưởng. Người bưng kim phong bảng mặc áo dài gấm vàng, đầu đội mũ tiêu, đeo một băng vải đỏ chéo qua ngực, phục vụ từ lúc khai lễ cho đến khi kết lễ. Vị này đại diện cho điều phúc và may mắn trong lễ hội.

Sau khi khai lễ, xin keo thuận, mọi người cúi lạy tạ, một người đi thâu nhang dâng lên bàn thờ Tổ sư, một người châm rượu và đốt giấy vàng bạc tạ ơn. Đoàn người bắt đầu thỉnh linh vị tam vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu và Quan Thánh Đế Quân trên bàn thờ trong Chánh điện bưng ra ngoài đặt lên kiệu rước. Các kiệu đón rước chư thần ở các miếu lân cận về dự lễ hội, tiểu ban lễ đã đặt bát nhang lớn cắm các que dán giấy đỏ ghi tên từng vị chư thần. Trước khi khởi kiệu, các đội lân - sư - rồng múa nghinh sân vài vòng xung quanh sân lễ và quanh kiệu, tạo nên không khí náo nức cho lễ hội. Tiểu ban lễ sẽ tiến hành lễ rước bài vị, linh nhang từ các miếu thờ theo phong tục xưa (hương án - kiệu bà - kiệu tổ - kiệu ông) về miếu Tổ Sư. Hàng ngàn người tập trung xếp hàng chờ sẵn trong miếu và ngoài sân để sẵn sàng tham dự cùng đoàn rước.

Đi đầu đoàn rước là Quốc kỳ Việt Nam, các đoàn lân - sư - rồng và những người cầm cờ lễ hội, cờ trưởng (trang phục của những người này tùy thuộc vào kinh phí tổ chức từng năm, nếu có kinh phí thì trang phục tươm tất hơn, thường thì vẫn mặc đồng phục áo đỏ, quần đen sau lưng có dòng chữ Thiên Hậu Thánh Mẫu). Đây là những đoàn địa phương và Thành phố Hồ Chí Minh tự nguyện về phục vụ. Tiếp theo sau là dàn nhạc Tiểu ngũ âm của các đạo sĩ. Tiếng trống, phèng, chập chĩa hòa vào nhau tạo nên những âm thanh náo nhiệt, đặc trưng rộn

rã của ngày lễ. Tiếp đến là hương án được 4 thanh niên mặc lễ phục khiêng, trên hương án đặt lư hương, cặp chân đèn, bình bông và 2 đĩa trái cây kết hình long phụng tượng trưng cho các món cúng lễ. Theo sau hương án là những người cầm bát bửu (8 món đồ khí tế bằng đồng là đàn, sáo, lẵng hoa, sách, kiếm, bầu rượu, túi thơ, quạt vốn là đồ dùng của các tầng lớp quý tộc trong các triều đình phong kiến xưa) và 7 cặp biển bài màu đỏ có cán cầm: Cặp Tiêu Chinh và Quỷ Bí giống như tướng quân đi trước dẹp đường cho các vị thần, bài vị Lỗ Ban Tiên sư, Uất Trì Cung, Ngũ Đinh Tiên sư, Thiên Hậu Nguyên Quân, Hiệp Thiên Thượng Đế (Quan Thánh Đế Quân) tạo nên sự uy linh trong lễ rước. Tiếp theo là 4 người mặc trang phục tượng trưng cho 4 thầy trò Đường Tăng đi thỉnh kinh, chi tiết này được tiếp thu đưa vào trong lễ hội những năm gần đây chứng tỏ sự dung hợp cả yếu tố Phật giáo với Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian của người Hoa ở địa phương. Vị Đạo trưởng tế lễ và các phụ tế tiếp nối đi sau. Rồi đến 2 người cầm lọng đỏ đi trước kiệu bà, kiệu tổ, kiệu ông, mỗi kiệu rước do 8 thanh niên khỏe mạnh mặc đồng phục quần đen, áo đỏ, sau lưng áo in dòng chữ Thiên Hậu Thánh Mẫu, ngoài ra còn có một số thanh niên đi theo để phụ giúp khiêng kiệu đi rất trang trọng, nhịp bước và đồng bộ giữ thăng bằng không để kiệu lắc lư và nghiêng ngả. Đi cung kính, trang nghiêm sau các kiệu rước là người bưng kim phong bảng, rồi đến Ban Tổ chức lễ, những thành viên trong Ban Trị sự miếu, đoàn đại biểu 4 bang của cộng đồng người Hoa và Ban Quý tế các đình miếu địa phương. Cuối cùng là bá tánh thập phương, kể cả những người hiếu kỳ... Tất cả đều hòa vào dòng người đông đúc, hàng nối hàng, chỉnh tề, làm cho cuộc rước kéo dài cả cây số.

Lộ trình của đoàn rước xuất phát từ miếu Tổ Sư ra đường Huỳnh Văn Nghệ, rồi qua khu chợ nhỏ của làng đá Bửu Long đi đến miếu Cây Quăn (còn gọi là Thiên Hậu miếu cách khoảng 1km) ở gần bờ sông Đồng Nai thuộc khu phố 4, phường Bửu Long để thỉnh bài vị Thiên Hậu. Từ miếu Cây Quăn, đoàn rước đi trong đường xóm qua đình Bạch Khôi ra đường Huỳnh Văn Nghệ vào cổng phụ khu danh thắng Bửu Long thỉnh bài vị Tiên Cơ Nương Nương tại miếu Bà Thánh, rồi quay ra thỉnh bài vị Thổ Công ở miếu bên cạnh. Sau đó, đoàn rước vòng ra cổng chính khu danh thắng Bửu Long rồi theo đường Huỳnh

Văn Nghệ rước các vị chư thần thánh trở về miếu Tổ Sư. Nghi thức và lễ vật rước chư thần thánh ở các miếu bao gồm: nhang đèn, bông, trái, đồ chay. Đặc biệt phải xin keo ở các miếu khi nào được thì mới được phép thỉnh các bài vị, linh nhang về.

Tại các điểm chiêu thỉnh chư thần, Đạo trưởng, phụ tế và Ban Tổ chức lễ, đại diện cho cộng đồng vào làm lễ thỉnh bài vị, đoàn rước đứng ở bên ngoài. Đạo trưởng cầm nhạc khí vừa gõ chuông vừa tụng kinh xin phép được thỉnh bài vị của chư thần về miếu Tổ Sư dự Lễ hội Làm Chay. Trong khi tụng kinh, một người trong Ban Tế lễ châm rượu vào ly trên bàn thờ, Đạo trưởng xin keo nếu keo thuận coi như hoàn thành thủ tục. Ban Tế lễ đứng phía sau mỗi người cầm 1 cây nhang xá 3 xá, một người đi thâu nhang cắm vào bát nhang chính ở miếu, một người đốt giấy vàng bạc tạ ơn chư thần và kết thúc thủ tục chiêu thỉnh. Đạo trưởng bưng bài vị chư thần (bài vị viết bằng chữ Hán trên giấy đỏ mang tính tượng trưng) và lấy cùng 3 cây nhang trên bàn thờ thỉnh ra kiệu đặt bên ngoài sân, rước về miếu Tổ Sư dự lễ hội.

Trên các con đường mà đoàn rước đi qua, các gia đình người Hoa sắp sẵn một mâm cúng bày kiểu hình tháp gồm: Giấy bạc, nhang, đèn dầu, bánh trái đặt trên bàn nhỏ đặt trước cửa nhà để nghinh đón Tổ sư và các chư thần. Việc rước kiệu đi đến các điểm chiêu thỉnh chư thần giống như cuộc vi hành của các vị Tổ nghề và thần thánh qua xóm làng, xem xét tình hình làm ăn, sinh sống của bà con, mọi người tin rằng những linh vị Tổ nghề và các chư thần đi qua sẽ đem lại bình an cho nơi đó. Vì vậy, cuộc rước càng trở nên quan trọng, được bà con người Hoa hân diện, nghênh đón khi có kiệu rước thần thánh đi ngang qua. Trước năm 1995, các gia đình còn đốt pháo mừng khi kiệu rước thần thánh đi qua trong lễ chiêu thỉnh chư thần.

Khoảng 10 giờ, đoàn rước trở về đến miếu Tổ Sư, kiệu được cung thỉnh về đặt tại sân trong của miếu, vị Đạo trưởng đến trước kiệu thắp nhang tạ ơn chư thần việc thỉnh rước đã thành công. Tiếp đến, các vị Đạo sĩ và Ban Trị sự xá trước kiệu sau đó nghênh thỉnh linh vị của ba vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Thánh Đế Quân và linh nhang các vị chư thần thánh đặt lên nơi cao nhất của hương án trong rạp chay. Đạo trưởng tiến hành tụng kinh cầu phúc, tạ ơn

sau khi an vị các thần và chuẩn bị tiếp tục đi thỉnh bà Thiên Hậu ở Thiên Hậu Cung (cách khoảng 3km, ở phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa) và Thạch Sơn cổ miếu (cách khoảng 5km, ở phường Hoá An, thành phố Biên Hòa) về dự lễ. Lần thỉnh này không nghinh rước như lần trước mà chỉ cử đại diện Ban Trị sự miếu Tổ Sư và Đạo trưởng di chuyển bằng xe hơi (trước kia cả đoàn đi bộ, có giá thỉnh). Tối nơi, vị Đạo trưởng và các vị chức sắc tụng kinh, thấp nhang, đốt giấy tiền vàng bạc... xin keo thỉnh bà Thiên Hậu. Bài vị được thỉnh về miếu cũng đặt lên bàn hương án trong rạp chay cùng với các bài vị đã rước trước đó. Lúc này, đạo sĩ vừa tụng kinh vừa xá tạ ơn các vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu và Quan Thánh Đế Quân đã phù hộ cho việc chiêu thỉnh diễn ra thuận lợi và tốt đẹp. Đến khoảng 11 giờ, lễ chiêu thỉnh chư thần kết thúc. Ban Tổ chức mời tất cả những người tham dự ăn bữa cơm chay tại sân ngoài của miếu Tổ Sư. Các món đãi gồm: Kiềm, mắm chay, bánh ít, đậu trắng xào tỏi; bí đỏ, cà tím xào tương tàu; củ cải muối xào và bánh bao (các món: Kiềm, mắm chay và bánh ít là món ăn của người Việt; những món còn lại là món của người Hoa). Đây chính là sự giao thoa văn hóa ẩm thực của người Hoa - Việt trong Lễ hội Làm Chay ở miếu Tổ Sư. Trong khi mọi người dùng cơm chay thì các đoàn lân - sư - rồng, các đội biểu diễn võ thuật, múa đao... cũng đồng loạt biểu diễn tại góc sân ngoài tạo không khí vui tươi, khơi gợi tinh thần thượng võ của người Hoa trong dân gian.

Nghi thức rước bài vị chư thần ở các miếu xung quanh về miếu Tổ Sư dự Lễ hội Làm Chay có ý nghĩa mời các chư thần về cùng chứng giám việc làm chay cầu an, cầu siêu của người Hoa bang Hẹ ở đây. Mặt khác, đây còn là sự liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở tín ngưỡng người Hoa trong bang hội với mối quan hệ mật thiết đặc biệt trong dịp tổ chức lễ hội lớn ở địa phương.

- Lễ khai đàn - khai quang điểm nhãn

Vào khoảng 18 giờ bắt đầu làm lễ khai đàn - khai quang điểm nhãn các tượng thờ và các đồ vật cúng tế. Lễ khai đàn do vị Đạo trưởng mặc áo Bát Quái Đạo Bào màu đỏ, đầu đội mũ có chóp cao hình hoa sen làm chủ tế, 6 đạo sĩ phụ tế sử dụng nhạc khí như: Trống, chập chĩa, kèn, mõ... để phụ họa theo lời tụng của chủ tế. Lễ vật

trong nghi thức này bao gồm: 1 đĩa gạo rải tiền đồng bên trên, 3 đĩa đồ chay (gồm tàu hũ, bún tàu và nấm mèo), 3 chung lớn rót rượu, 3 chung nhỏ rót trà, 1 tô rượu trắng có lá bưởi, 1 chung rượu hòa thân sa, 1 con gà trống còn sống, 3 con ngựa giấy có hình nhân cười, 1 đĩa giấy tiền vàng bạc, 1 cây cọ tàu lớn cột đoạn cán dài 2m và 1 cây nhang dài 70cm để điểm nhãn.

Chủ tế cầm sấp giấy kim bảng kẹp giữa 3 cây nhang nhỏ, vừa tụng kinh vừa làm những động tác xoay vòng tròn và xá nhiều lần. Ban Trị sự miếu đứng phía sau, mỗi người cầm một cây nhang nhỏ xá theo chủ tế. Sau mỗi hồi tế, một người đi thu nhang đến cắm vào bát nhang trước bàn hương án. Cứ vậy, xong hai tuần rượu, chủ tế đốt giấy kim bảng, rồi nhúng tàn tro giấy đốt vào rượu có lá bưởi, dùng con dao găm có gắn vòng sắt nhúng vào tô rượu có lá bưởi vẩy khắp rạp chay, các vị trí ở trong miếu, nhà bếp, nhà khách... để tẩy uế, trừ tà. Xong việc, mọi người trở về rạp chay, chủ tế cầm sấp giấy kim bảng tiếp theo tụng kinh, vừa vái lạy trước điện thờ vừa xoay tròn người, sau đó chủ tế đưa sấp giấy cho một người trong Ban Tế lễ đứng ra đốt, sau đó tất cả mọi người trong rạp chay đều xá lạy 4 hướng theo tính chất âm dương ngũ hành của Đạo giáo, kết thúc nghi thức khai đàn.

Tiếp theo, chủ tế và 2 phụ tế (một người gõ trống, một người đánh chập chĩa) ở rạp chay chuẩn bị thực hiện nghi thức khai quang điểm nhãn. Chủ tế và phụ tế bắt đầu tụng kinh vài phút, rồi xá, lạy cùng với các động tác xoay tròn người trước điện thờ tại rạp chay. Tiếp đến một người rót trà vào ly, chủ tế cầm tô rượu có lá bưởi vẩy xung quanh tẩy uế bàn lễ. Chủ tế tiếp tục cầm con gà trống còn sống nhắc lên cao, ngậm một ngụm rượu trong tô phun vào đầu gà, dùng móng tay cấu vào mào gà (vị trí cao nhất của con gà và có ý nghĩa sạch sẽ nhất) cho máu nhỏ vào tô rượu hòa lẫn với thân sa trong có vài lá bưởi tạo thành hỗn hợp sẽ được dùng để khai quang điểm nhãn. Tiếp đến, chủ tế và phụ tế di chuyển vào bên trong miếu Tổ Sư, tay cầm cây cọ tàu cán dài nhúng vào tô rượu có huyết gà chấm vào các đồ vật, các tượng trong miếu (ba vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Thánh Đế Quân, Phước Đức Lão Gia đều được phủ kín

bằng vải đỏ). Ngoài sân lớn, các đạo sĩ còn lại điểm nhãn trong ngoài rạp chay, các hương án, các hiện vật, hàng trăm chiếc đèn lồng, cờ hội, cây nêu và ông Tiêu. Theo sát chủ tế còn có một đạo sĩ cầm cây nhang dài chấm vào các vị trí ở các đồ vật vừa được điểm nhãn trước đó. Một đạo sinh đi theo cầm chén thần sa và con gà trống tiếp tục lấy máu ở mào để phục vụ nghi thức điểm nhãn. Màu đỏ và nhang dùng trong nghi thức này tượng trưng cho ánh sáng và màu sắc ngụ ý truyền sức sống của thần thánh vào các tượng cũng như các đồ vật trong miếu. Sau khi điểm nhãn xong, các bức tượng được mở khăn ra. Chủ tế trở về hương án điểm nhãn và đốt 3 con ngựa giấy trên lưng có 3 vị tướng quân mặc áo màu vàng, đỏ và xanh đại diện cho thiên binh, sứ giả mời các thần linh về dự hội. Sau cùng, chủ tế và các phụ tế trở vào trong rạp chay tụng kinh và kết lễ hóa sớ, tung tiền đồng và gạo ra để thí thực, kết thúc ngày đầu tiên của Lễ hội Làm Chay vào lúc 21 giờ ngày 10/6 âm lịch.

- Lễ khai kinh cầu an lần thứ nhất

Từ 6 giờ ngày 11/6 âm lịch, Ban Tổ chức đã cử một bộ phận tiểu ban lễ và đoàn múa lân đến các gia đình phụng cúng lễ vật cầu an, để rước các mâm cúng, cỗ tháp cúng về xếp thứ tự theo từng hàng trong sân miếu. Mỗi lần đoàn rước được 4 cỗ về miếu. Cỗ cúng có hình tháp cao khoảng 1,5m, rộng 0,5m, bốn mặt gắn bánh, kẹo, thuốc lá, hộp quẹt, mì gói, kẹo, giấy vàng bạc..., trên đỉnh tháp gắn cờ giấy kiểu đuôi nheo ghi tên người phụng cúng. Quan sát những cỗ cúng thí này, cho thấy có khá nhiều tên gia đình người Việt phụng cúng. Có thể nói, Lễ hội Làm Chay thực sự là sinh hoạt tín ngưỡng chung của cư dân địa phương, không phân biệt người Hoa hay Việt. Khi mọi việc đã chuẩn bị chu đáo, đúng 8 giờ ngày 11/6 âm lịch, mọi người trang phục chỉnh tề tập trung đầy đủ trong miếu Tổ Sư, ba hồi chuông trống gióng lên báo hiệu giờ tốt khai lễ. Lúc này, Đạo trưởng (còn gọi là Pháp sư) - Chủ tế mặc áo *Bát Quái* Đạo Bào màu đỏ, có biểu tượng âm dương và ngũ hành bát quái, đầu đội mũ màu đen đỉnh xếp bằng, bắt đầu làm nghi thức khai lễ rước linh vị tam vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu và Quan Thánh Đế Quân trong Chánh điện để đi đến các miếu trong khu vực mời các chư thần thánh về dự Lễ hội Làm Chay.

Lời cúng khai lễ đại khái như sau: *Hôm nay, ngày... tháng... năm... các ông A, B, C... làm lễ này để cúng cầu an cho cộng đồng mời tổ và thần về dự lễ hội.* Đạo trưởng tay cầm khánh (nhạc khí tròn dẹp như chiếc gương đồng) vừa gõ vừa tụng kinh Thái Thượng Nguyên Môn (kinh nghi lễ của Đạo giáo) bằng tiếng Quảng Đông để xin tổ và các thần linh cho phép, về chứng giám việc tổ chức Lễ hội Làm Chay của người Hẹ làm nghề đá. Cầu xin ban phước, cầu nghề nghiệp và giải hạn cho cộng đồng trong ba năm đã qua và mong các chư thần linh phù hộ cho họ có được cuộc sống an bình, may mắn, người người mạnh khỏe hạnh phúc, nhà nhà sung túc, nhóm hội đoàn kết, tương trợ; cầu quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, công việc thuận lợi, phát tài, phát lộc cho ba năm tới.

Các thành viên trong Ban Trị sự miếu đại diện cho cộng đồng người Hoa bang Hẹ, người phụ tể mặc áo dài màu xanh, đầu đội mũ tiêu lưởi trai màu trắng, cung kính đứng phía sau, mỗi người cầm một cây nhang vái lạy theo vị Đạo trưởng. Sau lời kinh thỉnh ý tổ và thần, Đạo trưởng cầm xấp giấy kim bảng màu đỏ⁽¹⁾ tụng kinh chừng 15 phút xin keo đi chiêu thỉnh chư thần linh. Kim phong bảng⁽²⁾ được một người lớn tuổi trong bang hội, đủ sức khỏe, đức độ, gia đình còn sống đủ cả vợ chồng, đông con, nhà không có tang, được Ban Tổ chức chọn làm đại diện (giống vị “cai đám” trong lễ hội của người Việt) bưng đi phía sau vị Đạo trưởng. Người bưng kim phong bảng mặc áo dài gấm vàng, đầu đội mũ tiêu, đeo một băng vải đỏ chéo qua ngực, phục vụ từ lúc khai lễ cho đến khi kết lễ. Vị này đại diện cho điều phúc và may mắn trong lễ hội.⁽³⁾

Sau khi khai lễ, xin keo thuận, mọi người cúi lạy tạ, một người đi thâu nhang dâng lên bàn thờ Tổ sư, một người châm rượu và đốt giấy

(1) Kim bảng là danh sách tên Ban Trị sự miếu và những người đóng góp kinh phí tổ chức Lễ hội Làm Chay.

(2) Kim phong bảng đặt trên chiếc khay như ý cát tường, mô hình làm bằng gỗ giống kiến trúc miếu Tổ Sư, trong đặt các sấp giấy kim bảng.

(3) Ông Thái Lâm Nghĩa (sinh năm 1955) được Ban Tổ chức chọn bưng kim phong bảng trong nhiều kỳ Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư.

vàng bạc tạ ơn. Đoàn người bắt đầu thỉnh linh vị tam vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu và Quan Thánh Đế Quân trên bàn thờ trong Chánh điện bung ra ngoài đặt lên kiệu rước. Các kiệu đón rước chư thần ở các miếu lân cận về dự lễ hội, tiểu ban lễ đã đặt bát nhang lớn cắm các que dán giấy đỏ ghi tên từng vị chư thần. Trước khi khởi kiệu, các đội lân - sư - rồng múa nghinh sân vài vòng xung quanh sân lễ và quanh kiệu, tạo nên không khí náo nức cho lễ hội. Tiểu ban lễ sẽ tiến hành lễ rước bài vị, linh nhang từ các miếu thờ theo phong tục xưa (hương án - kiệu bà - kiệu tổ - kiệu ông) về miếu Tổ Sư. Hàng ngàn người tập trung xếp hàng chờ sẵn trong miếu và ngoài sân để sẵn sàng tham dự cùng đoàn rước.

Đi đầu đoàn rước là Quốc kỳ Việt Nam, các đoàn lân - sư - rồng và những người cầm cờ lễ hội, cờ trưởng (trang phục của những người này tùy thuộc vào kinh phí tổ chức từng năm, nếu có kinh phí thì trang phục tươm tất hơn, thường thì vẫn mặc đồng phục áo đỏ, quần đen sau lưng có dòng chữ Thiên Hậu Thánh Mẫu). Đây là những đoàn địa phương và Thành phố Hồ Chí Minh tự nguyện về phục vụ. Tiếp theo sau là dàn nhạc Tiểu ngũ âm⁽¹⁾ của các đạo sĩ. Tiếng trống, phèng, chập chĩa hòa vào nhau tạo nên những âm thanh náo nhiệt, đặc trưng rộn rã của ngày lễ hội. Tiếp đến là hương án được 4 thanh niên mặc lễ phục khiêng, trên hương án đặt lư hương, cặp chân đèn, bình bông và 2 đĩa trái cây kết hình long phụng tượng trưng cho các món cúng lễ. Theo sau hương án là những người cầm bát bửu (8 món đồ khí tế bằng đồng là đàn, sáo, lẵng hoa, sách, kiếm, bầu rượu, túi thơ, quạt vốn là đồ dùng của các tầng lớp quý tộc trong các triều đình phong kiến xưa) và 7 cặp biển bài màu đỏ có cán cầm⁽²⁾: Cặp Tiêu Chinh và Quỷ Bí giống như tướng quân đi trước dẹp đường cho các

(1) Giống cây đàn tranh, thùng gỗ, dây bằng cước, khi đánh lấy 2 cây bằng tre đánh lên trên các dây tạo thành 5 âm khác nhau.

(2) Trên biển bài ghi tên các vị được thờ tự trong miếu. Đặc biệt, chỉ có một biển đi đầu không ghi tên mà chỉ là hoa văn, màu đỏ sắc sỡ tượng trưng như những bậc vua chúa khi xưa khi đi phải có người đi đầu chỉ dẫn, dẹp loạn, đồng thời tỏ ra không khí trang nghiêm, yên lặng để các vị thánh thần đi qua.

vị thần, bài vị Lỗ Ban Tiên Sư, Uất Trì Cung, Ngũ Đinh Tiên Sư, Thiên Hậu Nguyên Quân, Hiệp Thiên Thượng Đế (Quan Thánh Đế Quân) tạo nên sự uy linh trong lễ rước. Tiếp theo là 4 người mặc trang phục tượng trưng cho 4 thầy trò Đường Tăng đi thỉnh kinh, chi tiết này được tiếp thu đưa vào trong lễ hội những năm gần đây chứng tỏ sự dung hợp cả yếu tố Phật giáo với Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian của người Hoa ở địa phương. Vị Đạo trưởng tế lễ và các phụ tế tiếp nối đi sau. Rồi đến 2 người cầm lọng đỏ đi trước kiệu bà, kiệu tổ, kiệu ông, mỗi kiệu rước do 8 thanh niên khỏe mạnh mặc đồng phục quần đen, áo đỏ, sau lưng áo in dòng chữ Thiên Hậu Thánh Mẫu, ngoài ra còn có một số thanh niên đi theo để phụ giúp khiêng kiệu đi rất trang trọng, nhịp bước và đồng bộ giữ thăng bằng không để kiệu lắc lư và nghiêng ngả. Đi cung kính, trang nghiêm sau các kiệu rước là người bưng kim phong bảng, rồi đến Ban Tổ chức lễ, những thành viên trong Ban Trị sự miếu, đoàn đại biểu 4 bang của cộng đồng người Hoa và Ban Quý tế các đình miếu địa phương. Cuối cùng là bá tánh thập phương, kể cả những người hiếu kỳ... Tất cả đều hòa vào dòng người đông đúc, hàng nối hàng, chỉnh tề, làm cho cuộc rước kéo dài cả cây số.

Lộ trình của đoàn rước xuất phát từ miếu Tổ Sư ra đường Huỳnh Văn Nghệ, rồi qua khu chợ nhỏ của làng đá Bửu Long đi đến miếu Cây Quăn (còn gọi là Thiên Hậu miếu cách khoảng 1km) ở gần bờ sông Đồng Nai thuộc khu phố 4, phường Bửu Long để thỉnh bài vị Thiên Hậu. Từ miếu Cây Quăn, đoàn rước đi trong đường xóm qua đình Bạch Khôi ra đường Huỳnh Văn Nghệ vào cổng phụ khu danh thắng Bửu Long thỉnh bài vị Tiên Cơ Nương Nương tại miếu Bà Thánh, rồi quay ra thỉnh bài vị Thổ Công⁽¹⁾ ở miếu bên cạnh. Sau đó, đoàn rước vòng ra cổng chính khu danh thắng Bửu Long rồi theo đường Huỳnh Văn Nghệ rước các vị chư thần thánh trở về miếu Tổ Sư. Nghi thức và lễ vật rước chư thần thánh ở các miếu bao gồm: nhang đèn, bông

(1) Thổ Công: Túc Bá Công Thổ Địa của vùng Bửu Long. Theo tương truyền ông chết được chôn cất, lập miếu tại khu vực nghĩa địa của người Hẹ, sau đó được di dời về cạnh miếu Bà Thánh.

trái, đồ chay. Đặc biệt phải xin keo ở các miếu khi nào được thì mới được phép thỉnh các bài vị, linh nhang về.

Tại các điểm chiêu thỉnh chư thần, Đạo trưởng, phụ tế và Ban Tổ chức lễ, đại diện cho cộng đồng vào làm lễ thỉnh bài vị, đoàn rước đứng ở bên ngoài. Đạo trưởng cầm nhạc khí vừa gõ chuông vừa tụng kinh xin phép được thỉnh bài vị của chư thần về miếu Tổ Sư dự Lễ hội Làm Chay. Trong khi tụng kinh, một người trong Ban Tế lễ châm rượu vào ly trên bàn thờ, Đạo trưởng xin keo nếu keo thuận coi như hoàn thành thủ tục. Ban Tế lễ đứng phía sau mỗi người cầm 1 cây nhang xá 3 xá, một người đi thâu nhang cắm vào bát nhang chính ở miếu, một người đốt giấy vàng bạc tạ ơn chư thần và kết thúc thủ tục chiêu thỉnh. Đạo trưởng bưng bài vị chư thần (bài vị viết bằng chữ Hán trên giấy đỏ mang tính tượng trưng) và lấy cùng 3 cây nhang trên bàn thờ thỉnh ra kiệu đặt bên ngoài sân, rước về miếu Tổ Sư dự lễ hội.

Trên các con đường mà đoàn rước đi qua, các gia đình người Hoa sắp sẵn một mâm cúng bày kiểu hình tháp gồm: Giấy bạc, nhang, đèn dầu, bánh, trái cây đặt trên bàn nhỏ đặt trước cửa nhà để nghinh đón Tổ sư và các chư thần. Việc rước kiệu đi đến các điểm chiêu thỉnh chư thần giống như cuộc vi hành của các vị Tổ nghề và thần thánh qua xóm làng, xem xét tình hình làm ăn, sinh sống của bà con, mọi người tin rằng những linh vị Tổ nghề và các chư thần đi qua sẽ đem lại bình an cho nơi đó. Vì vậy, cuộc rước càng trở nên quan trọng, được bà con người Hoa hân diện, nghênh đón khi có kiệu rước thần thánh đi ngang qua. Trước năm 1995, các gia đình còn đốt pháo mừng khi kiệu rước thần thánh đi qua trong lễ chiêu thỉnh chư thần.

Khoảng 10 giờ, đoàn rước trở về đến miếu Tổ Sư, kiệu được cung thỉnh về đặt tại sân trong của miếu, vị Đạo trưởng đến trước kiệu thắp nhang tạ ơn chư thần việc thỉnh rước đã thành công. Tiếp đến, các vị đạo sĩ và Ban Trị sự xá trước kiệu sau đó nghênh thỉnh linh vị của 3 vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Thánh Đế Quân và linh nhang các vị chư thần thánh đặt lên nơi cao nhất của hương án trong rạp chay. Đạo trưởng tiến hành tụng kinh cầu phúc, tạ ơn sau khi an vị các thần và chuẩn bị tiếp tục đi thỉnh bà Thiên Hậu ở Thiên Hậu cung (cách khoảng 3km, ở phường Trung Dũng, thành phố Biên

Hòa)⁽¹⁾ và Thạch Sơn cổ miếu (cách khoảng 5km, ở phường Hoá An, thành phố Biên Hòa) về dự lễ. Lần thỉnh này không nghinh rước như lần trước mà chỉ cử đại diện Ban Trị sự miếu Tổ Sư và Đạo trưởng di chuyển bằng ô tô (trước kia cả đoàn đi bộ, có giá thỉnh). Tới nơi, vị Đạo trưởng và các vị chức sắc tụng kinh, thắp nhang, đốt giấy tiền vàng bạc... xin keo thỉnh bà Thiên Hậu. Bài vị được thỉnh về miếu cũng đặt lên bàn hương án trong rạp chay cùng với các bài vị đã rước trước đó. Lúc này, đạo sĩ vừa tụng kinh vừa xá tạ ơn các vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu và Quan Thánh Đế Quân đã phù hộ cho việc chiêu thỉnh diễn ra thuận lợi và tốt đẹp. Đến khoảng 11 giờ, lễ chiêu thỉnh chư thần kết thúc. Ban Tổ chức mời tất cả những người tham dự ăn bữa cơm chay tại sân ngoài của miếu Tổ Sư. Các món đãi gồm: Kiềm, mắm chay, bánh ít, đậu trắng xào tỏi; bí đỏ, cà tím xào tương tàu; củ cải muối xào và bánh bao (các món: Kiềm, mắm chay và bánh ít là món ăn của người Việt; những món còn lại là món của người Hoa). Đây chính là sự giao thoa văn hóa ẩm thực của người Hoa và Việt trong Lễ hội Làm Chay ở miếu Tổ Sư. Trong khi mọi người dùng cơm chay thì các đoàn lân - sư - rồng, các đội biểu diễn võ thuật, múa đao... cũng đồng loạt biểu diễn tại góc sân ngoài tạo không khí vui tươi, khơi gợi tinh thần thượng võ của người Hoa trong dân gian.

Nghi thức rước bài vị chư thần ở các miếu xung quanh về miếu Tổ Sư dự Lễ hội Làm Chay có ý nghĩa mời các chư thần về cùng chứng giám việc làm chay cầu an, cầu siêu của người Hoa bang Hẹ ở đây. Mặt khác, đây còn là sự liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở tín ngưỡng người Hoa trong bang hội với mối quan hệ mật thiết đặc biệt trong dịp tổ chức lễ hội lớn ở địa phương.

- Lễ khai đàn - khai quang điểm nhãn

Vào khoảng 18 giờ bắt đầu làm lễ khai đàn - khai quang điểm nhãn các tượng thờ và các đồ vật cúng tế. Lễ khai đàn do vị Đạo trưởng mặc áo Bát Quái Đạo bào màu đỏ, đầu đội mão có chóp cao

(1) Thiên Hậu cung cách miếu Tổ Sư chừng khoảng 4km (gần chợ Biên Hòa) cũng là cơ sở tín ngưỡng của người Hoa bang Hẹ - Sùng Chính.

hình hoa sen làm chủ tế, 6 đạo sĩ phụ tế sử dụng nhạc khí như: Trống, chập chĩa, kèn, mõ... để phụ họa theo lời tụng của chủ tế. Lễ vật trong nghi thức này bao gồm: 1 đĩa gạo rải tiền đồng bên trên, 3 đĩa đồ chay (tàu hũ, bún tàu và nấm mèo), 3 chung lớn rót rượu, 3 chung nhỏ rót trà, 1 tô rượu trắng có lá bưởi, 1 chung rượu hòa thần sa⁽¹⁾, 1 con gà trống còn sống⁽²⁾, 3 con ngựa giấy có hình nhân cười, 1 đĩa giấy tiền vàng bạc, 1 cây cọ tàu lớn cột đoạn cán dài 2m và 1 cây nhang dài 70cm để điểm nhãn.

Chủ tế cầm sấp giấy kim bảng kẹp giữa 3 cây nhang nhỏ, vừa tụng kinh vừa làm những động tác xoay vòng tròn và xá nhiều lần. Ban Trị sự miếu đứng phía sau, mỗi người cầm 1 cây nhang nhỏ xá theo chủ tế. Sau mỗi hồi tế, một người đi thu nhang đến cắm vào bát nhang trước bàn hương án. Cứ vậy, xong 2 tuần rượu, chủ tế đốt giấy kim bảng, rồi nhúng tàn tro giấy đốt vào rượu có lá bưởi, dùng con dao găm có gắn vòng sắt nhúng vào tô rượu có lá bưởi vẩy khắp rạp chay, các vị trí ở trong miếu, nhà bếp, nhà khách... để tẩy uế, trừ tà. Xong việc, mọi người trở về rạp chay, chủ tế cầm sấp giấy kim bảng tiếp theo tụng kinh, vừa vái lạy trước điện thờ vừa xoay tròn người, sau đó chủ tế đưa sấp giấy cho một người trong Ban Tế lễ đứng ra đốt, sau đó tất cả mọi người trong rạp chay đều xá lạy 4 hướng theo tính chất âm dương ngũ hành của Đạo giáo, kết thúc nghi thức khai đàn.

Tiếp theo, Chủ tế và 2 phụ tế (một người gõ trống, một người đánh chập chĩa) ở rạp chay chuẩn bị thực hiện nghi thức khai quang điểm nhãn. Chủ tế và phụ tế bắt đầu tụng kinh vài phút, rồi xá, lạy cùng với các động tác xoay tròn người trước điện thờ tại rạp chay. Tiếp đến một người rót trà vào ly, Chủ tế cầm tô rượu có lá bưởi vẩy xung quanh tẩy uế bàn lễ. Chủ tế tiếp tục cầm con gà trống còn sống nhắc lên cao, ngậm một ngụm rượu trong tô phun vào đầu gà, dùng móng tay cấu vào mào gà (vị trí cao nhất của con gà và có ý nghĩa sạch sẽ nhất) cho máu nhỏ vào tô rượu hòa lẫn với thần sa trong

(1) Màu đỏ của thần sa tượng trưng cho sự may mắn, tốt lành.

(2) Gà trống to, khỏe, mào đỏ, biểu hiện sự sung mãn và tốt lành.

có vài lá bưởi tạo thành hỗn hợp sẽ được dùng để khai quang điểm nhãn. Tiếp đến, Chủ tế và phụ tế di chuyển vào bên trong miếu Tổ Sư, tay cầm cây cọ tàu cán dài nhúng vào tô rượu có huyết gà chấm vào các đồ vật, các tượng trong miếu (3 vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Thánh Đế Quân, Phước Đức Lão Gia đều được phủ kín bằng vải đỏ). Ngoài sân lớn, các đạo sĩ còn lại điểm nhãn trong ngoài rạp chay, các hương án, các hiện vật, hàng trăm chiếc đèn lồng, cờ hội, cây nêu và ông Tiêu. Theo sát chủ tế còn có một đạo sĩ cầm cây nhang dài chấm vào các vị trí ở các đồ vật vừa được điểm nhãn trước đó. Một đạo sinh đi theo cầm chén thần sa và con gà trống tiếp tục lấy máu ở mào để phục vụ nghi thức điểm nhãn. Màu đỏ và nhang dùng trong nghi thức này tượng trưng cho ánh sáng và màu sắc ngụ ý truyền sức sống của thần thánh vào các tượng cũng như các đồ vật trong miếu. Sau khi điểm nhãn xong, các bức tượng được mở khăn ra. Chủ tế trở về hương án điểm nhãn và đốt 3 con ngựa giấy trên lưng có 3 vị tướng quân mặc áo màu vàng, đỏ và xanh đại diện cho thiên binh, sứ giả mời các thần linh về dự hội. Sau cùng, chủ tế và các phụ tế trở vào trong rạp chay tụng kinh và kết lễ hóa sớ, tung tiền đồng và gạo ra để thí thực, kết thúc ngày đầu tiên của Lễ hội Làm Chay vào lúc 21 giờ ngày 10/6 âm lịch.

- Lễ khai kinh cầu an lần thứ nhất

Từ 6 giờ sáng ngày 11/6 âm lịch, Ban Tổ chức đã cử một bộ phận tiểu ban lễ và đoàn múa lân đến các gia đình phụng cúng lễ vật cầu an, để rước các mâm cúng, cỗ tháp cúng về xếp thứ tự theo từng hàng trong sân miếu. Mỗi lần đoàn rước được 4 cỗ về miếu. Cỗ cúng có hình tháp cao khoảng 1,5m, rộng 0,5m, bốn mặt gắn bánh, kẹo, thuốc lá, hộp quẹt, mì gói, kẹo, giấy vàng bạc..., trên đỉnh tháp gắn cờ giấy kiểu đuôi nheo ghi tên người phụng cúng. Quan sát những cỗ cúng thí này, cho thấy có khá nhiều tên gia đình người Việt phụng cúng. Có thể nói, Lễ hội Làm Chay thực sự là sinh hoạt tín ngưỡng chung của cư dân địa phương, không phân biệt người Hoa hay Việt.

Sau khi, Ban Tổ chức chuẩn bị lễ vật cúng đầy đủ gồm trái cây, 3 chung trà, 3 chung rượu, nhang và hoa tươi. Vào đúng 10 giờ ngày

11/6 âm lịch, lễ khai kinh cầu an tại rạp chay được bắt đầu, chủ tế tiến hành niệm kinh Quan Âm, kinh Địa Tạng, kinh Văn Sinh và cứ sau mỗi đoạn kinh, các phụ tế châm trà và rượu vào 3 chung. Rồi Chủ tế và Ban Trị sự cầm nhang vái tạ các chư thần thánh ba lần. Sau hai tuần trà và rượu trong rạp chay, vị chủ tế và Ban Tế lễ ra chỗ hương án dưới cây phướn và miếu thờ ông Tiêu ở sân ngoài cúng tạ. Thủ tục cúng cũng giống như ở rạp chay: Vái 3 vái, châm trà - rượu, đốt giấy vàng bạc và thắp nhang lạy tạ xin chư thần thánh chứng giám, phù hộ ban phúc cho dân làng. Xong xuôi, đoàn hành lễ trở vào trước hương án Phán Quan cúng và tụng kinh để cầu siêu cho cô hồn, chiến sĩ.

Rồi tiến vào trong Chánh điện miếu, Chủ tế và Ban Tế lễ đến cúng trước bàn thờ 3 vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Thánh Đế Quân, bàn thờ tiền bối. Lúc này ở trên 3 bàn thờ chính, ngoài nhang đèn, giấy vàng bạc còn có rất nhiều lễ vật của thiện nam, tín nữ đem tới dâng cúng với tấm lòng thành cầu mong được thần linh ban phước vào dịp lễ hội trọng đại này. Trước mỗi bàn thờ, Chủ tế và Ban Tế lễ đều hành lễ tụng kinh cầu an, cầu phúc và thắp nhang, đốt giấy vàng bạc giống như ở phía ngoài rạp chay. Việc tế lễ các thần thánh trong miếu có ý nghĩa rất đặc biệt vì đây là trung tâm thờ tự, các vị được thờ ở đây giữ vị trí rất quan trọng trong tín ngưỡng tâm linh cộng đồng người Hoa.

Xong nghi thức trong miếu, Chủ tế và Ban Tế lễ trở về rạp chay thực hiện nghi thức vái tạ các thần thánh ngự ở trên điện thờ. Các đạo sĩ thay phiên nhau tụng kinh, thắp nhang vái bốn phương và trung tâm tượng trưng cho ngũ hành (Kim, Mộc, Thổ, Thủy, Hỏa). Trong khi cúng tế, một người phụ tế châm trà, rượu và đốt giấy vàng bạc. Lúc này, ngoài Ban Tế lễ, các đạo sĩ và đại diện Ban Trị sự miếu còn có các thiện nam, tín nữ cầm những bông hoa huệ đứng phía sau cùng tham dự lễ. Sau khi đốt giấy vàng bạc, mọi người thắp nhang quay một vòng xá 3 lần hướng về phía bàn thờ các vị thần thánh trong miếu. Lễ khai kinh cầu an kết thúc lúc 11 giờ cùng ngày, Ban Tổ chức tiếp bá tánh tới cầu an và mời dự cơm chay.

- Lễ ngộ môn đáp tướng/lễ ngũ môn trác tướng⁽¹⁾

Để chuẩn bị làm lễ, Ban Tế lễ bài trí hương án ở sân trước miếu, trên đặt bức tranh kính hình 5 vị sứ giả nhà trời tượng trưng cho ngũ hành (Kim, Mộc, Thổ, Thủy, Hỏa) và các lễ vật cúng tế đầy đủ.

Đúng 14 giờ, Ban Tế lễ khăn áo chỉnh tề, tập trung phía trước điện thờ trong rạp chay. Các đạo sĩ nhập đàn tụng kinh Thái Thượng Nguyên Môn, kinh Thái Ất, vái 5 phương theo triết lý âm dương ngũ hành, vẩy rượu tẩy uế xung quanh, vừa tụng kinh vừa múa dẻo hai tay kiểu bắt ấn để trấn đàn, trừ tà khí và xua đuổi ma quỷ.

Sau đó từ trong rạp chay, các vị đạo sĩ trở ra hương án trước miếu làm lễ ngộ môn đáp tướng. Tụng kinh được 1 tuần trà và rượu, vị đạo sĩ thứ nhất tượng trưng cho hành Mộc phương Đông đứng lên cầm sớ và cờ lệnh màu xanh lục vừa tụng kinh vừa múa. Xong một đoạn kinh cầm cờ lệnh vào lư hương trên bàn. Tương tự, vị đạo sĩ thứ hai tượng trưng cho hành Hỏa ở phương Nam, cầm sớ và lệnh cờ màu đỏ; vị đạo sĩ thứ ba cầm lệnh cờ màu trắng tượng trưng cho hành Kim ở phương Tây; vị thứ tư cầm lệnh cờ màu xanh dương (thay màu đen) tượng trưng cho hành Thủy ở phương Bắc và cuối cùng là Đạo trưởng tay phải cầm lệnh bài màu vàng tượng trưng cho hành Thổ ở trung tâm vừa tụng kinh cầu an, vừa múa kiếm, múa cờ và cầm cờ lệnh vào lư hương trên bàn. Nghi thức này xong, thì một vị phụ tế đem giấy tiền vàng mã trên bàn đi đốt. Đạo trưởng cầm kiếm lệnh và sớ đỏ cùng cộng đồng vái 3 hướng, bỏ kiếm lệnh xuống bàn xoay người vái 5 hướng theo ngũ hành, lễ ngộ môn đáp tướng kết thúc.

- Lễ ngộ môn thượng thiên

Sau lễ ngộ môn đáp tướng là lễ ngộ môn thượng thiên. Ban Tổ chức chuẩn bị dưới hương án đặt 4 con ngựa giấy, trên lưng có túi sớ và 4 vị tướng quân mặc áo xanh lục, đỏ, trắng và xanh đen đại diện cho 4 hành: Mộc, Hỏa, Kim, Thủy ứng với 4 phương: Đông, Nam, Tây, Bắc của cấu trúc không gian vũ trụ, đây là các vị sứ giả tứ phương của Ngọc Hoàng được mời về dự lễ. 4 con ngựa cũng tượng trưng cho Tứ

(1) Ngộ môn đáp tướng tượng trưng cho Tướng tám hướng.

Trực Công Tào tức “năm, tháng, ngày, giờ” để gia chủ cầu theo sở nguyện. Cũng tương tự như phần đầu lễ ngọ môn đáp tướng, 5 đạo sĩ nhập đàn tụng kinh Đạo giáo với ý nghĩa thanh tẩy vùng đất và triệu vời thần linh. Chủ tế bưng tô rượu có cành lá bưởi làm nghi thức tẩy uế ngựa, trừ tà trên lưng ngựa. Đại diện 4 người trong ban hành lễ cầm 4 con ngựa giấy làm động tác như cưỡi chúng chạy 4 vòng quanh bàn hương án. Sau đó, từng người cầm số tụng kinh cầu an, xen kẽ là những câu đối thoại như: *Anh từ đâu đến? Anh có nhiệm vụ gì?*. Các đạo sĩ phải trả lời là đến từ bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc; là tướng văn (người đưa thư) sứ giả của Ngọc Hoàng... Giọng điệu đối thoại rất vui theo giọng nói Quảng Đông. Sau cùng 4 đạo sĩ làm động tác như dắt 4 con ngựa đi thêm một vòng nữa rồi đem ra cổng đốt cùng với giấy tiền vàng mã. Việc khai hỏa mã mang ý nghĩa các sứ giả sẽ về trời báo cáo lại với Ngọc Hoàng và các vị thần thánh về việc miếu Tổ Sư tổ chức Lễ hội Làm Chay năm nay. Sau khi khai hỏa mã xong, đoàn hành lễ trở vào trong miếu thấp nhang và tụng kinh cầu an cho cộng đồng và lại quay ra ngoài sân thấp nhang và tụng kinh cầu siêu cho các linh hồn tại bàn thờ Phán Quan, hương án dưới cây nêu, bàn thờ Tiêu Diện Đại Sĩ. Tụng kinh xong, các đạo sĩ trở về rạp chay vái lạy tứ phương 3 vái nhằm tạ ơn thánh thần, kết thúc nghi lễ.

- Lễ khai kinh cầu an lần thứ hai

Vào buổi tối ngày 11/6 âm lịch, diễn ra nghi thức tụng kinh cầu an lần thứ hai, đoàn tế lễ tập trung trước hương án trong rạp chay, mỗi người cầm 1 cây nhang, Chủ tế tiến hành tụng kinh cầu an, rồi vái lạy các vị thần thánh trên điện thờ, Thập Điện Diêm Vương 3 vái. Hết 1 tuần trà, 1 tuần rượu, bài kinh tụng xong, thì 1 người phụ tế đem đốt giấy tiền vàng mã. Còn các đạo sĩ bắt đầu di chuyển ra phía ngoài sân miếu, cúng tế tại các bàn thờ dưới cây nêu, Tiêu Diện Đại Sĩ và Phán Quan. Trở vào miếu, thấp nhang cúng các bàn thờ Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Thánh Đế Quân, Phước Đức Lão Gia, Tiền bối, Trương Thiên Sư,... giống như buổi sáng để cầu an cho cộng đồng, cầu mong Tổ sư và thần thánh phù hộ cho quốc thái dân an, dân làng công việc thuận lợi, buôn bán phát tài; lấy đi những điều xấu trong 3 năm qua. Nghi thức tụng kinh diễn ra đến 22 giờ thì kết thúc.

- Lễ khai kinh cầu an lần thứ ba

Sáng sớm ngày 12/6 âm lịch, các đạo sĩ làm lễ khai kinh cầu an lần thứ ba. Về nghi thức cũng giống như lần thứ hai, các đạo sĩ thay phiên nhau tụng kinh trong rạp chay rồi đến các bàn thờ cây nêu, Tiêu Diện Đại sĩ, Phán Quan, Trương Thiên Sư, bàn thờ Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Thánh Đế Quân trong và ngoài miếu, thắp nhang khấn vái, châm trà rượu, đốt giấy tiền vàng mã để xin các thần thánh về chứng giám cầu an lành, phúc đức cho cộng đồng... Trong khi các đạo sĩ làm lễ cầu an trong rạp chay và các bàn thờ trong và ngoài miếu, thì các đoàn múa lân biểu diễn rất sôi động, nhộn nhịp, trống lân cùng hòa vào với dàn nhạc ngũ âm của các đạo sĩ tạo nên sự nổi kết, hòa hợp của ý nghĩa “trong chay, ngoài hội” khiến cho lễ hội trở nên linh thiêng, vui tươi, rộn ràng.

- Lễ khai kim bảng⁽¹⁾

Ngay từ ngày đầu lễ hội, kim bảng đã được chuẩn bị xếp lại thành 3 xấp (tượng trưng cho phúc, lộc, thọ) luôn để trên khay. Vào đúng 8 giờ ngày 12/6 âm lịch, chủ tế làm lễ khai kim bảng và giao cho những người phụ tế đem dán lên khung tự chế ở vách ngoài rạp chay với diện tích khoảng 6m² để cầu phước lộc cho những người có tâm công đức, cúng phước sường. Sau khi dán xong, chủ tế thắp 3 cây nhang tụng kinh trước kim bảng, làm nghi thức tẩy uế và khai quang điểm nhãn kim bảng (các lễ vật tẩy uế giống như các nghi lễ trước). Chủ tế đi từ phải sang trái vừa đọc kinh vừa đọc tên từng người trong kim bảng với ý nghĩa cầu Tổ nghề và các thần thánh ban phúc cho những ân nhân đã đóng góp tiền của tổ chức lễ hội. Sau khi xướng tên xong những người có trong kim bảng, chủ tế trở về chỗ hương án vái lạy tạ ơn, tung gạo xung quanh, một người phụ tế đem giấy tiền vàng mã

(1) Cũng giống như lễ chiêu thỉnh chư thần, kim bảng là bản danh sách viết bằng chữ Hán màu vàng ghi tên những người đóng góp tiền để làm lễ hội (có cả tên người Việt), được người bưng bảng bê trên khay như ý cát tường đi sau Chủ tế như một sự hiện diện thường trực trong khi làm lễ. Khai kim bảng là phần nghi thức quan trọng mang một ý nghĩa đặc biệt, tri ân những người đã đóng góp kinh phí, góp phần quyết định cho quy mô tổ chức Lễ hội Làm Chay.

đi đốt, tất cả mọi người thấp nhang vái lạy tạ ơn trên, kết thúc lễ khai kim bảng (tùy thuộc vào số người cúng phước sương, tự nguyện đóng góp của mỗi năm nhiều hay ít mà thời gian kết thúc lễ khai kim bảng khác nhau, thường thì khoảng 10 giờ).

- Hội thỉnh đèn lồng

Trước đây vào dịp Lễ hội Làm Chay, sau khi lễ khai kim bảng xong, khoảng từ 10-12 giờ, tại sân ngoài của miếu thường có tục bán đấu giá đèn lồng, số lượng thường là 9 cái⁽¹⁾ với hình thức ai đưa ra số tiền cao hơn sẽ thỉnh được đèn (giống như các cuộc đấu giá trong các cuộc vận động làm từ thiện ngày nay). Từ Lễ hội Làm Chay năm 1995 đến nay, Ban Tổ chức lễ hội không còn tổ chức bán đấu giá đèn lồng mà thay vào đó là cho thỉnh đèn lồng. Hàng trăm chiếc đèn lồng lớn nhỏ, màu đỏ có hình lục giác và tròn treo cùng với cờ trướng thành nhiều hàng dài, song song tại sân trong của miếu. Từ năm 2013-2022, số đèn lồng cho thỉnh là 1.050 cái. Giá đèn cao thấp tùy thuộc vào kích thước và ý nghĩa các đèn, cụ thể như: 100 thánh đăng (đèn của bề trên): 3.000.000 đồng/cái; 100 kim đăng (đèn cầu lộc, của cải): 2.000.000 đồng/cái; 150 tài đăng (cầu tài lộc, việc làm): 1.000.000 đồng/cái; 300 phước đăng (đèn cầu phước): 600.000 đồng/cái; 400 bình an đăng (đèn cầu bình an): 400.000 đồng/cái. Những ai có nhu cầu không kể là người Hoa hay Việt, già trẻ, gái trai đều có thể đến miếu thỉnh đèn và cờ. Nếu ai ít tiền thì thỉnh được đèn lồng nhỏ, tròn; nhiều tiền thỉnh được đèn lớn, hình lục giác... miễn là ai cũng có đèn (lộc của tổ và thân) về nhà chứ không giống như nghi thức đấu giá đèn ngày trước chỉ có người nhiều tiền mới thỉnh được đèn.

Thủ tục thỉnh đèn lồng rất đơn giản nhưng là nét đẹp, mang đặc trưng văn hóa của người Hoa. Tại nơi điều hành thỉnh đèn lồng, Ban Tổ chức đặt một chiếc bàn để mọi người đến đăng ký, sau khi người thỉnh chấp thuận, hai bên ghi giá tiền trong biên nhận và lưu sổ (để tiện việc niêm yết công khai danh sách những người thỉnh sau khi lễ hội kết thúc). Người thỉnh cầm biên nhận đến nơi treo đèn, bộ

(1) Theo quan niệm của người Hoa, số 9 là số may mắn.

phận giao nhận kiểm tra, lấy đèn đúng với giá trị tiền ghi trong biên nhận và trao đèn kèm theo một cây nhang và một bao lì xì lộc của các thánh. Người thỉnh nhận đèn đem vào miếu thắp nhang trình thánh, sau đó đem về nhà treo ở nơi trang trọng nhất (thường là trên bàn thờ hoặc trước cửa ra vào). Ngày nay, tục thỉnh đèn lồng cũng là nét đổi mới trong lễ hội tín ngưỡng của cộng đồng người Hoa bang Hẹ ở miếu Tổ Sư nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh về tinh thần cộng đồng. Một số đèn và cờ được Ban Tổ chức tặng cho các chùa, miếu trong và ngoài tỉnh khi được mời về dự lễ. Hội thỉnh đèn lồng là một trong những nghi thức trong Lễ hội Làm Chay được nhiều người hưởng ứng, đồng thời cũng đem lại lợi ích kinh tế cho Ban Tổ chức trong việc tổ chức lễ hội tại miếu. Sau khi Lễ hội Làm Chay kết thúc, số tiền thu được ngoài việc Ban Tổ chức chi cho các khoản như: Thuê đạo sĩ, hát bội, lân - sư - rồng, trang trí, nhang, đèn, trái cây, đồ mã, ăn uống..., số còn lại dùng cho việc mua nhang đèn hàng ngày phục vụ bá tánh tới thăm viếng và việc tu sửa miếu thường xuyên.

- Lễ phóng thủy đăng

Lễ diễn ra vào lúc 15 giờ ngày 12/6 âm lịch. Mọi việc chuẩn bị chu đáo, Đạo trưởng mặc áo Bách Gia Đạo bào màu vàng, đội mũ giống mũ của Địa Tạng có 2 tua dài thả phía trước, cùng với Ban Tế lễ tiến hành nghi thức xin keo tổ và thần thánh trong miếu để đi phóng đăng, phóng siêu cho thập loại cô hồn. Đạo trưởng tụng kinh cầu siêu, thắp nhang vái lạy tứ phương xin các thần thánh cho đi phóng đăng cầu siêu. Xin thần thánh xong, một số người trong Ban Tế lễ thỉnh bát nhang có cắm 3 cây nhang lớn, một số nhang nhỏ và bài vị bằng giấy viết chữ Hán tượng trưng cho các chư thần thánh đặt trên hương án phía trước kiệu đi phóng đăng. Kiệu đã được chuẩn bị sẵn, có 2 lọng đỏ và 2 ngọn thủy đăng lớn là 2 đèn lồng bằng giấy trắng có dán chữ Hán “thủy đăng” với ý nghĩa soi sáng dẫn đường cho tổ và các chư thần thánh cứu độ chúng sinh gặp nạn trên sông nước; còn chuẩn bị thêm các hình nộm tướng cá binh tôm bằng giấy, 2 con ngựa giấy màu vàng, 36 chiếc đèn hoa, chim cá phóng sinh.

Đoàn lân, hầu mở đầu nghi rước với các màn biểu diễn nhào lộn, nhảy múa trong sân miếu một vòng cho không khí rộn ràng. Dẫn

đầu đoàn rước là những người cầm cờ lễ hội, trưởng, lân, hầu biểu diễn, rồi đến trống chiêng, hương án, người cầm bát bửu. Pháp sư và 4 vị phụ tế đi sau tụng kinh, người cầm hai ngọn thủy đăng, long tre rồi đến kiệu Thần. Đi theo sau kiệu là Ban tế lễ, Ban tổ chức và Nhân dân cả người Hoa và người Việt. Không khí của đoàn nhộn nhịp như nghi lễ thỉnh chư thần, mọi người nhập cuộc tinh thần phấn khởi. Lộ trình đoàn rước từ miếu Tổ Sư ra đường Huỳnh Văn Nghệ, rồi vào con đường bê tông tổ 18, khu phố 3, phường Bửu Long đi tới bến sông Tân Thành/bến Văn Thánh là địa điểm phóng đăng, phóng sanh. Tại bến sông này, Ban Tổ chức đã bày trí một đàn chay bao gồm: Hương án, nhang, đèn cầy, hoa tươi, trái cây, mâm muối gạo tiền đồng, 3 chung rượu, 3 chung trà. Phía trước đàn chay có một khoảng đất trống, Ban Tổ chức rải giấy tiền vàng mã gồm 360 bộ áo giấy các loại, đủ màu sắc trải kín mặt đất, bên cạnh là những nén nhang cắm dưới đất. Trên sân giấy vàng bạc đặt 28 chén sắp thành 2 hàng (mỗi bên 14 chén) đồ chay cúng cô hồn. Đồ chay cúng tại đây bao gồm: Bún gạo, tàu hũ, củ cải muối, đậu que xào, đậu trắng (đây là 5 món bắt buộc tương ứng với ngũ hành), kiểng, bánh bao... 1 đĩa thuốc rê, 2 đĩa trái cây, 1 đĩa trầu cau, 1 đĩa cơm, 1 chiếc đèn hoa. Trước hương án thỉnh từ miếu, đặt 1 con ngựa giấy màu vàng có hình nhân cười trên lưng⁽¹⁾, đèn hoa, chim cá phóng sinh cúng cô hồn. Khi kiệu tới nơi, đoàn tế thỉnh bát nhang có cắm bài vị giấy ghi tên các vị Tổ, Thiên Hậu Thánh Mẫu và Quan Thánh Đế Quân đặt lên đàn chay để chuẩn bị làm lễ.

Đến giờ làm lễ, vị pháp sư thượng đàn vừa thắp nhang vái tứ phương vừa tụng kinh cầu an, rồi tung nắm nhang đang cháy xuống bãi giấy tiền vàng bạc dưới đất khai hỏa. Pháp sư lắc 2 chuông nhỏ, múa kiểu bắt ấn và cầm sấp giấy tiền vàng bạc tung ra phía trước kèm theo những lời kinh cầu siêu độ, xua đuổi tà ma. Lễ phóng thủy đăng bắt đầu từ lúc pháp sư niệm chú trong kinh Địa Tạng, các phụ

(1) Ngựa giấy có hình hình nhân cười tượng trưng cho sứ giả của Thủy Long (cô âm), mặt khác màu vàng và màu trắng còn tượng trưng cho sự tang tóc lúc cúng cô hồn.

tế thả 36 chiếc đèn hoa bằng giấy⁽¹⁾ xuống sông. Cả bến sông lấp lánh những ánh đèn trôi theo dòng nước. Kết thúc nghi lễ phóng đăng, pháp sư làm nghi lễ phóng sinh thả chim sẻ, chim én lên trời, thả cá trê, cá lóc xuống sông. Số con vật dùng để phóng sinh không quy định, nhiều hay ít là tùy vào Ban Tổ chức sắp xếp. Người ta quan niệm phóng sanh, giải thoát cho động vật bị giam cầm tức là đã tích đức làm phúc để giải oan cho các cô hồn. Mặt khác, đây còn là hành động nhằm chuộc lại những hành vi sai trái mà con người đã mắc phải, mong được các thần thánh hóa giải những điều xấu, xui xẻo của dân làng trong 3 năm qua và cầu phúc cho những năm tiếp theo.

Khi bãi giấy vàng bạc ở dưới đèn chay đã cháy gần hết, người phụ tế đốt ngựa giấy có hình nhân cưỡi tượng trưng cho sứ giả của Thủy Long chứng giám lễ cầu siêu cho cô hồn chết vì sông nước. Vị pháp sư tiếp tục niệm chú, tung gạo, đồng xu và hoa tươi xuống đèn, lúc này mọi người xúm nhau nhặt bông cúng là lộc của thần linh đem về cắm trên bàn thờ, lượm đồng xu lộc thánh thần; lượm tờ chén đựng đồ cúng ở bãi giấy tiền vàng bạc đã đốt đem về rửa sạch cho trẻ em ăn cơm. Vì họ tin rằng những đứa trẻ ăn cơm trong các tờ chén đựng đồ cúng trong lễ cầu siêu sẽ được thần phù hộ, ít bị bệnh và hay ăn chóng lớn vì đây là chén lộc của thần. Mọi người lượm bông hoa và tờ chén, riêng bình bông và lư nhang được Ban Tổ chức lễ giữ cẩn thận và giao cho một người ôm chạy xuống bến sông và đặt vào nơi cột đá xanh hình chữ nhật có khắc chữ Hán⁽²⁾ “Nam Mô A Di Đà Phật” để thờ tự mục đích cho bến sông được bình an, cộng đồng được giải hạn. Mỗi lần Lễ hội Làm Chay đèn lửa là một lư nhang (là chiếc diêm sành hoặc chậu gốm) và bình bông được đặt thêm vào nơi này để thắp nhang cầu khẩn Thủy thần tẩy trừ, giải hạn vùng sông nước... Lúc này, trên đài, vị pháp sư vừa niệm chú vừa tung giấy vàng

(1) Đèn hoa là miếng giấy màu cuốn hình hoa sen giữa đổ dầu phóng có tim để đốt.

(2) Cột đá trấn ở bến sông Văn Thánh có từ xưa, tương truyền bến sông này là khu vực cộng đồng người Hoa bang Hẹ buổi đầu đến đây cập thuyền lên bờ khai phá vùng đất Bình Điện, Bạch Khôi, có nhiều người chết nên làm lễ cầu siêu cho các cô hồn.

bạc, vừa lắc một hồi chuông dài báo hiệu kết thúc lễ phóng thủy đăng cầu siêu và mọi người khiêng kiệu về miếu Tổ Sư.

- Lập đàn chay làm lễ bắc cầu

Lập đàn chay làm lễ bắc cầu thỉnh Mễ Đẩu cầu phước được tiến hành lúc 21 giờ ngày 12/6 âm lịch. Ban Tổ chức trải sẵn tấm vải đỏ (0,9m x 15m) từ hương án bên ngoài rạp chay vào đến gần bàn thờ Tổ sư trong miếu. 2 đầu cầu được dãn trên 2 bàn thờ, cầu vải được kéo rất căng. Hương án bên ngoài rạp chay được bày một cặp đèn cầy lớn, cây đèn thất tinh bằng đồng, bình bông, trái cây, 3 chung trà, 3 chung rượu, tô rượu lá bưởi và mâm gạo trộn tiền đồng với hoa cúc (có ý nghĩa trường thọ và may mắn). Mặt cầu được rắc kín bông vạn thọ vàng và bông huệ trắng ngắt rời từng cánh (có người còn gọi là cầu hoa). Mễ Đẩu⁽¹⁾ được thỉnh từ trên tầng cao của đàn chay xuống hương án nơi đầu cầu để các đạo sĩ tụng niệm cầu xin tổ và các chư thần ban ơn phúc cho trăm họ.

5 đạo sĩ thay phiên nhau tụng kinh cầu an trong 2 giờ, đủ 3 tuần trà và 3 tuần rượu, tẩy uế Mễ Đẩu, thắp nhang, đốt giấy vàng bạc. Đạo trưởng bắt đầu làm lễ bắc cầu bằng cách 5 lần làm bùa chú và tung gạo có rắc bông tươi và tiền các ra thí thực. Mọi người vái tạ, 2 người lớn tuổi đại diện Ban Trị sự thắp 7 ngọn đèn trên Mễ Đẩu, rồi mỗi người đứng ở một bên cầu thỉnh Mễ Đẩu từ hương án vào trong điện thờ chính của miếu một cách cẩn trọng, sao cho không ngọn đèn nào bị tắt, nếu bị tắt thì rất xui xẻo (*theo một số người Hoa tại địa phương kể lại, ngày xưa trong một lần làm Lễ hội Làm Chay bị tắt ngọn đèn rước trong lúc đưa Mễ Đẩu vào trong miếu, tức thì trong làng xảy ra nạn dịch làm chết rất nhiều người. Một tháng sau, bà lên đồng yêu cầu làm chay lại. Cả làng phải làm lại bằng cách bện một con rồng bằng rơm thắp nhang rước đi khắp làng. Ngay lập tức bà nhập vào một người dân tự xưng là Bà Thiên Hậu dùng dao phát mía và chọn điểm yếm khí gây dịch bệnh phóng vào cắm thẳng xuống đất trừ tà, lạ*

(1) Mễ Đẩu tượng trưng cho phúc lộc của cộng đồng, lại tiêu biểu cho Tổ nghề và Bà Thiên Hậu.

thay cả đám đông người đi theo đoàn rước nhưng không trúng bất kỳ ai. Ngay sau đó bệnh dịch trong làng không còn nữa).

Khi 2 người rước Mễ Đẩu đi qua, lập tức những người đứng xung quanh xô nhau hốt những cánh hoa rắc phía dưới cầu mong được tổ, bà và thần ban phúc. Khi đưa Mễ Đẩu đi qua, phía sau cũng có 2 người cuốn cầu vãi lại. Cả Mễ Đẩu và cầu vãi đỏ đều được để nguyên trên bàn thờ 1 tháng sau mới được mở ra. Sau khi mở, gạo và hoa được phong vào những bao giấy đỏ để bà con tới lấy về trộn gạo với gạo sẵn có trong gia đình để nấu cơm ăn, còn hoa để ướp với trà làm đồ uống hàng ngày, họ quan niệm làm như vậy sẽ được tổ và bà ban phúc lành. Việc hành lễ rước Mễ Đẩu vừa có ý nghĩa trăm họ cùng đón tổ về ban phước cho cộng đồng, vừa đón rước Bà Thiên Hậu từ ngoài biển về và sau cùng là rước phúc lộc của các vị thần ban đến trăm họ. Vì vậy, nghi thức này còn gọi là thỉnh Mễ Đẩu cầu phước. Sau khi cuốn cầu, các đạo sĩ nổi kèn trống tưng kinh vái tạ kết thúc nghi lễ Bắc cầu. Kết thúc Đàn chay làm lễ bắc cầu lúc 24 giờ.

- Lễ tôn vương

Vào lúc 00 giờ ngày 13/6 âm lịch bắt đầu lễ tôn vương, lễ này do Đoàn cải lương phối hợp với Ban Tế lễ miếu thực hiện khi vở diễn tuồng San Hậu ngoài sân khấu bước vào hồi thứ 3, vì ở hồi này, gần dứt tuồng, có màn hoàng tử được dâng ấn kiếm và được các quan tôn lên ngôi vua. Khi đoàn hát diễn tới cảnh chánh cung tức vợ chính của Thiệu Đế từ trần, trao quốc ấn lại cho hoàng tử, hoàng tử tiếp lấy cùng đào kép tạm ngưng vở tuồng vào hậu trường thay đổi quần áo cho sang trọng để cùng tiến vào trong miếu đến trước bàn thờ tam vị Tổ sư làm lễ tôn vương.

Khi dàn kép diễn bước xuống khỏi sân khấu, Ban Trị sự miếu đã xếp thành 2 hàng trong miếu, một vị phụ lễ cầm lọng đến che ấn kiếm đang được hoàng tử trình trọng bưng trên tay. Đào kép đi đầu, hoàng tử đi cuối. Đến sát bàn thờ tam vị Tổ sư, một vị chủ lễ ra tiếp nhận ấn kiếm do hoàng tử dâng lên, rồi quay mặt vào bàn thờ vái tạ, đặt khay ấn kiếm lên bàn thờ tam vị Tổ sư. Đào kép ở đây tượng trưng cho quan văn và quan võ, chia 2 hàng đứng nghiêm trang. Một kép xướng nghi “phản tiền vi hậu”, các đào kép quay mặt xuống sân

khẩu có ý nghĩa không cho ai thấy sự dâng ấn kiểm là giây phút trịnh trọng nhất.

Khi ấn kiểm được đặt lên bàn thờ tam vị Tổ sư, một kép lại xướng “phản hậu vi tiền”, các đào kép quay trở lại nhìn lên bàn thờ tam vị Tổ sư có ý nghĩa bá quan chiêm bái vua. Sau đó các đào kép cùng hát tung hô 3 lần *“Tôn vương tức vị, nối dõi tiên hoàng, chúc thọ tỷ nam san, phước dư Đông hải, vạn vạn tuế”*. Sau khi hát tung hô xong, đào kép lạy tam vị Tổ sư và chư vị thần thánh 5 lạy, rồi trở về sân khấu diễn tiếp màn hoàng tử lên ngôi và được bá quan tôn vương. Trong khi tôn vương, Ban Trị sự và bá tách dự lễ đứng yên lặng hướng lên bàn thờ tam vị Tổ sư trong chánh điện.

- Lễ cúng thí, xô giàn

Ban Tổ chức chuẩn bị một hương án ở sân ngoài, trên có 2 đài cắm đèn cây, 1 mâm muối gạo cắm bông và tiền đồng, 1 bình bông, 3 chung trà, 3 chung rượu, 1 đĩa gạo, 1 đĩa muối, 1 đĩa tàu hũ ky; đặc biệt có 3 tháp đồ chay bàn tay Phật được làm bằng cải xanh, bánh bao chay và xôi nếp trắng, trên đầu mỗi tháp có 3 vòng tròn nhỏ dần lên tượng trưng cho tam thế Phật (Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai) và ngôi tam bảo (Phật, Pháp Tăng). Trên đỉnh mỗi tháp có hình bàn tay Phật làm bằng bột mì kiểu bắt ấn, gồm đủ tay phải và tay trái. Tháp rau cải với bàn tay bắt ấn tượng trưng cho chữ “Thiên” (天), tháp bánh bao tượng trưng cho chữ “Địa” (地) và tháp xôi nếp tượng trưng cho chữ “Dương” (阳). Hình dáng các tháp đồ chay gọi liên tưởng đến những stupa (tháp Phật) được các đạo sĩ của Đạo giáo kết hợp đưa vào trong nghi thức xô giàn cầu siêu, chứng tỏ nghi lễ cầu siêu, cúng thí có yếu tố của Phật giáo. Trước các tháp tay Phật là lư hương trong cắm 3 cây nhang lớn, 3 bàn tay Phật bằng giấy và 2 cây đèn cây cháy sáng.

Khu vực giữa cây nêu và ông Tiêu, Ban Tổ chức bày 1 sân giấy tiền vàng bạc và trái kén 3.600 bộ áo giấy (gấp 10 lần ở bến sông)⁽¹⁾.

(1) Người Hoa quan niệm có 36 cô hồn cúng nhỏ (chỉ số ít), 72 cô hồn cúng vừa (chỉ số vừa), 108 cô hồn cúng lớn hơn (chỉ con số lớn) và 3.600 cô hồn là con số

Người ta chia những sấp giấy thành 3 hàng để đặt 54 chén đồ cúng, giữa chén cắm đèn cây nhỏ. Những món đồ cúng là đồ chay của người Hoa như: Tàu hũ ki, nấm mèo chiên, bún tàu chiên, đậu xào xì dầu, gạo, muối, cơm nguội, trầu cau... Rải rác trên giấy tiền vàng bạc có thấp các ngọn đèn cây nhỏ và các ngọn đèn dầu giữa bông hoa giấy trong đêm tối trông rất lung linh huyền ảo, không khí linh thiêng, thoát tục. Xung quanh hương án còn đặt tháp (cổ) vàng bạc bằng giấy, đồ chay do các gia đình đem tới cúng thí.

Đúng lễ vào 2 giờ ngày 13/6 âm lịch, pháp sư mặc áo Bách Gia Đạo bào⁽¹⁾ màu vàng, đội mào giống Địa Tạng có 2 tua dài thượng đàn tụng kinh vãng sinh, kinh Địa Tạng. Pháp sư vừa tụng vừa múa 2 tay kiểu bắt ấn, sau đó rung chuông thức tỉnh các cô hồn tề tựu về dự chay siêu thoát, rồi tung giấy mã kết hợp tiếng chuông, trống, chập chĩa... âm vang. Sau 3 tuần trà, 3 tuần rượu, pháp sư tiến hành cúng thí, niệm hết hồi kinh quảng tháp bánh bao ra ngoài thí cô hồn.

Khi bãi giấy tiền vàng bạc được các pháp sư đốt lên cũng là lúc nghi thức cúng thí, xô giàn bắt đầu. Vị pháp sư phóng hỏa 3.600 bộ áo giấy vừa đọc câu chú với nội dung đại khái như: *Ai nấy đều có, lớn theo lớn, nhỏ theo nhỏ, lớn đừng ăn hiếp nhỏ mà nhỏ cũng đừng xô lớn, đừng giành giật nhau*. Các phụ tế và thành viên tiểu ban lễ lần lượt đem hình nộm Tiêu Diện Đại Sĩ, Phán Quan và các hình nhân nhỏ ra đốt. Trước kia, khi đốt hình nộm Tiêu Diện Đại Sĩ/ông Tiêu người ta phải dùng cây chống đỡ hai bên cho hình nộm sụp xuống từ từ và không được ngả qua một bên như thế sẽ rất xui xẻo. Còn ngày nay việc giữ gìn trật tự trong khi cúng thí xô giàn là rất khó. Chuẩn bị xô giàn, nhiều người chen lấn, thi nhau giành giật lưỡi ông Tiêu và tất cả các đồ vật cúng thí. Những kẻ cuồng tín chen lấn xô đẩy nhau (thậm chí ẩu đả gây thương tích nhẹ) để giành giật cho bằng được lưỡi ông Tiêu đem về làm “bùa” hoặc bán lại cho người khác với giá

cực lớn chỉ số cô hồn rất đông (quy mô cúng là đại lễ). Tất cả những con số trên đều là bội số của số 9, đây là quan niệm của người Hoa để tôn vinh con số 9 là số may mắn.

(1) Áo mang màu sắc của Đạo giáo.

tiền cao vì họ nghĩ lấy được lưôi ông Tiêu sẽ trừ được tà ma trong nhà. Sau khi phóng hỏa ông Tiêu, vị pháp sư ném tháp bánh bao ra ngoài thí cho cô hồn, bàn tay Phật cũng được chuyển xuống cho bá tánh; còn 2 tháp rau cải và xôi nếp trắng tượng trưng cho 2 bàn tay của Phật được giữ lại trả cho miếu (nhưng trên thực tế cúng thí chưa xong đám đông đã ulla vào giành giựt hết cả 3 tháp, Ban Tổ chức cũng không thể ngăn cản được lòng sùng tín và hiếu kỳ của mọi người trong cúng thí cô hồn). Sau khi đốt xong các hình nhân, tiểu ban lễ bắt đầu hạ cây nêu tháo 52 chiếc lồng đèn ra đốt. Trở vào miếu, pháp sư vừa tụng kinh kết thúc lễ cầu siêu vừa cuốn kim bảng đặt lên 2 tay vị sứ giả cưỡi ngựa bằng giấy màu đỏ đem ra sân đốt cùng tất cả liễn, tranh, ảnh... bằng giấy trang trí trong rạp chay và trong miếu. Vì đây là những đồ cúng cô hồn, cần phải đốt và thu dọn sạch sẽ, kết thúc lễ cúng thí, xô giàn vào lúc 4 giờ sáng cùng ngày.

- Lễ cúng thỉnh an bài vị chư thần

Vào lúc 6 giờ ngày 13/6 âm lịch, Ban Tổ chức soạn sẵn những mâm cúng mặn gồm: 1 con dê đực⁽¹⁾ làm thịt để sống cúng trước bàn thờ Quan Thánh Đế Quân, 1 con heo sống làm thịt cúng trước bàn thờ tam vị Tổ sư và 1 con heo quay đỏ cúng trước bàn thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu. Ngoài ra, trên các bàn thờ khác bày biện gà luộc, trái cây và nhang đèn. Trên bàn thờ chính nơi thờ Tổ sư đặt Mễ Đẩu, cây đèn dầu thốt tinh, 2 đèn nến, bông, nhang lớn và mâm trái cây.

Khoảng 8 giờ cùng ngày, Ban Tổ chức tập trung đông đủ trong miếu, 6 vị đạo sĩ tụng kinh và gõ nhạc khí phụ họa lời cúng tạ ơn Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Thánh Đế Quân và các thần linh đã phù hộ cho Lễ hội Làm Chay được mọi việc tốt đẹp. Lời cúng tạ xong, 1 vị đạo sĩ tiến hành châm trà, rượu vào các chung và đem giấy vàng bạc xuống đốt, tiếp đến các thành viên Ban Tổ chức lễ hội lần lượt thấp nhang vái cảm tạ Tổ sư và các thần linh.

(1) Theo quan niệm, người Hoa bang Hẹ cầm tinh con dê vì vậy vào dịp lễ lớn người ta thường cúng con dê đực. Nhưng có lẽ cúng đủ tam sanh (heo, gà, dê) làm thịt để sống là tục lệ cúng thần từ xa xưa, đến nay vẫn còn trong các dịp cúng lớn của người Hoa.

Rồi đoàn hành lễ trở ra điện thờ trong rạp chay ngoài sân để làm lễ thỉnh an bài vị chư thần. Vị chủ tế cầm khánh trên tay vừa gõ vừa tụng kinh xin được thỉnh bài vị chư thần về an vị tại các miếu, đình trong khu vực phường Bửu Long. Cũng giống như ngày đi thỉnh rước thần, đoàn rước cũng có cờ, lân, long, kiệu bên trong đặt linh vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Thánh Đế Quân, phía trước kiệu đặt bát nhang cắm bài vị chư thần làm bằng giấy tượng trưng. Chủ tế và các phụ tế đi trước kiệu, theo sau là Ban Tổ chức cùng cộng đồng người Việt và Hoa tham gia. Lần lượt bài vị được thỉnh vào bàn thờ trong Chánh điện tại miếu Thiên Hậu (miếu Cây Quăn), miếu Tiên Cơ Nương Nương và Thổ Địa Công, Thiên Hậu cung, Thạch Sơn cổ miếu, rồi vị chủ tế tụng kinh chúc phúc và xin keo, thắp nhang lạy tạ, cuối cùng là đốt giấy vàng bạc và đốt bài vị tại chỗ, coi như đã an vị thần tại vị trí cũ, hoàn tất lễ. Sau đó, đoàn rước khiêng kiệu trở về rạp chay thỉnh linh vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu và Quan Thánh Đế Quân vào an vị trên điện thờ các ngài trong miếu Tổ Sư. Vị chủ tế tiếp tục tụng kinh chúc phúc tạ lễ, đoàn hành lễ thắp nhang vái tạ, một vị phụ tế đốt giấy vàng bạc, kết thúc Lễ hội Làm Chay và Ban Trị sự mời mọi người ở lại dự liên hoan tiệc mặn.

Kết thúc lễ hội, mọi người dân hân hoan trở về với cuộc sống hàng ngày, công việc của những người thợ đá lại tiếp tục với những ước vọng, cầu xin mà họ tin là sẽ được Tổ nghề, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Thánh Đế Quân và các thần linh ban phúc lộc thọ. Ai nấy đều chờ đón sẽ gặp lại nhau trong Lễ hội Làm Chay đáo lệ 3 năm tới.

4. Không gian văn hóa liên quan đến Lễ hội Làm Chay

Phần lễ và hội được thực hiện chủ yếu tại di tích miếu Tổ Sư, nhưng một số nghi lễ được tổ chức kết hợp với không gian bên ngoài di tích, trong phạm vi thành phố Biên Hòa.

Trong nghi lễ chiêu thỉnh chư thần, không gian lễ hội diễn ra trên một số tuyến đường tại thành phố Biên Hòa như: Huỳnh Văn Nghệ, Cách mạng Tháng Tám, Quang Trung, đường xóm Vườn, khu danh thắng Bửu Long, ngập tràn không khí lễ hội đường phố. Lễ phóng thủy đăng có không gian liên quan đến đường Huỳnh Văn Nghệ, con

hẻm khu phố 3, bến Tân Thành ở bờ sông Đồng Nai. Cùng hòa vào không gian văn hóa Lễ hội Làm Chay là điểm đến tại một số miếu thờ, tham gia nghinh thần và đưa linh vị, hương linh chư thần thánh đến miếu Tổ Sư tham dự lễ hội. Một số miếu phối hợp tổ chức rước lễ là miếu Cây Quăn, miếu Bà Thánh, miếu Thổ Địa Công, Thiên Hậu cung và Thạch Sơn cổ miếu.

4.1. Miếu bà Thiên Hậu

Miếu bà Thiên Hậu hay Thiên Hậu cổ miếu (miếu Cây Quăn), nằm bên tả ngạn sông Đồng Nai, thuộc địa phận tổ 25, khu phố 4, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa. Đây là cơ sở tín ngưỡng do người Hoa bang Hẹ ở phường Bửu Long xây dựng để thờ bà Thiên Hậu. Thời gian xây dựng miếu chưa xác định cụ thể, nhưng chắc chắn cơ sở này được lập từ rất sớm (có thể vào cuối thế kỷ 17 sau Thất Phủ cổ miếu Biên Hòa), trước hoặc cùng với thời gian xây dựng miếu Tổ Sư. Về tên gọi là miếu Cây Quăn do phía trước miếu có một cây quăn lớn, nên người dân địa phương gọi miếu theo tên này và để phân biệt với các miếu thờ Thiên Hậu khác trong vùng⁽¹⁾.

Miếu bà Thiên Hậu có quy mô tạo dựng khoảng 100m² đất. Hiện chỉ biết, miếu được tu sửa vào các năm 2000, 2010 và đặc biệt là năm 2015, miếu bị xuống cấp nghiêm trọng, có nguy cơ sụp đổ. Trước tình hình đó, Ban Trị sự miếu họp bàn vận động xã hội hóa trùng tu lại khang trang. Kiến trúc miếu hình chữ Nhất (一) chỉ có hạng mục chánh điện, diện mạo miếu mang đậm phong cách kiến trúc miếu người Hoa: Cột kèo trong chánh điện bằng bê tông cốt thép, cột kèo tiền sảnh và tường vách, nền chánh điện bằng đá xanh do những người thợ đá Bửu Long thực hiện, mái lợp ngói lưu ly màu xanh, giữa bờ nóc mái gắn biểu tượng trái châu, hai bên gắn phù điêu phụng hàm thư; đuôi bờ giải gắn tượng ông Nhật và bà Nguyệt. Trước miếu dựng bình phong đá xanh án ngữ; bao quanh miếu là tường rào xây và sân miếu đã được cán xi măng sạch sẽ.

(1) Cây quăn thân to xù xì, lá dài mỏng, đầu nhọn, cành lá sum suê và nhánh lóng có gân đối xứng giống lá cây lộc vùng.

Trước đây, Chánh điện miếu có tượng bà Thiên Hậu kích thước lớn, nhưng sau này theo nguyện vọng của bá tánh, người Hoa đã thỉnh tượng bà về miếu Tổ Sư để thờ⁽¹⁾. Nay trong chánh điện miếu, trên khám thờ gian giữa đặt tượng Thiên Hậu Thánh Mẫu (nhỏ)⁽²⁾, gian bên phải là bàn thờ Phúc Đức Chánh Thần và bên trái là bàn thờ Ngũ Hành Nương Nương. Phía trước bàn thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu đặt 1 hương án đá xanh hình cuốn thư trên bài trí lư nhang, chân đèn, bình bông, chò trái cây... để phục vụ cúng lễ. Hằng năm, miếu Cây Quăn tổ chức vía Thiên Hậu Thánh Mẫu vào ngày 23/3 âm lịch. Vào ngày này, bá tánh trong vùng tụ tập đến đây rất đông, ủng hộ tiền của để Ban Trị sự miếu làm lễ cúng bà trang trọng. Lễ vật cúng bà Thiên Hậu là đồ chay, còn cúng vong là đồ mặn (thịt gà, thịt vịt, trứng vịt, cháo...) do bá tánh đem đến cúng. Ngày rằm hàng tháng cúng trái cây tại các bàn thờ trong miếu. Ngày 16/7 âm lịch cúng cô hồn, cúng vong trên bờ, làm bè chuối cúng thí thả dưới sông, cầu an cho người sống, cầu siêu cho vong hồn.

Vì sự liên hệ đó mà mỗi lần miếu Tổ Sư tổ chức Lễ hội Làm Chay, một nghi thức bắt buộc là phải rước kiệu bà xuống miếu Cây Quăn để xin quẻ thuận mới tiến hành thỉnh bà từ miếu Thiên Hậu (miếu Cây Quăn) về dự lễ và chứng giám lễ tại nơi tổ chức lễ hội trong suốt những ngày làm chay.

4.2. Miếu Bà Thánh

Miếu Bà Thánh (còn gọi là miếu Tiên Cơ Nương Nương) tọa lạc

(1) Theo truyền lại, xưa kia vùng này xảy ra dịch bệnh, nhiều người đã đến miếu Cây Quăn để xin quẻ bà Thiên Hậu mách thuốc chữa lành bệnh tật. Sự việc linh ứng, người ta tín sùng bà Thiên Hậu và để thuận tiện trong việc thờ cúng nên bang hội đã thỉnh tượng bà về phối thờ tại miếu Tổ Sư vốn to lớn, kang trang và nằm ở trung tâm khu dân cư người Hoa bang Hẹ làm đá. Họ xin keo thuận ý bà rồi tổ chức rước bà về thờ tại miếu Tổ Sư.

(2) Năm 2001-2002, bà Trương Phượng Hằng (người chăm sóc miếu) thỉnh tượng bà Thiên Hậu từ Chợ Lớn (Thành phố Hồ Chí Minh) về thờ trong chánh điện miếu.

trên ngọn đồi nhỏ trong khu di tích danh thắng Bửu Long⁽¹⁾. Theo tư liệu ghi chép lại, ngôi miếu được lập từ xa xưa, không rõ thời gian nào. Tấm biển đá xanh khắc chữ Hán “Tiên Cơ Nương” trên cửa ra vào miếu có khắc lạc khoản cho biết miếu Bà Thánh được kiến lập lại vào năm 1928.

Tương truyền, bà Thánh là một phụ nữ người Họ, cùng gia đình từ Trung Hoa qua Đại Nam sinh sống, lập nghiệp tại thôn Tân Lại, dinh Trấn Biên từ thế kỷ XVIII. Bà là một phụ nữ bình thường, khi qua đời, hiển thánh và được dân chúng tôn thờ. Mộ của bà sau khi chôn (phía sau miếu hiện nay) một thời gian, phần nấm mộ bị sụt xuống, làm cho các vách hòm lộ thiên. Nhiều người dân trong vùng mắc những bệnh hiểm nghèo đã đến cầu xin và cạo lấy chút gỗ từ vách hòm về làm thuốc, chữa được bệnh, nên tin vào sự giúp đỡ thần bí của bà. Thấy vậy, dân chúng đã lấp lại phần mộ chỉnh trang và xây miếu thờ phụng ngày đêm nhang khói. Mộ bà Thánh nằm sau miếu, trước đây có chôn tấm bia mộ bằng đá khắc tên bà nhưng nay đã bị chôn sâu xuống dưới lòng đất phía sau điện thờ bà. Bà rất linh, trước đây ai đi qua mà có những hành vi nhạo báng... về bị thổ huyết chết, người dân thấy bà linh thiêng nên tôn xưng là Bà Thánh, là Tiên Cơ Nương. Bà Năm Kéo là người coi sóc miếu Bà Thánh cho đến lúc mất, hiện ông Thành (cháu nội bà) tiếp tục chăm sóc miếu...

Hiện nay, kiến trúc miếu dạng chữ Nhất (一), gồm gian Chánh điện và nhà kho, mái lợp ngói âm dương, nền lát gạch bông, tường xây đá xanh và gạch thẻ tô vôi vữa, sơn màu vàng. Phía trước miếu có sân rộng lắp dựng mái che phủ kín, giữa sân đặt đỉnh hương, hai bên tam cấp đặt tượng kỳ lân đá xanh. Trong Chánh điện dựng khám

(1) Di tích danh thắng Bửu Long tọa lạc tại khu phố 4, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa có tổng diện tích khoảng 84ha. Độ cao trung bình 100m so với mực nước biển với một quần thể bao gồm núi non, sông hồ, hang động hùng vĩ, chùa chiền rất cổ kính được bảo tồn đến ngày nay. Một khu du lịch xanh với những vườn cây tự nhiên, vườn thú tiền sử nhân tạo, khu vui chơi giải trí, khu dịch vụ nhà hàng khách sạn đã tô thêm vẻ đẹp di tích và sự hấp dẫn cho du khách tham quan. Khu danh thắng Bửu Long được Bộ Văn hóa xếp hạng di tích danh thắng cấp quốc gia (quyết định số 208/VH-QĐ ngày 13/3/1990).

thờ bằng đá xanh, bên trong thờ Tiên Cơ Nương Nương và hai tượng hầu nữ. Trên khám thờ bà có khắc câu đối chữ Hán “Cổ văn bá tánh vạn gia truyền” và “Nương tiên hiển ứng cổ triều quang”. Phía trước khám thờ bà, đặt một hương án đá xanh hình cuốn thư để bày lễ vật cúng tế thường ngày.

Ngoài ra, trong miếu còn có bàn thờ và bài vị Phật Bà Quán Âm, Quan Công, Linh Sơn Thánh Mẫu, Chúa Tiên Nương Nương, Mẹ Sanh Mẹ Độ, Ngũ Phương Ngũ Thổ Long Thần, Ông Địa - Thần Tài và các di ảnh, bài vị cúng vong linh người đã khuất.

Hàng năm, miếu Bà Thánh tổ chức cúng vào ngày rằm tháng Giêng, tháng 7, tháng 10 âm lịch. Ngày 22 và 23/7 âm lịch trong năm là ngày lễ chính - vía Bà Thánh, cộng đồng cúng chay. Đặc biệt, miếu là cơ sở tín ngưỡng tham gia cấu thành Lễ hội Làm Chay tại miếu Tổ Sư của người Hẹ. Đây là điểm thứ hai trong chặng hành trình lễ thỉnh thần thánh về miếu Tổ Sư dự Lễ hội Làm Chay.

4.3. Bá Công Từ

Miếu thờ Bá Công (còn gọi là miếu thờ Thổ Công) nằm ở phía trước bên phải miếu Bà Thánh trong khu di tích danh thắng Bửu Long. Trước kia, miếu nằm ở Nghĩa Từ Bang Hẹ, sau giải phóng miền Nam khu nghĩa từ bị giải tỏa nên cộng đồng người Hoa di dời miếu về vị trí hiện nay để tiếp tục thờ phụng.

Năm 2010, miếu mới được dựng lại hoàn toàn bằng đá xanh Bửu Long với diện tích khoảng 3m², trên bờ nóc mái chạm khắc hình rồng châu mặt trời, bên trong đặt tượng Bá Công. Tượng do ông Ôn Sồi - một thợ đá có tiếng của làng đá Bửu Long thực hiện. Hình dáng tượng tròn, ngồi trên trên ngai, khuôn mặt luôn tươi cười, tay phải vuốt râu dài, tay trái cầm thỏi vàng, đầu đội mũ quan, áo màu đỏ, chân đi hài màu đen. Phía trước tượng Bá Công đặt bát hương bằng đá, bình bông và chò trái cây.

Hàng năm, miếu Bá Công tổ chức cúng vào các ngày rằm tháng Giêng, tháng 7, tháng 10 âm lịch. Đây là điểm thứ ba trong chặng hành trình lễ thỉnh thần thánh về miếu Tổ Sư dự Lễ hội Làm Chay.

4.4. Thiên Hậu Cung

Thiên Hậu Cung tọa lạc tại số 20, đường Quang Trung, khu phố 1, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, được xây dựng vào năm 1973. Địa điểm xây dựng là một khu đất trống, được dùng làm nơi chứa gỗ. Một số người Hoa bang Sùng Chính đang sinh sống tại khu vực chợ Biên Hòa quyên góp tiền mua lại và xây dựng cơ sở tín ngưỡng thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, cũng là nơi sinh hoạt Hội quán của người Hoa bang Sùng Chính (Hẹ) ở Biên Hòa⁽¹⁾. Thiên Hậu cung có kết cấu kiến trúc hình chữ đinh (丁) gồm 1 lầu 1 trệt, cột kèo xi măng cốt thép, tường gạch, mái lợp tôn, nền lát gạch bông. Cổng có kiến trúc mái chông diên, trên bờ nóc mái trang trí phụng châu mặt trời, các tàu đao mái trang trí dây lá hóa rồng, mặt trước có tấm biển đá xanh đề chữ “Thiên Hậu Cung” và “Sùng Chính Hội Quán”. Phần phía dưới của cung được dùng làm chánh điện, nơi bày trí thờ tự; phía trên dùng làm hội trường và phía sau là nơi sinh hoạt. Ở gian giữa chánh điện đặt khám thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu; ở gian bên trái đặt khám thờ Quan Thánh Đế Quân, Châu Xương, Quan Bình; ở gian bên phải đặt khám thờ Kim Hoa Nương Nương. Ngoài ra, trong chánh điện còn bài trí khám thờ Tài Bạch Tinh Quân, Thiên Quan Tứ Phúc và khám thờ Thổ Thần ở tường dọc hai bên. Đây là những khám thờ được các mạnh thường quân phụng cúng năm 2011. Trên các tường chánh điện treo rất nhiều hoành phi chữ Hán chạm lộng rất đẹp. phía trước điện thờ gắn bao lam chạm lộng sơn thếp vàng rực rỡ với những họa tiết theo đề tài: cúc trĩ, lưỡng diểu châu nhật, long lân qui phụng, dây lá cúc... tạo sự uy nghiêm, linh thiêng cho điện thờ.

Hàng năm, Thiên Hậu Cung tổ chức các lễ cúng: Khai ấn vào đêm 19 rạng sáng ngày 20 tháng Giêng và lễ phong ấn vào đêm 19 rạng sáng ngày 20 tháng Chạp âm lịch. Lễ cúng lớn nhất là lễ vía Thiên Hậu Thánh Mẫu vào ngày 23/3 âm lịch, vía Kim Hoa Nương Nương vào ngày 17/4 âm lịch, vía Quan Thánh Đế Quân vào ngày 24/6

(1) Người Sùng Chính, Hải Nam ít nên sáp nhập vào bang Hẹ, do vậy còn gọi là bang Hạ - Sùng Chính.

âm lịch. Ngoài ra, còn có lễ kỷ niệm ngày thành lập cơ sở tín ngưỡng vào ngày 20/11 âm lịch. Những lễ vật cúng tại Thiên Hậu cung đều là đồ mặn.

Đặc biệt, trong lộ trình rước chư thần về dự Lễ hội Làm Chay tại miếu Tổ Sư, Thiên Hậu Cung là điểm thứ tư mà Ban Tổ chức lễ hội đến cung thỉnh bài vị Thiên Hậu Thánh Mẫu về dự lễ và chứng giám Lễ hội Làm Chay của cộng đồng người Hoa bang Hẹ - Sùng Chính ở Biên Hòa.

4.5. Thạch Sơn cổ miếu

Miếu cổ Thạch Sơn do cộng đồng người Hoa bang Hẹ xây dựng vào đầu thế kỷ XX. Lúc đó một nhóm người Hẹ làm nghề đá thủ công từ vùng đất Bửu Long sang vùng đất Hóa An khai thác đá để làm bia mộ, đá lát nhà, cối xay bột... và họ đã định cư tại đây. Để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng tâm linh và đoàn kết những người khai thác đá lại, họ đã cùng nhau lập ra một ngôi miếu ngay bên hầm khai thác đá, lấy tên là miếu Bình Trị. Miếu thờ tam vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu và Quan Thánh Đế Quân; đồng thời họ cũng thành lập Ban hội miếu gồm tất cả những người khai thác đá ở khu vực đó, nhằm hỗ trợ lẫn nhau và cùng bảo vệ, thực hành tín ngưỡng. Sau ngày giải phóng miền Nam, khu vực hầm đá do Xí nghiệp khai thác đá thành phố Biên Hòa quản lý và khai thác, lo sợ miếu bị sạt lở và hư hại, nên được cộng đồng người Hoa bang Hẹ ở Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Biên Hòa di dời, tái lập lại cách hầm đá khoảng 200m bằng vật liệu gạch, cát, xi măng. Kiến trúc chỉ có chánh điện, gian giữa thờ tam vị Tổ sư, gian bên phải thờ Thiên Hậu, gian bên trái thờ Quan Thánh. Ban hội cũng đổi tên miếu thành Thạch Sơn cổ miếu và phối thờ thêm các đối tượng là Phật Thích Ca, Phật Bà Quan Âm.

Hằng năm, miếu cũng tổ chức lễ vía tam vị Tổ sư vào ngày 13/6 âm lịch, lễ vía Thiên Hậu Thánh Mẫu vào ngày 23/3 âm lịch, lễ vía Quan Thánh Đế Quân vào ngày 24/6 âm lịch, để cầu cho quốc thái, dân an, Nhân dân làm ăn may mắn, nhà nhà ấm no hạnh phúc.

Trong lộ trình rước chư thần về dự Lễ hội Làm Chay ở miếu Tổ Sư, Thạch Sơn cổ miếu là điểm thứ 5 mà Ban Tổ chức lễ hội đến cung

thỉnh bài vị chư thần cùng về dự lễ và chứng giám Lễ hội Làm Chay của cộng đồng người Hoa bang Hẹ.

4.6. Khu vực bến sông Tân Thành

Bến sông Tân Thành/bến Văn Thánh⁽¹⁾ còn gọi là địa điểm 99 cây tùng, tương truyền hơn 300 năm trước, khi một bộ phận người Hẹ từ Cù lao Phố ngược sông Đồng Nai đến lập nghiệp tại Bửu Long, có nhiều người đã bỏ mạng tại vùng sông nước này. Vì vậy, nơi đây được chọn làm địa điểm để làm lễ phóng thủy đăng cầu siêu cho những cô hồn chết vì sông nước trong Lễ hội Làm Chay của miếu Tổ Sư. Xưa kia, thầy pháp được mời từ Trung Quốc qua, sau khi làm lễ trấn ứ bãi sông, người ta chôn một cột đá có khắc chữ Hán “Nam Mô A Di Đà Phật” để làm điểm trấn yểm những điều xui xẻo, giải hạn thủy nạn cho cộng đồng.

5. Các sản phẩm vật chất và tinh thần tạo ra trong quá trình tồn tại và phát triển của di sản văn hóa phi vật thể

5.1. Nghi vật và phẩm vật trong lễ hội

Trong các nghi thức của lễ vía, các đạo sĩ thường dùng hai keo âm dương để gieo quẻ chọn ngày giờ, quyết định công việc và xin thần linh chấp thuận là thủ tục không thể thiếu trong việc thực hiện các nghi lễ làm chay.

Ba tháp đồ chay bàn tay Phật làm bằng cải xanh, bánh bao chay và xôi nếp trắng, trên đầu là 2 hoặc 3 vòng tròn nhỏ; đỉnh mỗi tháp có hình bàn tay Phật kiểu bắt ấn, gồm đủ tay phải và tay trái. Tháp rau cải với bàn tay bắt ấn tượng trưng cho chữ “Thiên”, tháp bánh bao tượng trưng cho chữ “Địa” và tháp xôi nếp tượng trưng chữ “Dương” bề mặt viết bốn chữ Hán “Phân Y Thí Thực”. Hình dáng các tháp đồ

(1) Bến Văn Thánh ở khu phố 4, phường Bửu Long, Tp. Biên Hòa. Ngày xưa, nơi đây là bến thuyền, các quan lại thời chúa Nguyễn từ Thuận Quảng vào Văn miếu Trấn Biên (1715) đều cập bến này để đi lên Văn miếu. Vì thế, bến có tên gọi Văn Thánh. Sau này, nhân dân gọi là bến Tân Thành. Ngày nay, bến chỉ còn là không gian tổ chức nghi lễ Phóng thủy đăng cầu của Lễ hội Làm Chay.

chay gọi liên tưởng đến những stupa (tháp Phật) trong nghi thức xô giàn, cầu siêu của Phật giáo.

Mễ đầu là đầu gối của người Hoa (đường kính khoảng 35cm, cao khoảng 30cm) sơn màu đỏ, bên trong đổ khoảng 5kg gạo, bên trên là long đình (hình hộp chữ nhật cao khoảng 50-75cm, mái chóp kiểu tứ trụ, tạo khung 4 góc, dán giấy màu ở chóp và mặt lưng, hai bên hông dán giấy kiếng trắng, mặt trước để trống). Giữa long đình là bài vị bằng giấy dán ở trong với 3 hàng chữ Hán “Nam Thần Thiêm Phước Thọ, Thiên Tào Chánh Chiêu Bản Mệnh Nguyên Thần Tinh Quân, Bắc Đẩu Trú Trường Sinh”.

Mỗi dịp lễ làm chay, trước cửa miếu Tổ Sư đều treo nghi vật hay linh vật là: 1 cái sàng (sàng gạo tượng trưng mất thần nhìn thông suốt và tượng trưng cho nông nghiệp) bên trong cột cụm sả; 1 cành lá dương (trừ tà); 1 cái kiếng (sáng trong như gương); 1 cây thước mộc thợ may (làm người có chuẩn mực ngay thẳng); 1 cây kéo nhỏ (trừ tà), 5 tép chỉ ngũ sắc (sự khéo léo); cành lá bưởi (tinh khiết). Tất cả đồ vật bài trí có ý nghĩa về các nghề nghiệp truyền thống của người Hoa mục đích cầu bà, cầu tổ, cầu thánh ban phúc, trừ tà khí, xua đuổi ma quỷ, cầu an cho cộng đồng làm ăn thuận lợi về nghề nghiệp, hưởng lộc thánh thần, dương gian bình yên, cô hồn được siêu thoát. Lá bưởi trong các nghi thức khai quang điểm nhãn, khai bảng và xô giàn, người Hoa thường dùng lá bưởi có mùi thơm tượng trưng cho sự tinh khiết để tẩy uế, trừ tà trước khi cử hành các nghi lễ vía thần thánh hay khai lễ.

Lễ vật cúng tam vị (tam thanh) trong Lễ hội Làm Chay thể hiện dưới những vật cúng thanh khiết, những món chay như: Hương hoa, trái cây, rượu, trà (khác với cúng thần món mặn...). Lễ vật cúng phóng đăng, phóng sanh trong lễ làm chay là 5 món chay (bún gạo, tàu hũ, củ cải muối, đậu que xào, đậu trắng) tượng trưng cho ngũ hành. Đây là những món chay rất đặc trưng trong lễ hội của người Hoa bang Họ ở Biên Hòa.

Vào dịp lễ hội, người Hoa có những món ăn dùng để cúng tế hoặc đãi khách rất đặc trưng truyền thống và đậm đà hương vị ẩm thực của người Trung Hoa, có tác dụng bổ dưỡng cho sức khỏe và lại

rất ngon miệng khi thưởng thức. Ẩm thực phổ biến của người Hoa trong các lễ vía là đồ chay; tuy nhiên khi đãi mặn thì thường có heo quay, vịt quay, bánh bao, mì xào... Đa số những lễ vật trong lễ hội đều là những món ăn truyền thống của người Hoa như: Bún tàu, tàu hủ ki chiên, nấm mèo chiên, đậu que xào, đậu trắng xào tỏi, bí đỏ xào tương tàu, cà tím xào tương tàu, củ cải muối xào, bánh bao... thể hiện sự bảo tồn văn hóa dân tộc trong lễ hội. Bên cạnh những món ăn truyền thống của người Hoa, người ta còn thấy có cả những món ăn của người Việt như: Kiểm, mắm chay và bánh ít. Đây là những món ăn của người Việt được người Hoa sử dụng trong lễ vật cúng và đãi ăn cho thực khách trong những ngày diễn ra Lễ hội Làm Chay, biểu hiện sự biến đổi và giao lưu văn hóa ẩm thực của người Hoa ở vùng đất mới phương Nam.

5.2. Trang phục lễ hội

Trang phục dự lễ của các thành viên trong Ban Trị sự miếu Tổ Sư của người Hẹ đại diện cho cộng đồng mặc áo dài màu xanh lam, đội nón bánh tiêu có lưỡi trai màu trắng (còn gọi là mũ nổi) cung kính đứng phía sau chủ tế. Riêng người được chọn bưng “kim phong bảng” đại diện cho phúc lộc thọ trong lễ hội, mặc áo dài gấm màu màu vàng, đầu đội mũ màu vàng, đeo một băng vải đỏ kết bông hoa chéo qua ngực. Đạo trưởng mặc áo Bát Quái đạo bào màu đỏ hoặc màu vàng, trên lưng trang trí biểu tượng âm dương và ngũ hành, đội mũ vải màu đen có đính hoa văn xung quanh và trên đỉnh gắn biểu tượng pháp sư; các đạo sĩ còn lại cũng mặc áo vải màu đỏ, nhưng đội mũ đen không có hoa văn. Trang phục của người khiên kiệu, người cầm bát bửu, trưởng, bảng vị rất đơn giản là áo cộc tay có cổ màu đỏ đô, mặt sau áo in dòng chữ Hoa “Thiên Hậu cổ miếu”, đầu đội mũ nổi màu trắng. Đội lân sư rồng mặc áo quần màu đỏ, dàn nhạc cổ truyền mặc trang phục màu đen, đội mũ phớt trắng; trang phục của đội nữ tung hoa là áo sườn xám màu đỏ, màu vàng... nhìn chung trang phục trong Lễ hội Làm Chay chủ yếu là màu đỏ, màu may mắn của người Hoa.

5.3. Nhạc khí, nhạc cụ, âm nhạc truyền thống

Các chất liệu của nhạc khí (đồ gỗ, đồ đồng, đồ da) sử dụng trong nghi lễ bao giờ cũng đáp ứng về tính chất tạo thanh âm và thanh dương. Việc sử dụng âm nhạc trong các nghi lễ Đạo giáo xem lẫn với nghi lễ dân gian được cho là có chức năng “làm động lòng thần thánh”. Có nhiều dạng đơn ca, hợp xướng, nhạc trống và các dàn nhạc cụ gồm bộ gió, gảy dây và gõ. Trong các nghi lễ làm chay, đạo sĩ tay cầm khánh là nhạc khí tròn dẹp như chiếc gương đồng vừa gõ vừa tụng Thái Thượng Nguyên Môn kinh để hành lễ, trên bàn cúng còn có mõ, chuông lắc. Trong quá trình đi rước lễ còn có thanh la, chập chõe, trống cơm, chiêng nhỏ. Ngoài ra còn có các nhạc cụ của đoàn hát bội, ca nhạc truyền thống, múa lân sư rồng cùng tham gia trong Lễ hội Làm Chay tạo nên không khí sôi động, vui tươi, náo nhiệt.

Buổi tối suốt thời gian diễn ra lễ hội, các đoàn ca kịch truyền thống của Việt Nam về biểu diễn các tuồng tích dân gian, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Thánh Đế Quân, các thần linh khác và phục vụ bà con tới tham dự lễ xem tại sân khấu bên phải sân ngoài của miếu. Trước ngày 30/4/1975, Ban Tổ chức thường mời các đoàn từ Sài Gòn, Chợ Lớn như: Minh Tơ, Huỳnh Long và Hồng Kông về biểu diễn; ngày nay Ban Tổ chức mời cả các đoàn ở địa phương như: Ngọc Khanh tham gia phục vụ. Đây là những hoạt cảnh có nội dung như: Cầu phúc thọ, gia quan tấn tước (cầu mưa thuận, gió hòa, tài lộc dồi dào, người có tài được thăng quan tiến chức); hoạt cảnh Quế Anh dâng cây, Ngọc Kỳ Lân xuất thế, Thất Tinh Mai... Việc mời các đoàn hát tuồng người Việt về biểu diễn tại miếu thể hiện sự giao lưu văn hóa giữa người Việt và người Hoa tại địa phương. Các đoàn diễn ngoài việc lấy thù lao theo hợp đồng, bao giờ họ cũng tặng cho người xem một xuất để gọi là lòng thành cúng Bà Thiên Hậu, cúng Quan Thánh và các vị Tổ sư. Đêm cuối của lễ hội, sau khi hạ màn các diễn viên để nguyên trang phục tập trung vào trong miếu, Trưởng đoàn đại diện khấn bái để dâng lên các bậc tiền nhân và thần thánh, cầu cho quốc thái dân an sau đó thấp nhang cúi lạy tạm biệt. Biểu diễn tuồng tích, ca nhạc truyền thống cũng là phần hội thu hút được nhiều người xem trong Lễ hội Làm Chay ở miếu Tổ Sư.

5.4. Vũ điệu nghi lễ

Trong Lễ hội Làm Chay, việc thể hiện vũ điệu của các thầy cúng, pháp sư được xem như vũ điệu nghi lễ kèm diễn xướng dân gian (xướng, tụng, niệm, đối đáp) những bản kinh của Phật giáo, Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian. Khi thực hiện tế lễ, các đạo sĩ, thường đọc hoặc xướng (hát) các bài kinh. Tụng, niệm, xướng kèm vũ điệu nghi lễ của đội ngũ hành lễ được xem như những diễn xướng dân gian thực hiện trong lễ hội truyền thống của người Hoa.

Các điệu múa hay động tác nghi lễ của các đạo sĩ trong các nghi lễ cúng cầu an, cầu siêu đa phần dựa vào quy luật của triết lý âm dương, ngũ hành, bát quái của Đạo giáo; quy luật luân hồi, nhân quả của đạo Phật. Trong Lễ hội Làm Chay, khi cúng lễ, đội hình của các đạo sĩ được bố trí: “đạo sĩ chủ tế đứng ở giữa, hai mặt đông tây có các đạo sinh đứng và luân phiên tụng niệm, tượng trưng cho sự luân phiên xen kẽ của âm và dương trong vũ trụ”⁽¹⁾. Bắt đầu một nghi thức với đội hình đạo trưởng chủ tế đứng giữa, các đạo sinh đứng 2 mặt Đông Tây luân phiên tụng niệm chính là biểu hiện sự xen kẽ của âm dương trong vũ trụ. Các nghi lễ do đạo sĩ cử hành thường tỉ mỉ và phức tạp, khấn các thần linh về hội tụ, thanh tẩy vùng đất thiêng ngăn không cho khí âm xâm nhập.

Trong lễ làm chay, các đạo sĩ thường có những động tác như hành khiển, xoay người chân đá lên, liên hoa đi từ vòng quanh 4 góc, hoặc có khi sắp thành một hàng đi theo vòng tròn thuận rồi ngược kim đồng hồ. Tất cả những hướng đi đều dựa trên nguyên lý âm dương, ngũ hành theo tính chất của Đạo giáo xen lẫn với tín ngưỡng dân gian.

Những vũ điệu nghi lễ còn được thể hiện qua các động tác như: Cưỡi ngựa giấy phi theo vòng tròn thuận và ngược chiều kim đồng hồ để diễn tả Công Tào sứ giả về báo cáo Ngọc Hoàng về nghi thức khai

(1) Theodore M. Ludwig (2000), Dương Ngọc Dũng, Hà Hữu Nga, Nguyễn Chí Hoan dịch, *Những con đường tâm linh phương Đông (Phần II- Các tôn giáo Trung Hoa và Nhật Bản)*, Nxb. Văn hóa Thông tin, tr. 187.

lễ làm chay. Trong các nghi thức khai kinh, khai quang điểm nhãn, lễ thanh tẩy, cầu siêu, xô giàn, bên cạnh việc tụng niệm kinh, hai tay các đạo sĩ thường thể hiện theo kiểu bắt ấn, bắt quyết thu phục ma quỷ và âm binh, ảnh hưởng từ các vũ điệu nghi lễ của Phật giáo.

5.5. Nghi lễ dân gian

Nghi lễ trong lễ hội của người Hoa vừa mang tính chất tam giáo (Đạo giáo, Nho giáo, Phật giáo) nhưng đồng thời kết hợp cả tín ngưỡng dân gian. Trong từng nghi lễ vía thần thánh, lại có sự đan xen kết hợp giữa các nghi thức tôn giáo và tín ngưỡng dân gian. Nghi lễ dân gian do các Ban Trị sự miếu thực hiện đơn giản với lời cúng đã được viết sẵn hoặc chỉ lâm râm khấn vái rồi thượng hương, vái lạy và thắp nhang nơi các bàn thờ tại các cơ sở tín ngưỡng, kết thúc là việc đốt giấy vàng bạc hoặc hóa sớ. Nghi thức được thực hiện đối với tất cả các bàn thờ trong cơ sở tín ngưỡng. Ngoài ra, một số nghi lễ mang tính dân gian do các Ban Trị sự miếu thực hiện trong nghi thức khai lễ, vía thần, khai quang điểm nhãn chuẩn bị cho phần hội đấu giá đèn lồng. Gieo quẻ âm dương cũng là một nghi thức dân gian thường thấy trong lễ hội người Hoa để chọn giờ tốt hành lễ. Trong lễ làm chay đều có nghi thức xin keo (gieo keo) với hai mặt sấp và ngửa tượng trưng âm dương để chọn giờ tốt hành lễ hoặc lấy ý kiến để quyết định sự việc trong nghi lễ.

Lễ hội Làm Chay vía tổ nghề là biểu hiện của nghi lễ Đạo giáo. Lễ nghi Đạo giáo là việc thực hiện sự triệu vời các vị Thái Thượng thần của vũ trụ qua các đạo cụ, thần chú, bùa phép và các vũ điệu nghi lễ để trấn đuổi ma quỷ, trừ tà, trừ dịch bệnh và cầu xin được ân huệ từ các thần linh.

Trong nghi lễ Nho giáo, thông qua nghi thức lễ mà người ta duy trì được các quan hệ giữa cha mẹ và con cái, giữa tổ tiên, tổ nghề và hậu duệ, giữa bạn bè với nhau đều ảnh hưởng của Nho giáo. Nghi thức quan trọng nhất là cái lễ gắn bó với gia đình, dòng họ nghề nghiệp, đó là đạo hiếu tạo nên mối quan hệ ảnh hưởng qua lại, phụ thuộc lẫn nhau giữa thế hệ già và trẻ, giữa sự sống và cái chết. Cùng với sự thờ cúng tổ tiên, người Hoa còn kết hợp lễ cúng cho các vị thần và cho những cô hồn lang thang.

Nghi lễ cúng cầu an cầu siêu, phóng sanh, cúng thí cho cô hồn là những hình thức nghi lễ có ảnh hưởng của lễ thức Phật giáo. Ông Tiêu hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát có khả năng cứu vớt vong linh ở chốn âm cung theo ý nghĩa Phật giáo luôn luôn được chuẩn bị dành cho nghi thức hỏa kết xô giàn. Hình tượng bàn tay Phật, tháp bánh hình Phật, hình tượng hoa sen, chữ “Vạn”, trang phục Địa Tạng, vãn kinh tụng, múa nghi thức bắt ấn trừ tà siêu độ âm hồn. Ảnh hưởng Phật giáo thể hiện trong hầu hết những nghi thức Lễ hội Làm Chay.

Nghi lễ bắc cầu trong Lễ hội Làm Chay biểu hiện của tín ngưỡng dân gian, thể hiện việc thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu trong miếu Tổ Sư là lớp tín ngưỡng bổ sung, nhưng Thiên Hậu lại có vị trí quan trọng trong tâm thức dân gian của người Hoa. Thiên Hậu Thánh Mẫu là nhân thần phù hộ người đi biển vì vậy, trong lễ làm chay thường có nghi thức bắc cầu thỉnh Mễ Đầu cầu phước vừa đón bà Thiên Hậu từ biển về, vừa là ma thuật cầu thỉnh Tổ sư ban phước lộc cho những người làm nghề thủ công.

6. Giá trị của Lễ hội Làm Chay đối với cộng đồng

6.1. Giá trị lịch sử của lễ hội

Lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai là lịch sử của những cuộc di dân; trong hành trình ấy có sự đóng góp không nhỏ của người Hoa mà đứng đầu là Đô đốc tướng quân Trần Thượng Xuyên từ cuối thế kỷ XVII khi người Hoa đến định cư ở phương Nam cho đến ngày nay. Có thể nói, từ khi có dấu chân của người Hoa trên đất Việt Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng thì nền văn hóa tín ngưỡng dân gian Việt Nam, đặc biệt ở phía Nam thêm phong phú và đa dạng với những thiết chế văn hóa mang đậm tính Hoa - Việt giao thoa, hòa quyện lẫn nhau trong hòa bình, hòa hợp và thân thiện, cùng góp sức vào việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Quá trình thực hành Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư gắn liền với sự phát triển của địa phương, của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai. Quy mô, phương thức tổ chức của lễ hội phụ thuộc vào tình hình, đặc điểm kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn lịch sử. Mặc dù đảo lộn

3 năm tổ chức lớn một lần, nhưng qua lễ hội, giúp chúng ta đánh giá được phần nào diễn biến lịch sử địa phương. Điều này dễ nhận thấy, vào buổi đầu khai phá, phát triển vùng đất mới, những giai đoạn chiến tranh, bảo vệ đất nước... cộng đồng người Hoa, người Việt và các cư dân ở địa phương tổ chức Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư ở mức độ phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội từng giai đoạn. Sau ngày đất nước hòa bình thống nhất, khi dân cư đông hơn, kinh tế tương đối phát triển, công việc buôn bán phát đạt... thì quy mô, hình thức tổ chức lễ hội ngày càng đầy đủ, hoàn thiện, phong phú hơn. Đặc biệt là dù lịch sử biến đổi nhưng Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư vẫn được duy trì tổ chức theo thông lệ hàng trăm năm qua cho đến nay, không bị đứt đoạn.

Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư được tổ chức như một sự cố kết cộng đồng người Hoa trong sự nhắc nhở mọi người luôn nhớ về lịch sử khai phá, mở mang, phát triển ở vùng đất mới phương Nam của cha ông họ; về lịch sử hình thành và phát triển nghề thủ công truyền thống làm đá Bửu Long vang bóng một thời. Sự đoàn kết cộng đồng người Hoa và người Việt và các các tộc người khác đã góp phần đấu tranh, bảo vệ ổn định vùng đất Đồng Nai nói riêng, vùng đất Nam Bộ nói chung từ khi các chúa Nguyễn xác lập hành chính cho đến nay.

Mỗi lần Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư kết thúc, Ban Trị sự lại mở lòng hướng thiện tìm về những mảnh đời cơ cực, những địa phương bị thiên tai, lũ lụt từ khắp mọi miền Tổ quốc, hỗ trợ trẻ em nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn thông qua Hội Chữ thập đỏ của phường Bửu Long và tỉnh Đồng Nai. Đây là mối liên kết, tình cảm tương thân tương ái, tình làng nghĩa xóm truyền thống được hun đúc, gìn giữ từ bao đời nay của cả người Hoa và người Việt⁽¹⁾.

Ngoài ra, miếu Tổ Sư từng là cơ sở cách mạng, là nơi chế tạo vũ khí thô sơ chuyển cho Chiến khu Đ, chứng kiến nhiều cuộc tàn sát đẫm máu của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ trong suốt hai cuộc kháng

(1) Miếu Tổ Sư đã được UBND phường Bửu Long tặng giấy khen về phong trào TĐĐKXDĐSVH ở địa phương, được UBND tỉnh Đồng Nai tặng nhiều bằng khen về công tác từ thiện xã hội.

chiến trường kỳ của dân tộc. Nhiều nghi thức trong lễ hội mang tính chất cầu an, cầu siêu cho linh hồn các chiến sĩ cách mạng hi sinh tại vùng đất Bửu Long - Biên Hòa, một sự tri ân tưởng nhớ người có công với đất nước.

6.2. Giá trị văn hóa của lễ hội

6.2.1. Giá trị văn hóa phi vật thể

Sự hòa quyện và phát triển nền văn hóa Việt - Hoa đã để lại những di sản văn hóa vật thể và phi vật thể vô cùng quý giá mà ngày nay được lưu giữ và bảo tồn bền vững. Cùng với Thất Phủ cổ miếu ở Cù lao Phố, miếu Tổ Sư đã góp phần tạo nên nét văn hóa và tín ngưỡng đặc trưng của người Hoa. Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư là lễ hội truyền thống lâu đời nhất của người Hoa bang Hẹ, lễ hội luôn có sự kế thừa, sáng tạo và được phát triển qua nhiều thế hệ, thể hiện ý thức gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc của cộng đồng và góp phần làm phong phú kho tàng di sản văn hóa Việt Nam đa dạng trong thống nhất. Cư dân ở Đồng Nai hội nhập từ tứ xứ, tha hương ở vùng đất mới để kiếm sống nhưng khó thiết lập những quan hệ bền chặt cho nên rất trân trọng tình cảm “*đồng cảnh ngộ*”, nhiều lúc nó thiêng liêng hơn quan hệ họ hàng. Vì chung nỗi niềm xa xứ mà cư dân Việt, Hoa dễ dàng đồng cảm, hòa hợp với nhau, tổ tiên, thần thánh, niềm tin của người Hoa bang Hẹ cùng một hệ nông nghiệp nên thâm nhập vào thần điện cư dân Việt khá dễ dàng và ngược lại. Đó là lý do người Hoa, người Việt không phân biệt, cùng chung niềm tin thiêng liêng trong Lễ hội Làm Chay. Đó cũng là biểu hiện của bản sắc đẹp trong văn hóa Việt Nam, nhất là ở Nam Bộ: Tích hợp văn hóa đa nguồn, chung sống an lành trong tín ngưỡng đa hệ.

- Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư nhằm tưởng nhớ, thể hiện lòng biết ơn của cộng đồng đối với tổ nghiệp, với các vị thần, thánh, tiên sư đã phù hộ, độ trì cho người Hoa bang Hẹ nói riêng, người Việt Nam nói chung trong đời sống và công việc của ba năm qua gặp nhiều may mắn, thuận lợi, phát tài, phát lộc; cảm tạ thần linh phù hộ cho vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai luôn yên định, phát triển bền vững và họ cũng cầu xin các vị Tổ sư và chư vị thánh thần tiếp tục che

chở, phù hộ cho những năm kế tiếp; đồng thời họ còn cầu cho các linh hồn đã chết được siêu thoát. Lễ hội thể hiện được giá trị nhân văn sâu sắc, đạo lý *“uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây”* là truyền thống đạo đức tốt đẹp của cộng đồng người Hoa, người Việt và các dân tộc anh em khác đang sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.

Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư tôn vinh 3 vị Tổ nghề của những người thợ đá, người Hoa bang Hẹ ở Bửu Long. Vào dịp lễ này, những người thợ đá đều nghỉ việc và mỗi gia đình đều cử ra 1 hoặc 2 người tham gia phụ giúp công việc. Sau này, lễ hội không còn nguyên thủy tôn vinh tưởng nhớ Tổ nghề mà kết hợp cả tín ngưỡng thờ bà Thiên Hậu và Quan Thánh Đế Quân nhưng vẫn giữ nguyên tính chất cầu an, cầu phúc, cầu siêu cho cộng đồng. Điều này chứng tỏ lễ hội đã được đổi mới cho phù hợp với nhu cầu tinh thần, tín ngưỡng của cộng đồng xã hội địa phương. Một sự dung hợp khéo léo thu hút được đông đảo người Hoa và cả người Việt tham gia.

Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư là sự kết hợp tín ngưỡng dân gian (thờ Thiên Hậu, Tổ nghề, Quan Đế) với các nghi lễ Đạo giáo, Nho giáo và Phật giáo của cộng đồng người Hoa bang Hẹ ở Biên Hòa. Đối tượng chính hành lễ trong những ngày diễn ra lễ hội đều do các đạo sĩ của Đạo giáo thực hiện. Nghi thức hành lễ là sự kết hợp của tam giáo cùng xen kẽ nhau (nghi lễ Đạo giáo được dùng trong lễ cầu an, cầu phúc. Còn trong nghi lễ cầu siêu, cúng thí cô hồn thì lại mang tính chất Phật giáo, từ những bài kinh Địa Tạng, kinh Vãng Sanh... đến những biểu tượng Phật giáo và cả trang phục cầu siêu màu vàng của pháp sư cũng ảnh hưởng của nghi lễ Phật giáo, nội dung các bức hoành phi, liên đối viết trên giấy và treo trong lễ hội đều mang tư tưởng Nho giáo), điều này diễn tả tư tưởng “Tam giáo đồng nguyên” của người Hoa. Nhưng nhìn chung tính chất nghi lễ của Đạo giáo rõ nét qua các biểu tượng triết lý âm dương (xin keo), ngũ hành bát quái, thông qua trời đất, vũ trụ, lời cầu xin được các thánh thần chứng giám với nội dung đại ý cầu cho thiên hạ thái bình, quốc thái dân an, nghề nghiệp thuận lợi. Việc dung hợp nhiều lễ nghi tôn giáo trong một lễ hội cũng không phải là điều hiếm thấy, song Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư là một hiện tượng khá đặc biệt, khác hẳn lễ hội cầu siêu

của người Hoa Phước Kiến, hoàn toàn mang tính chất lễ nghi của Phật giáo. Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư làng đá Bửu Long biểu hiện của tín ngưỡng tôn giáo truyền thống của người Hẹ bảo tồn và phát huy cho đến nay.

Có thể nói, Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư là sản phẩm phi vật thể rất có giá trị trong hệ thống các cơ sở tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam. Lễ hội đã góp phần làm phong phú, đa dạng giá trị của nó trong cộng đồng người Hoa và cả người Việt ở phương Nam. Cũng như làng nghề truyền thống điêu khắc đá Bửu Long, sự giao hòa và dung hợp của hai yếu tố văn hóa Hoa - Việt trong lễ hội bước đầu đã và đang tạo nên những sản phẩm văn hóa phi vật thể góp phần nâng cao sự nhận thức và tác động mạnh đến đời sống văn hóa, tinh thần cũng như vật chất của không ít người dân địa phương.

Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư được tổ chức hàng năm với nhiều nghi lễ trang nghiêm, phần hội luôn sôi động và phong phú thu hút cộng đồng người Hoa, người Việt tham dự. Nhân dân đến với lễ hội được tham dự các nghi lễ linh thiêng, cũng như được tham gia các trò chơi dân gian, được thưởng thức các chương trình văn hóa nghệ thuật. Nhưng quan trọng nhất mà cộng đồng, nhân dân đến tham dự Lễ hội Làm Chay có được là việc gửi gắm tâm tư tình cảm đến các chư thần, giúp mỗi người thỏa mãn nhu cầu tâm linh, cũng như nhu cầu tinh thần, thông qua các hoạt động như: Được thực hiện nghi thức dâng hương, được dâng lễ vật, được tham gia lễ phóng đăng, phóng sinh, lễ xô giàn, xem hát, được thỉnh đèn lồng cầu phúc, được rước lộc bà Thiên Hậu, Tổ sư về nhà...

Trong những ngày diễn ra Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư, Ban Trị sự các di tích có thờ Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Thánh Đế Quân trong vùng (Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Thuận, Mỹ Tho, Tây Ninh, An Giang) và hơn 30 Ban Quý tế, Ban Tế tự các đình, miếu ở Đồng Nai tham dự, dâng lễ, giao lưu chia sẻ cộng đồng. Người dân địa phương tự nguyện đến dâng lễ vật, thắp hương, thọ lộc, phóng sanh, tham gia thả hoa đăng, phúc khí... mỗi người thể hiện lòng tin theo cách của mình. Các mâm ẩm thực theo phong cách cổ truyền Hoa - Việt cũng được chuẩn bị bằng sự đóng góp

tài vật của bá tánh, tài nghệ bếp núc của dân gian và tấm lòng hiếu khách, rộng mở của người địa phương. Lễ hội cũng là dịp cộng đồng người Hoa, người Việt gặp mặt, giao lưu văn hóa với nhau, trao đổi kinh nghiệm làm ăn, chuyện gia đình, con cái học hành đỗ đạt và xây dựng gia đình văn hóa, khu phố văn hóa.

Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư đã góp phần giáo dục truyền thống văn hóa, đạo đức lối sống cho con người. Đối với thế hệ trẻ, đến với lễ hội được tận mắt chứng kiến hay tham gia thực hành các loại hình di sản sẽ học hỏi, tiếp thu bản sắc văn hóa của dân tộc mình, từ đó làm hành trang cho cuộc sống sau này để tiếp nối truyền thống cha ông. Ngoài ra, việc thờ cúng các vị Tổ sư, thần thánh trong miếu là một phương tiện để giáo dục đạo đức, lòng nhân ái, truyền thống dân tộc của cộng đồng người Hoa và giữa người Hoa với các dân tộc anh em cùng sinh sống trên vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai. Bởi lẽ những giá trị mà thông qua tín ngưỡng thờ cúng các vị thần thánh đã trở thành những chuẩn mực của hệ thống hành vi ứng xử cộng đồng trong đời sống xã hội, nó chế ước và điều chỉnh chung cách ứng xử cộng đồng. Niềm tin vào tín ngưỡng ở đây sẽ góp phần rèn luyện đạo đức con người, vì họ tin vào luật nhân quả, con người sống tốt, sống có đạo đức sẽ nhận được may mắn và niềm vui trong tương lai.

6.2.2. Giá trị văn hóa vật thể

Không gian hành lễ miếu Tổ Sư - công trình kiến trúc nghệ thuật đặc sắc, thể hiện sự độc đáo, sáng tạo hiếm có của người Hoa bang Hẹ ở Nam Bộ. Đây là ngôi miếu “độc nhất vô nhị” ở Đồng Nai thờ 3 vị Tổ nghề (đá, mộc, rèn) được làm hoàn toàn bằng đá xanh - vật liệu khai thác tại chỗ, gắn với làng nghề điêu khắc đá truyền thống Bửu Long. Kiến trúc nghệ thuật miếu Tổ Sư độc đáo hơn nữa, bởi hệ thống vì kèo *chồng rường giá chiêng* với sự kết hợp khéo léo giữa đá và gỗ thật tuyệt vời. Quần thể tiểu tượng gốm trang trí trên mái miếu là nét đặc trưng tín ngưỡng văn hóa đình miếu, chùa hội của người Hoa. Bố cục không gian miếu Tổ Sư là những bố cục tương phản về phương hướng. Có nhà hướng ngang, có nhà hướng dọc, có nơi thu hẹp lại, có nơi mở rộng... khiến cho không gian kiến trúc tổ hợp của miếu rất phong phú và đa dạng nhưng lại thống nhất thành một khối

liên hoàn. Hệ thống bao lam, hoành phi, liễn đối chạm trổ các đề tài lưỡng long tranh châu, cửu long tranh châu, rồng vờn mây, phụng hàm thư trên gỗ và đá là những đồ án điêu khắc sắc xảo đến tuyệt vời. Đặc biệt, những hoa văn dây lá, tứ linh, tứ quý, lưỡng long tranh châu... chạm nổi trên các khám thờ bằng đá làm cho người chiêm bái luôn có cảm giác vô cùng ngạc nhiên và thán phục trước những tấm đá tưởng chừng như vô tri, vô giác kia nhưng dưới bàn tay và khối óc của các nghệ nhân tài ba nghề đá Bửu Long đã góp phần tạo nên một tuyệt tác vượt thời gian. Các tác phẩm điêu khắc đá, chạm khắc gỗ, phù điêu, tượng hình kiểu Hoa Nam bày trí ở miếu đều hàm chứa tính triết lý nhân sinh sâu sắc của người Hoa nói riêng và người phương Đông nói chung. Hệ thống tượng thờ được làm từ đá xanh, đánh dấu sự phát triển của nhóm nghệ nhân làng nghề điêu khắc đá ở Đồng Nai - Gia Định từ khá sớm. Đặc biệt ba pho tượng Tổ sư làm bằng đá xanh Bửu Long có niên đại cách nay trên dưới ba trăm năm và hệ thống hoa văn, tiểu tượng gốm trên bờ nóc tiền điện là những tuyệt tác của người xưa. Hiện nay, du khách đến tham quan miếu Tổ Sư không những được thưởng lãm vẻ đẹp của một kiến trúc đá cổ xưa mà còn được chiêm ngưỡng những sản phẩm nghệ thuật vật thể và phi vật thể đặc sắc với sự kết hợp giữa kĩ thuật hiện đại và cổ truyền. Hằng năm có nhiều nhà khoa học, sinh viên nghiên cứu về kiến trúc, lịch sử, văn hóa, khoa học... đến tìm hiểu, tham quan, nghiên cứu về công trình lịch sử - kiến trúc nghệ thuật đặc sắc này.

Trong Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư, các giá trị di sản tư liệu chữ Hán biểu hiện qua rất nhiều văn cúng, văn tế, hoành phi, câu đối, bài vị, kim bảng, kinh kệ, bùa ngũ sắc, biển hiệu... là những di sản được sáng tạo, kế tục qua nhiều thế hệ. Do vậy, đây chính là sợi dây liên kết giữa quá khứ với hiện tại, là nguồn tư liệu quan trọng giúp cho thế hệ hôm nay và mai sau có cơ hội tìm hiểu về cội nguồn lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo của dân tộc.

Ẩm thực truyền thống trong Lễ hội Làm Chay của người Hoa bang Hẹ là một nét văn hóa đặc sắc. Ẩm thực dâng cúng Tổ sư và chư vị thần thánh, cũng như thiết đãi bá tánh trong những ngày diễn ra lễ hội rất phong phú, đa dạng gồm cả chay và mặn được chế biến

theo bí quyết truyền thống. Lễ vật chay dùng cúng tế trong các ngày mùng 10, 11 và 12/6 âm lịch, lễ vật mặn dùng cúng tế trong ngày 13/6 âm lịch. Ngoài việc sử dụng ẩm thực của người Hoa còn có ẩm thực của người Việt như: Bánh ú, bánh tét, món kiểng, mắm chay... hoặc những loại trái cây Nam Bộ như: Vú sữa, xoài, thanh long... một sự giao lưu văn hóa ẩm thực đậm đà nét Việt - Hoa. Như vậy, lễ hội là môi trường để duy trì, thực hành và quảng bá văn hóa ẩm thực truyền thống của cả người Hoa và người Việt.

Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư còn là dịp bảo tồn và quảng bá trang phục truyền thống dân tộc Hoa đến du khách và bá tánh tham gia lễ hội. Trong suốt quá trình tổ chức lễ hội, rất dễ nhận ra các trang phục truyền thống đặc trưng của các pháp sư, của Ban Trị sự, của người Hoa bang Hẹ và các bang hội khác tham gia thực hành nghi lễ cũng như phục vụ, điều hành...

6.3. Giá trị khoa học

Qua Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư cho thấy, từ công tác chuẩn bị đến thực hành các lễ nghi được Ban Tổ chức sắp xếp rất chặt chẽ, hợp lý, đúng theo trình tự đã được kế tục qua nhiều thế hệ. Điều đặc biệt, lễ hội tổ chức có sự đan xen giữa lễ và hội “*trong lễ có hội, trong hội có lễ*”. Các hoạt động lễ, hội luân phiên hoặc song song diễn ra góp phần tạo được không khí sôi động, lôi cuốn bá tánh đến vừa lễ bái, vừa thưởng thức các phần hội để thỏa mãn nhu cầu tinh thần. Lễ hội còn có sự biến đổi khoa học, nhiều nghi lễ được phát huy cho phù hợp với điều kiện xã hội ngày nay như tục đấu giá đèn lồng trước kia nay được đổi thành nghi thức thỉnh đèn lồng, điều này có ý nghĩa nhiều người sẽ được tham gia thỉnh lộc thánh thần.

Lễ hội Làm Chay và di tích miếu Tổ Sư là sản phẩm sáng tạo trí tuệ không mệt mỏi của cộng đồng các dân tộc Hoa - Việt hàng trăm năm qua trao truyền cho hậu thế tiếp nối và phát huy. Hoạt động lễ hội và không gian lễ hội (di tích miếu Tổ Sư) chứa đựng các giá trị khoa học độc đáo, hấp dẫn, được nhiều nhà quản lý, nhà nghiên cứu, nhà khoa học, giáo viên, học sinh, sinh viên... chọn làm đề tài, đối tượng nghiên cứu khoa học, giảng dạy, học tập của mình trong nhiều

năm qua. Đặc biệt là 100 quả xăm thuốc “Dược Đáo Hồi Xuân” của người Hoa bang Hẹ còn lưu giữ và thực hành không chỉ là những bài thuốc đông y dân gian mà còn là trí tuệ khoa học của người xưa, là phương thuốc chữa trị được cả thân bệnh và tâm bệnh.

6.4. Giá trị kinh tế

Trong những năm gần đây, Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư đã thu hút đông đảo bá tánh, du khách gần xa trong và ngoài nước đến trải nghiệm; không những cộng đồng người Hoa trong và ngoài tỉnh mà đồng bào dân tộc Kinh và các dân tộc anh em khác cũng về tham gia. Lễ hội truyền thống tiêu biểu này đã được duy trì tổ chức đáo lệ quy mô lớn ba năm một lần, đã giới thiệu, quảng bá và phát huy giá trị phục vụ nhu cầu tinh thần của Nhân dân rất tốt; thông qua lễ hội nhiều hoạt động buôn bán, thương mại, dịch vụ của cư dân xung quanh di tích có thêm nguồn thu, góp phần nâng cao đời sống kinh tế cho gia đình và địa phương.

Trong lễ hội thường có tục đấu giá đèn lồng là hoạt động văn hóa truyền thống lâu đời được duy trì khá phổ biến ở các cơ sở tín ngưỡng dân gian. Người thỉnh đèn lồng xem đó phước lộc, ánh linh của thần linh soi chiếu cho gia đình được làm ăn thuận lợi, sinh lãi muôn phần. Kinh phí từ hoạt động thỉnh đèn lồng, Ban Tổ chức chi phí cho việc tổ chức lễ hội, di tu bảo dưỡng, vệ sinh môi trường di tích, góp phần vào các công trình phúc lợi xã hội như: xây dựng trường học, làm đường, cầu cống, đóng góp quỹ từ thiện địa phương...

Tóm lại, Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư xứng đáng được lập hồ sơ đề nghị công nhận di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, vì các giá trị sau:

Một là, hoạt động lễ hội thực hiện chủ yếu tại cơ sở thờ tự di tích miếu Tổ Sư và liên quan tới một số di tích khác, gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai hơn 325 năm qua. Không gian văn hóa lễ hội khá rộng rãi, cơ sở vật chất khang trang, đáp ứng yêu cầu sinh hoạt tín ngưỡng tâm linh của người Hoa và các dân tộc anh em.

Hai là, lễ hội được chủ thể là người Hoa bang Hẹ ở Biên Hòa - Đồng Nai sáng tạo và thực hiện liên tục từ thời khai phá, mở mang vùng đất mới phương Nam đến nay, có sự biến đổi, dung hợp và phát triển các nghi thức lễ hội, nhưng vẫn giữ được sắc thái đặc sắc riêng trong đặc điểm chung của một lễ hội dân gian ở vùng đất Nam Bộ; đồng thời thể hiện rõ bản sắc văn hóa Việt Nam phong phú và đa dạng trong thống nhất.

Ba là, lễ hội là nhịp cầu giao lưu lịch sử, văn hóa, kết tinh và lan tỏa nội vùng và ngoại vùng, có sức sống trong hội nhập quốc tế. Chứng minh sự hòa hợp dân tộc từ hàng trăm năm qua trên tất cả các phương diện lịch sử, văn hóa, kinh tế và xã hội.

Bốn là, lễ hội là sản phẩm văn hóa tinh thần của cộng đồng người Hoa bang Hẹ có sức lan tỏa mãnh liệt tới các cộng đồng người Việt và các tộc người khác, trở thành một di sản văn hóa phi vật thể của chung cộng đồng Việt Nam. Sức mạnh ý thức và trách nhiệm cộng đồng trong việc bảo tồn và phát huy lễ hội như hiện nay sẽ làm cho lễ hội tồn tại lâu dài, từng bước bổ sung thêm những yếu tố văn hóa tiến bộ và tham gia vào việc phát triển bền vững, đem lại hiệu quả cho ngành công nghiệp văn hóa, cho sự phát triển xã hội.

7. Các biện pháp bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể

Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư là lễ hội truyền thống với tư cách là một di sản văn hóa dân gian của cha ông để lại, có vai trò quan trọng trong sinh hoạt văn hóa của người dân, cũng như có ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, do vậy, cần có những biện pháp quản lý, bảo vệ phù hợp với xu thế chung, góp phần phát triển bền vững.

7.1. Kiến toàn bộ máy quản lý và tổ chức lễ hội

Trước tiên, Nhà nước cần tiếp tục nâng cao vai trò lãnh đạo của các cấp chính quyền địa phương trong công tác chỉ đạo, quản lý và hướng dẫn trong hoạt động của lễ hội. Việc tập huấn cho cán bộ quản lý di tích, cán bộ tổ chức lễ hội phải được thường xuyên, liên tục để nâng cao năng lực quản lý, năng lực tổ chức của đội ngũ cán bộ văn

hóa cơ sở. Nhưng cần hiểu rõ lễ hội phải do cộng đồng là chủ thể sở hữu, thực hành và hưởng thụ những giá trị tinh thần được gửi gắm trong đó. Nhà nước thực sự chỉ là “người bảo trợ”, hỗ trợ về nghiệp vụ, kinh phí, an ninh, động viên, khích lệ cộng đồng tự bảo tồn các sáng tạo văn hóa của mình.

Trong thời gian qua, UBND thành phố Biên Hòa đã phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai tăng cường công tác quản lý lễ hội trên địa bàn thành phố. Ở mỗi phường xã đều bố trí nhân sự quản lý văn hóa ở cấp phường. UBND thành phố Biên Hòa đang xây dựng kế hoạch đào tạo, bổ sung đội ngũ cán bộ trẻ đủ năng lực để đảm bảo ở mỗi cơ quan quản lý văn hóa dù là cấp phường hay thành phố cũng có một cán bộ quản lý chuyên trách về di tích - lễ hội được đào tạo về chuyên môn và nghiệp vụ, đáp ứng những nhu cầu của công tác tổ chức và quản lý lễ hội trong tình hình mới. Nhất là những lễ hội dân gian có quy mô lớn như: Chùa Ông, Làm Chay, Kỳ yên...

Ban Tổ chức lễ hội đóng một vai trò hết sức quan trọng, không thể thiếu trong tổ chức lễ hội; tổ chức lễ hội thành công hay không, hạn chế được những tiêu cực hay không đều phụ thuộc phần lớn ở Ban tổ chức. Hiện nay, Ban Trị sự miếu Tổ Sư có 12 thành viên chính thức, trong nhiệm kỳ tới Ban Trị sự sẽ bổ sung thêm thành viên để tăng cường công tác quản lý và tổ chức hoạt động; đồng thời trong dịp Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư năm 2025, Ban Trị sự sẽ phối hợp với các cấp chính quyền kiện toàn Ban Tổ chức và các tiểu ban lễ hội, phân cấp, phân quyền, tạo được sự rạch ròi trong việc quy trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên khi khâu nào đó có sự cố, đùn đẩy trách nhiệm, giải quyết những vấn đề phát sinh trong lễ hội. Các tiểu ban lễ hội dựa trên chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt của Ban tổ chức, sẽ xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động cụ thể về số lượng người tham gia thực hiện, dự kiến kinh phí, nội dung chương trình, đưa ra các tình huống, các biện pháp xử lý kịp thời mang tính tối ưu nhằm đạt hiệu quả cao. Để tăng cường cho công tác quản lý di tích và tổ chức lễ hội, đảm bảo tính kế thừa, Ban Trị sự miếu Tổ Sư còn tạo điều kiện đào tạo cho đội ngũ trẻ tuổi để tham gia vào công tác tổ chức, thực hiện các nghi lễ.

Ban Trị sự và Ban Tổ chức cũng tiến hành họp thường xuyên ngay trong và sau khi kết thúc lễ hội để rút kinh nghiệm, có báo cáo tổng kết lễ hội bằng văn bản gửi các cơ quan quản lý cấp trên để lấy đó làm cơ sở, bài học rút kinh nghiệm cho tổ chức lễ hội lần sau.

7.2. Hoàn thiện nội dung chương trình tổ chức lễ hội

Ban Trị sự miếu Tổ Sư phối hợp với Bảo tàng Đồng Nai tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu và tổng hợp nguồn gốc, sự tích cũng như vai trò và ý nghĩa của lễ hội để xây dựng kế hoạch tổ chức có các nghi lễ phù hợp thật sự mang tính chất là lễ hội truyền thống. Ban Trị sự đã tiếp thu ý kiến của các chuyên gia văn hóa, các trưởng lão cố vấn trong bang Hẹ về nội dung lễ hội, đồng thời tiếp tục mở rộng quan hệ với các cơ sở tín ngưỡng có Lễ hội Làm Chay trong và ngoài nước để tham khảo, học hỏi kinh nghiệm công tác tổ chức lễ hội, với mong muốn ngày càng hoàn thiện, bài bản hơn công tác tổ chức lễ hội của mình. Đặc biệt trong thời gian tới sẽ tổ chức hội thảo khoa học về giá trị và giải pháp bảo vệ, phát huy Lễ hội Làm Chay hiện nay.

Xây dựng nội dung, chương trình, kịch bản tổ chức lễ hội với các công việc: Xác định nội dung chủ đề tư tưởng và ý nghĩa, vai trò của lễ hội; soạn thảo, biên tập chương trình cụ thể các bước nghi lễ và quy định thời gian, nội dung cho các lễ nghi với số lượng người tham gia, thời gian tiến hành, xử lý công việc, phục lễ, đạo cụ, phần lễ, trình tự đội ngũ lễ rước, lộ trình đi của đám rước, nội dung văn tế, các bước nghi thức tế lễ. Trong trò diễn xây dựng hình thức, nội dung phù hợp với tính chất, chủ đề của lễ hội. Căn cứ vào nội dung lễ hội, quy định thời gian diễn xướng, trang phục, động tác diễn xuất, số lượng người tham gia, cử người dàn dựng, quy định thời gian luyện tập, có kịch bản và sự chuẩn bị tập luyện chu đáo, kĩ càng.

Do phần hội chưa nhiều, trong Lễ hội Làm Chay tới đây ngoài các hoạt động ca múa nhạc truyền thống của người Hoa và người Việt như: Hát bội, hát quảng, kinh kịch, múa hầu, biểu diễn võ thuật đã tổ chức, Ban Tổ chức sẽ nghiên cứu, khai thác, phục dựng, bổ sung một số hoạt động vui chơi, giải trí là các trò chơi dân gian; đồng thời, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao theo hướng

kết hợp giữa truyền thống và hiện đại. Tổ chức thi đấu, giao lưu các môn thể thao như bóng đá, bóng chuyền, cầu long, cờ tướng... gắn với việc xây dựng nông thôn mới, xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, tổ dân phố văn hóa, bảo vệ công trình di tích lịch sử văn hóa, giữ gìn vệ sinh môi trường cảnh quan xanh sạch đẹp.

Kết hợp tổ chức các hoạt động kinh tế gắn với văn hóa như lập các quầy lưu niệm, bán hàng giới thiệu sản phẩm hàng hóa địa phương và những món quà lưu niệm đặc trưng, đặc sản phục vụ du khách; các hoạt động kinh doanh các sản phẩm hàng hóa phục vụ nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt của cộng đồng và các hoạt động dịch vụ tại lễ hội và di tích.

7.3. Tăng cường quản lý lễ hội bằng các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, thông qua dư luận xã hội

Việc tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức đối với các thành viên trong cộng đồng xã hội về những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc cũng như những quy định của pháp luật có liên quan, kịp thời uốn nắn các biểu hiện lệch lạc, đẩy mạnh tuyên truyền và thực hiện nếp sống văn hóa trong lễ hội, làm cho lễ hội ngày càng văn minh, thật sự trở thành ngày hội văn hóa của Nhân dân, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - văn hóa của địa phương. Với ý nghĩa đó, công việc tuyên truyền, quảng bá giá trị của các di tích, lễ hội được xem là một giải pháp quan trọng.

UBND thành phố Biên Hòa, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai tiếp tục coi trọng công tác giáo dục pháp luật, tổ chức việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật có liên quan đến văn hóa, quản lý văn hóa và lễ hội như Luật Di sản văn hóa, Nghị định số 110 của Chính phủ... bằng hình thức văn bản, tập huấn, báo chí, truyền thông, để nâng cao nhận thức cho cộng đồng, đặc biệt là các vị chức sắc, nghệ nhân và thế hệ trẻ trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn thành phố nói chung và Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư nói riêng. Vận động cộng đồng gìn giữ, duy trì cách thức thực hành các nghi lễ; cách sử dụng các loại nhạc cụ, các trò chơi dân gian; gìn giữ các trang phục, trang sức

truyền thống đã được kế thừa qua các thế hệ; các món ăn, thức uống truyền thống của cả người Việt và người Hoa trong Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư...

Ban Trị sự đã chủ động trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích miếu Tổ Sư và Lễ hội Làm Chay bằng các việc làm cụ thể như xuất bản sách Di tích lịch sử miếu Tổ Sư; làm phim giới thiệu di tích, quay phim tư liệu và đăng tải các video lễ hội trên Youtube, các trang mạng xã hội để quảng bá, giới thiệu lễ hội rộng rãi trong nước và quốc tế. Trong dịp lễ hội năm 2025, Ban Trị sự miếu Tổ Sư sẽ phối hợp với Bảo tàng Đồng Nai, các cơ quan báo đài Trung ương và địa phương thực hiện chương trình tuyên truyền Lễ hội Làm Chay trước, trong và sau khi tổ chức để Nhân dân biết và tham dự đông đảo. Ban Trị sự miếu sẽ thường xuyên phối hợp với các trường học trong và ngoài tỉnh cung cấp thông tin tư liệu Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư phục vụ công tác nghiên cứu, tìm hiểu, học tập của học sinh, sinh viên và các nhà nghiên cứu.

Tuy nhiên, việc tuyên truyền giới thiệu về di tích và lễ hội phải được sâu sắc, nghiên cứu một cách khoa học, thận trọng trước khi tuyên truyền để bảo tồn nét đặc trưng của lễ hội; tránh sao chép, bắt trước các lễ hội khác mà địa phương không có. Tăng cường tuyên truyền thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh trong lễ hội, để nâng cao nhận thức của Nhân dân và du khách khi tham gia lễ hội. Tăng cường vận động Nhân dân và du khách tham gia lễ hội, nhất là các hộ kinh doanh dịch vụ tại lễ hội có ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ di tích, ứng xử văn minh trong hoạt động tâm linh, lễ hội, không ép giá, không chèo kéo khách.

7.4. Xây dựng các phương án bảo vệ lễ hội

Trong đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Biên Hòa giai đoạn 2025-2030 tầm nhìn đến năm 2045 có nội dung quy hoạch các di sản văn hóa ven sông Đồng Nai tạo cảnh quan và phát triển du lịch, di tích miếu Tổ Sư và Lễ hội Làm Chay sẽ có điều kiện để tham gia phát triển du lịch đường sông. Bên cạnh đó, di tích miếu Tổ Sư nằm sát bên khu di tích danh thắng Bửu Long và gần di tích Văn miếu

Trấn Biên, di tích chùa Bửu Phong, nhà cổ Võ Hà Thanh nếu thời gian tới được tích hợp sẽ góp phần phát triển du lịch vùng Bửu Long. Quy hoạch phát triển lễ hội sẽ gắn với quy hoạch phát triển của các lĩnh vực khác như du lịch, giao thông, phát triển hạ tầng điện, nước, công nghệ thông tin... Chỉ có như vậy mới có thể thấy các mục đích khác nhau của việc quản lý lễ hội, thấy được những ưu tiên cho phát triển, các nguồn lực bên ngoài cũng như bên trong, dự đoán trước những thay đổi không chỉ trong lĩnh vực văn hóa mà còn cả các lĩnh vực khác.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ tham mưu UBND tỉnh Đồng Nai cho phép xây dựng Đề án Bảo tồn và phát huy Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045 sau khi lễ hội được ghi vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Trong đề án có sự phân công, phân nhiệm đối với từng cấp, từng ngành từ tỉnh đến cơ sở một cách cụ thể, theo lộ trình từng năm và giai đoạn 5 năm. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Bảo tàng Đồng Nai lập hồ sơ khoa học nâng cấp di tích miếu Tổ Sư từ xếp hạng cấp tỉnh lên cấp quốc gia cho xứng tầm giá trị vốn có của di tích. Ngoài ra, Bảo tàng Đồng Nai đã kiểm kê hiện vật và sẽ xây dựng kế hoạch số hóa hiện vật di tích miếu Tổ Sư, làm phim 3600 thực tế ảo giới thiệu di tích miếu Tổ Sư và Lễ hội Làm Chay.

Hàng năm, UBND thành phố Biên Hòa cần có những chính sách khuyến khích người dân, các tổ chức xã hội trong và ngoài nước tham gia các hoạt động văn hóa, tài trợ cho văn hóa. Tạo hành lang pháp lý, giảm thuế thu nhập cho các cá nhân, doanh nghiệp hỗ trợ bảo vệ di tích và tổ chức Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư. Xây dựng chính sách bảo tồn, phát huy giá trị của di tích và lễ hội gắn liền với chiến lược phát triển du lịch văn hóa, gắn với xây dựng tuyến du lịch đường sông Đồng Nai, cụm du lịch Văn miếu Trấn Biên - Danh thắng Bửu Long - Chùa Bửu Phong - miếu Tổ Sư, đây chính là động lực cho sự phát triển bền vững trong kinh tế văn hóa ở địa phương.

7.5. Đẩy mạnh công tác bảo vệ cảnh quan di tích và lễ hội

Cảnh quan di tích chính là không gian tổ chức lễ hội, không có

di tích thì lễ hội cũng không tồn tại. Do đó, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai đã và đang hướng dẫn Ban Trị sự miếu Tổ Sư xây dựng kế hoạch bảo quản, kiểm kê và giữ gìn di tích, hiện vật trong di tích theo thời hạn, theo cấp độ và giá trị của di tích để tồn tại lâu dài. Trong dự án mở đường ven sông Đồng Nai khu vực từ cầu Hóa An lên đến địa phận huyện Vĩnh Cửu có hai điểm không gian liên quan đến Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư. Đó là miếu Cây Quắn và bến Văn Thánh đã được UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận, giữ lại nguyên trạng để bảo tồn và phục vụ Lễ hội Làm Chay. Ban Trị sự miếu phối hợp cùng với các di tích Thiên Hậu cung, Thiên Hậu miếu, Tiên Cơ miếu, Bá Công từ, Thạch Sơn cổ miếu là những không gian văn hóa phụ trợ của lễ hội để luôn chăm sóc, bảo vệ tốt.

Đồng thời, Ban Trị sự miếu Tổ Sư phối hợp với Bảo tàng Đồng Nai và các nhà khoa học nghiên cứu phục dựng các hoạt động lễ hội mai một, bổ sung các hoạt động lễ hội mới phù hợp. Khai thác những trò chơi, trò diễn dân gian phản ánh lịch sử hình thành Lễ hội Làm Chay. Phục dựng phải có chọn lọc các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, coi trọng tính đặc thù, độc đáo của lễ hội, loại bỏ dần những hủ tục rườm rà, lãng phí, tốn kém, mất thời gian làm ảnh hưởng đến đời sống kinh tế và tâm lý của Nhân dân. Mặt khác, cho dù hiện nay Ban Trị sự có ghi chép, chụp hình, quay video gìn giữ lễ hội, nhưng chưa mang tính chuyên nghiệp, chuyên môn. Do đó, Ban Trị sự cần phối hợp với Bảo tàng Đồng Nai ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ thông tin trong việc lưu giữ và bảo tồn lễ hội, bằng các phương pháp ghi chép tư liệu, ghi âm, ghi hình tĩnh, hình động diễn trình các nghi lễ trong lễ hội do các vị chức sắc, bậc cao niên, nghệ nhân thực hành và cung cấp. Đây là nguồn tư liệu sống chứa đựng nhiều yếu tố nguyên gốc để phục vụ công tác nghiên cứu, bảo vệ di sản về lâu dài.

7.6. Đảm bảo vệ sinh môi trường, trật tự công cộng, y tế dự phòng

Ban tổ chức lễ hội thiết lập hệ thống thu gom, xử lý rác thải từ hoạt động của du khách và các dịch vụ phục vụ trước, trong và sau lễ hội tại khu vực tổ chức lễ hội. Xây dựng biện pháp phân tán và

kiểm soát du khách để giảm bớt tác động đến di tích, môi trường cảnh quan xung quanh lễ hội thông qua các quy định hoặc phương tiện thông tin tuyên truyền và thuyết phục. Một mặt gắn các thiết bị camera, trang bị phòng cháy chữa cháy, mặt khác phối hợp với công an thành phố Biên Hòa, công an phường Bửu Long quản lý an ninh trật tự, an toàn và phòng chống cháy nổ ở các nơi tổ chức lễ hội; phối hợp Trung tâm y tế phường Bửu Long đảm bảo xử lý các tình huống cứu thương nếu xảy ra. Nhất là các hoạt động trong nghi lễ thỉnh chư thần và lễ xô giàn. Ban Tổ chức lễ hội xây dựng nội quy, quy định, dán ở các địa điểm tổ chức lễ hội, nhằm tuyệt đối không để xảy ra mất an ninh trật tự, an toàn xã hội, đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ và các tai nạn, tệ nạn khác làm ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục của dân tộc.

7.7. Quản lý và tổ chức lễ hội mang lại giá trị kinh tế văn hóa

Lễ hội truyền thống tiêu biểu này đã được duy trì đúng 3 năm tổ chức lớn một lần, việc giới thiệu, quảng bá và phát huy giá trị phục vụ phát triển du lịch tương đối tốt; góp phần thu hút đông đảo du khách đến với Biên Hòa - Đồng Nai; thông qua lễ hội nhiều hoạt động buôn bán, thương mại của cư dân xung quanh di tích có thêm nguồn thu, góp phần nâng cao đời sống kinh tế cho gia đình và địa phương. Hoạt động lễ hội giúp tạo nguồn thu nhập đáng kể cho các tiểu thương xung quanh di tích - nơi diễn ra lễ hội. Vào dịp lễ hội, xung quanh di tích có rất nhiều dịch vụ diễn ra như giữ xe, các gian hàng buôn bán đồ lưu niệm, các quán ăn, uống, dịch vụ nhà nghỉ... luôn trong trạng thái đông khách đến giao dịch. Chính nhờ lễ hội mà đời sống của bà tánh ở quanh di tích đã được cải thiện và di tích có nguồn thu từ dịch vụ đi kèm và tiền công đức. Do đó, địa phương phải xây dựng quy chế quản lý các hoạt động kinh doanh dịch vụ, kinh doanh du lịch chặt chẽ, tránh tình trạng xảy ra tiêu cực ở di tích.

Hoạt động lễ hội đã thu hút sự tham gia của đông đảo Nhân dân, sự quan tâm và ủng hộ của các mạnh thường quân. Vì vậy, Ban Tổ chức lễ hội đang nghiên cứu để mở rộng phần hội phong phú hơn, nhất là hoạt động thỉnh đèn lồng/thỉnh lộc thánh nhằm gây quỹ bảo vệ di tích, tổ chức lễ hội và từ thiện xã hội lâu dài, bền vững.

7.8. Tăng cường công tác kiểm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm trong hoạt động lễ hội

Các cấp các ngành liên quan, xây dựng các phương án giám sát, kiểm tra thường xuyên; quản lý, hướng dẫn và kiên quyết xử lý nghiêm những sai phạm trong quá trình tổ chức Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư. Các hình thức xử lý vi phạm phải dựa trên các nghị định, chế tài, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định của UBND tỉnh, chính quyền địa phương. Trang bị phương tiện, kỹ thuật cho cán bộ làm công tác kiểm tra, có chế độ động viên, khuyến khích kịp thời bằng các hình thức khen thưởng vật chất (tiền) và tinh thần (giấy khen) cho họ. Chính quyền địa phương và Ban Trị sự miếu Tổ Sư thực hiện khen thưởng vật chất và tinh thần nhằm động viên, khuyến khích các tập thể, cá nhân trong việc bảo vệ, phát huy giá trị lễ hội./.

**DANH SÁCH CHỦ THỂ VĂN HÓA
LỄ HỘI LÀM CHAY MIẾU TỔ SƯ
(Phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Địa chỉ	Ảnh
1	Trương Lâm Thủy	1945	Trưởng ban	P Bửu Long, TP. Biên Hòa	
2	Phan Kim Sơn	1953	Phó ban	P Bửu Long, TP. Biên Hòa	
3	Vũ Ngọc Thạch	1962	Phó ban	P Bửu Long, TP. Biên Hòa	
4	Lý Minh Chiến	1970	Phó ban	P Bửu Long, TP. Biên Hòa	

Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Địa chỉ	Ảnh
5	Ôn Quang Minh	1973	Phó ban	P Bửu Long, TP. Biên Hòa	
6	Lý Hùng Chương	1965	Thủ quỹ	P Bửu Long, TP. Biên Hòa	
7	Huỳnh Trung Hiếu	1976	Thành viên	P Bửu Long, TP. Biên Hòa	
8	Huỳnh Thanh Nhứt	1973	Thành viên	P Bửu Long, TP. Biên Hòa	
9	Dương Văn Hà	1960	Thành viên	P Bửu Long, TP. Biên Hòa	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Địa chỉ	Ảnh
10	Ông Văn Hào	1981	Tổng vụ	P Bửu Long, TP. Biên Hòa	
11	Ông Văn Thông	1969	Thư ký Hoa văn	P Bửu Long, TP. Biên Hòa	
12	Giang Kim Thuận	1976	Thủ kho	P Bửu Long, TP. Biên Hòa	



Địa điểm tổ chức Lễ hội Làm Chay tại miếu Tổ Sư.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Địa điểm tổ chức Lễ hội Làm Chay tại miếu Tổ Sư.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 1983)



Địa điểm tổ chức Lễ hội Làm Chay tại miếu Tổ Sư.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Địa điểm phân bố Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư tại Thiên Hậu Cổ miếu /miếu Cây Quăn.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2019)



Địa điểm phân bố Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư tại bến Tân Thành.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2010)



Địa điểm phân bố Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư tại miếu Tiên Cô Nương Nương.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Địa điểm phân bố Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư tại Bá Công Từ.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Địa điểm phân bố Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư tại Thiên Hậu Cung.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2019)



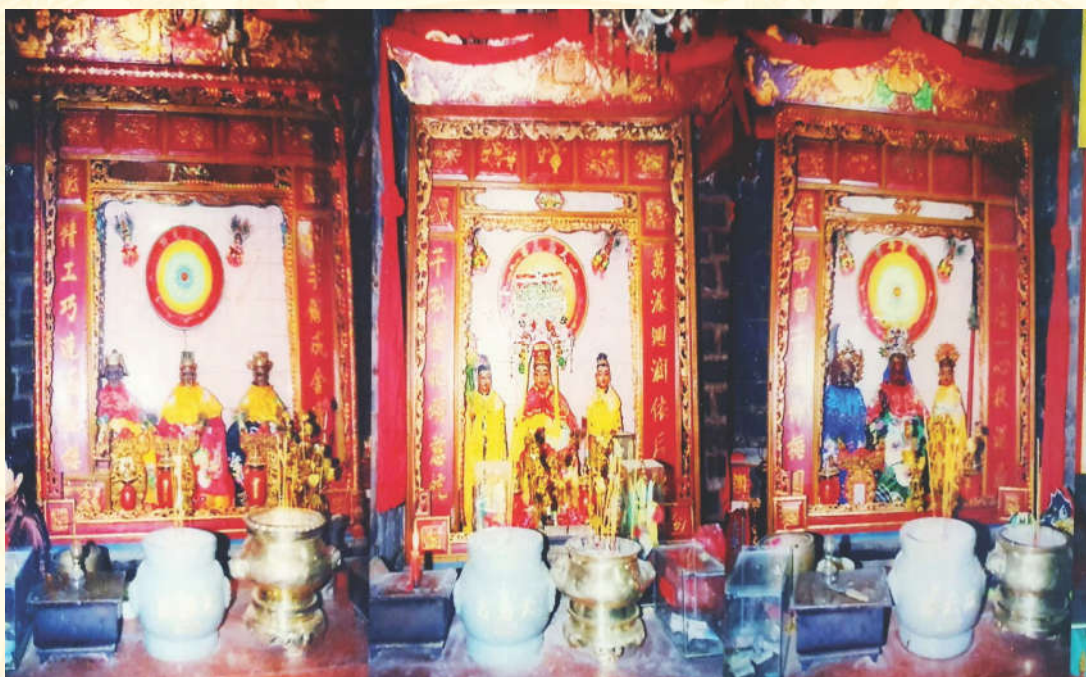
Địa điểm phân bố Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư tại Thạch Sơn cổ miếu.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2019)



Ban Tổ chức Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 1983)



Ban Tổ chức Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Điện thờ thánh thần trong chánh điện Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2007)



Rạp chay trong Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Cây nêu trong Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2010)



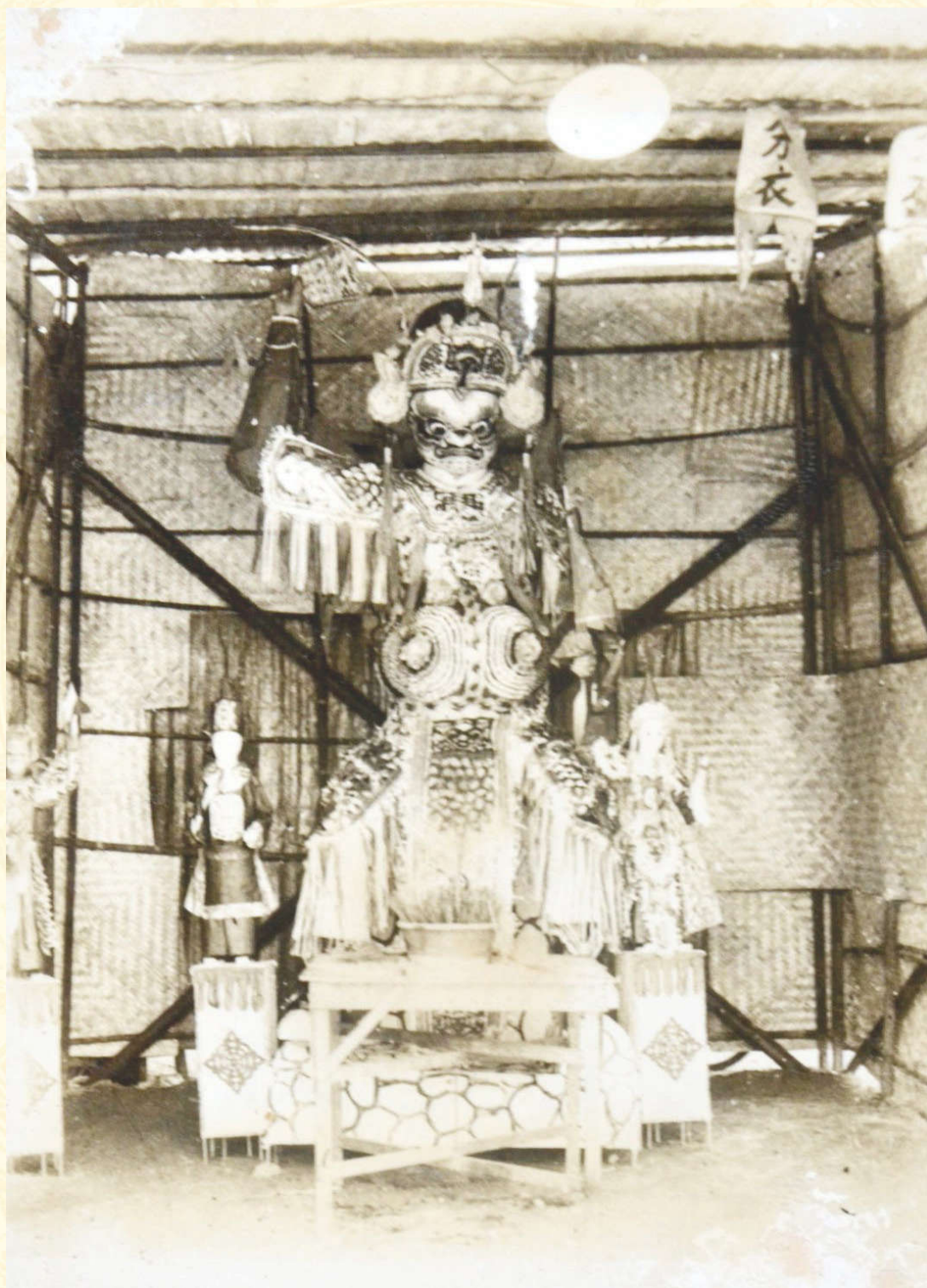
Bàn thờ Phán Quan trong Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 1983)



Bàn thờ Phán Quan trong Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Bàn thờ Thập Điện Diên Vương trong Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Bàn thờ Tiêu diện Đại Sĩ trong Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 1983)



Bàn thờ Tiêu diện Đại Sĩ trong Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Bàn thờ Trương Thiên Sư trong Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 1983)



Kiệu rước trong Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Thỉnh linh vị Tam vị Tổ sư ra kiệu rước tham gia lễ Chiêu thỉnh chư thần.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2010)



Lễ Chiêu thỉnh chư thần trong Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 1983)



Múa lân trong lễ chiêu thỉnh chư thần của Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 1983)



Lễ Chiêu thỉnh chư thần Lễ hội Làm Chay đi trên đường Huỳnh Văn Nghệ.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2010)



Lễ chiêu thỉnh chư thần Lễ hội Làm Chay đi trên đường Huỳnh Văn Nghệ.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2019)



Lễ Chiêu thỉnh chư thần Lễ hội Làm Chay đi đến miếu Cây Quăn.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2016)



Lễ Chiêu thỉnh chư thần của Lễ hội Làm Chay đi trong khu danh thắng Bửu Long.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2010)



Ban Trị sự thực hành lễ Chiêu thỉnh chư thần trong Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2019)



Lễ Chiêu thỉnh chư thần trong Lễ hội Làm Chay về tới miếu Tổ Sư.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2015)



Nghi thức tẩy uế làm lễ Khai đàn trong Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Nghi thức lấy máu gà hòa rượu làm lễ Khai quang điểm nhãn trong Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2016)



Nghi thức lấy máu gà hòa rượu làm lễ Khai quang điểm nhãn trong Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Thực hiện nghi thức Khai quang điểm nhãn các tượng thờ trong chánh điện.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Thực hiện nghi thức Khai quang điểm nhãn các linh vị trong Rạp Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Lễ Khai kinh cầu an trong Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2010)



Nghi thức tụng kinh cầu an tại lễ Ngộ môn đáp tướng của Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2019)



Nghi thức rảy nước tẩy uế tại lễ Ngộ môn đáp tướng của Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2019)



Nghi thức cưỡi ngựa chạy vòng tròn tại lễ Ngộ môn đáp tượng của Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2010)



Nghi thức hỏa mã tại lễ Ngộ môn đáp tượng của Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2010)



Nghi thức Khai quang điểm nhãn Kim bảng tại lễ Khai kim bảng của Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2019)



Đèn lồng được chuẩn bị cho Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Hội thỉnh đèn lồng tại Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2010)



Bá tánh tham dự Lễ Phóng thủy đăng của Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2010)



Đạo sĩ thực hiện nghi thức lễ Phóng thủy đăng tại Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2015)



Đạo sĩ thực hiện nghi thức lễ Bắc cầu tại Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2007)



Ban tế lễ thực hiện nghi thức lễ Bắc cầu tại Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2010)



Cầu được chuẩn bị để làm lễ Bắc cầu tại Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Đoàn hát thực hiện nghi thức lễ Tôn Vương tại Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Đoàn hát biểu diễn tuồng cổ tại Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2007)



Đàn lễ cúng thí, xô giàn tại Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Lễ vật cúng thí, xô giàn tại Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Pháp sư bắt ấn làm lễ cúng thí, xô giàn tại Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2007)



Pháp sư và Ban tế lễ tụng kinh lễ cúng thí, xô giàn tại Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Nghi thức rước hình nộm Tiêu Diện Đại Sĩ đi xung quanh sân lễ cúng thí, xô giàn.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Nghi thức phóng hỏa hình nộm Tiêu Diện Đại Sĩ trong lễ cúng thí, xô giàn.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Nhân dân tham gia nghi thức xô giàn tại Lễ hội Làm Chay.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Ban tế lễ miếu Tổ Sư cúng tạ và đem các hình nhân quan tướng trong miếu ra hóa đốt.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2022)



Một số hoạt động Lân Sư Rồng tại Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2016)



Thiết đãi cơm chay tại Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư.
(Nguồn: Miếu Tổ Sư, năm 2019)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Trị sự Thất Phủ cổ miếu (2010), *Thất Phủ Cổ miếu - chùa Ông Cù Lao Phố Biên Hòa*, Nxb. Đồng Nai.
2. Bảo tàng Đồng Nai (1991), *Lý lịch di tích mộ và đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh*.
3. Bảo tàng Đồng Nai (1999), *Lý lịch di tích lịch sử - kiến trúc nghệ thuật chùa Ông*.
4. Bảo tàng Đồng Nai, (2007), *Lý lịch di tích Lịch sử - Kiến trúc nghệ thuật miếu Tổ Sư*.
5. Bảo tàng Đồng Nai (2013), *Nghi và văn cúng chữ Hán ở thành phố Biên Hòa*, Nxb. Đồng Nai.
6. Ban Quản lý Di tích Danh thắng tỉnh Quảng Bình (1997), *Lý lịch di tích lăng mộ và đền thờ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh*.
7. Ban Quản lý Di tích Danh thắng tỉnh Quảng Bình (2003), *Lý lịch di tích nhà thờ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh*.
8. Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam (2015), *Tục thờ thần qua am miếu Nam Bộ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Phan An (2005), *Người Hoa ở Nam Bộ*, Nxb. Khoa học Xã hội.
10. Phan Đình Dũng (2019), *Lễ cúng lúa mới của người Chơ Ro ở Đồng Nai*, Nxb. Văn hóa dân tộc.
11. Phan Đình Dũng, Nguyễn Thanh Lợi (2010), *Hỏi đáp về Biên Hòa - Đồng Nai*, Nxb. Đồng Nai.
12. Lê Quý Đôn (Ngô Lập Chí dịch) (1959), *Phủ Biên tạp lục*, Khoa Xã hội Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

13. Trịnh Hoài Đức (Lý Việt Dũng, Huỳnh Văn Tới dịch, chú giải và hiệu đính) (2005), *Gia Định thành thông chí*, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai.

14. Như hiên Nguyễn Ngọc Hiền (1999), *Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh với công cuộc khai sáng miền Nam nước Việt cuối thế kỷ XVII*, Nxb. Văn học.

15. Lê Thụy Ngọc Lan (2020), “Chùa Ông dưới góc nhìn di sản văn hóa”, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Văn hóa học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Trần Hồng Liên (2005), *Văn hóa người Hoa ở Nam Bộ - Tín ngưỡng và tôn giáo*, Nxb. Khoa học Xã hội.

17. Lương Văn Lựu (1971, 1973), *Biên Hòa sử lược toàn biên* (Quyển 1. *Trấn Biên cổ kính*. Quyển 5. *300 năm lịch sử người Việt gốc Hoa: Nhóm Minh Hương Trần Thượng Xuyên khai sáng đất Đồng Nai*), Tác giả xuất bản.

18. Sơn Nam (2009), *Đình miếu và lễ hội dân gian miền Nam*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

19. Đỗ Bá Nghiệp (chủ biên) (2001), *Địa chí Đồng Nai, Tập III Lịch sử*, Nxb. Đồng Nai.

20. Nguyễn Thị Nguyệt (2013), *Đồng Nai - Nam Bộ với văn hóa phương Đông*, Nxb. Đồng Nai.

21. Nguyễn Thị Nguyệt (2013), “Lễ hội vía Quan Công hiển thánh tại Chùa Ông ở Cù lao Phố (Biên Hòa)”, *Thông báo Văn hóa 2011-2012*, Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Nxb. Tri thức.

22. Nguyễn Thị Nguyệt (2013), “Tín ngưỡng dân gian người Hoa trong mối giao lưu văn hóa với người Việt ở Đồng Nai”, *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ tư (Việt Nam trên đường hội nhập và phát triển bền vững) - Tập II*, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam và Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

23. Nguyễn Thị Nguyệt (2015), *Miếu thờ và Lễ hội Làm Chay ở Biên Hòa*, Nxb. Đồng Nai

24. Nguyễn Thị Nguyệt (2015), “Tính chất nghi lễ tín ngưỡng dân gian của người Hoa ở Đồng Nai”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học Việt Nam học - Những phương diện văn hóa truyền thống*, Đại học Quốc tế Hồng Bàng, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

25. Nguyễn Thị Nguyệt (2016), “*Tín ngưỡng dân gian người Hoa ở Đồng Nai*”, Luận án Tiến sĩ Văn hóa dân gian, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

26. Nguyễn Thị Nguyệt (2016), *Văn hóa tín ngưỡng dân gian người Hoa Đồng Nai*, Nxb. Mỹ thuật.

27. Lê Minh Quốc (1988), *Các vị Tổ nghề thủ công truyền thống Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc.

28. Phạm Côn Sơn (2004), *Làng nghề truyền thống Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc.

29. Trần Quang Toại (2004), *Đồng Nai di tích lịch sử văn hóa*, Nxb. Đồng Nai.

30. Trần Quang Toại, (2019), “Tín ngưỡng thờ Quan Công (Quan Thánh Đế Quân) ở Biên Hòa, Đồng Nai một sự đồng cảm về văn hóa”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học về Quan Công ở Malaysia*.

31. Trần Quang Toại (2022), “Văn hóa thờ Quan Thánh Đế quân ở Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học về tín ngưỡng thờ Quan Công ở Malaysia*.

32. Huỳnh Văn Tới (chủ biên) (1997), *Người Chơ Ro ở Đồng Nai*, Chi hội Văn nghệ Dân gian Đồng Nai, Nxb. Đồng Nai.

33. Huỳnh Văn Tới, Lâm Nhân, Phan Đình Dũng (2013), *Văn hóa Người Chơ Ro*, Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam, Nxb. Văn hóa Thông tin.

34. Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng, Nguyễn Trí Nghị (2015), *Di tích - Danh thắng Đồng Nai*, Nxb. Đồng Nai.

35. Huỳnh Ngọc Trảng (chủ biên) (1998), *Cù lao Phố lịch sử và văn hóa*, Nxb. Đồng Nai.

36. Huỳnh Ngọc Trảng (chủ biên 2013), *Đặc khảo tín ngưỡng thờ gia thần*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.

37. Huỳnh Ngọc Trảng (chủ biên 2002), *Sổ tay hành hương đất phương Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.

38. Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường, Hồ Tường (1993), *Đình Nam Bộ tín ngưỡng và nghi lễ*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.

39. Nguyễn Yên Tri (2002), *Làng đá Bửu Long*, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai

40. Lâm Hiếu Trung (chủ biên) (1998), *Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*, Nxb. Đồng Nai.

41. Trương Cẩm Tú (2012), “*Miếu thờ của người Hoa ở Biên Hòa - Đồng Nai dưới góc nhìn văn hóa học (trường hợp Thất Phủ cổ miếu - chùa Ông)*”, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Văn hóa học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

42. Hồ Tường, Nguyễn Hữu Thế, (2005), *Đình ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	5
NGHỆ THUẬT ĐỜN CA TÀI TỬ NAM BỘ Ở ĐỒNG NAI.....	11
1. Vài nét về lịch sử Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ	12
2. Vài nét về nghệ nhân Đờn ca tài tử Nam Bộ ở Đồng Nai	27
3. Thực trạng các câu lạc bộ Đờn ca tài tử Nam Bộ ở Đồng Nai	33
4. Bảo tồn và phát huy giá trị Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ ở tỉnh Đồng Nai	39
NGHI LỄ VÀ TRÒ CHƠI KÉO CO Ở ĐỒNG NAI	129
1. Mô tả về di sản văn hóa phi vật thể Nghi lễ và trò chơi kéo co	129
2. Giá trị của di sản văn hóa phi vật thể Nghi lễ và trò chơi kéo co với đời sống cộng đồng.....	148
3. Các biện pháp bảo vệ hiện có và đề xuất của chủ thể bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể Nghi lễ và trò chơi kéo co	153
LỄ HỘI CHÙA ÔNG	169
1. Quá trình ra đời và tồn tại của lễ hội chùa Ông	169
2. Hình thức biểu hiện, quy trình thực hành lễ hội chùa Ông	179
3. Không gian văn hóa liên quan đến lễ hội chùa Ông.....	210
4. Giá trị của lễ hội chùa Ông đối với cộng đồng.....	214
5. Hiện trạng của lễ hội chùa Ông.....	223
6. Các biện pháp bảo vệ	226

LỄ HỘI SAYANGVA CỦA NGƯỜI CHƠ RO Ở ĐỒNG NAI	267
1. Quá trình ra đời và tồn tại lễ hội Sayangva (cúng thần Lúa) của người Chơ Ro ở Đồng Nai.....	267
2. Hình thức biểu hiện, quy trình thực hành lễ hội Sayangva (cúng thần Lúa) của người Chơ Ro ở Đồng Nai.....	274
3. Không gian văn hóa liên quan đến lễ hội Sayangva	294
4. Giá trị của lễ hội Sayangva đối với cộng đồng.....	295
5. Thực trạng của lễ hội Sayangva	300
6. Các biện pháp bảo tồn và phát huy	304
 LỄ GIỖ LỄ THÀNH HẦU NGUYỄN HỮU CẢNH	341
1. Thân thế và sự nghiệp của Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh	341
2. Đền thờ và mộ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh tại phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa.....	349
3. Lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh	354
4. Giá trị của lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh	375
5. Hiện trạng của lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh	380
6. Các biện pháp bảo vệ	384
 LỄ HỘI LÀM CHAY MIẾU TỔ SƯ	435
1. Lịch sử hình thành miếu Tổ Sư.....	435
2. Đối tượng thờ cúng ở miếu Tổ Sư	438
3. Nguồn gốc ra đời, hình thức biểu hiện, quy trình thực hành Lễ hội Làm Chay.....	447
4. Không gian văn hóa liên quan đến Lễ hội Làm Chay	484
5. Các sản phẩm vật chất và tinh thần tạo ra trong quá trình tồn tại và phát triển của di sản văn hóa phi vật thể	491
6. Giá trị của Lễ hội Làm Chay đối với cộng đồng.....	497
7. Các biện pháp bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể	506
 TÀI LIỆU THAM KHẢO	553

